

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG



Tranh Đinh Cường

Thư từ Tuy Hòa *truyện văn thời chiến*

Dương Nghiễm Mậu (Văn)
Cảnh Cửu (Văn)
Chinh Ba (Giữ Thơm Quê Mẹ)
Phan Lạc Tiếp (Văn)
Trần Hoài Thư (Văn)
Lê văn Thiện (Văn)

**Tưởng nhớ một
nhà thơ vùng đồng
bằng sông Cửu Long:
TRẦN KIÊU BÁT
(1945-2005)**

Với sự góp mặt: Hoài Ziang Duy, Nguyễn Kim Phượng, NG~, Phạm văn Nhân, Trần Hoài Thư, Trang Luân, Nguyễn Minh, Hồ Bạch Thảo, Lâm Anh, Cao Mỹ Nhân, Lê Uyên Tự, Chu Thụy Nguyên, Trần văn Sơn, Trần Phù Thế, Lý Thừa Nghiệp, Thương Tử Tâm, Phù Sa Lộc, Lương Thư Trung, Khuất Đẩu, Lâm hảo Khôi, Trần Yên Hòa, Nguyễn Như Mây...

NĂM THỨ 9 TẬP 37 THÁNG 6 - 2009

Nhà xuất bản Thư Ấn Quán (Tủ Sách Di Sản văn chương miền Nam) đang khởi công dự án:

1. VĂN MIỀN NAM THỜI CHIẾN

Gồm những bài văn được sưu tập từ các tạp chí trước 1975 như Văn, Văn học, Giữ Thơm Quê Mẹ, Bách Khoa, Ý Thức, Trình Bày, Khởi Hành, Thời Tập v.v...

Giai đoạn đầu, dự trù sẽ hoàn tất vào tháng 10-2009 với hai tập, mỗi tập dày khoảng từ 550 - 600 trang (sau đó sẽ tiếp tục tập 3, 4 ...tùy theo khả năng sưu tập)

Kỹ thuật ấn loát gồm hai loại:

Bìa mềm (softcover)

Bìa cứng (Hardcover)

Sách in và đóng rất giới hạn, chỉ theo yêu cầu, không bán ngoài tiệm.

2. **Kim Văn Kiêu dưới mắt hai cụ Ngô Đức Kế và HuỳnhThúc Kháng** do nhà xuất bản Ánh Minh (Huế) xb năm 1958

3. **"Đầu Gió"** tuyển tập những bài thơ thép của 131 nhà thơ quân đội do Cục Tâm Lý Chiến QLVNCH xuất bản năm 1973, ấn hành để tặng biếu chiến sĩ các cấp.

Muốn biết chi tiết xin liên lạc:

Thư Ấn Quán

P.O Box 58 South Bound Brook, NJ 08880

Email: tranhuaithu@verizon.net

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 37, THÁNG 6, NĂM 2009
truyện ngắn thời chiến

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và viết:

Hoài Ziang Duy: *Quên chẳng ngày tháng cũ* / 5

Nguyễn Kim Phụng: *Chư Hodron* / 11

Trần Hoài Thư: *Rong bút* /15

NG~ *Chữ nghĩa với cái lưỡi* / 22

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp /26

Phần chủ đề: Truyện thời chiến

Chinh Ba: *Bài thơ trên xương cụt* /29

Trần Hoài Thư: *Một loài chim thiên di* /45

Cảnh Cừ: *Thư từ Tuy Hòa* / 54

Lê văn Thiện: *Một lối tiện lợi* / 68

Phan Lạc Tiếp: *Cánh tay của đất...* /77

Dương Nghiễm Mậu: *Trong khói lửa ở*

Saigon nghĩ về Huế /90

Phần thường xuyên:

Lâm Anh (thơ) /110

Nguyễn Như Mây (thơ) /111

Chu Thụy Nguyên (thơ) /112

Cao Mỹ Nhân (thơ) /112

Lê Uyên Tự (thơ) / 113

Trang Luân (truyện) / 115

Nguyễn Minh: Trung phong (truyện) / 131

Trần Yên Hòa (thơ) / 149

Hồ Bạch Thảo: Hà Tông Quyền:

Một thiên tài thiếu may mắn / 151

Tưởng nhớ bạn bè /157

Trần Kiều Bạt
qua các bài viết của Lâm Hảo Khôi/
Trần Phù Thế, Trần Văn Sơn, Phù Sa Lộ, Lương Thu
Trung, Lý Thừa Nghiêp
Thơ trích Trần Kiều Bạt /180

Đọc sách:
Phạm văn Nhân: Cảm nhận khi đọc Thập Thoáng
Vài Nụ Hoa của Trần Văn Sơn / 185

Khuất Đầu: Người Nữ trong nhạc Trịnh Công Sơn / 194
Khuất Đầu: Những tháng năm cuồng nộ /199

Giới thiệu sách báo / 212

Giữa chúng tôi và thân hữu /216

Phụ bản: tranh Lữ Kiều, Đinh Cường
Tranh hình bìa Đinh Cường

Chủ trương biên tập: THT
E Mail: tranhoaitu@verizon.net

Tòa soạn:
PO BOX 58
South Bound Brook
NJ 08880
email: tranhoaitu@verizon.net



Thư Tòa soạn

Số TQBT kỳ này đến với quý bạn bằng một tuyển tập thơ văn phong phú, đa dạng.

Trước hết, chúng tôi sẽ giới thiệu truyện ngắn sưu tập trong thời chiến của các tác giả: Cảnh Cửu, Chinh Ba, Dương Nghiễm Mậu, Phan Lạc Tiếp, Trần Hoài Thư và Lê văn Thiện. Hy vọng chúng tôi sẽ giới thiệu các tác giả khác qua các tuyển tập Truyện Thời Chiến trong tương lai.

Trong phần sáng tác thường xuyên có sự đóng góp của Trang Luân với một hồi ức chiến trường lúc tác giả là người trong cuộc. Và một truyện ngắn mới của Nguyễn Minh.

Riêng phần thơ có các tác giả như Nguyễn Xuân Thiệp, Chu Nguyên Thụy, Lâm Anh, Nguyễn Như

Mây, Lê Uyên Tự, Cao Mỹ Nhân...

Về lãnh vực biên khảo, chúng tôi cũng xin được giới thiệu một bài viết của sử gia Hồ Bạch Thảo.

Riêng về mục Tưởng Nhớ bạn bè, kỳ này chúng tôi dành nhiều trang cho nhà thơ Trần Kiều Bạt.

Để quý bạn có thể hình dung ra mối thâm tình ruột thịt giữa những người làm văn nghệ thời trước 1975.

Cuối cùng, xin phép được bày tỏ lòng cảm ơn của chúng tôi đến với các tác giả và thân hữu đã không ngừng hỗ trợ chúng tôi về mặt tinh thần lẫn vật chất để TQBT tiếp tục có mặt giữa lúc hầu hết các tạp chí văn học khác như lá mùa thu rơi rụng gần hết.

Số tới sẽ phát hành vào tháng 8-2009.

*Trân trọng
Trần Hoài Thư
Chủ trương TQBT*

sống và viết



Hoài Ziang Duy
Nguyễn Kim Phượng
Trần Hoài Thư
NG~

Quên chẳng ngày tháng cũ **HOÀI ZIANG DUY**

Tôi có niềm vui như một nỗi thầm kín khó nói. Đó là lúc ngồi vào xe đi làm. Đừng hiểu lầm tôi còn đầy nhiệt huyết để theo đuổi công việc. Việc phải làm như một sinh kế, không thể không đành theo dòng đời. Từ đó tôi an ủi chính mình trong cảnh chọn lựa nhỏ nhoi này. Không gian của tôi là đây, dù bên ngoài nóng bức, mưa hay bão bùng cơn tuyết đổ. Mọi sự như một ngày bắt đầu rồi đi lẫn bánh. Trong xe, ly cafe mang theo có vị trí của nó. Âm thanh là tiếng nhạc, bài thuyết giảng về Phật giáo, hay các thứ chọn lọc có thể nghe được để không im vắng, trên đường xa. Với tôi, sự quen thuộc này trở thành gần gũi, trên lộ trình mười mấy năm qua. Niềm hạnh phúc nhỏ chia sẻ, sống với cảm giác riêng mình. Tôi viết những câu thơ, hay chuẩn bị cho một truyện, hình thành nội dung cũng từ trên những lần đi về, ý tình ghi vội trên giấy. Để rồi khi ngồi xuống. Tôi viết như một bắt

buộc, không phải chờ cảm hứng, đâu rằng không có những thoải mái thì khó có những sáng tạo. Cứ viết trước đã, rồi ngày mai coi lại, sửa sau. Bởi nếu không làm vậy, tôi không biết lúc nào có hứng để hoàn thành những sáng tác. Lúc này đây, nghe một điệu hát, một lời, hay một vắn vơ bất chợt nào đó. Tôi như bắt gặp, thích thú trong lòng. Dù chỉ một câu thơ, một lời sửa đổi nhưng là nổi ám ảnh. Đôi khi nó đeo đẳng đến sở làm, hay thao thức về đêm mất ngủ. Tôi ghi lại vắn tắt, hay cố nhớ.. Đời sống, hay nói lại một cảnh đời qua, có dám đâu nói câu sự nghiệp. Nó là những dở dang đi xuống mất hết. Quanh ta có biết bao công hầu khanh tướng vậy. Đã quên phận mình, đã quen với tủ nhục ở miền đất quá khứ quê nhà, giờ có bận lòng chi. Niềm an ủi và vui lấy cảnh sống bây giờ, là gia đình, cái hạnh phúc lẽ loi trên xứ người. Qua bạn bè thăm hỏi giao tiếp, sách vở văn nghệ. Ở đó là một thế giới, một đời riêng còn có ý nghĩa cho chính mình. Ở đó là niềm ấm êm, sống với chữ nghĩa, bày tỏ tâm tình, cảm thông. Ở đó là những lãng mạn còn lại, còn có cuộc đời, còn có tình ta, sống với tháng ngày còn lại.

Tôi bây giờ biết mình dễ xúc động hơn thời trai trẻ. Nói theo kiểu dân gian thường nói. Cái gan bây giờ không phải là cái gan của người lính năm xưa. Nó lạc lõng hiền lành, nhẫn nhục chịu đựng, dễ dàng đồng điệu với nỗi chua xót bất hạnh của người khác. Như lần này. Có những vu vơ tầm thường, nói ra có thể ngô nghê ? Một đêm, khi mở lại web van hoc.net. Đọc và nhìn, để yên màn hình. Nhớ lại một thời mới qua, lúc anh Nguyễn mộng Giác còn trông coi (trước khi giao lại cho Cao xuân Huy sau này). Báo đều đặn mỗi tháng ra đúng hẹn, gửi tới nhà. Anh em cầm bút vào sân chơi đông đảo, tập hợp quen

thuộc tên tuổi nhau. Tôi lục lại số báo sau cùng. Tạp chí đã im hơi sau tháng 5/2008. Đêm này cầm nó trên tay. Tôi nghe lòng mình chùng xuống. Buồn quá. Mười lăm năm tôi viết đều đặn góp mặt ở tạp chí Văn Học, thủy chung với niềm vui, nỗi buồn gởi gắm. Mười lăm năm, nhiều lần cuối tuần nói chuyện với anh Giác qua điện thoại, vẫn chưa có lần ghé qua. Thời năm đó, viết bài còn phải viết tay, chưa có computer, cực khi muốn sửa đổi câu văn, thêm ý trên một trang đã đầy chữ. Khi xong copy một bản giữ lại, trước khi gởi cho tòa soạn qua đường bưu điện. Người phụ trách thời điểm này là anh Giác, phải coi theo đánh máy lại. Ai cũng biết, xứ này. Không ai làm báo văn học nghệ thuật chữ Việt mình, mà phát tài cả. Chính nỗi đam mê, chịu khó, chịu cực để duy trì tờ báo sống còn, cái tình anh em lâu ngày thành nghiện, thành thói quen khó đành lòng dứt bỏ. Vậy rồi cuối cùng nó cũng chết, như một đời người không hẹn trước. Tôi tiếc nuôi một tờ báo văn học đúng nghĩa. Buồn, nỗi buồn chung cho người đọc, người viết. Nhưng phút này là nỗi buồn riêng.

Chỉ một chút chuyện nhỏ thôi, bạn thấy không? Tôi ngồi một mình trước bàn viết, trong lòng thấy xót xa. Tôi bây giờ dễ xúc động như đã nói. Tôi còn nặng nợ, còn ân tình với văn chương chữ nghĩa nhiều quá. Bên đời sống thực, tôi còn vắn vơ, buồn với quá khứ mất còn. Huống hồ gì với năm tháng qua đi, làm sao quên, để tự mình thoải mái, với niềm vui mong cầu.

Tôi cầm bút trước khi vào lính. Vào lính tôi sáng tác không phải phục vụ cho đời quân ngũ. Viết không phải phục vụ cho chế độ. Không ai bắt tôi làm điều này. Có điều ăn cây nào biết rào cây nấy. Tôi viết những gì ở đời sống thực, biết tự trọng, không lệ

thuộc vào đơn vị, đoàn thể nào. Niềm hãnh diện cho thơ văn miền Nam trước năm 75 như thế đó. Thơ văn hải ngoại sau năm 75 là đây. Người viết tự do viết. Người đọc có quyền phê phán, thích thú hay không đồng ý. Vẫn vậy thôi. Từ chuyện chiến tranh, xã hội hai bên, từ chuyện vượt biên, chuyện tù cải tạo, chuyện đời sống mới hội nhập. Tất cả hình thành một bức tranh toàn cảnh cho văn học của người Việt lưu vong.

Chuyện người lính, chuyện miền Nam là một trường thiên, sống dài lâu ở đầu câu chuyện hơn truyện Kiều. Bởi ở đó còn có máu xương, huyết thống, đau khổ của một thực tại, thân phận con người, một đời sống thực từ quá khứ kéo dài. Có thể có người không thích nghe, vì không là người trong cuộc, cho là đã cũ, nhắc hoài cũng vậy thôi. Câu họ khuyên, hãy nhìn và sống cho tương lai trước mặt. Quả thật tôi đang sống, sống biết người biết ta, biết phận mình. Rõ ràng bên chữ nghĩa, làm sao chúng ta bỏ quên, không sống thực ở đời sống trước mặt.

Phải nhận một điều, về tạp chí văn học. Có lẽ chỉ còn *Thư quán Bản Thảo*, anh em chủ trương tờ báo, là còn chịu nghe, chịu sống với chuyện người lính cầm bút, tâm trạng một thời, tâm tình của người đánh trận. Là chuyện cũ, sách báo tư liệu cũ. Nhưng nếu không có Trần Hoài Thư, bỏ công sưu tầm, đánh máy. Thực hiện in mấy bộ thơ văn miền Nam trong thời chiến. Quả thực những người cầm bút của miền Nam trước đây, không còn ai biết tới hay không còn gì làm bằng để nhớ. Cầm mấy bộ sách anh tự in ấn đây cộm. Tôi thực sự cảm kích thán phục trước việc làm của anh. Ở đời sống, tôi không còn thì giờ, bên chuyện sáng tác. Về chuyện tìm kiếm tư liệu, sách báo ở các thư viện đại học về Việt Nam Cộng Hoà.

Tôi không biết làm như anh đã làm. Vì vậy những gì của riêng tôi hồi trước, hoàn toàn mất hết.. Nhưng anh Trần Hoài Thư đã làm được, giúp cho chúng ta, cho thế hệ sau. Cho những ai muốn tìm hiểu về một nền Văn học miền Nam trước đây. Nếu ở quê nhà chắc anh không làm được chuyện này. Điều không ngờ là trên đất nước Hoa Kỳ, họ lại gìn giữ đủ cả những gì chúng ta muốn tìm. Rõ đây là chuyện hết sức cũ theo thời gian, nhưng mới mẻ cho những ai muốn tìm lại. Phải nói THT, anh làm chuyện không giống ai, và cũng không ai bỏ công nhà làm chuyện giống anh. Tôi trân quý công việc anh đeo đuổi. Chắc hẳn, bên anh, chị Yên, vợ anh. Người đàn bà đã góp phần không nhỏ, cùng anh vượt đường xa, trong việc thực hiện này.

Tôi viết bài này, những ngày gần cuối tháng tư. Tôi không muốn viết sớm, viết trước để kịp cho tháng tư đồng điệu với nhiều người viết. Tôi muốn sống thật lòng, sống chính với nỗi đau khi nghe cái cảm giác, đọc bài của người khác. Nhìn lại hình ảnh của Sài Gòn ngày cũ, qua người bạn chuyển, mấy trăm bức hình từ năm 54 cho đến ngày mất nước. Đường xá, con người. Từ chiếc áo dài kín đáo hay thời trang ngày trước. Từ chiếc xích lô, với poncho, tấm vải nylon che nắng, che mưa bên lề đường phố. Cõi quê mùa vậy mà tôi thấy thương, thấy gần gũi. Cõi lâu. Ngồi yên. Tôi thấy buồn, bởi hồi xúc động như chuyện tờ báo mình cộng tác rất lâu, đã chết ở đời sống bên này. Nhìn tượng đài ba người lính bị kéo xuống. Cũng buồn. Từ chuyện nghĩa trang Biên Hoà, mồ mã cha ông, người ruột thịt. Cho đến bia mộ, tượng đài thuyền nhân chết xa xôi ở các đảo, ra ngoài đất nước Việt nam còn bị vói tới. Đau đã yên. Có những điều không ai nghĩ tới.. Biết đau nhiều trong

những nỗi đau. Đành thôi. Nước mắt thì nhà tan là vậy.

Tôi không có đầu óc kinh bang tế thế, không biết làm gì hơn. Tôi chỉ là người viết truyện. Đôi khi có người đọc truyện tôi lại than phiền không hiểu. Lâm hảo Dũng góp ý là tôi nên viết thấp xuống. Hà thúc Sinh thì nói đọc chuyện tôi đôi khi phải coi lại lần nữa mới hiểu. Tôi không biết thế nào để xuống thấp hay lên cao. Nhà văn Xuân Vũ thì nói với tôi . “Anh viết không giống ai, và cũng không ai viết giống anh được, cứ giữ style vậy, mỗi người viết có thành phần đọc giả riêng”. Cho nên tôi cũng xin thưa, thật khó cho tôi thay đổi. Đã thử mấy lần, coi lại, chịu thôi.

Đời sống bên này kín đáo lạnh lẽo, không giao tiếp hàng xóm láng giềng. Tôi viết, ham viết, trong điều kiện thời gian rỗi rảnh thật eo hẹp, thật khó tập trung đầu óc. Cũng không biết sao tôi lại nặng nợ, làm khổ chính mình. Xong một truyện, hôm sau lại chuẩn bị cho bài sắp viết. Không ai bên cạnh cảm thông phút sung sướng nhẹ lòng lúc này. Người bạn đời bên tôi làm đọc giả trước tiên, cho ý kiến, phê bình không sợ mịch lòng. Cho nên trong tập sách tôi ghi “ *tặng người bạn đời chữ nghĩa bên tôi.*” Cũng để trả lời câu hỏi, nhiều người thắc mắc. Chữ nghĩa sao lại có bạn đời. Tôi nói mấy chuyện nhỏ nhoi như một tâm tình, văn học bên lề chiến tranh đất nước. Chuyện cũ, chuyện mới. Cái nào cũng mất. Thấy mất lại còn.

Ngày tháng bây giờ là tháng tư. Những người bỏ nước ra đi, tháng nào cũng là tháng tư, nghĩ đến quê nhà nhìn lại phận mình. Phần tôi lúc nào cũng âm ảnh tiếng kêu *Đại tướng ơi, quân ta còn, đất ta còn. Sao phải ra lệnh buông súng đầu hàng.* Sau đó là giọt

nước mắt của người lính, trong đó có tôi.

Một câu đơn giản nghẹn ngào. Nhắc lại như anh thấy đó. Làm sao quên?.

Chư Hodron và Plei-Lason
Nguyễn Kim Phụng (*)

1. " Tôi đến một nơi gọi là Từ Lâm, xa xa toàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không dứt, núi màu lam, buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ..." Hình ảnh làng Từ Lâm đó của Nhất Linh tôi có thể mượn đề làm cái khung của những làng miền Tây Nguyên tôi từng được đi qua.

Nhớ lại đoạn đời làm lính biên cương, cùng những kỷ niệm rất hoang vu tràn ngập cái tâm tư bé bỏng co rút của một thị dân quăng mình vào sơn dã, tôi không khỏi ngậm ngùi thấy rằng quả là Trời hành cái dân tộc Việt Nam lắm chuyện này.

Nếu không phải là bị Trời hành thì tại sao có một miền đất bao la tươi tốt như Tây Nguyên, vậy mà không mấy người chịu lên lập nghiệp, để rồi chen chúc nhau ở "phố phường chật hẹp người đông đúc ?"

Ông Trần Tế Xương cười mỉm nói :

Lặng lặng mà nghe nó chúc con .

Sinh năm đẻ bầy được vương tròn

Phố phường chật hẹp người đông đúc

Bồng bế nhau lên chúng ở non...

Ông tưởng vậy mà thật ra lại không vậy. Bây giờ người ta lại bồng bế nhau về xuôi !

Nhưng tôi đã lạc đề. Trở lại những vùng đất

Tây Nguyên thơm cỏ lá... hương hoa... sương nắng...

Tôi đến một nơi gọi là Chư Hodron. Chư có nghĩa là đồi hoặc núi. Đồi Hodron cách Pleiku khoảng 7km về phía Tây Nam. Nơi đây đúng là " buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ ..." Có những chiều anh em chúng tôi lái xe nhỏ ra Pleiku chơi hoang một lát; khi về, sương chiều đã phủ mờ mặt đường đi, xe phải bật đèn "pha" thật sáng mới từ từ chạy được. Sáng sớm có những hôm đến mười giờ mới tan mây. Lúc mây hòa cùng ánh nắng, nhìn phía chân trời như một mặt gương, hiện tượng này tôi chưa hỏi các nhà hiện tượng học xem tại sao. Nhưng đẹp ời là đẹp. Đứng trên đồi Hodron lúc đó có cảm nghĩ như giữa cảnh Bồng Lai nghĩa là một cảnh trong ảo mộng. Ảo vậy mà lại thật ! Đang khi những cảnh đời thật đó đây chỉ là ảo mộng ! Khách đi xe qua quốc lộ 14 hoặc ra vào tỉnh lộ 59B để xuống Quốc lộ 19 đều có thể nhìn thấy đồi Hodron mờ màng mây sương mộng ảo ấy.

Tuy nhiên những người tin dị đoan thì nói rằng Chư Hodron thường "quần vành khăn tang trắng" : ấy là những ngày trời quang, ở phía Pleiku nhìn về, đồi Hodron có một quầng mây trắng ngang đỉnh. Lại thay Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Sư đoàn 22 BB đều có đóng ở đồi này trong năm 1973 và 1974, thì năm nay, 1975, hai sư đoàn này gần như tan vì những chuyện đầu đầu !!! Chưa hết, phi trường Cù Hanh của Pleiku cũng đã "cúng" vào đồi này mấy chiếc trực thăng và C47. Các vị phi công sống sót mô tả ngọn đồi này như là có nam châm hút sắt. Sơn lâm vẫn giữ riêng một chút gì mâu nhiệm.

2.

Dưới chân đồi Hodron độ 1 km5 là một Plei La Son.(có lẽ chỉ là một sự trùng tên với La Son Phu Tử chăng). Plei LaSon. Plei tiếng Thượng là Làng (Buôn, Ban và Kon cũng là làng, đại khái như mình nói làng, xã, lý, hương ..)

Plei La Son có một hồ nhỏ nước tốt quanh năm. Nhờ đó dân trong làng trồng trọt, chăn nuôi rất là sung túc(Sung túc ở đây với nghĩa là có nhiều lương thực. Chứ tiện nghi thì chẳng có gì). Người Thượng trồng gì nhiều nhất ? - Thơm và Chuối. Làng Plei La Son có những rẫy thơm mỗi mùa hái ít nhất cũng ba vạn trái. Còn chuối thì phải nói là "tùm lum" khắp làng.

Lạ thay một rẫy thơm như vậy có năm, mười hoặc vài mươi gia đình chung nhau, nhưng không có hàng rào ngăn cách. Tới mùa, phần thơm trên đất của ai nấy bẻ; dù chỉ với tay là qua cây thơm ngon ngọt của người láng giềng, họ cũng "tĩnh bơ" không bẻ.

Nhiều quá họ không thèm hay lòng họ đầy chân thật ?

Những hàng rào và những bức thành không bao giờ là dấu hiệu của sự tiến bộ đạo lý. Càng dựng lên những hàng rào (kể cả những hàng rào luân lý) là càng ngã đổ về đạo hạnh; càng dựng lên những bức thành (kể cả những thành quách đức lý) là càng đổ nát về tâm linh...

A, nhưng tôi đã lấn đất ông Không Khuu một cách "dzô dziên". Hãy trở lại Plei La Son.

Hôm đó tôi vào thăm làng vào một ngày họ cúng mộ. Dân làng tụ tập ra chỗ nghĩa trang đầu làng, đem theo những ché rượu, phèng la và trâu thết.

Khu nghĩa địa quý vị đừng tưởng như khu đất gồm nhiều mộ như của mình. Nghĩa địa của họ toàn

những nhà nho nhỏ bên ngoài chạm trở hoa lá cành
ngây ngô nhưng khá mỹ thuật, bên trong để xác
người chết bó gói cẩn thận.

Họ cúng bái làm sao đó tôi không rành lắm,
nhưng xong rồi thì bày ra ăn thịt, uống rượu (rượu
"cần" dĩ nhiên) và đánh phèng la, "nhảy mọi" vui ra
phết.

Họ có mời chúng tôi không ? Chắc quý vị hỏi
thế. - Thưa không. Họ tỉnh bơ như người ăng lê, và
rất giống cái điệu sống lảng diềng kiêu Saigon, Ba
Lê, Nữ Ước, nghĩa là ai ở bên cạnh mà lạ, thì họ làm
chí "mặc xác" họ.

3.

Trời ơi, ngồi viết mấy giòng này mà tôi đôi lúc
ngẩn ngơ khi nhớ lại những ngày qua lang thang rừng
núi ấy ! Quê hương ta đẹp thế mà sao Trời nỡ hành
hạ dân tộc này nhiều nỗi truân chuyên khổ ải thế,
không cho vui hưởng mây sớm sương chiều ?

Phải chăng đây là huyền bí của núi sông như
hình ảnh Chư Hodron quàng khăn mây trắng ?

() bài văn này được trích từ tạp chí Thời Tập phát hành
ngày 15-3-1975. Tác giả là một dịch giả rất quen thuộc, và cũng
là nhà thơ (ký dưới một bút hiệu thật ...để thương: Hoàng thị
Bích Ni!). (1)*

*Vào những năm 1967-1970, ông là một sĩ quan tham mưu
cùng chung Sư đoàn 22 BB với nhà văn Doãn Dân (Phòng Nhì),
Trần Hoài Thư (thám kích)... Sau đó, Doãn Dân bị đổi ra vùng
I, và từ trận, THT lên tận Ban Mê Thuộc, rồi về vùng 4. Từ đó,
không còn tin nhau nữa.*

*Đăng lại bài này, lòng ngập tràn kỷ niệm. Bạn ở đâu đó,
nếu đọc được, xin vui lòng cho biết tin. Mong lắm thay. (THT)*

(1) Một bài thơ tiêu biểu của Hoàng thị Bích Ni:

nẻo cao

Những chiều Trường Sơn gió cao, gió nhớ
Sao người không về theo gió chiều nay
Cho em tình ấm vui hồn nhỏ
Đợi chờ nhiều, em giận cả ...mây bay

Những chiều buồn đường về lên dốc thẳng
Em ngỡ chừng đang về cửa trời cao
Mây nệm trắng êm đêm thân thể mỏi
Thông rừng xanh gọi gió nhớ lao xao...

Nhân gian nhô âm thầm vui kiếp sống:
Thung lũng chiều từng sợi khói lên sương
Hồn đau nhỏ em túi đời hiu quạnh
Những ngày xanh anh tiễn biệt nẻo đường

Trường Sơn cao... Hồn quê hương lão đảo
Cây vươn trời và cỏ ngã đường xuôi
.....

Chiều bao la em đắm nhớ dáng người
Đường nẻo cao...buồn biết thuở nào nguôi !

(Trích Thơ miền Nam Thời Chiến – Tập I)

Trần Hoài Thư

rong bút

1.

... Đấy, em thấy tận mắt không. Em thấy từng cặp, từng cặp đang mơ màng diu nhau trên sàn nhảy. Cho dù đầu tóc họ đã bạc trắng, đôi chân họ run rẩy, lưng họ đã còm... Có cặp còn diu đi những bước thật tài

hoa. Anh đang thưởng thức nghệ thuật, nhưng tại sao lòng mình lại buồn quá đỗi. Anh nhớ ngày xưa... Và tự dưng anh nốc cạn cốc bia, lên sân khấu, yêu cầu ban nhạc ngưng, để xin được đọc bài thơ. Cho dù bài thơ được đọc lên tại một nơi không thích hợp, nhưng mà, đâu cần ai nghe, đâu cần kẻ khen người chê, cứ đọc. Đọc cho ngày tháng cũ. Cho tháng ba đi hành quân:

*Tháng ba đi hành quân
Trưa qua đèo Mang Giang
Dưới đồi hoa cúc dại
Nhớ em tôi tan trường*

*Mang Giang rừng tiếp rừng
Sương mù không thấy đỉnh
Áo nhà binh chưa khô
Mong dài thêm sợi nắng...*

và cho tiếng hát.

2. Hôm qua, có tiếng hát dỗ dành ta, an ủi ta khi ta là lính thú. Có tiếng hát mềm lòng ta khi lòng ta ngùn ngụt hận thù. Có tiếng hát thay lời ru, à ời, để ta trở về với đồng cỏ thảo nguyên, mơ một giấc mơ buổi trưa hè, đu đưa chiếc võng. Có tiếng hát lenh dên theo ta như thể vàng trắng lenh dên cùng đèo cùng suối. Có tiếng hát khóc cùng ta, bởi vì ta không biết khóc với ai.

Ta đã cuồng bạo, mười ngón tay tươm máu, ôm bầu lấy đời, mà đời thì quá mong manh. Chỉ một tiếng gió, một tiếng kêu, một tiếng động cắt gọn, là hết, là chấm hết.

Em yêu dấu, em nghe gì không. Trời còn làm mưa,

mưa rơi mênh mang... Em nghe gì không, mưa rơi trên đầu trên tóc anh, mưa rơi trên tấm áo nhục nhằn của thân tù tội, Mưa rơi trên chiến hào. Mưa rơi trên tầng tháp cổ. Mưa rơi trắng xóa trên giòng kênh Một, Kênh Nhà Chung. Mưa làm mờ khúc sông, để chiều nay còn mưa sao em không lại...

Và còn nữa. Nửa đêm, mưa rơi trên một gò mã nào đó ở Bình Định. Mưa làm trời tối đen như mực. Có gió làm hàng tre già kêu than, lẫn với bản tấu khúc đoạn trường của loài dạ trùng. Và cả tiếng rì rào của chiếc C123 thả những trái hỏa châu. Biên sáng lóe lên, thấy cả cánh đồng mênh mông nước. Sau đó những gì của ma quỷ trở về cùng ma quỷ. Vẫn là những âm thanh kêu cứu tuyệt vọng lạc vào tần số của máy truyền tin. Vậy mà, có một thứ âm thanh làm người lính đau nhói. Đó là tiếng hát. Tiếng nhạc. Tiếng trống xi xập, nghe rõ mồn một từ một căn cứ của Bộ Tư Lệnh vọng về. Người ta đang khiêu vũ. Bản nhạc Anh là lính đa tình...

3.

Bây giờ, những vết sẹo từ chiến thương hay tù tội nay đã chai bóng. Cái quá khứ giờ đã đi vào lịch sử. Nhưng lịch sử thì lại vô tình, lại ở trong tay những kẻ lợi thế. Mấy mươi năm, người ở lại Charlie vẫn được ngợi ca với người anh hùng mũ đỏ. Khi hát, hay khi xem lại những show trình diễn, ta thấy một người sĩ quan uy dũng trong bộ đồ dù hoa, và cảnh Thanh Lan đóng vai người nữ sinh viên Văn khoa sớm làm cô phụ. Cảnh ấy làm mũi lòng người xem. Nhưng có

lẽ nếu ai có dịp một lần qua đêm với những người lính-thú-thời-nay của sư đoàn 22BB, 23BB, chắc phải hiểu sự thật trái ngược. Không có áo hoa dù, vì họ là những người lính bộ binh. Quần áo họ tồi tả, vì những chuyến tiếp tế quân trang rất khó và vì đồi núi Trường sơn có rất nhiều gai rừng, dễ làm quần áo bị rách toạt mỗi lần hành quân. Họ sống ở xa hậu cứ rất lâu, xa thân nhân, đến nửa năm vẫn chưa thấy đàn bà hay vợ con. Có người mãi đến hai năm mới thấy lại Saigon của mình. Và họ cũng chẳng có người yêu để dệt nên mối tình lãng mạn. Họ có mặt không phải vài tháng như đơn vị tổng trừ bị mà năm này qua năm khác. Mỗi năm đợi chờ mùa mưa đến để rồi tiếp tục hứng chịu những trận tập pháo ác liệt, những cuộc tấn công biến người từ những binh đoàn thiện chiến nhất của miền Bắc. Họ đã sống trong những điều kiện khác nghiệt nhất của thân phận người lính miền Nam.. Nhất là sau hiệp định Ba Lê, không còn pháo đài bay B52 hay những hàng rào Mc Namara để ngăn chặn đường tiến của bắc quân xâm nhập vào miền Nam nữa.

Vậy mà họ vẫn có mặt.

*4 đêm không ngủ
3 ngày không ăn
Bên trong tử thủ 400 tháng
Ngoài mặt trùng vây 2000 đũa*

*4 đêm máu lửa
3 ngày nắng nung
Vị vút không gian tiếng đạn hãi hùng
Tiếng rú ra đi – bên này – bên địch*

4 đêm pháo kích

3 ngày tấn công
2000 thùng lốp lốp xung phong
400 đũa chong rào thép nhọn

.....

*Đó là chuyện của Rừng sâu đêm tối
Xa thành đô trên vạn lý đường chim
Chuyện xảy ra khi nồng giấc ngủ em
Khi lòng Phố đèn khuya vàng vọt
Khi đầu đó rã rời từng điệu nhạc
Và những người mệt mỏi vẫn dìu nhau
Trong chấp chờn, trong mê loạn đêm thâu...*

Tô Quân

(trích **3 ngày 4 đêm** trong **Đầu Gió** tuyển tập những bài thơ
thép, Cục Tâm Lý Chiến QLVNCH xuất bản 1973)

Họ đã chiến đấu như thế. Ngay cả cái danh dự dành cho người lính có nghĩa là chiến công, thắng cấp đặc cách, hay báo chí ca ngợi hết mình, lời ca tiếng hát tung hô, họ cũng chẳng mấy khi được hưởng. Bởi lẽ:

" Phần đông chỉ được 'truy thăng' chứ không bao giờ được cái danh dự đó vì rằng họ là những người đứng hàng đầu, chiến đấu cho đến khi gục ngã, khi đó các lực lượng Tổng trừ bị mới được điều động đến...." (trích từ *Một Thời Chinh chiến của Vũ Linh*).

4.

Bè bạn. Nếu trên đời này không có bè bạn thì chắc phải buồn bã biết bao nhiêu.. Bởi vì bạn là kẻ đứng về phía hàng ngũ của mình. Mình nhận ra ở bạn một mối cảm thông, hay nói cách khác là "hợp với băng tần", hay "trúng tần số" với mình. Để mình có thể chửi thề không ai bắt bẻ. Để mình có thể khৌ thuốc quện vòng mà không ai nhăn mặt. Để mình còn nhận một sự cảm thông u uẩn mà chỉ bạn mới đưa tay ra bắt. Bạn thay mặt người thân để mình trút hết, trút

sạch những u uất mà ngay cả vợ con hay cha mẹ mình cũng không hiểu nổi.

Nếu một người bị buộc tội phản quốc, phản đảng, phản động, thì ta vẫn còn phải đặt lại câu hỏi, nhưng nếu kẻ ấy phản bạn thì hết xài. Mang bạn làm con vật thiêu thân, bước lên từ nỗi đau của bạn, thì không còn danh từ nào để ví, ngoài sự xa lánh vì ghê tởm.

Tôi bỗng nhiên tiếc cho một tình bạn mới vừa bị tan vỡ. Những miếng thủy tinh của khối tình vỡ nát không biết có làm rướm máu người trong cuộc không sao lòng tôi lại cảm thấy quá đau.

Nhưng mà bạn tâm làm gì chứ. Hãy chuẩn bị cùng những tay bom nhậu đang chờ đợi dần chào ta, ***nửa đêm uống rượu bạn bè.***

*Nửa đêm, mấy đĩa quanh bàn rượu
Nửa đêm, bình bông trong hơi men
Nửa đêm, bạn ạ, ly chưa cạn
Rượu vẫn đầy kho, môi vẫn ngon*

*Nửa đêm, có lẽ ngoài kia - gió
Có phải như là mùa chuyển xuân
Thì ở trong này, ta đón lộc
Vất nổi buồn, vất nợ trần gian*

*Nửa đêm, như thể ngày xưa ấy
Mấy thằng trai chiếu dưới đêm trăng
Trắng sáng phơi trên hàng kẽm lạnh
Rồi chảy vào bát rượu băng khuâng*

*Nửa đêm, mấy đĩa chưa buồn ngủ
Buồn ngủ làm sao, ta chiêm bao
Linh trận đường quân, nhờ tí tửu
Để mai nằm xuống hồn bay cao*

*Nửa đêm, doanh trại đèn leo lét
Người lính canh ngồi như tượng đêm
Ma quỷ muốn chơi, xin hoãn chiến*

Để ta còn đụng với anh em

*Rượu quý, mời nâng lên mà nốc
Đời này tuổi trẻ mà trăm năm
Tha lỗi khi ta gào ta hét
Là ta điên cuồng
muốn nổ xác thân*

*Máu cao, mặc nó, ta còn thờ
Có nghĩa là ta còn tuổi xuân
Hãy đốt cho thêm đời chất nhựa
Cho ngọt bùi cái kiếp phù vân
(Nửa đêm uống rượu bạn bè)*

5. Không ngờ, bài thơ này lại được chọn đăng trong "Tuyển tập 108 bài thơ rượu giang hồ khí cốt " nhan đề "Cùng một lứa bên trời lận đận" do nhà xb Thanh Niên xuất bản (2009).

Ngạc nhiên, vì đó là chuyện lạ. Bởi bài thơ có những câu như thế này:

*Nửa đêm, doanh trại đèn leo lét
Người lính canh ngồi như tượng đêm
Ma quỷ muốn chơi, xin hoãn chiến
Để ta còn đụng với anh em*

Nếu nó mà được đăng thì đó là điều đáng mừng.

Có nghĩa là chính sách kiểm duyệt của nhà nước đã bắt đầu "nới tay", tôn trọng quyền tự do tư tưởng và nhất là quyền của phía mà họ từng xem là thù nghịch kể cả văn chương.

Bèn lật đật gọi @ hỏi bạn, nhờ bạn xem lại dùm có đoạn ấy không. Thì bạn trả lời không có.

Dù hiểu rằng Ban chủ trương đã làm một việc đầy thiện ý văn chương, không "tra cứu lý lịch" như lời ngõ, chẳng để ý đến một bài thơ của người cựu chiến binh miền Nam, nhưng tác giả là chúng tôi không thể nào vui được để nhận món quà văn chương này khi mà phải nhìn đứa con tinh thần của mình đã bị

thương tích, đục bỏ cả phần hồn tủy, lấm le máu me .
Bởi rượu chỉ bốc khi có bạn đồng sống đồng chết.
Bởi lòng chỉ say khi người trong cuộc cùng chung
một một chiều đời, chiều luân lạc. Một bàn rượu ê hê
dư dật với những loại rượu đắt tiền, nhưng chắc gì
ngon bằng một thau rượu đế pha coca, chuyền nhau
trong đêm trắng trên đôi luân lạc cùng với những tay
lương sơn bạc hào sảng ngất trời ?

Ng~.

Lang thang 3... chữ nghĩa và cái lưới

Ngày nay, giới được xã hội tặng cho cái từ rất mỹ
miều: người mang cái đẹp đến cho mọi người, dường
như đang mắc phải hội chứng thần kinh mà, ngày
trước mấy anh tây đuôi rơi rớt gọi là “mát”, giới trẻ
giờ gọi là “chập điện”. Mát hay chập điện đều ám chỉ
trạng thái lơ lửng của ý thức lúc sai lúc đúng, lúc tỉnh
lúc mê, nói chung là thuộc loại dở dở ương ương.

Hỏi người bạn bác sĩ kiêm nhà văn tiểu lâm về tình
trạng trên, hần nhe hàm răng trắng ớn còn hơn anh
Bảy Chà da đen thuở xa xưa nói: thiên tài, đó là thiên
tài thời đại. Vô lý! Thiên tài chỉ kiểu đó, tôi nghĩ.

Giá mà lơ lửng được như Bùi Giáng đại ca thì còn có
thể gọi là thiên tài. Đằng này thiên tài kiểu bới móc
đời tư người khác để bắt người khác nhớ tên kiểu
rạch mặt ăn vạ của Chí Phèo, dựng chuyện không
thành có “bắt” xã hội không được quên tên tuổi mình
thì thật kinh khủng, kinh hoàng đại thể sự.

Mới nhất là vụ ông Trịnh Cung viết một bài khá dài
về người bạn của mình với cái nhan Trịnh Công Sơn
& tham vọng chính trị, gây sừng sốt cho người đọc!
Các báo trên trời và dưới đất đồng loạt viết bài phản

kích: Hải-Lục-Không-quân đều xông trận: bắn súng máy, đạn pháo, lựu đạn, mìn, thủy lôi... khói bụi mịt mù, đến nỗi người ái mộ Trịnh Công Sơn khóc nức còn hơn cha chết và kẻ thù ghét tài năng thì hả hê cười ngất đến văng phọt cơm cháo từ bao tử văng phọt ra. Ng~. này không”bình lự” đạn bom giữa hai phe ta địch trong vụ này. Có điều hơi ngạc nhiên tự hỏi rằng: là một họa sĩ tài danh một thời ở Hội Họa Sĩ Trẻ VN, là bạn thân chí cốt của TCS, từng cùng nhau say khướt với cái đẹp, từng thừa với má TCS xin đổi họ Nguyễn thành họ Trịnh... sao lúc ấy TC không nói, không viết nhỉ? Mà phải đợi đến 7,8 năm sau khi TCS mất mới bắt đầu hả hê e hèm khiến tôi nhớ đến thời ông Trần Phong Giao còn ngồi ghế thư ký toà soạn Văn, làm những số báo về Nhật Linh, Tản Đà, Thạch Lam, Bích Khê, L. Tolstoi, E. Hemingway... đã có kẻ gọi ông là “sống trên xác chết người khác”. khiến lắm kẻ ăn theo ứ ự nhểch móc lão Trần. Nhưng rõ ràng chính nhờ lão Trần phớt tỉnh ăng-lê, nhờ những số báo ấy mà các giáo sư dạy môn Việt văn, các sinh viên Văn khoa mới có những tư liệu quý để tham khảo trong việc giảng dạy, làm tiểu luận, làm phong phú thêm mở kiến thức cho giới trẻ (nay thì già rồi). Phải thừa nhận rằng, trong số rất nhiều những người làm báo văn nghệ ở xứ ta (cả hai miền Nam-Bắc), Ng~. này luôn ngã mũ kính chào chỉ có hai vị: Trần Phong Giao và Nguyễn Ngọc, những người có con mắt xanh, bới trong đụn cát cao đưa ra những viên ngọc (ban đầu thô sau tự mỗi tác giả tự gọt đẽo thành tinh) cho dòng văn học Việt Nam hai miền. Cũng như nhiều lần, trong lúc trà dư tửu hậu nói chuyện văn chương tôi luôn tán tụng Phan Nhật Nam và Hoàng Phủ Ngọc Tường là hai ông viết ký hay nhất (mặc dù trong bụng rất ghét ông

sau); Rồi, cũng như nhiều lần tôi khẳng định với nhiều bạn trẻ, viết truyện chiến tranh không ai hay bằng Y Uyên!

Trở lại chuyện TC, hôm Tết có dịp về, gặp ông M. Ông ấy kể hôm trước Tết, TC tới nhà đề nghị ông M. in cho một tập. M. đáp chát ngay: Tui ghét cái bản mặt ông nên có ăn vàng tui cũng không ông in cho ông. TC cười hềnh hếch (kiểu cầu tài) cả đời chưa ai nói câu ghét tôi, chỉ có ông vì vậy tôi khoái ông in giùm tôi một tập. M. nhăn mũi: tôi không in! Không rõ tập mà TC đề nghị in cho là tập gì? Có phải là những chuyện tương tự như bài viết về TCS không? Nhưng, quả thật ông M. cũng có con mắt xanh, biết lường trước tai hoạ! Hú hồn ông bạn “lỗi” đời của tôi.

Xa hơn chút nữa, hồi giữa đầu năm ngoái, trên mạng tung ra hồi ký của ông giáo sư tiến sĩ Nguyễn Đăng Mạnh. Mọi người xúm nhau mà đọc, lại còn rủ rê Ng~. này nên đọc. Nghe lời, mở máy đọc phần đầu hồi ký Ng~. này đâm ra hoài nghi cái học hàm học vị của ông “giáo sư khả kính” kia, rằng thì là mang danh tiến sĩ giáo sư, là nhà phê bình văn học, là người xây dựng chương trình sách giáo khoa để giảng dạy văn học cho các bậc học phổ thông chẳng biết cóc khô gì về về thể loại hồi ký cả, mà lẽ ra Hội Nhà văn nên nhứt bộ nhứt bái, áo dài khăn đóng cung thỉnh “giáo sư”, không phải vào trại lao cải chữ nghĩa mà đưa đi học trường Đại học viết văn của chế độ ta để mở to con mắt, cái đầu ra hiểu thế nào là hồi ký rồi mới đặt bút viết! Ôi cha mẹ ông bà ông vải ơi, sao trên đời này, giữa thời buổi này lại có anh khoa bảng can rở đến thế?

Chưa hết, đến các phần sau “hồi ký” ngoằng ngoèo như rắn dài đến 6, 700 trang viết tiếp về Nguyễn

Đình Thi, Tô Hoài, Xuân Diệu... lại đi bói như gà bói rác, lời chuyện tư riêng trong nhà người khác bêu riếu kiểu như mấy mẹ ngồi lê đôi mách, khiến cho người đọc dầu có nể vì cái hàm vị kia, cũng rất lấy làm khó chịu, như thể đang nằm thiêu thiêu với giấc mơ đẹp “em chuẩn bị cho thom một phát” thì bị cái thằng vô lại cầm bông cỏ lông gà chọt vào lỗ tai!

Ng~. bèn gộp hai chuyện này, “hồ hởi” tới nhà ông bạn vong niên từng lên cung trăng xuống xe bò, hỏi cho ra cơ sự: tại sao? Lão cười ha hả văng cả nước miếng sang chén trà Ng~. đang bung trên tay: chú mày không nhớ bây giờ là thời buổi kinh tế thị trường, thời buổi hội nhập quốc tế? Vừa rồi trên báo văn nghệ trung ương có bài viết “văn học và hội nhập” sao? Ra thế! Mới hay anh nào cũng chen vai thích cánh mà chạy tới cái thị trường, tới chỗ hội nhập y như chạy marathon vậy, nhưng lực bắt tòng đôi giò khăng kheo thì nghĩ ra cái chiêu tung hoành, như cuối năm ngoái và đầu năm nay có mấy quyển sách dở ẹt phát hành. Phe ta chuẩn bị kỹ: tương lên báo một bài khen tằm tằm, sau đó ào ào tấn công, phê phán kiểu đầu tổ của ông Khuất Đầu. Vậy là có hiện tượng, mọi người ào ào chen mua, sách ào ào bán chạy như tôm tươi và... tác giả thành nổi tiếng. Khả...khả...

Cái lão bạn này mới lạ, cà khía kiểu ba bữa khiến Ng~. này băn khoăn tự hỏi: những loại như vậy thì xếp vào best seller hay anecdote, cái nào chính xác?

Trời đang nắng nóng đến 37,38 độ C, mồ hôi mồ kê tứa ra như trê con mọc răng, cả người nhớp nháp nên không thể lang thang tiếp nổi, sợ tẩu hỏa nhập ma, xin đợi mùa thu sang.



Nguyễn Xuân Thiệp

**Con chim màu đỏ
hót dưới trời mưa thưa**

*tháng chín. cơn mơ nào ở oklahoma
thoảng mùi tử đinh hương
quanh trời sấm dội
con chim màu đỏ trở về
một mình. đứng hót trong mưa*

*mưa long lanh
từng giọt. qua vùng trí nhớ. rơi trên lá
trên những khóm lau thấp thoáng dưới trời
và con chim màu đỏ
đã về từ mùa hè xưa*

*này em
con chim màu đỏ*

nó hát trong mưa
em có nghe
sấm vang. trên những giới hạn của đời
người. giữa đôi bờ tịch lặng
và nắng sắp lui về sau đồng cỏ xưa
bên láng giếng
người đàn ông da đen. đốn cây maple ở bờ
rào. cửa thân cành làm củi
gợi ẩm những ngọn lửa mùa đông
trong căn nhà gỗ

sấm dội. sấm dội
mùa thu đã tới rồi
và con chim màu đỏ
đứng hát dưới trời mưa thưa
tôi. áo rực tà dương. đi trong rừng parkwoods
như đi qua đời sấm dội
như con chim màu đỏ vẫn hát
tôi làm thơ
cho bạn bè. cho những người cùng khổ. cho
sấm dội. cho đổ vỡ. cho mây xa
tôi làm thơ
và con chim màu đỏ
hát. một mình. dưới trời mưa thưa

Oklahoma, 1997

THƠ VĂN SÁNG TÁC



Tranh Thái Tuấn

Lời Tòa soạn:

Trong thời gian qua, anh em chúng tôi, kẻ ngoài nước, người trong nước, người sưu tập, kẻ đánh máy, đã thực hiện một việc làm kỷ lục. Chỉ trong vòng chưa đầy một tháng, gần 900 trang của Bộ Văn Miền Nam Thời Chiến đã được layout ! Hy vọng bộ sưu tập nay sẽ ra mắt vào tháng 10 -2009.

Đây là những trang báo cũ, không phải là những phần trích từ tác phẩm đã có sẵn trên Internet. Những sáng tác hay bài văn, vì thế, mang theo những dấu ấn. Với tác giả, đó là những đứa con bị thất lạc được chúng tôi cố gắng mang lại niềm vui. Như nhà phê bình Đặng Tiến đã thốt lên sau khi nhận một bài viết của ông do chúng tôi sưu tầm và gởi tặng ông:

"Rất vui, bắt ngờ đọc lại bài cũ mà tôi đã quên. Đọc lại, bắt ngờ, mình viết văn hay thế sao ?"

Khi sưu tập, anh em chúng tôi vẫn hay ao ước được tìm lại một bài văn, hay một tác giả mà mình yêu mến. Nhà văn Nguyễn Minh luôn luôn dặn chúng tôi phải tìm mọi cách sưu tầm một bài văn của Chinh Ba được đăng trên Giũr Thơm Quê Mẹ. Hẹn với lòng, sẽ cố gắng làm theo lời yêu cầu. Vậy mà, chưa lên Cornell mà nhà văn Nguyễn Lệ Uyên đã làm trước.

Quả là nỗi ao ước của nhà văn NM không phải là không có lý. Tôi càng hiểu rằng, tác giả nổi danh không phải là tác giả có nhiều tác phẩm được xuất bản, trái lại chỉ cần một bài, nhưng nó đã đi sâu vào tâm trí của người đọc, suốt đời..

Và đó là lý do để anh em chúng tôi cùng nhau thực hiện Bộ Văn Miền Nam Thời chiến này.

Mời quý bạn đọc bài văn của Chinh Ba, Cảnh Cũ, Dương Nghiễm Mậu, Lê văn Thiện, Phan Lạc Tiếp, Trần Hoài Thu... sau đây để có cái nhìn rõ hơn về truyền văn thời chiến. Chúng tôi hy vọng sẽ có những số chủ đề tương tự trong tương lai với các tác giả khác. Nhiều nhiều lắm.

CHINH BA

Bài thơ trên xương cụt

Sân gác bồng rung lên khe khẽ. Tôi đoán chừng Trâm đèn. Những bước chân êm ái đưa nhẹ về phía tấm vách lá. Ót tôi nóng ran lên một cảm giác khoan khoái: với đôi mắt đẹp như sao, nàng đang âu yếm nhìn tôi. Đốt một điếu thuốc, ngồi nhìn trang giấy đang viết dở, tôi hồi hộp chờ đợi đôi bàn tay nhỏ nhắn, mát rượi và tinh nghịch của nàng bất thần bịt ngang mắt.

Trời đứng gió, căn gác im vắng đến như tôi có thể đếm được từng hơi thở của Trâm.

Chợt có tiếng sột soạt nhỏ. Tiếp theo là tiếng chấp miệng, tiếng ho húng hắng, rồi một tràng tiếng nhai nhóc nhách đều đều.

Chỉ chừng đó thứ tiếng đủ làm tôi thất vọng. Kẽ vừa xâm nhập căn gác không phải Trâm, mà là bà Tư Ra-Dô, bà chủ nhà của tôi đó. Không cần quay lại, tôi cũng biết bà đang ghì đầu vào vách, dờ mắt sang căn nhà bên cạnh. Đôi mắt ấy nhỏ, hơi lộ và lảo liên như mắt chuột, để bà đặt vừa vặn vào các khe hở mà dòm ngó những cảnh hờ hênh của bốn phía láng giềng. Thế rồi cái miệng toang hoác của bà sẽ nói choẹt choẹt cả ngày về những điều xấu xa mà bà đã dày công rình mò sẵn bắt được. Nhờ cái miệng đó, bà được gọi là “bà Tư Ra-Dô”. Bà chỉ nhận biết danh ấy với một niềm kiêu hãnh vừa phải. Tuy vậy chẳng mấy ai ưa bà. Cho nên để xứng đáng với lòng ghét bỏ của mọi người, bà bèn đặt đúng chính giữa cặp lưỡng quyền nhọn hều của mình một chiếc mũi kệt cong quắp. Trong ấy luôn luôn ló ra hai thỏi nước nhờn màu vàng dợt chuối. Bà sẽ hình mũi hít khìn khịt hai thỏi nước đó vào mỗi khi muốn tỏ bày lòng thương cảm các nhân vật trong câu chuyện mách lẻo.

Ấy thế mà bà đến thay chỗ đứng của Trâm trong căn gác này, lúc 4 giờ chiều. Có lẽ để giải toả bớt nỗi bức dọc, tôi phóng cây bút xuống xấp giấy, rồi xô ghế đứng dậy, đi thẳng ra mái hiên. Tôi vừa tì người vào lan can thì tiếng khịt mũi của bà đã ở bên tai. Quay lại, tôi bắt gặp một cái mồm đang há to, và một ngón tay cộc cằn thò vào chỗ ấy móc ra một miếng bã trầu đỏ quạch. Đó là cách bà dọn mồm để nói một câu chuyện nhì nhằng:

-Cậu Tích à! Ngụy cho cậu rồi! Con mẹ bồng cái con khi con của con mẹ về đó.

Tôi muốn quát lên: “Mặc người ta, bà cút ngay đi

cho tôi yên”. Nhưng tôi không thể thốt lên như vậy, vì một lẽ rất đơn giản là tôi còn thiếu bà hai tháng tiền nhà, và bà thì đang cần một cơ hội tốt để hết to điều đó.

Thấy tôi có vẻ lơ là với câu chuyện, bà cười hì hì, nâng hai bàn tay lên ngang mắt, dùng tay phải bók một ngón trong bàn tay trái, đưa sát vào mũi tôi:

-Nè, mẹ thì hát nè!

Bók thêm một ngón nữa, bà tiếp:

-Con thì khóc nè!

Rồi bà buông thông hai tay, mặt ngất lên trông rất thiếu não:

-Cậu làm sao chịu nổi chớ? Tôi hỏi cậu vậy hà!

Tôi không chịu nổi thật - với cách nói chuyện đó - vội đi lùi về cuối mái hiên. Bà nhần nạy bước theo, xoè hai bàn tay ra trước bụng, giọng phân trần:

-Cậu tính tôi nói có sai đâu. Hồi con mễ mới dọn về đây tôi đã nói rồi, không tin cậu đi hỏi hết cả xóm coi, tôi nói làm gì thằng chả cũng đá con mễ một cái rụp mà.

Tuy chưa biết “con mễ” và “thằng chả” đây là ai, nhưng nghĩ cho cùng thì cuộc đời tôi chẳng dính líu gì với hai nhân vật đó. Vậy mà bà Tư Ra-Dô cứ bức hiếp tôi phải nghe những chuyện lằng nhằng về họ, thì thật là một điều bất công mà tôi tưởng các nhà xã hội học cần nên lưu tâm đến.

-Ủi chà, cậu Tích! Cậu ngó cái gì ở đằng vậy? Cháy nhà hả?

Thấy bà có vẻ hăng quá, tôi e bà la “nhà cháy, nhà cháy” thì mệ cho cả xóm, nên vội khoa tay nói:

-Không, không! Tôi ngó con khỉ ngồi trên cây gòn của thầy Bảy Xáng đó.

-Ừ, cậu nói tới con khỉ tôi mới nhớ, để tôi nói cho

cậu nghe, hồi con mẹ mới về đây, cái bụng còn lum lúp (hà). Đầu tháng Tư, đám giỗ ba con Thu nhà tôi, vợ chồng con mẹ đem qua hai chai la-de. Tới tháng mười thì con mẹ đẻ ra cái con khi nhỏ đó, nó khóc thoi... trường canh, không ai chịu nổi. Con chưa đầy tháng thì thằng chả quát ngựa chuối. Tụi “xường ca vô loài” mà cậu, vui đâu chúc đó, chớ tình nghĩa gì. Vậy mà con mẹ ôm con đáo để đi tìm thằng chả.

Bà dừng lại, kéo vạt áo quẹt bớt số nước trầu lộn với nước giải động hai bên mép, rồi hồi hã nói tiếp:

-Dữ ác hông! Bỏ cửa bỏ nhà đi từ đầu tháng Chạp tới tháng Năm, rồi cũng mang cái mạng mộc trở về.

Trước khi buông tha tôi, bà chẳng miêng ra cười the thé, rồi tiếp tục mang cái chuối cười vô lý đó đi xuống thang gác. Chuối cười được chằm dứt hẳn, lúc bà cất tiếng gọi con đến lặc giọng:

-Thu ơi, Thu à!

Đêm đó, căn nhà tối tăm và vô chủ ở liền vách với căn gác tôi bắt đầu có ánh đèn và tiếng hát. Ánh đèn thì tù mù, tiếng hát thì buồn. Tôi tưởng như sự tối tăm, vắng lạnh của căn nhà hoang đã mờ mắt và lên tiếng. Điệu hành vân áo nã u trầm, mang cái buồn cổ kính của dĩ vãng, rỉ ngấm qua vách lá, làm ẩm ướt những giòong cảm nghĩ của tôi về cuộc sống. Để ý đến lời ca, tôi nhớ mang máng như đã từng nghe qua trong một vở tuồng cải lương nào của xa xưa:

-“*Đoạn (cái) can tràng! (là) đoạn (cái) can tràng! Lụy ngọc dầm chan. Ai ơi, có thấu mấy tiếng đây chẳng! Duyên tóc kia (nó) lìa đoạn. Tơ tình vương vấn, rồi bình tan, ngọc vỡ khi không! Ly biệt này ai không đau lòng! Ly biệt này ai không đau lòng! Ôm sầu đoài đoạn...*”.

Hết hành vân, tới tứ đại oán, lưu thủy trường, nam xuân, nam ai, lý con sáo, rồi vọng cổ. Thỉnh thoảng

trong nỗi buồn miên viễn đó, bỗng bật lên tiếng khóc dạt đê của đứa trẻ. Điệu hát liền thay cung bậc, trở nên âm áp, đầm thắm, ngọt ngào:

-Gió mùa thu, mẹ ru (mà) con ngủ. Năm canh chầy thứ đủ vừa năm! Ở chàng là chàng ơi! Ở người là người ơi! Em nhớ tới chàng!..."

Có khi cái buồn không vui, không nhẹ, không hao hốt vì ý nghĩa sai lạc, không hợp thời, hợp cảnh của lời ca:

-“Gió hiu hiu, lộc bình trôi riu riu. Anh đừng bận bịu bỏ điệu chung tình! Con nhận bay cao khó bắt, mà con cá ở ao quỳnh khó câu”.

Chẳng biết từ bao giờ, tôi đã đem lòng yêu cái buồn đó, cái buồn được phô diễn bằng những âm hưởng trong trẻo, dịu ngọt, thanh thoát, hồn nhiên và cởi mở, toả ra một cách dễ dàng từ giọng hát đặc biệt của người miền Nam. Điệu buồn trở nên thân thuộc như đã in hằn trong tiềm thức tôi tự đời nào. Những bông hoa tình cảm tôi vươn lên trên đài cao và nở rộng với bao la. Những câu bản làm nhớ bọn tâm hồn tôi từ khi bon chen vào cuộc sống bỗng quỵen lấy nhau mà trầm lắng xuống đáy thẳm trong vực lòng.

Đêm đó tôi viết dễ dàng như tôi thờ. Tôi gửi vào cuộc đời niềm tin yêu màu hồng.

Tôi nghĩ cái buồn đôi khi cũng cần thiết cho con người như chút phèn chua cần thiết cho một ly nước đục. Bởi vậy, thà mùa thu không có gió, chứ đêm khuya đừng vắng tiếng côn trùng. Những tâm hồn thao thức biết lấy gì mà thờ nếu không có tiếng dế nỉ non, tiếng vạc kêu sương, tiếng tù quy khắc khoải, tiếng khóc của trẻ con, tiếng ru của bà mẹ bên hàng xóm!

Tôi có một định nghĩa hơi rộng rãi về người nghệ sĩ, nên qua một đêm gần gũi với sinh hoạt văn nghệ

của người đàn bà mà bà Tư Ra-Dô gọi tắt là “con mẹ”, tôi gọi người đàn bà ấy là một nghệ sĩ. Sáng hôm sau, bà Tư lấy làm ngạc nhiên thấy tôi vồn vã với bà trong câu chuyện về “con mẹ”.

-Sao, con mẹ hát cả đêm mà cậu chịu nổi à?

Tôi mỉm cười, không trả lời thẳng vào câu hỏi:

-Con mẹ của bà hát hay quá!

Bà luôn luôn cố tỏ ra khôn lanh, hiểu biết nhiều, và đồng ý một cách nhiệt thành với người đối diện:

-Trời ơi! Tôi nói tôi mê con mẹ mà. Đào hát mà hát không hay sao được cậu! Út Lệ đó, hồi trước đi gánh Nam Giang đó, cậu không biết sao!

Út Lệ, cái tên nghe xa lạ quá. Nhưng tiếng hát và tâm hồn của người đàn bà ấy gần gũi với tôi biết chừng nào. Từ đó, những buổi trưa, những đêm tối, tôi thường nghe tiếng hát của Út Lệ. Hình như nàng sống để hát, và sống bằng chính tiếng hát của mình.

Bà Tư thường thóc mách với tôi nhiều điều xấu về Út Lệ. Điều bà cho rằng xấu nhất là Út Lệ không biết làm ăn buôn bán, không kiếm đủ sữa cho con bú, có đêm đã khuya còn xách chén qua xin cơm nguội của bà. Theo bà, sự thiếu ăn là cái quả của những tính xấu.

Một buổi trưa vắng tiếng hát Út Lệ, tôi đang ngồi đọc lại một bản thảo thì bà Tư Ra-Dô chạy ùng ùng lên thang gác. Mắt sáng quắc, bà nói khào khào vào tai tôi:

-Con mẹ đòi nghề rồi cậu ơi! Hồi nửa buổi có một thằng cha vác cái bản mặt cô hồn, vô nhà con mẹ. Hai người rử rỉ rừ rì gì suốt mấy giờ đồng hồ. Thằng chả vừa về là con mẹ đi mua nạo là gạo nè, than nè, nước mắm nè, bánh mì nè,. Cái mặt con mẹ đang tươi roi rói, thấy tôi ngó tới cái thì sượng trân liền.

Rồi hai tay chắp sau lưng,, đầu nghẹo sang một bên, mắt trừng trừng, bà dần từng tiếng:

-Tôi hỏi cậu vậy chớ tiền đó ở đâu ra? Tiền đó là tiền gì chớ?

Bước tới cầu thang, bà còn ngoái cổ lại, cất giọng lãnh lút:

-Tôi nói vậy mà phải không cậu?

Tôi liền đứng dậy, chỉ cái khoảng trống chỗ thang gác, hỏi bà:

-Dì làm cho cháu một miếng bưng chỗ đó có được không?

-Chi vậy cậu?

Tôi thẳng thắn đáp:

-Để đây cầu thang lại.

Bà ngó tôi bằng cái đuôi con mắt, rồi xuống hết thang gác bà mới nói với lên:

-Cái đó dễ mà, hể cậu trả tiền nhà thì tôi làm liền hà!

Bằng đi hai ngày tôi được yên ổn làm việc. Đến ngày thứ ba, tôi vừa đi phố về, chưa kịp thay áo, đã thấy bà Tư thập thò chỗ cầu thang. Không nỡ để bà tiu nghỉu thối lui, tôi mở đường cho bà bằng một nụ cười khuyến khích. Tuy không được tự nhiên như những lần trước, nhưng mặt bà cũng đầy vẻ hớn hở với cái tin vừa sẵn được của Út Lệ:

-Con mẹ có chồng khác rồi cậu ơi! Cái thằng cha bữa hôm đó. Chiều nay thằng chả dọn về ở luôn với con mẹ. Cậu biết hông, tôi hỏi khéo một câu là con mẹ rút ruột ra nói hết trọi. Thằng chả hỏi trước đi lính BX, bây giờ làm trong lò heo Chánh Hưng (á)! Mỗi tháng ba ngàn lận... Thôi, vậy cũng khỏe cho hai mẹ con con mẹ, phải không cậu?

Bà cười hề hề rồi nói bô bô, phơi bày lòng tốt của mình:

-Tính tôi vậy đó cậu ơi! Không ích kỷ, thấy ai khá cũng mừng cho họ. Chớ nhiều người ở ghen, thấy người ta ngóc đầu lên là ganh ghét, đâm bị thóc, thọc bị gạo. Như con mẹ Tám Chả-giò đó cậu, ông Trời ông...

Tôi thiết nghĩ, nghe cho hết chuyện “con mẹ Tám Chả-giò” thì cũng chẳng ích lợi gì cho lắm, nên giả đồ dòm ngoài lan can, nói một mình: “Ai như bà Tám vậy kia!”. Bà Tư liền lật đật chạy xuống cầu thang, tự cầu nhàu mình:

-Cơ khổ, nó rủ 12 giờ qua nhà nó đánh xiệp mà nói ba điều bốn chuyện nhè quên mất.

*

Chiều hôm đó, nhà Út Lệ có thêm một giọng đàn ông ồ ề. Giọng ồ ề đó cứ mỗi ngày một to dần, cho tới tuần sau thì trở thành cái loa làm náo động hết cả xóm. Con nít rủ nhau quần tụ trước nhà Út Lệ để xem lão Ba Lò Heo say rượu.

Lão xách dao rượt Út Lệ chạy quanh giường, đe sẽ cắt cho kỳ được cái lưỡi của vợ, chỉ vì chị vừa hát ru con bằng mấy câu này: *“Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội, người xa người tội lắm người ơi!...”*.

Lão hét lên:

-Tao hỏi mày, người xa người đây có phải là mày xa nó không? Tao là chồng mày, tao ở sờ sờ trước mắt đây mà mày dám thờ than thương tiếc thằng chồng cũ của mày. Như vậy làm thân con đàn bà một dạ hai lòng như mày thì thử hỏi có đáng theo cái lưỡi mày đi, có đáng sả nát cái thân mày ra không chớ?

Những tiếng sau cùng lão rít lên cùng một lúc với tiếng dao cheng cheng chém xuống thanh giường. Lão la, lão hét thêm một hồi nữa rồi nằm vật xuống

nền đất, ngáy khò khò.

Mấy tuần lễ sau, qua nhiều lần bình giảng thi văn bằng dao, bằng búa và bằng hơi men sặc sụa, lão kết luận rằng câu hát nào của Út Lệ cũng có ý than duyên trách phận, cũng có chút tình kín đáo nhắn gửi người chồng cũ. Cứ mỗi lần bình giảng như vậy, lão “bỏ” một câu hát của Út Lệ. Vì vậy mà cái vốn liếng văn nghệ của gia đình Út Lệ ngày càng sa sút nghèo nàn dần.

Cho đến một đêm, nhân lúc tỉnh trí, lão Ba Lò Heo dịu dàng cắt ngang một câu vọng cổ của vợ, rồi thỏ thẻ bày tỏ nỗi lòng mình:

-Em Út à, mỗi lần nghe em hát một bản cải lương là anh thấy khó chịu trong bụng quá sá! Em còn thương nó không? Em nói thiệt đi?

Giọng của Út Lệ nhỏ nhẹ, nhưng không giấu nổi chút bực dọc:

-Tôi lấy anh thì tôi thương anh chứ còn thương ai. Hỏi nghe kỳ hông!

-Vậy từ rày em đừng hát nữa có được hông?

Ba tiếng “có được hông” lão dẫn mạnh với giọng vừa khuyên vừa dọa. Út Lệ khần khoản:

-Cái kiếp em là kiếp con hát, em hát từ nhỏ tới giờ quen rồi, không hát chịu không được!... Với lại không hát thì thằng Bình nó không ngủ, nó khóc hoài làm sao anh chịu được.

Rồi nhân lúc lão Ba còn đang lựà lời, Út Lệ năn nỉ thêm:

-Em hát là hát cho vui vậy chứ đâu có thương ai nhớ ai. Anh đừng ghen bóng ghen gió tội nghiệp em!

Lão Ba nổi nóng:

-Ghen, ghen cái con khi khô họ! Mày hát mấy câu hát đưa em không được sao chứ? Cái đồ cải lương cái liếc, vọng cổ vọng kiếc đó là đồ... đồ dở ẹt. Tao biểu

bỏ đi là bỏ đi!

Út Lệ còn cố níu chút hy vọng mong manh:

-Mấy câu đó anh cũng cảm rồi, đâu còn câu nào!

-Sao không còn! Tao nghe con mẹ Tư Ve chai hát cái câu gì mà có con kết đó, nghe được quá chứ, sao không hát?

-Có một câu đó hát đi hát lại hoài sao?

-Còn cái câu “ví dầu ví dầu, ví dầu” nữa chi!

Thế là đêm đó, nghệ sĩ Út Lệ chỉ được phép hát vồn vồn có hai câu:

“Chiều chiều bắt kết nhỏ lông

Kết kêu bớ chị chị đừng ác nhơn”.

Và “Ví dầu ví dầu ví dầu,

Ví dầu dầu chạy, ví trâu vô chuồng”

Cũng từ đó, tiếng hát của chị có giọng oán hờn thống trách, dần dà về sau lại đượm ý chán nản, liêu lĩnh, khinh thị. Mỗi tiếng hát như một lát dao bấm vào vết đau khổ trong lòng mình, và xia xói vào tâm can người nghe. Hai câu hát ngô nghê, lạt lẽo và vô nghĩa mà Út Lệ phải hát đi hát lại mãi, đã làm tôi khó chịu hơn cả những câu chuyện lằng nhằng, nhảm nhí của bà Tư Ra-Dô.

Chỉ trong vòng một tuần lễ, những tiếng “ví dầu” xoay tít trong ý nghĩ tôi, đánh nhịp theo bước đi của tôi. Và câu “bắt kết nhỏ lông” lúc đầu chỉ làm tôi tức cười cho cái cắc cớ của người đặt ra nó; nhưng về sau, cứ mỗi lần nghe Út Lệ thốt lên thì tóc tôi in tuồng dựng đứng dậy, một cảm giác ran ran đau nhức chạy luồn trong da đầu.

May thay tình trạng đó chỉ kéo dài trong vòng nửa tháng thì có một biến cố lớn trong gia đình Út Lệ. Biến chuyển đó bắt đầu bằng việc Út Lệ tự tiện sửa đổi câu “ví dầu” nguyên tác thành câu:

“Ví dầu, ví dầu, ví dầu,

Ví dẫu, ví dẫu, ví dẫu, ví dẫu”

Cứ thế chị hát giật giọng từng hai tiếng một. Giọng hát không còn buồn giận nữa. Chị đã dùng tài diễn tả của mình biến những âm thanh gần như vô nghĩa đó thành hàng loạt kim nhọn, rồi bình tĩnh và ngao nghể đẩy từng chiếc vào tim, vào óc lão Ba Lò Heo. Ngày đầu lão còn lặng lẽ chịu đựng cuộc phản công đó. Nhưng qua đêm hôm sau thì tôi đã nghe tiếng hét của lão:

-Mày hát cái mừng gì mà đâm gan người ta quá vậy! Có cam họng lại không? Tao lột lưỡi mày bây giờ!

Út Lệ xằng giọng cãi lại, nhưng chính là cách kín đáo ca ngợi thắng lợi của mình:

-Ông biểu tôi hát câu nào thì tôi hát câu nấy. Trong câu hát có gươm có dao gì đâu mà ông nói tôi đâm gan ruột ông!

Lão Ba hô đồ:

-Vậy mà... tao biểu mày im thì mày phải im. Lý sự thì tao vạ họng.

Không có tiếng hát, thằng Bình không chịu ngủ, ngoe ngoé khóc lên. Út Lệ lặng thinh, để mặc cho con khóc. Sự nín tiếng tuyệt đối đó thành một cách chống đối có hiệu quả. Chỉ nửa giờ sau, lão Ba phải đầu hàng:

-Mày làm gan với tao hả? Sao không ru cái thằng quý con đó cho nó ngủ đi!

Út Lệ ung dung cất tiếng hát. Thế là con kết bị đem ra nhổ lông:

-Àu ơ...ơ... Chiều chiều bắt kết nhổ lông, kết kêu bớ chị, ờ...ơ... chị đừng ác nhơn...

Câu tiếp đáng lẽ là câu “ví dẫu”, nhưng vừa bị cấm, Út Lệ phải hát lại câu “chiều chiều”. Để khỏi nhàm chán, chị không “bắt kết nhổ lông” nữa, mà lại

“bắt chó nhổ lông”:

-Àu ơ... Chiều chiều bắt chó nhổ lông, chó kêu bớ chị ờ...ơ... chị đừng ác nhon.

Rồi cứ theo cách đó, mỗi lần lặp lại câu hát, chị lại tìm một con chim hay con thú, có cái tên bằng thanh trắc để thế vào địa vị khốn nạn của con kít.

-Àu ơ... chiều chiều bắt ngỗng nhổ lông, ngỗng kêu bớ chị ờ... ơ... chị đừng ác nhon... Àu ơ... chiều chiều bắt chuột nhổ lông...

Đôi khi chị “nhổ lông” cả những con không có nổi một sợi lông như con rắn, con nhái, con cóc. Sau cùng, tới lúc chị hát: “Chiều chiều bắt ấy nhổ lông...Ấy kêu bớ chị...” thì lão Ba găm một tiếng dữ tợn, đập phá một vài món đồ đạc trong nhà, rồi xách xe đạp đi thẳng.

*

Năm ngày sau tôi mới nghe lại tiếng nói của lão Ba. Lão về vào một buổi trưa, với một cân thịt quay, một cân bánh hỏi và một giải pháp cho tình trạng bế tắc của nền văn nghệ gia đình.

Sau khi ăn uống no nê, hể hả, lão Ba vui vẻ bảo Út Lê:

-Em Út à! Cái lưng anh đây, bữa rày em muốn hát thì cứ tự do ngó vô đây mà hát cho phỉ tình.

Út Lê sững sốt:

-Úý trời! Anh xăm, anh vẽ nát cái lưng vậy đây hả?

-Thì còn xăm được chỗ nào nữa đâu mà không xăm cái lưng, hời kỳ hông! Trước bụng thì có con đằm; trên ngực thì có cặp rồng châu, tay chơn thì có lân, có quy, có phụng. Đùng hời lòi thôi, đọc lên nghe thử coi nà!

-Mà ai xăm cho anh vậy chứ? Phải Tư Kiên hông?
Lão Ba cười to:

-Cái thằng đó mà biết xăm cái con khi mồi! Nó làm cho người ta sanh ghê sanh sợ thì có. Thằng này là thằng Bảy Kền, bạm của anh hồi ở Nam Vang, em không biết nó đâu. Thôi, đọc hai bài thơ đó đi!

Út Lệ lẩm nhẩm đọc, bên này vách tôi chỉ nghe câu được câu mất:

“Nam vô tửu như kỳ vô phong

“Người mà không có rượu thì không phải người

.....
“Kể từ lúc ta vào làng đế

“Cái sự đời ta để sau lưng

“Men lên chí cả thêm lưng

“Công danh ta túm trong quần ta chơi...”

Đọc xong hai bài thơ, Út Lệ lập lòe khen hay. Lão Ba khoái chí cười ngất. Giọng hí hửng, lão Ba bảo Út Lệ:

-Đâu, em Út hát lên cho anh nghe thử coi!

Út Lệ từ chối khéo:

-Phải thuộc mới hát được.

-Đây nè, học cho thuộc đi!

Út Lệ lúng túng:

-Hay thì hay đó... mà cái thứ thơ này học khó thuộc quá hà!

Lão Ba tức giận, nói gần từng tiếng:

-Tao...biểu...mày...phải...học...thuộc!

Tôi đang lo, không biết Út Lệ có nài ra được có gì để từ chối nữa không, thì đã nghe tiếng đọc đều đều của chị. Tôi tưởng tới nỗi khó chịu trong những ngày sắp tới, mỗi khi nghe Út Lệ miễn cưỡng hát ru con bằng những câu thơ kệch cỡm đó. Nhưng chỉ một lát thì Út Lệ ngưng đọc, chị thở thẽ nói với chồng:

-Anh Ba nè, sao đọc mấy câu này tôi nhớ ba thằng

Bình quá hà!

Lão Ba đập tay xuống giường, ngồi bật dậy thét:

-Sao? Mày nói sao?

Tin vào ngón đòn tâm lý của mình, Út Lệ bình thản đáp:

-Hồi đóng vai Uất Trì Cung, gã cũng nói lối mấy câu tương tự như vậy đó.

Ba Lò Heo chui mình xuống giường, giọng buông thõng:

-Thôi, thôi bỏ đi!

Út Lệ ồm ờ:

-Tôi học thuộc rồi mà bỏ chi uổng vậy!

Ba Lò Heo cương quyết:

-Tao...biểu...bỏ...là...bỏ.

Ngoài chút tình thương cảm sẵn có với Út Lệ, bây giờ lòng tôi lại thêm mến phục chị. Người nghệ sĩ ấy đã thắng liên tiếp trong những điều kiện khó khăn. Nhưng có lẽ chị cũng như tôi đều không ngờ rằng Ba lò Heo còn thủ một miếng đòn tối hậu để giành lấy phần thắng sau cùng.

Lão nằm, ngẫm nghĩ, cười sảng sặc một mình rồi trở miếng đòn bí hiểm đó ra:

-Em Út nè! Đâu, em trích cái quần anh xuống một chút thử coi có cái gì, hà hà hà...

Thật là một câu lừa mãng và tục tĩu mà chỉ có Ba Lò Heo mới thốt lên được một cách tự nhiên như vậy! Út Lệ im lặng, sự im lặng có nghĩa như một tiếng khóc nức.

Lão Ba nói:

-Em thấy chưa? Ở trên chỗ xương cụt đó, thằng bảy Kền làm riêng bài thơ tặng anh. Học thuộc đi rồi hát cho anh nghe. Đừng có lòi thôi gì nữa hết.

Út Lệ vẫn im lặng. Bây giờ sự im lặng đọng lại thành một giọt nước trong khoé mắt tôi.

Bên kia vách, hình như men rượu đã ngấm đều vào máu Ba Lò Heo, lão rút con dao phay liếc rón rảng trên vành lu.

-Đọc, tao biểu mày đọc, không đọc thì bay đầu!

Út Lệ ghen ngào, đọc đi đọc lại bài thơ nằm ở chỗ kém sạch sẽ đó.

Trong đời tôi, tôi đọc thơ cũng khá nhiều, tôi nghe người ta ngâm thơ cũng bộn, nhưng tôi chỉ biết có một bài thơ làm cho người đọc phải vừa đọc vừa khóc vì tủi nhục, ấy là bài thơ trên xương cụt của Ba Lò Heo.

Hắn có vị tò mò muốn biết bài thơ ấy hay ho như thế nào! Lúc đầu tôi đã toan ghi nó ra đây, nhưng e làm thế thì vô lễ với độc giả quá, nên lại thôi. Tuy vậy, nếu giấu đi cái phần độc đáo của bài thơ thì cũng tủi cho tác giả đã dùng một thứ kỹ thuật tân kỳ để làm cho những dục vọng của Ba Lò Heo được tầm quất đều đều qua từng câu từng chữ. Những dục vọng ấy chỉ súc tích trong những hạng người thường ngứa ngáy chỗ xương cụt, mà không muốn tự mình gãi cho mình.

Nếu nói một cách khôi hài thì Ba Lò Heo đã định nghĩa văn nghệ là sự tầm quất dục vọng hoặc là sự làm-đã-ngứa chỗ xương cụt; nên lão đã đặt cơ sở nền văn nghệ trên chiếc xương cụt của lão.

Nghệ sĩ Út Lệ không đồng ý như vậy, nên qua ngày hôm sau, thừa lúc lão Ba đi vắng, chị bồng đứa con riêng, bỏ nhà ra đi.

*

Út Lệ vắng nhà chưa đầy một tuần thì Ba Lò Heo đã có người đàn bà khác. Họ ăn ở với nhau có vẻ tương đắc lắm, trong nhà không hề có “tiếng bác

tiếng chì”. Người đàn bà ấy – theo bà Tư Ra-Dô cho biết - trẻ hơn Út Lệ, mặt mày khá sáng sủa, thân hình đầy đặn, làm việc giỏi, biết chiều chuộng chồng, không bao giờ ngồi lê đôi mách. Và người đàn bà ấy cảm từ lúc mới lọt lòng mẹ.

Một hôm tình cờ đi ngang qua nhà Út Lệ - mà bây giờ là của lão Ba Lò Heo – tôi thấy lão đang sắn se một tấm gương soi mới mua, khá lớn. Bỗng tôi đem lòng thương hại lão. Tôi nghĩ: những lúc buồn, có lẽ lão phải dùng tới tấm gương ấy để đọc bài thơ trên xương cụt của mình. Như vậy những chữ trong gương đều bị đảo ngược hết, thật khó lòng cho lão quá.

Kể từ đó, hễ nhìn bất cứ vào cái gì có hình chữ nhật - nhất là những trang giấy trắng trên bàn viết của tôi - thì tôi nghĩ đến tấm gương soi của lão Ba Lò Heo, và thấy nguyên cả một sự tục tũ kèm với bài thơ trên xương cụt, thấy nguyên cả hiện tình văn nghệ tồi tàn của gia đình lão. Những đêm khuya, nhìn tấm vách lá, tôi lại nhớ tới tiếng hát của Út Lệ. Tôi tin rằng trong một thôn xóm nghèo nàn nào đó, dù đang đói rách, người nghệ sĩ ấy cũng đang được tự do hát những bài hát mà mình ưa thích.

Rốt cuộc Út Lệ đã thắng. Chị thắng nhờ biết sống đúng với phương châm:

“Ví dẫu, ví dẫu, ví dẫu

Ví dẫu, ví dẫu, ví dẫu, ví dẫu”

(trích tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ, số 4 tháng 10/1965)

TRẦN HOÀI THU'

Một loài chim thiên di

Mùa xuân chưa đến, nhưng Tân đã nhận ra những cánh chim tuyết vờn ấy, đang lượn vờn như một điệu luân vũ. Xe bắt đầu lên đèo, vào một khu rừng già hai bên đã khai quang, chỉ còn lại các mỏm đá loang lổ sần sùi cùng những bãi cỏ lau mọc cao quá đầu người. Lộ trình đã bắt đầu nguy hiểm. Ngọn đèo bây giờ im vắng lạ lùng. Dễ chừng từ trong mỗi bờ bụi, từ trong những hang đá bên đường là những con mắt bí mật. Tuy vậy sáng hôm nay, suốt một con đường quanh co, trong không gian hung bạo, đã thấy hiện về từng đàn én nhỏ. Chúng đã ngủ dưới lớp lá khô từ một mùa đông hay trở về từ một phương trời nào, hay có thể, làm tổ từ một hòn đảo nào ở ngoài khơi, để bây giờ, theo hơi đất của lục địa, tìm lại một mùa xuân. Chúng xuất hiện một cách kỳ diệu, từng đàn, từng đàn nô giỡn trong một bầu trời ẩm đục đầy mây xám, cùng khí núi tái tê. Chúng lượn vờn một cách quá ngây thơ giữa vùng đất chết. Những cánh chim ấy, bụng thon màu trắng mượt, đôi cánh vút lên, bé nhỏ màu đen tuyền, đôi mắt tròn bi, chiếc mỏ yêu kiều hết sức. Từng cánh chim ấy, tiếp tục hết bay sà xuống thấp rồi vút lên cao, sau khi lượn một vòng trên đoàn xe. Hầu như chúng không biết gì về những tai họa trong khu rừng già. Chúng không biết về những tai ương thâm đang xảy ra trên một lục địa bên bờ Thái Bình Dương này. Chúng vẫn tiếp tục trêu chọc cùng những chiếc xe quân sự, những người lính đang ngồi bất động trong đó, chúng vẫn tự do nô

lượn như thể coi cả không gian là của chúng. Đôi lúc chúng tự dung mắt hút đằng sau sườn núi, rồi tự dung, chúng lại xuất hiện trên đầu đoàn xe. Ở những cánh chim ấy, Tân đã nhận thấy gì? Có phải chàng đã bắt gặp một sự xúc động vô cùng to lớn, ở một cánh chim mà chàng tự coi là yêu dấu nhất đời người. Hơn nữa, chàng lại coi nó một niềm ân sủng trên dòng luân lạc trôi nổi của chàng. Chàng đã thấy như có một mùa xuân trở về, triu mến dịu dàng quá sức. Dưới núi, dưới đèo, biển một màu xanh, sóng bạc vỗ tung tóe vào ghềnh đá. Gió càng nổi và lạnh khi xe càng lên cao. Sương mù giăng trắng xóa trên đỉnh. Cuối tầm mắt, vùng cỏ lau đã khuất chìm trong màn sương muối, như một màu tóc bạc của người mẹ Đông Phương.

Tân đã tìm được một niềm hạnh phúc thật bất ngờ vào buổi sáng trên đèo. Đó là một loài chim của mùa xuân. Một loài chim mà từ lâu, chàng ngỡ không bao giờ gặp. Chúng mang những đôi cánh điểm trang thêm những nụ hoa cải vàng, những vườn cỏ xanh mượt, những vùng ruộng thơm hơi sữa đồng đồng. Chúng điểm trang cho một bình nguyên, một lục địa đang cựa mình sau một mùa đông rét mướt. Chúng mang vào lòng người Niềm Tin và Hy Vọng. Chúng đến thật đúng lúc, như truyền đến một thông điệp cho loài người và trái đất.

Chúng đến khi mùa xuân bắt đầu và ra đi khi mùa xuân tàn lụi. Đôi cánh chúng mang theo thời tiết dịu dàng. Lòng ngực chúng mang lại sinh lực cho con gái, đàn bà, trẻ con.

Nhưng tại sao, chúng lại đến trước một mùa đông lạnh lẽo trên khu rừng già hung bạo, trong khi những chiếc nôi của chúng còn ấp đầy những quả trứng ngoài một hải đảo xa xôi. Nhưng tại sao, chúng lại

có mặt trên một vùng trần mạc, với những hố bom, hố pháo ngang dọc trong một ngày âm đạm?

Một cánh chim lượn vòn trước đầu xe chàng. Nó bay chậm và thấp đến nỗi chàng ngỡ đầu máy có lúc sẽ chạm vào cái thân bé nhỏ của nó. Nó đã khiến chàng mãi mê chú ý. Nó làm chàng hồi hộp theo dõi đường bay. Đôi khi, cánh chim dường như bất động, không chịu bay lên. Tuồng như nó muốn cản trở đoàn xe ngừng lại. Nhưng chiếc xe vẫn tiếp tục nhún ga, sang số, tiếp tục bò lên khúc đường đèo, quanh co. Và cánh chim lại tuyệt vọng, bay vút lên trời, lượn vòn một hồi rồi lại bay sà xuống thấp ...

Lâu, lâu lắm, để chừng hơn hai tháng, em không nhận được tin tức gì của anh, em thật khổ tâm lắm. Anh ơi, em nghĩ, anh không quên em đâu. Có lẽ anh đang mãi mê ngoài trần mạc, có lẽ anh lại đổi sang một vùng khác, có lẽ cuộc hành quân vẫn còn tiếp diễn, hay hiện tại, anh lại qua bên kia biên giới rồi. Anh ơi, dạo này em đọc báo thấy đơn vị anh tham dự nhiều trận đánh ghê hồn. Liệu anh có được bình an không? Anh ơi, em thì quá nhỏ nhoi, yếu đuối, em không biết làm gì để giúp đỡ anh, xoa dịu nỗi buồn của anh. Em chỉ còn biết chờ đợi và cầu nguyện từng ngày, từng đêm cho anh được bình an.

Anh ác quá. Tại sao anh không gửi về em một lá thư nhỏ, dù vài dòng chữ cũng được, dù một tiếng bình an cũng được, để em an lòng. Anh làm sao hiểu được nỗi lòng của kẻ còn lại. Anh làm sao hiểu tâm hồn của người, có người yêu là lính phương xa. Em thấy em sắp học để trở thành chinh phụ rồi đấy. Tự dưng, em lại thương những người vợ lính hơn bao giờ hết.

Anh ơi, sáng nay, người đưa thư có đạp xe qua nhà, nhưng ông ta lại đi luôn. Em buồn quá, vào buồng

ôm gối mà khóc. Em cảm thấy tủi thân. Tại sao hai đứa mình cứ mãi sống ngăn cách như thế này Em thì ở góc biển, còn anh thì ở chân trời. Phải chi em có đôi cánh thiên thần, để bay đến nơi anh, theo anh hành quân, hát cho anh nghe những bài ca ưa thích, cho anh khỏi nhớ nhà, nhớ em. Em nghĩ, cha mẹ đặt tên một loài chim cho em thế mà em lại không mang được nỗi mong ước ấy. Em chỉ cầu mong, mỗi lần anh gặp một cánh chim nào đó, em sẽ nghĩ rằng, tất cả tâm hồn em, tình yêu em, tiếng hát của em, lời nguyện cầu của em, se gởi vào anh đó.

Sáng nay lật chồng thơ cũ, đọc lại, em lại khóc. Em tự nhủ, anh vẫn còn yêu em, vẫn còn nhớ đến em, nhớ đến con chim bé bỏng này. Anh còn nhớ, còn yêu em không đấy?...

Xe bắt đầu chạy vào quãng đường hình chữ Z. Đây là khúc đường nguy hiểm nhất trên lộ trình nối từ vùng duyên hải lên vùng cao nguyên. Bởi, ở đây là địa điểm tốt cho một cuộc phục kích của địch quân. Nắng bắt đầu xóa tan lớp sương mù. Trên đỉnh núi, sương từng lớp biến dần trong thinh không. Tuy vậy khí lạnh vẫn còn dầm dề trên da thịt người lính. Trong lòng cabin xe, Tân kéo cao cổ áo và bật diêm đốt thuốc. Một cơn mộng vừa dứt với nhiều luyến lưu và xúc động.

Người tài xế lặng yên cầm bánh lái. Những người lính ngồi đằng sau xe cũng vậy. Tuồng như họ cũng chẳng hề quan tâm đến những gì bao quanh họ, trùm phủ họ trên ngọn đèo nguy hiểm này. Và chàng, với nhiệm vụ một đơn vị trưởng hướng dẫn một trung đội lên tăng phái cho một đơn vị hành quân tại vùng cao nguyên, chàng cũng chẳng mấy may quan tâm đến mối hiểm nguy bất trắc có thể xảy đến trong lộ trình

này là bao nhiêu. Bởi vì đơn vị chàng đã qua lại ngọn đèo này bao nhiêu lần mà chẳng gặp một bất trắc nào. Trí não chàng bây giờ tràn ngập những cánh chim yêu dấu. Tâm hồn chàng lâng lâng trong một niềm hạnh phúc bất chợt. Đôi mắt người con gái như hiện rõ trắng hơn bao giờ trước mắt, trên nền trời buồn. Đôi mắt đen lay láy như hai đốm sáng long lanh hiển hiện như hai vì sao yêu dấu. Vâng, chính cánh chim mang tên của nàng, đã giúp chàng nhớ nhung thê thiết, vào buổi sáng mai này. Ở cánh chim ấy, là một biểu tượng của một loại hoa ngà ngọc, rực rỡ mà chàng đã bắt gặp trong tuổi thanh niên. Ở cánh chim ấy, là tiếng hát của ai, là những giọt nước mắt của ai. Phải rồi, chính những giọt lệ cuối cùng, mà chàng đã nếm được khi hôn lên đôi mắt của nàng trong một quán cà phê sậm tối. Chàng lại còn nghe tiếng hát của nàng, văng vẳng trên đỉnh đồi mà mùa thu đã về với một màu lá vàng bát ngát. Tiếng hát nói lên nỗi chờ đợi mỗi mòn của một người chinh phụ trong thời buổi chiến tranh. Tiếng hát, nói về một mùa đông có người con gái đan áo cho chồng và ở bên song cửa những cánh chim én bay về để nàng gọi theo đường bay về vùng bình lữ..

...Dạo này em phải đi khám bác sĩ thường xuyên. Bác sĩ bảo em phải tịnh dưỡng, đừng nghĩ ngợi gì cả. Nhưng mà em làm sao không nghĩ ngợi được. Em biết sức khỏe em không được tốt. Hôm qua đang ngồi đan áo cho anh, tự nhiên em chóng mặt đứng lên bị xỉu. Em được chở vào bệnh viện. Bác sĩ bảo em bị đau tim khá nặng.

Nghĩ đến cảnh một ngày không có anh bên cạnh, em tủi thân khóc thầm.

Cho dù có mệnh hệ gì đi nữa, em vẫn theo anh, luôn

luôn ở bên anh mãi mãi...



Bây giờ, xe đã bắt đầu đến gần đỉnh. Ở đây, biển hiện ra rõ ràng dưới chân núi bằng một màu xanh đậm. Người tài xế tự dung thốt:

- Ông xem, mùa xuân chưa đến, mà chim én lại bay về rợp trời.

Chàng cười vui:

- Bác biết tại sao không?

- Tại sao vậy ông?

- Tại chúng đang chào mừng chúng ta. Bởi chúng ta đi tìm mùa xuân mà.

Người tài xế lại nói to hơn:

- Lạ nhỉ. Theo tôi hiểu, chim én chỉ tìm đến những vùng đất thấp như bình nguyên, như đồng lúa. Ngoài ra, chúng chỉ xuất hiện khi mùa xuân về thôi.

- Hay mình có đặc ân với loài chim này.

Chàng cười nói to. Chàng muốn bày tỏ một niềm vui to lớn mà chàng bắt gặp ở những cánh chim yêu quý với người bạn đồng hành.

Chợt người tài xế la lên:

- Ông xem, có một con chim cứ bay trước đầu xe. Hình như nó không muốn tránh.

- Ông cho xe chạy chậm thử xem. Có lẽ con chim này mới tập bay. Hay tại nó đã yếu sức.

- Không! Hình như nó không muốn bay. Nó muốn

chặn đầu chúng ta.

- Vâng. Tôi cũng thấy như vậy.

Người tài xế già đã bắt đầu chậm ga lại. Ông nói:

- Tôi có linh tính một chuyện không hay. Theo ông, có nên tin dị đoan không?

Chàng vẫn nhìn theo cánh chim tiếp tục bay vờn trước đầu xe. Câu hỏi của người đồng hành đã khiến chàng cảm thấy nao nao. Dị đoan. Đời trần mạt coi cái chết nhẹ như lông hồng, có sao ta còn khấn nguyện Trời Phật trước khi dẫn quân xuống núi. Có sao ta vẫn tìm một đảng quyền năng để cầu xin trong những giờ lâm trận. Có sao người lính lại tin việc mỗi ba điều thuốc, việc treo nón sắt trên mũi súng của người còn sống là một việc làm không may ...

Chàng gật đầu:

- Ông cho xe chạy chậm lại đi.

Và một động lực nào đó đã khiến chàng vụt đứng dậy, mở cửa xe, cầm lấy khẩu súng mà hét cùng đám lính đằng sau:

- Tất cả đứng dậy đi. Sẵn sàng ở thế tác chiến !

Chiếc xe vẫn tiếp tục lăn bánh mỗi mét. Khu rừng càng lúc càng rợn người. Những bờ lau cao tận cổ, những bờ đá ghê rợn. Những thân cỏ thụ cháy nám. Và mặt trời bắt đầu ló giữa thỉnh không chiếu ánh nắng đầy ngập rừng.

Cánh chim vô tội và lẻ loi vẫn tiếp tục bay sà xuống đường, rồi vút lên, rồi lại bay sà xuống đường. Dễ chừng lần này nó hốt hoảng tuyệt vọng. Có lần chàng nín thở khi cả thân thể bé nhỏ kia bị cuốn hút trong đầu xe, hay bị phơi thệt dưới bánh xe hung bạo, nhưng rõ ràng nó lại vút lên, rồi lại đâm nhào xuống, càng lúc càng dữ dội. Tân bỗng nhiên cầm tay người tài xế:

- Tôi sợ. Hay cho xe dừng lại đi. Chúng tôi xuống

lội bộ đã.

Trong khi đó, một chiếc vận tải của Mỹ lại bóp còi inh ỏi đằng sau xe chàng. Người tài xế khoát tay ra hiệu cho xe qua mặt. Chiếc xe chàng từ từ chậm lại, nép bên sườn núi. Chàng ra lệnh cho đám lính nhảy xuống, nhưng chưa kịp thì phía trước chàng đã bùng lên những tiếng nổ long trời. Cả châu thân chàng bị bật dậy rung động. Tiếp đến là các tiếng nổ phụ khác bởi tiểu liên và trung liên. Rồi từng loạt đạn bắn xối xả vào những chỗ nghỉ ngơi của bọn chàng. Những người lính bây giờ núp sau các bờ đá, hay dưới đường mương bên lộ, bao bọc lấy nhau. Còn chiếc xe sao trắng trước mặt đã trở thành một vật dị hợm, méo mó do sức công phá của hai quả đạn B.40 và các tràng đạn cá nhân. Rõ ràng chàng thấy các đốm lửa lóe sáng san sát bên vị trí chàng. Chàng bắt đầu nổ tràng mắt, nghe lồng ngực nặng chình chịch. Còn chiếc xe do người tài xế già không gài số kịp đã nhào ra ngoài nên đã từ từ lùi xuống dốc rồi rơi xuống vực thẳm.

Năm phút trôi qua, hai chiếc trực thăng đã xuất hiện trên nền trời. Chúng liệng trên các khu vực nghỉ ngơi, nả hỏa tiễn và đại liên xuống dữ dội. Con đèo lại bắt đầu bị rung động. Một khoảng rừng lau thành biển lửa điên cuồng.

Gió mang hơi nóng và khói bao phủ không gian và tầm mắt của người lính. Tân lấy chiếc khăn quàng cổ, lau những giọt mồ hôi vừa đọng trên trán. Cúi chỏ, đầu gối chàng đã trầy máu vào một lúc nào đó. Trận đánh đã được kết thúc mau chóng, tuy vậy, lệnh cho đoàn xe phải quay trở lại. Và chàng đang kiểm soát lại binh sĩ để bắt đầu sửa soạn di chuyển bộ. Chàng bắt gặp trên những gương mặt đồng đội một vẻ hân hoan tốt cùng. Chắc họ đã thấy rõ một sự may

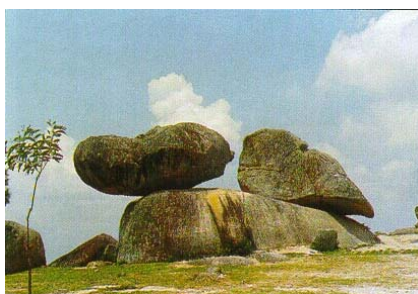
mắn kỳ diệu nào đó vừa đến với họ. Những lời bàn tán xôn xao nổi lên. Đằng sau họ, cả một đoàn xe hàng dài đặc, và hàng trăm người đang ló nhỏ đằng sau các hố hầm thiên nhiên tạo bên đường. Vẫn chưa có một ai dám mò lên. Trận địa lại bắt đầu yên lặng lạ lùng. Tân ngồi trên mỏm đá nhìn quang cảnh ngọn đèo một lần cuối cùng. Bất chợt trong thình không lại in đầy những cánh én. Càng lúc chúng càng nhiều hơn. Chúng lại tiếp tục nô đùa, múa lượn chẳng khác những ngọn pháo bông. Cả ngọn đèo hầu như rợp đầy cánh chim mùa xuân ấy. Tân cười bảo với người tài xế:

- Bác có tin với tôi, chúng ta được một phép lạ...

Người tài xế già gật đầu rồi làm dấu thánh giá. Còn chàng, chàng vẫn say đắm theo dõi đường bay của một cánh chim tuyệt vời. Nó đã bắt đầu từ già núi rừng để bay trở về hướng biển khơi. Chàng gọi thầm cùng người yêu dấu: Em ơi . Em ơi ...

THT đọc lại sau 40 năm: Truyện này được đăng trên giai phẩm Văn trước 1975, lấy chất liệu thật từ một trận phản phục kích trên đèo An Khê. Sau trận này đơn vị chúng tôi nhận được huy chương Hoa Kỳ do Sư Đoàn 1 Kỵ Binh Không vận HK đề nghị.

Những người viết trẻ thuộc thế hệ chiến tranh đã trả một giá rất đắt cho văn chương thời chiến là như thế đấy...



The male and female rocks – Dao Hoa Nu

CẢNH CỬU

Thư từ Tuy Hoà

Hắn chết được vài ba hôm thì có một bức thư gửi cho hắn. Thật là một sự muộn màng đáng tiếc. Phải chỉ sớm hơn chừng ba hôm thì hắn có thể đọc vào giờ hấp hối. Thật ra sự đọc trong cái khoảng giao thời sống chết đó không giúp hắn hiểu gì. Nhưng dù sao cũng có hắn đọc. Thế còn đỡ hơn. Đằng này thư không ghi địa chỉ người gửi, chỉ đóng dấu Tuy Hoà nên cũng không biết ai mà gửi trả lại. Bức thư thành ra cứ bỏ nằm đó mãi hăm một ngày sau mới được xé ra.

“Tuy Hoà ngày tháng. Anh. Nhận được thư anh hơn một tháng rồi nhưng vì đau không trả lời anh được. Hôm đau tôi tưởng chết rồi chứ, đau một tuần bớt rồi tôi đi dậy và đau lại nặng quá. Tôi định viết thư cho anh hay. Anh hay thì anh có khóc giùm cho tôi không. Chắc không vì anh bận đi chơi chứ thì giờ đâu mà nghĩ đến tôi.

Anh ạ. Tuy Hoà bữa nay gió nhiều, tiếc rằng không

có anh ở đây để thưởng thức làn gió anh ưa thích. Tháng bảy gió nam gió nồm quay rần rật. Ra khỏi nhà là tóc rối tung thành ra lúc nào trên tay cũng sẵn một cái lược. Thật là phiền phức. Nổi bực dọc nữa là cát bụi bay mù mịt. Tôi phải đi mua một cái kiếng và một cái dù xếp. Tôi cẩn thận lựa chọn làn gió mà đi thể mà vẫn bực.

Anh có nói mùa xuân tàu chạy trên cầu cao, gió dũi dũi trên mặt sông mát lịm. Những con cá non tơi óng ả bơi trong dòng nước trong veo bình thản. Những con cá lúi đó kho mẩn mẩn với hành trên bếp mới nhắc xuống hơi nóng còn nghi ngút ngon lắ, nhứt là ăn với khoai lang mới nấu. Thiệt là kỳ cục. Anh đã ăn lần nào chưa mà mô tả tài vậy. Ở đây tôi mượn những lời đó mà giảng cho tụi học trò. Chúng cười ngất nghẹo. Chúng hỏi: Bữa nào cô đãi tụi em đi. Tôi lúng túng quá.

Con sông Đà Rằng chảy qua cây cầu một ngàn hai mươi thước đó làm anh mê à. Mùa mưa nước lênh lánh bao la thật. Cũng mùa mưa nước đổ dầm dề gió bắc cắt da chỉ còn con sông Đà và chòm núi Nhạn là tương phùng như trong chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh. Cá ồ ồ ngoài biển dầm chèo vào với bánh tráng trong thành phố đó anh ạ. Con tôm hùm to kinh khủng. Những con cua biển luộc đỏ au, gạch vàng choái, thịt ngọt lắ. Anh biết không: Nội một cái kẹp di động trên cái cang to đó cũng đủ mê rồi. Nó cong và nhọn như cái sừng trâu, trên đó có những răng cũng nhọn không kém. Gần trong góc nổi lên một cái u no tròn hấp dẫn như con bò mộng đây u hùng hổ vậy. Tụi trẻ con ở đây lấy những cái sừng ấy để đấu xảo với nhau và nhiều khi khích nhau bắn lộn đến chảy máu tay – Anh có thích trò chơi ấy không.

Anh có nói hồi đi ngang đó thấy người ta bán cục

cơm vắt và cái đùi gà to tướng mười đồng. Sự thật cũng có như vậy anh à. Nếu anh muốn tôi ra ga mua gửi cho anh. Cục cơm đó không biết có ích dụng chi cho anh không, chứ ít ra nó cũng tố giác với anh vài điều về quê hương tôi.

Con sông Đà Rằng uốn khúc tự Cao nguyên xa. Nó mang về đây ruộng lúa đập Đồng Cam sau khi đã bỏ đất đen miền nhiệt đới Cheo Reo. Ruộng lúa có xanh tươi thật, bông trái có trĩu cành thật. Nhưng đó chẳng qua là một cái gì nhỏ bé của xứ Phú Yên này. Cũng như những lật vạt tôi vừa kể trên chỉ là để khôi hài.

Xe ra, sau khi đổ dốc đèo Cả thì bắt gặp ngay Hảo Sơn, đất bị úng phèn. Mùa hè khô cáu, đất lại chát cở cây không mọc nổi. Nhà ga, đồn canh cũng phải bỏ đi. Tuy An những hòn núi trọc rơi vãi bê bối khắp vùng. Nước cuốn đi chỉ còn sót lại những sỏi đá và gai găng. Nông dân đã hì hục nhặt những hòn đá đắp lại tam cấp để gieo những hạt bắp xấu đau, vàng như nghệ. Nếu anh muốn học “culture en terrasse” thì cứ ra đây. Nhưng chớ đừng ước có đất như vậy mà đem áp dụng kiến thức của mình, tội nghiệp lắm.

Con sông Đà Rằng cũng đem đến nhiều xói lở ngập lụt thảm thương. Hồi hoà bình mới tái lập, cầu chưa có xe cộ bị bao nhiêu con phà ngăn trở. Nước đi rồi những màu mỡ mùa màng cũng bị kéo ra đại dương. Nhưng chán nhứt là phải chịu đựng cái mùa đông. Mưa gió vui đập tàn bạo làm tôi rầu thúi ruột. Đi tới đâu cũng ướt nhem nhép; ướt mê mết. Chiếc áo mưa nào cũng vô dụng. Nước thấm ngày này qua ngày nọ làm nó nặng lên và mặc vào thì âm ỉ khó chịu. Thành ra nếu không đi dạy thì trít ở nhà không đi đâu được. Mà nằm nhà nghe mưa gió gào thét bên ngoài, nghe lạnh chạy dài từ dưới chân lên đến cổ. Cô đơn lắm tôi không chịu được. Buổi tối tôi không dám tắt đèn. Tôi

sợ bóng tối, sợ những ám ảnh ma quái dị kỳ. Những con bọ rầy, những con phù du bu quanh bóng đèn làm tôi thêm sự liêu lĩnh của chúng quá. Biết là xem vào đó sẽ chết. Nhưng thả chết như vậy còn yên ổn ấm cúng hẳn hơn là chết dần trong cái lạnh lẽo cô đơn trùng điệp này.

Đằng nào cũng chết, mùa đông không chết mùa hè cũng chết. Anh có thấy Tuy Hoà là bãi cát mênh mông những gai lười long và cỏ may lẫn lộn. Nắng nóng làm cát bỏng dưới chân. Gió nam quét mạnh làm bụi cát bay tứ tung. Những con đường phố, những đầu tàu, những mái nhà, những phu xe, những con người nghèo khó áo đen nón lá và cát bụi vò trộn quay cuồng thảm hại. Hãy tưởng tượng đến một thôn làng: Nhìn ngoài có vẻ phong phú dừa xanh lúa tốt. Nhưng bên trong, mùa gió cát bay như mây... Những đồi cao ngất lặn lặn tràn xuống xóm làng làm sự sống nhỏ nhoi vô nghĩa.

Mà thật vậy sỏi cát đã chiếm hết những thoi đất màu mỡ, cây cao lên không nổi, lá mỗi ngày một lụn tàn. Sự nghèo khó đến gõ cửa thường xuyên, cơm thì gạo ít mà ngô khoai nhiều. Đậu mè, đậu phụng trộn với muối ran là món ăn đắt giá. Chắc khi đọc thư này anh có ăn cục cơm và miếng thịt gà tôi gửi theo thì dù cho cơm đã thiu thiu, thịt gà đã dai nhách cắn không bẻ nhưng chắc cũng đỡ hơn cái sống ở đây nhiều. Nó là cái tinh hoa của xứ sở tôi đãi du khách đấy.

Buổi học chiều như thế là đã tan. Tụi học trò ra về gần hết. Mấy đứa nhỏ nhút la cà với mấy hòn bi chai cũng xách cặp vẹo người, lai rai trên con đường nhỏ đầy cát dẫn vào xóm nhà nghèo khó. Cát bụi chốc chốc lại làm chúng lão đảo. Tôi chống tay ra khỏi bàn thần thờ, không biết đi đâu. Bây giờ về nhà còn sớm

quá. Tôi sợ phải đối đầu với căn nhà trống trải lạnh lùng đó.

Chiếc cổng trường dần dần cao vút qua khỏi đầu. Tôi sợ nhớ cái cổng ra ga và tôi đi đến đó để mua cục cơm và miếng đùi gà gửi cùng cái thư này cho anh.

Sân ga thực ra là cái thềm ga cũ bị phá hoại hồi kháng chiến bây giờ chưa tái tạo nổi loang lổ tồi tàn. Con tàu mới chạy khỏi. Một làn khói đen bị gió thổi lên cao. Mấy người bán hàng rong uể oải ngồi bên thúng đồ. Có người soát lại những món hàng của mình rồi như nghĩ ngợi. Họ vui mừng với những con tàu đến để rồi buồn rầu với những con tàu đi. Lòng họ trống không, mất mớ như hồn tôi mớ theo con tàu hăm tám Tết năm nay.

Buổi trưa tôi lên ở ga này thấy anh đang gặm bắp đó. Hồi còi run rẩy lia ga xép. Con tàu thì chạy anh thì nhai dễ thương chi lạ. Tôi đâm ra yêu cái thân xác run run của con tàu, tiếng động rêm rêm trên đường sắt và người đồng hành biết thưởng thức hương vị quê hương mình - biết đâu đó cũng là sự chung tình khá ái !

Con tàu xa dần xa dần phố nhỏ và đi vào những vùng quê nghèo khó. Cái hãnh diện của tôi cũng theo vòng quay của bánh xe. Những ngọn đồi hiện ra trong tầm mắt làm tôi thấy buồn. Chúng trơn trượt, khô cằn, héo úa trong tâm hồn tôi bấy lâu. Tôi sinh ra trên đó đương nhiên phải thừa hưởng. Tuổi hoa bướm của tôi đã đi xa rồi và còn đi xa nữa như con tàu đang chạy.

Ánh nắng buổi chiều vào toa tàu oi bức quá. Con tàu uể oải dừng lại ở một trảng rừng thô để nhường cho một đám người đi qua. Sự dừng lại đó thật bất đắc dĩ – tàu hỏa có dừng như vậy đâu. Nó hậm hực phun những tàn lửa và thét inh ỏi, vang động núi rừng. Đám người đó khiêng một thầy người trên cái vồng

máu me loang lổ trên áo trên mặt trên thân hình. Ruột thì lòng thông thật dị hợm. Người ta ngỡ ngác hỏi tại sao. Ai mà biết được. Hẳn là một tên giặc, một tiểu phu hay một người thường nào đó đi lại trong vùng núi kém an ninh, những người có phận sự kêu, hơi gió làm hẳn không nghe (đó ích lợi của làn gió anh ưa thích đó) hay cố ý không nghe nên bị bắn. Tông tích hẳn ra sao ai mà biết được. Vài người mũi lòng khóc xụt xịt. Thật là một sự thương tiếc chưa xếp loại. Nhưng dù sao đó cũng là một phần thương yêu của những con người trên cùng một quê hương. Tôi cố giấu những cảm xúc vì quen thấy rồi. Tôi chỉ ghi nhận rằng những người ở đây hiền lành chất phác lắm. Sự nghèo khó trên gương mặt họ cũng phản ánh đời sống cui cút chịu đựng ít tham vọng của họ một phần nào.

Con tàu vẫn lằm lũi. Cái thân hình be bét máu cũng lụi xa. Núi rừng trùng điệp. Mặt trời chiếu ngang thân một ngọn đồi phía đông. Dưới chân nó một làng nhỏ nằm kề. Người ta tưởng có một sự yên vui giữa chốn thâm sơn cùng cốc này. Nhưng không. Những tiếng nổ loạn xạ phía trên sườn đồi phía trong ấp, vài viên đạn lạc bay vèo vèo. Con tàu phì phì khói chạy nhanh như sợ mình sẽ bị vạ. Người ta xôn xao sợ hãi. Vài người thành thạo nói: Có chúng xuất hiện, hai bên choảng nhau đứng trên tàu thấy vậy chứ còn còn xa không phải phục kích tàu đâu.

Và tàu đi trong lòng rừng núi. Ngột ngạt. Người ta ra hành lang nhìn cây lá. Tôi đứng cách anh bằng một ông cụ. Ông cụ bàn chuyện chiến tranh còn anh thì anh kê vụ tàu lật sáng qua ở Mường Mán. Đầu con tàu dí bẹp vào một ụ đá cao, hai hàng bánh xe phoi lên như những chân một con rít. Máu còn đọng vũng trên sàn xe. Có một cái mũ cối nát bẹp. Mấy đoạn

đường rầy xe lửa cong queo và con đường hùng một lỗ to. Tôi nghĩ chắc anh nghe ai kể chứ thật như vậy sao anh ra được đây. Chắc là anh không biết gì về những vụ đó. Nhìn mặt mày anh người ta chỉ biết độ-nhảy-twist thôi. Ông cụ cũng không biết gì. Chiến tranh mà ông bàn đó nó khác bây giờ.

Con tàu ngược gió. Ông cụ đã vào trong. Tôi biết anh cũng muốn vào nhưng muộn rồi. Tôi đứng chận đây. Đầu đằng kia là cuối con tàu. Anh chạy đằng trời nào. Tôi khoanh tay ra sau tì lưng vào thành tàu ưỡn người.. Ngực tôi lộ lộ. Gió tung vạt áo trước tôi đi xa thấy rõ hàng nút xẻ dọc trên quần. Gió càng mạnh làm vạt ở hai bên đùi tôi mỏng thêm và chiếc xì-líp dây cộm kinh khủng. Tôi biết nhưng cũng chẳng buồn sửa lại. Cuộc chiến tranh nào bi đát bằng cuộc chiến tranh này.

Con tàu chui qua dãy Cù Mông. Hầm tối đen. Hơi lạnh làm tôi rợn người. Tôi muốn ôm chặt lấy anh cho ấm chút đỉnh. Tàu ra khỏi hầm. Khói tàu làm anh cay mắt. Anh lấy tay dụi dụi. Tôi đưa chiếc khăn tay cho anh.

Hoàng hôn đổ xuống núi rừng. Tàu chạy ngày càng sâu trên đất Bình Định. Tôi chỉ cho anh vài tên vùng đi qua: Vân Canh nhiều thượng. Diêu Trì ngã ba. Cầu Đôi nước đứng. Tháp Chàm gạch đỏ và núi Qui Nhơn lở lói. Nhưng chắc anh không thấy gì.

Cục cơm và miếng đùi gà nặng trong tay tôi. Sân ga vắng tanh. Một con chó đứng giữa đường rầy ngửi ngửi vào những thanh sắt rồi hình mũi ngó mong, buồn rầu. Trời chạng vạng tối. Tôi quay mặt trở về thành phố. Mắt tôi nhòa đi vì nước mắt hay vì gió hoét cát bụi tung mù mịt. Có lẽ đủ thứ và cả những lũng tối đen phủ lên những mái nhà trước mặt. Tôi cố

tìm một ánh đèn thật sáng để tin rằng đây là thành phố Tuy Hoà – ít ra nó cũng như Qui Nhơn chứ.

Tôi đó đáng lẽ tôi thấy kệ anh, mình về nhà tắm rửa, ngủ một giấc cho khoẻ. Nhưng thấy anh làm tôi thương quá. Tôi hỏi anh đi đâu. Anh nói vào ga chứ đi đâu nữa. Vào ga sao lại đi tuốt đặng này. Anh chỉ cái nhà cao có đèn nê-ông xanh đỏ: Không phải ga đó sao. Tôi rưng rờ: Rạp xi-nê KK. Anh không thấy chữ đó sao. Anh nói tưởng đó là chữ quảng cáo li nhi quá. Tôi lại buồn nhà ga thì thấp hơn con tàu, tôi ôm làm anh không biết đâu mà đến. Còn rạp xi-nê thì diêm dúa màu mè, cái diêm chính không hiện rõ làm người ta phải làm tưởng. Thành phố những miền này như thế cả. Nó chấp nối, vay mượn không ra cái thể thống gì. Chiến tranh dày vò, dẫm đạp nó quá nhiều làm sao nó giữ được một truyền thống. Nhưng Qui Nhơn còn hơn Tuy Hoà tôi nhiều.

Tôi hỏi anh về đâu. Anh nói về nhà một thằng bạn đường Võ Tánh. Tôi hỏi anh đã đến lần nào chưa. Chưa. Tôi sợ anh lại một lần nữa làm lạc nên tôi đã đưa anh đi tìm. Té ra nhà bạn anh ở sát vách đường Gia ong con phố chính của Qui Nhơn. Tôi đâm ra chùng hững khi đứng trước căn nhà ấy. Phải chi một căn nhà nào khác khó kiếm tôi sẽ chui anh vào một phòng ngủ nào đó để bẹp anh ngạt thở chết cho rồi. Nhưng thôi được. Nghe người nhà của bạn anh nói: “Nó vừa ra mua báo đấy, cậu đưa tôi cất đồ cho, vào sa-lông nghỉ đi”. Tôi nảy ra ý định dẫn anh đi phố và tôi thực hiện liền. Anh bằng lòng. Tôi mừng ngoan đấy. Hay là anh sợ cô đơn trong căn nhà xa lạ, bộ sa-lông xa lạ. Nhưng tôi cũng xa lạ sao anh chịu đi. Ý nghĩ đó làm tôi mừng hơn.

Anh đi bên tôi như một tin đồ ngoan đạo. Thành phố Qui Nhơn không có gì làm anh kinh ngạc. Tôi ức

nghe cô. Chốc lát con phố Gia Long đã cạn. Những phố khác không đèn. Biết đi đâu bây giờ. Tôi thương tiếc tôi. Tôi thương tiếc cái thành phố này. Chỉ còn cách dẫn anh xuống bến tàu trần nước cho ngộp thở bỏ ghét chứ đi đâu nữa. Không hiểu sao tôi lại đưa anh vào một hiệu kem đường Phan Bội Châu, khúc gần Võ Tánh. Có lẽ vì đã gần nhà bạn anh rồi, kéo dài ít phút cũng chẳng sao. Tôi kêu một ly nước trái cây còn anh thì nâng nâng uống chai nước ngọt. Anh lơ đãng nhìn một cặp đang ngồi góc phía trong. Tôi trả tiền. Anh đòi về. Tôi biết anh khó chịu khi ngồi với tôi. Anh thích đi phố với những đứa học trò của tôi hơn là tôi. Anh lại nâng nặc đòi người chủ quán lấy thêm một lần tiền nữa. Thật anh không chịu tôi một tí nào.

Tôi đưa anh về. Anh nói già từ mai đi Đà Nẵng. Tôi đề nghị anh ghé lại tôi chơi một tí. Về nhà tôi thuyết phục anh đình lại chuyển đi một ngày để thăm Qui Nhơn cho biết. Tôi vui mừng một lần nữa và đêm về khó ngủ như con học trò tuổi mười lăm.

Không biết đêm nay tôi về có ngủ được không. Chắc là gió sẽ đập mạnh vào cửa. Và buổi sáng dậy không còn là buổi sáng Qui Nhơn. Tôi chưa kịp chải tóc anh đã ập vào nhà lôi tôi đi. Tôi chỉ kịp nói với với người chị: Em ra phố chút xíu. Tôi hỏi anh đi đâu. Anh nói đi đâu cũng được. Tôi nhớ đêm qua mình đề nghị. Tôi do dự một lát, đi đâu bây giờ... Thành phố này chỉ có một cảnh được: Gành Ráng. Tôi đành đưa anh tới đó. Cũng là một dịp cho anh biết đất nước quê hương. Tuổi anh cần phải học, học thật nhiều đủ thứ - tôi nghĩ như vậy. Lâu đời mới có một chuyến xe ra Trung hi hữu. Anh chỉ mới biết xe lửa lặt ở Phan Thiết, chết chóc ở Phú Yên và thành phố tối tăm này. Anh phải học vài điều nữa. Chừng ấy thả anh đi chưa

muộn.

Gió buổi sớm lành lạnh. Biển xanh dưới sâu. Trên cành cây lá còn nắng sương mai. Tôi thấy run ở hai hàm răng mình. Rồi nắng lên óng ánh. Anh đọc vài câu thơ tôi nhớ đăng trong mấy tờ báo trẻ. Anh nói chuyện trời mây non nước. Ý thức tôi mơ hồ về thời gian không gian. Và anh dang hôn tôi dưới nắng chói chang. Tôi kinh ngạc. Tôi đâu dễ dàng để anh hành động như vậy. Tôi xô đẩy anh và bỏ chạy. Anh đuổi trong đám rừng cây. Cuối cùng tôi nghẽn lối, chênh vênh trên một chòm đá cao. Dưới kia là hố biển sâu. Tôi đòi nhảy xuống đó. Anh khổ đau quì dưới chân tôi. Anh nói gì nói gì. Gió biển thổi vào lồng lộng. Những cuộn mây đâm vào núi cao như con chim mù đâm vào ghềnh đá. Thành phố Qui Nhơn xa lắc và thấp bẹp. Tôi biết kêu ai. Tại sao tôi dẫn xác đến đây và giờ gào kêu cái gì. Tôi bủn rùn chân tay. Tôi sụm xuống sụm xuống cho đến khi mềm nhũn trong tay anh. Anh đã hôn tôi không sót một khoảng thịt da. Buổi sớm tôi còn mặc thêm một áo lót mà sao cái hôn anh vẫn thấu suốt. Chiều hôm qua tôi trông gió nâng vạt áo thật xa, thật cao và vạt quần được ép thật sát vào da. Lăn chiếc xì-líp nổi kinh khủng mà tôi vẫn chưa thấy hài lòng. Sao bây giờ những thứ nghi trang của tôi tan biến đi đâu mất.

Khi buổi chiều tôi lớn cao già dặn còn anh thì ngu ngơ mười chín tuổi. Buổi sáng anh vụt cao lên đề bẹp tôi. Anh ăn gian với cái tuổi hăm ba ấy. Những cử chỉ anh vùng thoát tự đam mê sâu thẳm. Anh đam mê buổi sáng. Tôi đam mê buổi chiều: Mỗi người đam mê ở một lúc khác nhau, phải chi nó trùng lại một thì đỡ khổ biết mấy. Nhưng dù sao anh cũng đã lấy hai cái tuổi đó để đóng khung cái tuổi hăm mốt của tôi. Tôi thấy ấm êm lạ thường. Anh siết chặt tôi đến

nghet thở muốn gãy xương. Anh ôm giữ tôi chờ mặt trời lặn. Nhưng rồi mặt trời đã lặn và anh cũng không được gì. Tôi biết, tôi hiểu và tôi thương anh. Nhưng tôi cũng thương tôi chứ. Đó là cái quyền có ở mỗi con người.

Anh đưa tôi về. Gió thổi mát. Trời hoàng hôn đẹp chỉ lạ. Tôi bằng lòng tôi. Tôi vịn vào anh mà đi những bước đi nhỏ. Anh hỏi xin tôi cái hình để mai đi. Tôi hẹn anh tối đó.

Buổi tối tôi chờ anh. Những giờ khắc qua đi qua đi trên cái đồng hồ nhỏ xíu nơi tay. Tôi không thấy anh đâu cả. Tôi thương cái đồng hồ và cườm tay tròn nhỏ của tôi. Tôi ước ao có anh đến để anh hôn tôi dưới bóng cây này hay mình vào xi-nê hôn nhau trong bóng tối. Tôi thích như vậy. Những chiếc phi cơ lên xuống ở phi trường đèn đỏ chớp chớp nhoè nhoè như những con bướm lửa. Bầu trời mênh mông và một màu đen khảm kín. Sân ga vắng tanh. Đèn phố có chỗ không. Tôi cô đơn quá. Tôi khóc một mình.

Tôi nhớ sáng anh đi Đà Nẵng. Tôi ra ga chờ đón. Nhưng cũng chẳng thấy anh đâu. Tôi buồn tủi trở về và tôi đã xách đồ ra ga về Tuy Hoà chuyển xe mười giờ. Chị tôi hỏi: Sao em nói ra ăn tết với chị bây giờ lại về. Tôi không biết trả lời sao. Bây giờ là hăm chín tết. Chiều nay họ trước ông bà. Tôi vẫn đi

Những ngày tết đã qua nhanh. Tụ trường đã hai, ba bữa gì rồi. Tôi giảng bài, những khuôn mặt quê mùa ngờ ngạc. Người tuy phái gỗ cửa nói có thư cô. Tôi đón nhận cảm ơn nhiều. Tôi đọc qua tên tôi và không thấy tên ai gửi. Những con dấu Sài Gòn làm tôi biết thư anh. Tôi ép nó vào giữa hai trang sách. Tôi hỏi hộp quá chừng không biết anh nói những gì. Lời giảng tôi cố hiện lành dịu ngọt mà những cặp mắt

chúng ngỡ ngác như lạc trong bãi sương mù, tôi không biết mình ngu hay chúng dốt. Tôi mong cho hết giờ.

Anh hờn trách tôi, tôi hiểu. Lẽ ra anh không nên hờn trách tôi mới phải. Anh có nói ngày vô. Tôi tính giờ khắc con tàu đến và lấy vé Tuy Hoà – Nha Trang cùng với người chị. Anh nhận ra tôi trên tàu. Tôi ra dấu anh dừng lại. Chị tôi biết rồi. Anh cũng dừng oán trách chị. Chị không muốn tôi trở về như hôm ở Qui Nhơn vậy. Chị có quyền thương em gái chị cũng như anh có quyền thương thân xác anh. Suốt mấy trăm cây số con mắt tôi không nói được gì. Con tàu chạy qua Vũng Rô. Biển dưới sâu xanh biếc phẳng lặng như bản thủy tinh, phản chiếu ánh mặt trời. Nó yên lặng quá, đăm đỗi quá. Nhưng mắt tôi có phản chiếu được gì như nó chẳng. Tôi thấy hoàn toàn lẻ loi đơn độc như hòn đá Mẹ-bồng-con chới vợi giữa vũng để năm tháng đi nhanh trên vai tóc khác nào lông nhanh vào những ký ức nhớ thương.

Sao anh không xa hơn một tầm tay mà tôi không bắt được. Sao anh không đọc hết niềm yêu thương trong ánh mắt tôi. Tôi yêu anh yêu biết nhường nào như quê hương yêu anh yêu mê mết mà anh đứng đưng, nguội lạnh. Tôi buồn như những đám dương vùng Đại Lãnh. Tôi khóc như mưa chiều về với núi Vọng Phu.

Anh thấy tôi xuống ga Nha Trang, anh vội vàng xuống xin trưởng ga nghỉ vài giờ. Tôi nhận được lời hò hẹn của anh nhân khi chị tôi không để ý. Tôi ra xe không kịp cho anh biết. Tôi khó lòng mà đi với anh đêm nay. Sao anh hờ hững rồi lại đam mê. Tôi thì bị đóng khung chịu tháng ngày dốt cháy. Chắc anh giận vì hôm đó không gặp anh. Tôi cũng không biết sao cả.

Buổi sáng ở Nha Trang tôi đi dạo ở Cầu Đá, bên kia núi cao chót vót làm biên bên này sâu thăm thẳm. Tôi đứng trên những hòn đá con con, nước lấp lém bao quanh, rong rêu mọc dưới đó. Những con cá bé tí ti xanh đỏ bơi qua bơi lại trong khe. Mặt nước biêng nhác. Biển mở rộng ra đại dương. Cầu tàu từ đất liền trườn dài chúi mũi xuống nước sâu. Trên trời những cụm mây trắng lang thang. Tất cả đều không nghĩ đến tôi. Tôi cô đơn như biển sâu, như núi cao, như mây trời trắng bệch. Có anh ở đây không. Anh ở đâu bây giờ?

Buổi chiều tôi ra bãi bể. Gió làm lá khô lăn lăn. Những đợt sóng ra vào liếm ướt viền cát, xoa đi công trình của những con dã tràng hay dấu chân hai người mới in song song. Vài con còng xanh đỏ như những nhân vật tuồng tàu xiêm y rực rỡ, rụt rè ở cửa hang. Người ta nhớn nhoe nhiều quá làm chúng hoảng sợ hay người ta tươi trẻ quá làm chúng thấy già nua ngượng nghịu. Tôi ngồi thu hình với con cháu bé đầu óc trống không. Ý thức gần như loảng theo sóng nước ra khơi. Có tiếng hát từ một cái bar: *Who's sorry now, who's sorry now*. Tôi nghĩ: *Where are you? All alone, I'm sorry*.

Rồi một ngày qua một ngày lại. Hương khói mùa xuân còn nghi ngút ở Tháp Bà. Tôi đứng trên những tam cấp nhìn xuống cầu Xóm Bóng cong cong. Nước dưới cầu lặng lẽ. Chì rù tôi sang Hòn Chồng. Tự dưng tôi thấy rùng mình: Cũng như cầu Đá là nhiều. Tôi mỗi mệc quá chừng. Tôi muốn xuống an nghỉ nơi chiếc cầu và nước sông kia.

Mùa xuân đã đưa đẩy tôi vào bóng tối.

Tôi bỏ thành phố chết đó sau hai ngày. Tôi lại chui vào mái trường chật hẹp, nhỏ nhoi và bị đóng khung trong đó như thành phố Tuy Hoà nhốt trong tỉnh Phú

Yên và tỉnh Phú Yên nhốt giữa đèo Cả và đèo Cù Mông. Bên này là đại dương, bên kia là Trường Sơn tù túng. Tôi tiếc đã xum xoe chạy ra phía bắc, chạy vào Nha Trang phía nam để cuối cùng cũng hoàn lại đây.

Ngày tháng đem lại cho tôi những mơ hồ: Quê hương hiền lành chất phác mà sao mãi chém giết hận thù. Anh là người Qui Nhơn mà sao không biết một tí gì về thành phố đó. Tôi thì yêu anh mà sao không được dự vào một phần đời sống anh. Tại sao chúng ta bị đưa đẩy vào những nghịch lý như vậy để rồi đơn độc trong những cuộc hành trình không mấy chi đẹp đẽ: Quê hương đang đi dần cái đói khổ, điêu tàn. Tôi đang đi dần vào cái già nua, nhục nhã. Còn anh, anh đang đi dần vào cái gì? Tôi nghĩ là anh đang đến thăm tôi. Con đường từ trong đó ra đây chắc không gì nguy hiểm?”

Lá thư sau đó được đem đốt thành tro, những cánh tro mỏng manh nem theo gió bay đi dọc con đường ngắn, không có gì nguy hiểm cả.

(trích tạp chí VĂN số 45)

Sơ lược tiểu sử: Chúng tôi rất tiếc không có tài liệu về tác giả này. Bài văn trên được xuất hiện vào khoảng cuối năm 1965 gây nhiều xôn xao trong giới cầm bút, về chỗ đứng của những người viết trẻ sống xa thủ đô, đặc biệt miền Trung. Sau 1975, không còn nghe tên ông nữa.

LÊ VĂN THIÊN

Một lối tiện lợi

Ngự đến ngồi bên trái tôi, chị kín đáo ngó xuống hai gối mình, vuốt nhanh mấy sợi tóc phủ trước trán rồi mới cầm đĩa. Bà cụ bung cây đèn lớn từ nhà trên đem đặt lên tủ ăn. Độ này điện hay cúp bất thường nên phải phòng hờ. Tiền đang xóc đĩa lọc xóc, thấy vậy la lên:

-Cụ lo xa quá, chắc chi điện tắt mà cụ lo.

Phàm trùng mắt:

-Lo thì sao. Mà chọn gì trong bó đĩa dữ vậy, ồn ào.

-Tìm hai chiếc đĩa đồng nhau, ăn đĩa so le xóc hông – nó cau mặt – đùa tí, gì mà ồn ào bà.

-Mày đùa với cụ hử? Phàm sùng sộ.

Viết bung chén xới xới cho cơm rời, la:

-Thôi giảng hòa đi. Mời anh Trạng, mời quý vị.

Bà cụ ra ngoài, Tiền thấy, kêu đón:

-Ồ, cụ không dùng cơm luôn.

-Tối tao ăn sau. Mới làm miếng bánh lúc xế, giờ còn nằm trong cổ.

Chị Ngự nói:

-Lâu lâu lại nghe bảo thức ăn nằm nơi cổ. Bánh chặn cổ mà cụ thở được.

-Có lý chứ. Miếng bánh chỉ kẹt dính một nửa thực quản thôi, bên nửa còn lại trống tha hồ thở – Tiền nói xong cười hích hích.

Cái bàn rộng bằng hai chiếc mâm, vừa dùng làm bàn vừa làm mâm. Chân nó quá thấp nên người ngồi thật khó tìm một lối ngồi thích hợp. Lần đầu ăn chung với tập đoàn này, tôi cố tạo cho mình một tư thế vững vàng, đẩy sự ngượng ngập đi xa, để khỏi mất mặt. Dù

gì mình cũng là phải mạnh. Lại nữa là lính, lính tráng yêu chúng cười vào mũi. Tôi cẩn thận lừa cơm, cẩn thận gấp cá, và từ tốn múc canh chua. Tiền vẫn giữ tính làm rộn của nó:

-Ngày nay có mấy người để chị Phàm?

Phàm giả lơ, chăm chăm ăn, dù hai người ngồi gần, tay muốn thúc vào hông nhau.

-Mùa lạnh thiên hạ gieo giống, để mùa nóng gặt. Bây giờ còn là mùa nóng – Tiền gật gù như ngẫm nghĩ, rồi thêm – trách gì thấy chị Phàm làm phờ người ra.

Viết xì:

-Tiên sư, bà dốt. Sắp tháng chín mà kêu mùa nóng. Trời xụt xịt muốn trút nước đến nơi kia.

Chị Ngự ăn uống chậm rãi, không chú ý đến bọn nhỏ.

-Mùa mưa lính khổ lắm anh Trạng hi – Viết hỏi.

Tôi ậm ừ:

-Khổ, thường bị ướt.

Tiền bắt bẻ:

-Như anh ai nói không được. Khổ là khổ làm sao chứ. Khổ thường bị ướt, dở quá, hi!

Hai đứa, Tiền và Viết xòa ra cười. Tôi cũng cười.

-Khổ lắm, nhưng thấy không có gì đáng nói. Ai cũng khổ cả. Như mọi người đang túng đói vì lương quá ít, mà mấy ai kêu than. Họ sao mình vậy.

Tôi lừa miếng cơm chót chén thứ ba xong đứng dậy, chị Ngự khẽ hỏi:

-Thôi à.

-Thôi.

-Anh mắc cỡ hả – Viết ghẹo.

Tôi nheo một mắt, làm như nguýt. Mấy đứa nhỏ dễ làm người ta mất bình tĩnh.

Xong bữa, trừ bà cụ, mọi người dời lên nhà giữa.

Phàm đem ra cho tôi hai tờ nhật báo và tập truyện.

Ngự mang chiếc xách đồ bày giữa nhà để làm thêm

một ít, theo thói quen trước khi ngủ. Chị soạn vung vãi những dao kéo, bột hồ, cùng từng xấp giấy báo lấy từ tạp chí cũ của Mỹ. Chị cắt, xếp, dán rất nhanh được hàng loạt túi vừa nhỏ vừa lớn. Túi dùng chứa nhiều món tạp nhạp tại mấy sạp hàng lề ngoài chợ.

Phàm kể hôm nay trực nhưng rất nhàn, chẳng có bà thân chủ nào lê tới làm rộn. Chắc hẳn nhằm ngày xấu nên thiên hạ không thèm đi. Nghề nào cũng lúc khổ lúc sướng. Có hôm từ sáng tới tối làm bù đầu, chẳng rồi để dùng cơm nữa. Một lúc đến ba bà sinh, năm bà chuyển bụng, và hàng tá đang thập thò đợi thăm thai. Tôi biết Phàm có mấy cô bạn đồng nghiệp khá xinh, tôi hỏi:

-Trông bà con sinh nở khổn khổ như vậy, quý vị chắc ngán vụ lấy chồng?

Phàm nhú mũi mấy cái liền, nhún vai:

-Sao lại ngán?

Như đề nghị chín chắn Phàm không tiếp ngay, tôi thích thú chờ.

-Ai cũng rõ chuyện đấy, nhưng rõ chỉ để mà biết rồi lo tí tí thôi. Nếu sợ thì nay dám không còn người để ... để đáp ứng nhu cầu chiến tranh.

Tôi cười cười. Phàm bạo dạn và ranh mãnh. Không hiểu do bản tính hay ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Bữa trước Phàm hỏi tôi:

-Tháng rồi về phép anh bắt cái vợ chưa?

Tôi lắc đầu. Phàm tỏ ý không tin.

-Tôi nghi sẽ phải lấy vợ miền này quá – Tôi vờ nói với giọng nghiêm trang.

-Có triệu chứng gì chưa mà nghi đấy? Nhưng anh đùa, sức mấy mà chê gái quê mình. Trâu ta ăn cỏ...

Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở về chuyện này. Mẹ nói vụ vợ con để trong nhà mẹ liệu cho. Hễ mầy ừ là khi về có sẵn vợ mà dùng. Đừng lấy gái người – không

hiếu vì sao mẹ chú trọng chuyện ấy. Mẹ bảo, sống phải biết tùy thời, mẹ ngại tôi chân chừ gia tộc sẽ tuyệt tự. Con một như sao treo bằng chỉ mảnh, dễ đứt dễ rơi. Mẹ làm như chuyện mua bán không bằng, thích lúc nào tậu ngay lúc đó.

Phạm bảo:

-Anh cũng chẳng lo gì, trai tráng sướng, không sợ muộn. Cực thân đàn bà con gái. Như bà Ngự bây giờ, hâm thiêu ế ẩm ngó mà ngán... nay đến nước cùng chưa chắc beo mà lấy.

-Cô bị thâm hóa vấn đề.

-Thèm bị quan. Tính toán thực tế đấy chứ. Nay, bấm đốt ngón tay làm con tính nhỏ thì biết. Các ông thi nhau ngỏm...

Tôi kêu:

-A! Phải rồi, con trai cũng có cái lo lớn đó chứ, lo ngỏm...

Im một lúc Phạm nói:

-Nghĩ thật kỳ, sao lại cần đàn ông đến như vậy hì. Sống son son một thân không nổi, không kham.

Rồi tán phét:

-Thời trước, thiên hạ nói, có vùng nọ toàn đàn bà ở một nơi rất cách biệt với các xã hội loài người khác. Họ cũng tổ chức qui củ, có vua quan thần dân đảng hoàng. Họ sống với nhau độc lập tự chủ như thế được khá lâu. Nhưng bỗng một ngày có lẽ một ngày giông bão mưa to gió lớn, vị vua không phải là đàn ông ấy ra lệnh cho đám thuộc hạ rằng trong vòng bảy ngày phải tìm cho vua một tên phái mạnh. Quá hạn không có sẽ lãnh tội mất đầu. Lăn lượt ra đi từng người. Nhưng rồi lần lượt những kẻ đó được xem như mất tích. Chẳng rõ chúng bị lạc đường, chết theo bờ bụi. Hay tìm không được sợ, nên trốn. Hoặc giả, các y thị tìm thấy mà lười mang về vua, để riêng một mình

khai thác. Chỉ biết vương quốc sau đó cạn người. Nữ hoàng buồn vô vàng rồi tịch... Tóm tắt, thì đàn bà sau trước cũng giống u mê, bụng luôn thích đời bị trị. Chị Ngự làm có vẻ không chăm lắm nhưng đều đặn. Trông Ngự ngồi có cái dáng cần cù nhẫn nhục. Chị đã ngồi như thế trong bao năm với sạp tạp hoá ngoài chợ. Hồi mới quen Hiếu, một lần tôi thấy ảnh chị Ngự trong ví nó. Tôi tưởng bấy ngỡ là bồ nó. Chị Ngự đẹp nhất nhà, chị trẻ, dáng điệu quý phái. Thấy thật không hợp chút nào với số tuổi lớn lao mà chị phải mang. Thăng Hiếu thương chị nhất. Bởi chị làm có tiền.

Hiếu thân tôi trong những ngày còn ở quân trường. Sau ra tôi được đổi về quê nó, nhưng nó thì lại theo một đơn vị ở xa, quá xa nếu phải về thăm nhà theo đường bộ. Con đường bị cắt đứt từng đoạn, như sợi cao su răng cưa chẳng chịt, tưởng không xài được nữa. Ba năm Hiếu chỉ về được một lần bảy ngày. Mỗi lần tôi ghé thăm, bà cụ lại nhớ Hiếu, và buồn. Sau đó tôi đi. Bà khóc. Bà cụ nói nhà đông người nhưng thật ra thì bên trong trống rỗng. Nếu chị Ngự không muộn màng chị đã theo chồng con từ lâu, chỉ còn mỗi một Viết. Chị em Phàm thì sống tùy ý thích, khi buồn thì hai đứa lại kéo nhau về nhà ở với mẹ. Bà cụ nhận xét lũ con gái chúng nó chỉ tạo nên một sự nhộn nhịp vui vẻ từng đợt. Có lúc thì ầm ĩ vang vầy, nhưng sau đó vắng ngắt, buồn lạnh. Nhà thiếu bóng đàn ông. Tôi nghĩ, chắc là đúng. Đàn bà con gái sống với nhau có lẽ khó tìm được sự thương mến thân mật thật tình. Ngày mới quen, một lần Phàm dịu giọng nói với tôi:

-Bà cụ em ruột mẹ Phàm. Tụi con Ngự là em, vai em, nhưng chúng ư làm cha lẫn đầy nghe.

Tôi không hiểu ư làm cha ra sao, tôi vẫn gật tỏ rằng đầy hiểu. Tôi thừa rõ nếu chẳng cần nhờ vả thì chắc

Phạm không trợ bên dì.

Nhà Phạm trước ở làng quê, cách với tỉnh lỵ. Thời này nằm ngay trong ruột phố may ra, chứ có gần chẳng nữa cũng vẫn dễ ngại. Làng quê gần thành phố, hay xa thành phố, cũng là làng quê. Nơi chứa sẵn ít nhiều khuấy động, bất an. Nay sợ giặc, còn trước kia thời mới xáo trộn thì sợ lũ độc mồm. Người mạnh khoẻ rục rịch đi hết, nên những đứa chức phận chút đỉnh còn rúc lại được dịp lên chân. Có những đứa lên đến nỗi đám bô lão, đàn bà, con nít nằm lại đã kiêng dè chúng còn hơn kiêng dè đám giặc núi. Làng xa quân nửa ngày đường bộ, cộng thêm rừng cây, trướng cát cùng sự ngu dốt của đám dân. Nên chỉ những giấy tờ muốn xin được mau phải nộp tiền, tiền trăm hay ngàn, gọi là lộ phí trả công các ngài chức việc. Công đập xe đi làm giấy cho. Thư người xa gửi về có thể sẽ không được nhận một cách bình thường, nếu trước đã làm các vị mịch lòng. Ai có con đi lính Quốc gia được nể một ít. Nhưng thành phần ấy cũng chịu phép lăm. Bởi ngại là nếu sau gặp buổi mạt, con tử trận thì vẫn còn có thể sống yên được. Quyền thế ấy muốn giam nhốt thiên hạ lúc nào tùy hứng. Ai mở mồm lớn hơn người khác thì kẻ ấy chính là địch nằm vùng. Cách thế yên thân, là im lặng dọn đi, bỏ nhà, dời lên phố trú ngụ. Phạm sợ một hôm nào sẽ bị gán ghép chức vụ này nọ, đại loại nữ giao liên, hay ráp tâm dụng kẻ mỹ nhân phá hoại. Nên giục mẹ đùm túm đi trước. Với lại, lên đây gần sở làm.

Trầm ngâm vài phút, Phạm lại nói về Ngự. Nói theo giọng tâm sự, nhỏ:

-Quanh năm lết ở chợ mòn dít. Sắp-ba-mươi đến nơi chẳng ai chịu khó rước cho xong.

Nhiều ngày tôi đã nghĩ mông lung về cái sắp-ba-mươi của Ngự. Ngự thật ít nói. Hay phải nói quá

nhiều với đám đông hỗn độn từ sáng tới xẩm, rồi về chị không còn thích nói nữa. Ngự có nụ cười thật đẹp, nhưng Ngự không mấy khi cười. Hay là cái sắp-ba-mươi đã khiến Ngự chẳng thể nào cười được.

Tiền rủ Phàm ra quán. Nhường chị đi trước, Tiền lùi lại tới rí tai tôi:

-Có một chuyện đại bí mật

Nó liếc chừng chị Ngự, véo tai tôi một cái:

-Muốn đây tiết lộ không?

Tôi ngờ vực, sợ mắc lừa. Tiền nhắm tít một mắt, cái miệng đẹp của nó chun lại nghịch ngợm.

-Này, mấy tháng vừa rồi ông lính không ghé thăm con Viêt nó nhớ, nhớ muốn phát đau. Báo hại phải nghỉ học gần tháng.

Tôi nạt:

-Xuyt, đa sự, bậy!

Cô nàng vụt chạy và cười đắc chí.

Đêm mai giờ này không rõ mình sẽ nằm ở đâu. Trên một ngọn đồi không cây, cỏ tranh phủ mịt, cuộn áo mưa lạnh ngủ đất. Hay trong một ngôi nhà sụp đổ nào của những xóm làng bỏ hoang. Hai ngày nghỉ qua lẹ không ngoài theo kịp. Trọn ngày ngủ yên trí chẳng ngại bị đánh thức bất thần, vì chó sủa, vì súng nổ, vì di chuyển. Đêm được quyền cời bỏ đồ ngoài, chỉ mặc quần cộc áo thun. Nằm ngủ mà tai còn mơ hồ nghe tiếng máy hát nhà bên cạnh, tiếng chiếc đồng hồ bàn gỗ nhẹ và đều, bầy ngỗng sau chuồng kêu bất chợt. Những thứ ấy tầm thường quá mà lâu lắm mình mới được gần.

Tay chị Ngự đưa lên đưa xuống, chồng bao giấy thành hình được xếp ngay ngắn cạnh lon hồ. Tôi sung sướng được sống những ngày thanh nhàn nơi đây. Bà cụ thương tôi như thương Hiếu. Hôm tháng Giêng sau lần đụng giặc dữ nơi làng nhỏ sát nách tỉnh lỵ,

chúng tôi được nghỉ một ngày. Bà cụ sai chị Ngự ra thăm xem tôi yên lành không. Ngự đi xe đạp, đem thêm mấy phong bánh với bốn tập truyện. Gặp tôi Ngự mừng rỡ nhưng hơi lúng túng. Lũ bạn đồng đảo của tôi lấp ló đằng sau làm chị nhát nói. Tôi cảm động, lần đầu tôi thấy Ngự ngượng ngịu. Tay mân mê bọc giấy làm như sợ mấy sợi cao su bong mất, chị thường phải quay nhìn nơi khác. Trưa đó, dù chị từ chối tôi cũng kéo được vào một ngôi nhà gần đó, bắt chị ăn một bữa cơm lính. Lũ anh em tỏ ý nghi ngờ, Ngự không có vẻ gì là chị tôi cả.

Bà cụ xem tôi như người nhà. Cụ thổ lộ, không hiểu đường tình duyên của Ngự ra sao mà gian nan bạc bẽo vậy. Từ mới lớn đến giờ cũng có vài nơi đánh tiếng, nhưng tất cả bất thành. Con nho lạ, nó không chịu ai hết. Nồi ngu độn, còn nằm chờ chi nữa. Từ ấy, đã mười năm hơn. Hay do cái tuổi Dần nó trót đa mang. Sách chép đàn bà tuổi Dần cao số. Kỳ tháng Chạp có người muốn thăm dò con Viết. Nhưng đâu được, để nó học. Với tiện thể để chờ chị nó ít lâu – mười năm nay. Mười năm. Một thời gian đủ để người ta thực hiện được vài chương trình thuộc phạm vi quốc gia, qui mô dài hạn. Bao nhiêu dâu bể. Từng ấy ngày đủ để những nhà cách mạng hoàn thành nghiệp cả. Nhưng, cũng số năm tháng đó đã không đem lại cho Ngự được một tấm chồng.

Chị em Phàm mang về bốn ly chè đá. Chị Ngự kêu còn no. Tôi cũng lắc đầu. Nhưng Phàm đã kéo tay tôi ra, nhét ly chè vào, ép buộc. Tôi kêu ép dầu ép mỡ ai nỡ ép chè. Tôi không cầm ly chè, mà bóp nhẹ tay Phàm. Mấy ngón tay thon và xinh. Tiền thì bỏ nhờ:

-Ăn đi nào, chờ người ta dứt từng muỗng sao... Ồ, mà có làm vậy cho nhau cũng chờ lúc vắng vẻ đã chứ.

Điện phụt tắt. Tiền kêu ô thích thú. Phàm xuống mỗi đèn xong bỏ đi ngủ. Chị Ngự dời lại gần tôi hơn, gần ánh đèn, làm lì tiếp tục công việc. Tôi ngắm chiếc áo cánh trắng điểm rải rác những hoa nhỏ xanh nhạt, cái gáy trắng nhợt nhợt màu đèn, mấy sợi tóc đi lạc. Bất thần Ngự ngừng lên, bắt gặp hai mắt tôi. Ngự cúi mặt ngay, và chớp mắt.

-Khuya rồi, ngủ chứ Ngự – tôi nói, giọng dại đi, mơ hồ.

-Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự sẽ nói “Tôi không buồn ngủ”. Ngự thu dọn đồ lại một góc. Tôi vận thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hướng lu nước. Nhanh hơn, tôi tới giựt lấy chiếc gáo, đem móc lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn lên nơi làm ra nụ cười đó.

Một tay vòng sau lưng tôi, bầu chặt bên hông phải, Ngự nói như hơi thở:

-Chúng nó sẽ cười anh... anh Trọng.

Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới chuyện cười chê mà chợt lại thoáng nhớ đến mẹ tôi ở nhà. Và nghĩ rằng tối mai chắc mình chưa phải ngủ núi hay ngoài làng quê. Tôi sẽ còn ở đây, còn ở lại nơi bình yên này vài hôm nữa.

(VẤN số 114, tháng 9.1968 chủ đề Những Cây Bút Trẻ)

(Tác giả sinh năm 1947 tại Vạn Ninh Khánh Hòa. Hiện sống tại Khánh Hòa)

PHAN LẠC TIẾP

Cánh tay của đất



Những chiếc tiêu giáp đã mở dây đi trước. Phía bãi ủi các quân vận đỉnh cũng đã bắt đầu lên cửa, rút ra. Trời hãy còn tối, Trung sĩ I Trung, thuyền trưởng, đứng ở giữa sân trước, dõi mắt về phía cầu tàu, rồi lấy tay làm loa :

- Tính, Tính, lẹ lên “bố”.

Tính ôm áo lạnh và mấy thứ lặt vặt đang tắt tả chạy xuống. Tính vừa nhảy xuống tàu, trung sĩ Trung đã hô lớn :

- Cởi dây !

Ánh đèn pin trong tay Trung bấm nháy nháy về phía tả rồi ánh đèn quay vòng vòng. Con tàu hướng mũi ra lòng sông và tăng tốc độ. Tàu đã vào vị trí, Trung mới lững thững nhảy lên lô-cốt chính và gặp Tính đang ngồi tại đây. Trung ghé đầu nhìn Tính rồi nói :

- Sao “bố”. Gớm còn hơn sĩ quan nữa. Đợi mày đến phát bực. Đi đâu cũng mang ba cuốn sách theo. Tao không hiểu có gì trong ấy nữa.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp :

- Mà sao đây. Đồ nghề xong chưa ?

Tính vẫn nhìn Trung mỉm cười. Nghe hỏi vậy, Tính đáp :

- Thì có bao giờ đàn em để trung sĩ phải la đâu. Yên chí mà.

Trung vẫn hỏi lại :

- Mà có thông nòng cẩn thận chưa ?

- Đã bảo yên chí mà. Tôi đã để sẵn biếu xích, đạn khỏi dưới hầm 81, đã dành cả buổi chiều hôm qua cho “chú 10” rồi. Nếu có kẹt đạn cứ mang tôi ra mà bắn.

- Rồi, tao tin mày.

Tính ngửa mặt nhìn ngoái ra phía Trung, rồi cười, nói :

- Phen này mà ngon, trung sĩ nhớ giữ lời hứa nghe.

- Được rồi. Chỉ chiều nay thôi. Tao mà gặp được bà già tao, tao nói một tiếng là xong.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp :

- Nhưng nhờ con Tư nó không chịu mày thì sao đây, à...

Từ phòng lái, tiếng anh Đang vọng ra góp chuyện :

- Hạ sĩ Tính, xạ thủ số một của giang đoàn, lại là quân nhân gương mẫu, cộng ba anh dũng bội tinh, mà ai không chịu.

Mọi người cười rộ.

- Rồi, tao cùng gắng liều với mày, Trung nói lớn rồi cười ha hả.

oOo

Trời đã gần sáng hẳn. Trên đầu những chiếc oanh tạc đang thi nhau chúi đầu xuống bắn phá. Từ trên đỉnh trời, một chiếc L-19 cứ lơ lửng lượn qua lượn

lại. Đoàn tàu vẫn tiến đều. Tuy chưa có lệnh gì mới, nhưng cả hai hệ thống truyền tin đã mở. Ống phóng thanh nổ lóc bóc nhẹ nhẹ. Trung ngồi trong phòng lái, đôi mắt mở sáng trắng dưới lớp mũ sắt. Phía trước, khẩu 40-ly do Tính làm pháo trưởng đã đẩy kín nắp sắt. Nòng súng là là theo mặt nước. Trung nhìn sang bên phải và hồi hộp lạ thường. Đúng rồi, đây là ngã ba sông. Con lạch này sẽ dẫn vào khu rừng Lá. Phía um tùm kia là miệt Cây-đa-nước-lạnh. Bỗng từ trong máy phát ra tiếng nói của thiếu úy Đăng :

- 61, 61. Anh dẫn “mấy đứa em” của anh tiến sâu vào lạch. Án ngữ từ đầu “bãi vàng” cho đến cửa sông. Nhận rõ trả lời.

- Nhận rõ. Trung vừa đáp vừa đổi ống nghe ra lệnh cho bốn chiếc tiểu giáp theo mình.

Trời đã bắt đầu sáng rõ. Nhưng sương còn giăng giăng lung chừng rừng dừa. Máy bay đã ngưng bắn phá. Trung biết chắc là quân đang đổ lên từ “bãi đỏ”, “bãi vàng”. Tiếng súng tay lớp độp vọng lại thưa thớt. Thình thoảng mới có tiếng nổ nhỏ như M-79 hay lựu đạn gì đó. Trung vẫn theo dõi ở máy 10. Anh cũng mừng là không phải đụng lớn. Vì dầu gì đây cũng là quê hương anh. Trong khu rừng dừa xanh trùng điệp kia có má anh, em anh và bà con lối xóm. Nếu chẳng may vì cuộc hành quân này mà những người thân của anh bị lạc đạn thì anh ân hận biết bao nhiêu.

Cho tới gần chiều, cuộc tiến quân hầu như không gặp trở ngại nào. Tất cả đều im lặng, ngoài tiếng máy bay “bà già” lúc nào cũng lơ lửng trên không. Trung đứng trên bực thang của đài quan sát, lấy ống nhòm nhìn vào phía trong. Cánh quân thứ nhất hình như đã vào sát khu rừng dừa. Anh chắc trên đoạn kinh bên kia khu rừng Lá tụi thằng Đức cũng đang linh binh án

ngũ như anh. Ở đó, trong đám lá cây xanh, anh nhìn thấy một vài đồng rom và căn lều nhỏ. Lối đó dẫn qua nhà ông hương Tứ, qua một cây cầu bắc trên con lạch Cùng, đi một đôi nửa là tới nhà anh. Anh cứ đứng nhìn như thế và miên man suy nghĩ nếu anh không đăng lính, không biết giờ này anh làm gì. Kể cũng thật mau. Thoáng đã gần mười năm. Những lần tàu ra khơi nhìn chân trời thẳng tắp, Trung thấy ngời lên đầy lòng một nỗi vui vừa nôn nao vừa kiêu hãnh. Nhưng từ khi ném trái mìn đời, Phi cũng có, Mỹ cũng có, nhất là từ khi đã có vợ con, đường chân trời thẳng tắp ấy không còn gọi trong lòng Trung niềm háo hức nữa. Mà Trung thấy nhớ quê, thương vợ, nhớ mấy đứa nhỏ ở nhà, muốn đưa vợ cùng bảy con về thăm má, thăm làng xóm. Nghĩ tới đó, Trung bỗng nhếch mép cười.

Nhưng từ khi lấy vợ, có được đứa con đầu lòng, anh đã phải dời ra ngoài đảo. Bẵng đi tới hai năm. cây cuc mãi bây giờ mới được dời về gần quê, thì quê đã không còn an ninh nữa. Tội nó về làm lộn xộn hết trơn. Lâu lắm rồi, anh có nhận được thư của má anh, bảo hãy có về chơi thăm má, nhưng anh không về được. Phần vì đi lại phiền phức, phần vì tốn kém quá, về mà không có gì cho má và các em kể cũng buồn. Nhưng lần ấy anh có gửi về cho má anh tấm ảnh cả gia đình anh, không biết má có nhận được không, mà không thấy thư từ gì nữa. Anh cứ buồn mãi là không biết thằng Thứ ở nhà học hành ra sao. Mà dạo này nó lớn hơn rồi à. Con Tư còn mười-bảy, nữa là thằng Thứ. Nhớ lần về quê kỳ trước, nó bắt đầu võ tiếng, nói cứ ồ ề như vịt đục, cổ đầy lang võ da. Rất khoái đi lính, nó lấy cái kết của anh đội vô rồi đi làng quảng trong nhà, hết hỏi má lại hỏi con Tư “cũng bánh dũ đã”. Má thì nói “Thôi, anh mày đi lính rồi,

hàng năm chưa về một lần, tao còn mình mẩy đó, tính đi hết sao chứ...”. Chồng thật. Chắc bây giờ nó cũng cao bằng mình chứ ít gì. Trung lấy tay vuốt mặt, rồi nhảy xuống ngồi thông chân xuống hông tàu, bỏ mũ sắt xuống, thừ ra. Dưới sàn thẳng Nự đã dọn cơm xong nhếch mép ngược lên nhảy nhảy đuôi mắt ra hiệu cho tụi trên này xuống ăn. Trung bảo :

- Mấy thằng bây ăn trước đi. Một nửa ở trong ổ súng. Tao ăn sau.

Nự vốn là đứa hay cười. Mỗi lần dọn cơm nó đều ra hiệu bằng mắt như thế là Trung hiểu nó đã dành cho Trung trái ớt thật cay. Nhưng lần này thấy Trung hình như nổi quạu, nó mắt húng, cúi xuống cùng mấy người kia, lầm lũi ăn.

Ở phía trước, Tính đã chui ra khỏi tháp súng, ngồi nhìn mông về phía rừng dừa.

Chiều xuống dần. Một vài con cò bay lảng đàng ở phía xa bên kia bờ kinh. Trung càng nhìn vào khu rừng dừa càng như thấy lòng mình tối lại theo bóng chiều đổ xuống. Anh ngồi xuống, bưng tô cơm lên và vội vàng. Bỗng từ trong rừng dừa đạn nổ như pháo ran. Trung cúi lom khom dương ống nhòm theo dõi, thấy những lần đạn bắn ra đỏ lôm. Quân mình từ ngoài đồng trống tiến vào, vừa chạm vừa vấp. Cứ mỗi lần quân ngoài tiến lên, trong lại nổ ra dữ dội. Trung giật lấy ống nghe xem có gì lạ không. Anh không thấy thẩm quyền nói gì hết, ngoài những tiếng nói léo xéo trên hệ thống liên lạc với bộ binh, đại khái như : “đã tiến chiếm mục tiêu 21, 22 . . . yên cầu cho tái thương...”.

Trung biết trong có đụng độ, nhưng chưa có gì là quyết liệt họ chưa cần tới mình. Anh nhìn lại phía đầu rạch, mấy chiếc tiểu giáp chúi mũi vào bờ, ẩn

mình trong lá, chỉ hờ ra một phần lá mà thôi. Trời gần tối thì phía trong đục mạnh. Phi cơ bắt đầu xuất hiện. Bộ binh lùi về phía tuyến xuất phát. Những đợt bắn phá đầu tiên của phi cơ phát hiện những đốm lửa bốc sáng khu rừng dừa phía trong. Tiếng nổ rền đất. Trung thấy ngực mình như có ai ép và xô đẩy, tìm anh đập mạnh. Anh liên lạc với thẩm quyền và được biết :

- À..., anh cứ nằm yên, và sẵn sàng.

Trời tối hẳn và phi cơ đã ngưng bắn phá. Phía trong những đám cháy bốc lên đỏ rực. Những mảnh ruộng nước trông trơn phản chiếu ánh lửa bập bùng. Anh không biết bộ binh đã rút đi đâu hết. Giữa lúc ấy, anh lại nhận được lệnh :

- 61, 61..., anh nằm yên và sẵn sàng.

Lệnh vừa dứt thì pháo binh câu vào khu rừng tới tấp. Và trên những mặt ruộng trống đó anh đã bắt đầu thấy xuất hiện những người lui húi chạy ra. Pháo binh càng nổ dữ thì tụi trong ấy càng chạy ra nhiều, họ chạy giạt về phía rừng lá. Khi thấy mặt ruộng đã khá đông bóng đen, anh được lệnh khai hỏa.

Những khẩu 20-ly kê sát mặt ruộng nhả đạn, đường lửa đạn chéo nhau. Một vài viên đạn chạm nước bay bổng lên trời rồi tắt ngấm ở trên cao. Nhiều thân người té ngựa, ngã đập xuống đường nước. Toán người bị động chạy giạt trở lại, chúi đầu vào cuối con kinh. Anh được lệnh dùng 10-ly cày nát khu rừng lá.

Con tàu lùi ra một đoạn, rồi chĩa súng về phía rừng Lá. Vừa tiến vừa bắn. Quả tình, Tính bắn rất chì, bình tĩnh và cẩn thận không tắt một viên nào. Nhưng chưa tiến được quá hai trăm thước thì từ trong bờ ngang hữu hạm, một luồng đạn thật gần quạt lên thật thấp. Trung ngã sấp xuống. Sau đó tiếng nổ lớn bùng lên. Trung chỉ còn nhìn thấy khẩu 40-ly quẹo đi trong ánh

lửa xanh lè và không còn thấy Tính đâu hết. Trung còn tỉnh, biết là mình bị thương, nhưng chưa biết đạn vào đâu. Trung muốn ngồi dậy, nhưng không được. Một bên chân như không còn cảm giác gì, nó nặng nề vương vịu. Giữa lúc ấy Trung thấy như có nhiều người từ trên bờ trèo lên tàu và la hét ồn ào. Tiếng súng vẫn nổ ác liệt. Trung lịm đi.

oOo

Khi tỉnh dậy, Trung chỉ còn thấy mình nằm trên nóc chiếc tiêu giáp, sắp cập vào bờ. Tiếng nói xôn xao. Đèn pha quét sáng chói mắt. Trung mở mắt nhìn lên trời. Những vì sao trong vắt. Trung nhớ đến Tính và anh từ từ ngồi dậy. Có tiếng ai như từ thiếu úy Khiết ở đằng sau :

- A, Trung tỉnh rồi. Nằm xuống đi.

Gió thổi như nhiều ngón tay đan vào tóc, Trung thấy mát và dễ chịu vô cùng. Trung lắc đầu, co nhẹ chiếc chân băng bó khe khẽ nhấc lên. Trung biết là mình không bị nặng, cất tiếng gọi :

- Tính đâu.

Không ai trả lời. Trung quay lại phía sau :

- Thiếu úy, thằng Tính nó đâu rồi ?

- Cậu tỉnh chưa ?

- Rồi. Tôi muốn biết Tính nó ra sao .

- Thôi nằm xuống đã.

Con tàu bớt máy lệnh đèn ở ngoài sông, đợi cho mấy chiếc trong cập xong sẽ vào cập sau. Trung nhìn lên bờ. Chiếc tiền phong đình của Trung đang cập tại đó. Người ta đang khiêng từng chiếc giường bỏ lên bờ. Trung không biết nhân viên của mình còn mất những ai.

Con tàu chở Trung lượn vào phía trong cập sát dọc vào cầu tàu. Mọi người vẫn tập nập chuyển những

người bị thương lên bến. Trung muốn đứng lên, muốn xem những ai bị chết, bị thương. Trung trở mình, thấy vương vương. À, còn con dao găm đây, Trung liếm môi, thấy môi mình cứng lại và khát nước quá. Trung kêu :

- Ê, cho tao ngụm nước đi.

Mấy người trên chiếc tiểu đình nói “ rồi, rồi, để tôi chuyển ông lên bờ đã” Và họ xúm lại đỡ Trung lên. Trung bảo :

- Cho tao một tí nước thôi, một tí thôi.

- Ủ, một tí thì được.

Đặt môi vào cái ca lạnh trong chỉ có một hớp nước nhỏ. Dòng nước như không chạy vào tới cuống họng đã bốc hết hơi. Nhưng Trung thấy khoan khoái dễ chịu hơn nhiều. Trung nói :

- Làm ơn đưa tao lại cầu tàu đi.

- Làm gì ?

-Thì cứ đưa tao lại đi. Tao muốn nhìn con tàu của tao.

Trung được đặt ngồi trên trụ xi-măng có những sợi chèo buộc tàu quần quanh. Trung nhìn lại con tàu của mình. Tháp súng 40-ly cháy xám. Trên sân tàu tấp nập những người đang hô hoán :

- Bên dưới nâng cao lên. Cao nữa lên ..

- Rồi. .

- Hãy để tạm trên cầu tàu đã.

Trung nhìn theo. Hai khuôn giường bố vừa được chuyển lên bờ, đặt nằm song song phía đối diện với Trung, trên đó thi thể người chết được quần tròn trong tấm mền dạ. Trung muốn đứng dậy, đi sang xem đũa nào. Trung đặt chân xuống đất, một cảm giác đau buốt chạy từ chiếc chân bị thương dọc lên nửa thân bên trái. Trung nghiêng răng, hai tay chống về phía sau, nước sống mắt ứa ra từ mũi.

Dịu con đau, Trung hỏi :

- Có phải thằng Tính nằm đó không ?

- Tao chắc nó chứ đứa nào nữa.

- Sao.

- Vì nó nát bầy trong hầm 40.

Trung cắn môi và nghĩ đến Tính... *Tính tắt tả chạy từ cầu tàu xuống, ôm theo áo lạnh và mấy cuốn sách... phen này ngon, anh nhớ giữ lời hứa nghe...*

Trung bải hoải chân tay. Cái thằng siêng năng và dễ thương vậy mà bây giờ nằm kia. Mớ tóc lết bết đen thẫm thò ra ở đầu mền, cái mớ tóc tồn không biết bao nhiêu dầu thơm mỗi chiều thứ bảy. Vậy mà nó nằm đó rồi. Con Tư, mình như nói chơi chơi vậy mà cũng trở nên người cao số. Trung thấy buồn nẫu hơn bao giờ. Còn má Trung, thằng Thứ và những bà con lối xóm, chắc sao mà thoát khỏi hòn tên mũi đạn...

Lúc này khoảng cầu trước mặt Trung đã xếp lớp những chiếc giường bố. Cả những người bị thương cũng nằm tạm đây. Thằng nào mặc áo *blouson* đang nghiêng đầu về phía Trung. À, thằng Nự. Đầu nó băng trắng như người để tang, Trung gọi :

- Nự, Nự à.

Nự mở đôi mắt trắng bệch nhìn Trung. Lần đầu tiên Trung thấy đôi mắt nó buồn như thế. Trung đếm lại những người nằm đây. Cả thấy là năm mạng, thêm Trung là sáu. Không biết tổng kết toàn thể trận đánh ra sao, nhưng riêng tàu của Trung như thế kể là nặng. Đòi lính của Trung cũng đã nhiều lần đụng độ, Trung không ngờ mình lại đổ máu chính trên con lạch của quê mình. Trung nhớ lại lúc mình ngã sấp xuống sàn tàu, đạn đi mạnh quá, có lẽ bị tụi nó quạt bằng tiểu liên. Đường đạn thật gần. Trung nhớ còn nhìn thấy đường lửa phát ra từ cụm dừa nước. Chà, cái thằng nào nấp đó kể cũng lì. Và hình như tụi nó tràn cả lên

tàu nữa. Láo thật !

Giữa lúc ấy mọi người hô hoán :

- À, còn cái chú này nữa. Dính theo khẩu 57. Tác giả đây. Thằng này quạt vô khẩu 40 của Tỉnh đây...

Nghe thấy thế, Trung muốn đứng phắt dậy xem sao. Nhưng cũng lúc đó, người ta khiêng lới phía Trung một chiếc băng-ca.

(Kiểm duyệt một đoạn khoảng 15 hàng bởi Sở Kiểm Duyệt Bộ Thông Tin – chủ thích của TQBT)

Trung nhìn rõ nét mặt của tên V.C. bị thương, ánh mắt ấy vừa kinh hãi vừa bàng hoàng và như muốn kêu lên. Toàn thân bỗng mềm sũng mồ hôi toát ra, Trung hét lên, tiếng kêu bàng hoàng, như trong cơn mê sảng :

- Mày, mày hả Thứ...

Mọi người xúm lại đỡ Trung và thấy chân anh bật máu ròng ròng, thấm đẫm mấy lần băng. Và tên V.C. sau giây phút kinh hoàng, toàn thân co thắt lại rồi duỗi ra dần dần, đôi mắt thất thần, lạc đi nhưng vẫn mở trừng trừng trắng dã.

oOo

Trung chống nạng bước những bước ngắn dọc theo hành lang. Những dãy giường trống trơn. Một số bệnh nhân chưa khỏi nhưng cũng đã xin về. Phía dưới đường trẻ con đốt pháo lẹt đẹt. Trung tựa mình vào lan can, qua ngọn lá me, nhìn mông về phía đầu vòm. Con nước lớn menh mông đùng đục. Đò máy qua lại tới tấp. Trung còn nhìn thấy rõ cả những chậu kiểng đỏ tươi để ở các đầu ghe. Tết nhất có khác. Lâu lắm Trung mới lại nhìn thấy cảnh tấp nập như vậy tại quê hương. Trung nắm bắp đùi mình. Thịt lớp teo đi, lớp da non đang hiện ra những mảng vẩy khô.

Trung tựa nạng vào tường, đứng bằng hai chân, tuy còn yếu nhưng chắc là khá rồi.

Trung trở lại phòng mình. Nhìn tấm lịch có in cảnh chợ hoa tại Sài-gòn, Trung thấy nôn nao buồn. Phải về, nhất định phải về, Trung nghĩ thế. Trung ngồi xuống mép giường, thu xếp lại vài thứ lật vật rồi giờ ví ra xem. Tấm hình của gia đình Trung hiện ra sau lớp mi-ca. Tấm hình đã ngả màu vàng. Tấm hình này Trung có gửi về cho má đây. Từ đây về trong không bao xa mà Trung không về được. Không biết má có biết Trung bị thương ở ngay đầu con rạch Cùmg hiện điều trị tại đây không. Trung vẫn hy vọng một buổi nào đó má bất ngờ tìm tới, mẹ con sẽ tủi tủi mừng mừng. Trung sẽ kể cho má nghe nỗi đau sót của Trung. Trung sẽ hỏi thăm về bà con lối xóm xa gần, về chuyện con Tư, thằng Thứ...

Thằng Thứ, ừ thằng Thứ, không biết phải nó không...

Gió bên ngoài thổi ập cánh cửa, căn phòng tối hẳn lại.

Trung nằm dài trên giường. Nếu là nó thì sao nó không la lên.

Thật là quái. Thằng ấy sắp chết mà còn la nổi gì..

Trung đi xuống phòng y tá trưởng, năn nỉ cho xem sổ khai tử của bệnh viện. Chẳng có ai tên Thứ cả. Ngay cả sổ khai tử của thương binh V.C., cũng không có ai tên Thứ. Duy chỉ có một người nguyên quán cùng xã với Trung tên là Việt-Hùng, khai là đại đội phó sinh năm 1947, chết ngày 19 tháng 12 năm... Phải rồi, mình bị thương tối ngày 18. Nhưng đứa nào đây, đứa nào lại mang cái tên lạ hoắc vậy cả. Hồi nhỏ khi Trung còn ở dưới đồng, mấy xấp nhỏ khoảng tuổi thằng Thứ có đứa nào mang tên Việt Hùng đâu. Nhưng cứ nhìn khuôn mặt, từ cái mũi quăm quặng,

cái miệng đầy, môi dưới hơi thười ra, vàng trán lồi lồi như hai trái bưởi, thì chắc thằng này phải là thằng Thứ. Nhất định phải là thằng Thứ.

(Kiểm duyệt 2 hàng)

oOo

Trung đi thăm mộ của Tính của Nự rồi trở ra. Bên kia là khu dành cho thương binh V.C. bị chết. Trung đi sang khu đó. Thấp thoáng đã có nhưng nén hương cắm trên những mầm mộ. Cỏ mọc um tùm. Khu này mả mới, lác đác một vài nấm mộ có ghim mảnh gỗ đề tên và sinh quán người chết. Trung đi mãi, những nấm đất nối đuôi nhau. Một tấm gỗ ngã sập xuống. Trung phải cực nhọc lắm mới cúi xuống nhặt lên xem được. Nét chữ ghi đã mờ vì bùn đất. Trung lấy móng tay cạo bùn dọc theo nét chữ trên tấm gỗ :

Nguyễn Việt-Hùng

tức Nguyễn Viết Thứ

sinh năm 1947

chết ngày 19 tháng 12 năm 19...

Trung bàng hoàng cầm mảnh gỗ trong tay, nước mắt chan hòa, lão đảo muồn ngẫm. Trung ngồi xuống lúi đi trên đầu mộ. Nhìn lại mảnh gỗ thâm, ẩm mốc trong tay. Một làn gió bốc lên từ mặt sông thổi vào lưng anh lạnh giá. Trung thấy toàn thân mình nổi gai. Nhìn lớp bùn khô nứt trên mặt mộ, cỏ từ hai bên đang bò lên, Trung đập mạnh mảnh gỗ trên nấm đất khô nứt ấy rồi bật kêu lên :

- Thứ, Thứ...

Tiếng kêu như nổ ra từ cội sâu thẳm của lòng anh, tan vào tiếng gió, phả vào hàng dừa vọng lại mơ hồ từng hồi:

Thứ Thứ...Thứ Thứ....

Trung ghen ngào tức tưởi, nước mắt trào ra đầy mặt. Qua màn lệ, Trung nhìn thấy đôi mắt bàng hoàng kinh hãi của Thứ lẫn với khuôn mặt trẻ thơ của nó khi bắt đầu vỡ da mới lớn... Trung lắc đầu buồn bã. Trung không ngờ cuộc đời lại éo le như vậy.

Nhớ lại trận đánh diễn ra, Trung còn nhìn thấy ụ súng của Tính chìm ngập trong khói lửa xanh lè, khuôn mặt Tính chải chuốt dịu dàng, vẻ tinh nghịch trên đôi mắt của Nụ, làn đạn quạt ác liệt từ gốc cụm dừa nước và Thứ... Tất cả cứ mờ ảo, lẫn lộn hiện ra dưới mắt Trung...

(Trích Văn 100&101 ngày 1-3-1968 chủ đề Viết trong khói lửa)

Phan lạc Tiếp là tên thật. Sinh ngày 11 tháng 5 năm 1933 tại thôn Hữu Bằng, tỉnh Sơn Tây. Ông hiện sống tại California.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Trong khói lửa ở Sài Gòn

Nghĩ và viết về Huế

Năm giờ sáng ngày ba mươi Tết tôi thức dậy trong thành phố Huế, trời lạnh buốt, sương muối đọng trên những lá cây rơi xuống mặt, xuống cỏ buốt như những mũi kim nhọn chích vào da thịt. Những người bạn mới thân và những người bạn cũ đã đến, chúng tôi hẹn nhau đi ăn sáng trước khi trở về Sài Gòn sau một tuần lễ ở lại cố đô, người bạn hơn tôi hai tuổi vừa ở trong quân ngũ bốn năm ra nói với tôi: đã thay đổi ý định chưa. Tôi cười nói chưa, tôi đã nói tôi cũng muốn ở lại, câu chuyện còn dài lắm, nhưng tôi nghĩ có những điều mình không phải nói với nhau mà đã hiểu rồi, tôi trở về vì ở trong đó còn cha già và những người thân yêu, tôi vẫn không ngừng cố gắng để làm những gì tôi có thể làm được, dù đó là một việc nhỏ nhưng tôi không nghĩ việc có mặt của người con cả trong một gia đình trong đêm giao thừa là một việc nhỏ. Anh bạn nhìn tôi. Khu Thành Nội vẫn còn yên ngủ, những đêm liên tiếp không nhắm mắt với tiếng đại bác nổ từ xa, những tiếng súng nhỏ đơn lẻ, tiếng máy bay tản thương đậu xuống trong khu bệnh viện dã chiến khiến cho người tôi khô đi tỉnh táo theo với những ly rượu mạnh và những điều thuốc đốt không ngừng cháy trên môi. Tôi leo lên sau chiếc xe gắn máy của người bạn, hành lý không có gì ngoài mấy gói kẹo mè xừng, mấy quả nem chua, trong đó còn có quà của một người bạn gửi cho cha mẹ hiện sống ở Sài Gòn. Con đường Hòa-Bình, Hiền Nhơn,

Đông Ba còn mù trong sương sớm, chưa có một cánh cửa nào mở, thành phố chùng như vẫn chập chờn trong giấc ngủ cổ tích của mình, giấu hơi ẩm và nhịp thở sau những tường gạch sâu mốc ẩm rêu phong, dưới những mái ngói nâu cũ và những tàn cây thấp xanh đen. Cửa thành Đông Ba còn lẩn trong nền trời tối, mấy ngọn điện sáng lên đơn lẻ. Con đường Gia Long những cửa phố đóng kín, một vài người đi xuôi ra phía chợ trong đó có người vác theo một cây mai lớn, vài quán ăn đã mở cửa, trên cầu Gia Hội đã đông người đi lại, trong bến xe, nơi hiên chợ, dưới những quán nhỏ thấp thoáng bóng người qua lại rộn rịp, bên sông những chiếc thuyền chực đầu vào bờ im lìm với những ngọn đèn nhỏ leo lét không rõ những khuôn mặt qua lại. Bọn chúng tôi, sáu người ghé vào một quán ăn nơi phía ngoài chợ, quán đông người, không còn một ghế trống, những ly cà phê, người bạn nói phải tiễn anh bằng một châu bún bò Huế mới được. Nhưng hàng bún mọi ngày chưa có, chúng tôi quay xe chạy qua cầu sang nhà ga, trạm xe lên phi trường đặt ở đó, tôi coi đồng hồ: sáu giờ ba mươi, tôi lo trề, gió thổi ngược lạnh buốt trên da mặt, cây cầu chùng như dài hơn mỗi ngày, dòng sông đen sâu phía dưới, lấp lánh những ngọn đèn ẩn hiện nơi những lùm cây xa trên hai mạn bờ. Khu bến phà sáng chói, ánh sáng làm bật rõ khu đại học màu vôi trắng mỏng. Đài phát thanh, khu đại học, trường Đồng Khánh, trường Quốc học... Nhà ga hiện ra trong bóng tối nhòa nhạt, những ngọn đèn xanh, những chiếc xe ca nằm ngổn ngang ngoài khoảng sân trống rộng. Trong nhà những hành khách lặng lẽ trên những băng ghế, chuyến xe chưa bắt đầu, những người tài xế còn đang hí hoáy coi lại máy, bánh xe, chúng tôi vào trong quán gọi mỗi người một ly cà phê sữa, những hơi thuốc đều

tiên trong ngày, những lời dặn dò sau chót, những cái bắt tay thăm thiết... Ngồi trên băng ghế lạnh trống, trong xe chỉ có bốn người, một người đàn bà ngồi thu mình im lặng, hai người đàn ông ngồi đối diện nói không ngừng những câu chuyện riêng không rõ ràng. Chuyến xe lăn bánh, tôi vẫy tay từ biệt những người bạn, từ biệt Huế sau những ngày gặp lại cách nhau hơn mười ba năm. Chuyến xe chạy nhanh trên những con đường vắng, dưới những chùm cây mù sương. An Cựu, Gia Lễ, Phú Bài, con đường đá nhỏ chạy giữa những chùm tre xanh lá ngọn, giữa những ruộng lúa xanh trĩu ngọn vì sương mai còn đọng óng ánh. Buổi sáng chạng vạng, những cơn gió lạnh thổi đẩy vào lòng xe, dưới chân những ngọn núi phía xa sương còn đục lờ như những đợt mây thấp. Cánh đồng lúa, những cơn gió lạnh khiến tôi nghĩ tới quê hương miền Bắc. Ở ngoài đó, rất xa, những năm thơ ấu, mưa phùn gió bắc cảm cảm... Từ biệt Huế sau mười ba năm gặp trở lại, từ biệt bạn hữu, từ biệt căn nhà có vườn cây xanh, có bể nước, có giếng gạch sâu, có tiếng nói một người: bây giờ anh đã thay đổi những ý kiến về Huế chưa...

*

Khi tôi viết những dòng này là ngày mùng bốn Tết, buổi tối trong căn nhà im lặng của những con đường, khu phố chung quanh. Cơn choáng váng của biến cố còn làm tôi vật vờ. Những lo âu, uất ức như còn ứ nghẹn trong lòng ngực. Đêm giao thừa cùng với tiếng pháo nổ thì cũng là tiếng súng của những người cộng sản nổ vào bảy thị trấn miền Trung, trong đó có Huế, chưa trọn một ngày tôi rời khỏi, lo âu về những người thân ở lại đó còn thắc thóm trong lòng,

thì khuya đêm mông một tét, những tiếng nổ từ xa cùng với trái sáng đầy trên bầu trời Sài Gòn khiến tôi lo âu. Bọn họ cũng trở về đây nữa sao, biến cố đã xảy ra như thế nào sau bức màn của hậu trường chính trị, của những mưu toan, những tham vọng chất ngất... Chỉ có ba mươi sáu giờ hưu chiến cũng không thể có được sao? Sao nói tới những một tuần? Không thể quên đi súng đạn, giết chóc, tàn sát, chất nổ trong một ít giờ sao? Không thể ngồi yên lặng, bên một ly rượu suông, một chén trà nhạt nghĩ tới những ngày đã qua sao? Không muốn nhớ tới những người đã chết, những người thân yêu xa cách mong chờ sao? Không muốn gọi lại một vài kỷ niệm vui buồn, đắng cay trong đời sao? Người ta đã quên hết, quên hết, như một người con gái đã mất hết, quên cả tiếng người như trong một bài hát của Sơn sao? Tôi không muốn nghĩ như vậy, tôi không muốn tin như vậy. Cuộc chiến này chúng ta đều không mong muốn có phải vậy không các người anh em của tôi, những người đã sinh ra lớn lên trong đất nước này, trong cuộc chiến không nguôi này? Mở cửa ra đứng ngoài con đường ngơ ngác ngó lên những trái hỏa châu chói sáng, lòng nghi hoặc, biết hỏi ai, ai biết, bao nhiêu người đã thức dậy trong đêm đó ở thủ đô nhìn nhau tự hỏi với những giả thiết mơ hồ, trong đêm đó những ai còn say mê bên bàn bạc, còn ngủ trong hơi rượu, còn thiếp đi hạnh phúc trong chiếu chăn nồng ấm của vợ trẻ con thơ... Có điều nhiều người đã nghe thấy tiếng súng nổ tưởng như tiếng pháo của những người nào ngái ngủ thức dậy trong đêm nhìn thấy còn phong pháo trong nhà... Nhưng sự thật thì súng đã nổ, nhưng sự thật thì có những người anh em đã ôm lấy súng vượt những quãng đường xa lạ, lặng lẽ tiến tới những mục tiêu giữa lúc mọi người tưởng như ngày

xuân còn dài với những hy vọng... Không bao giờ những người cộng sản muốn chúng ta hy vọng, những cầm cầm súng từ khu trở về muốn chúng ta sống với thực tại: một cuộc chiến không trận tuyến, một cuộc chiến như định mệnh khắc nghiệt ôm khít lấy thân thể và số phận chúng ta... Đó là điều chúng ta không mong muốn, nhưng đó là điều chúng ta phải biết nếu muốn còn được sống, dù sống khổ đau...

*

Tiếng đài phát thanh mất hút trong đêm, tiếng nói ấy nhiều khi là giá trị của thực tại, của một hiện diện, tiếng nói ấy mất đi như bằng cứ của một sự hoang vắng, của sự vô danh. Tôi nghĩ thầm: lại những biến cố nào đây? Buổi sáng ngơ ngác trên những con ngõ còn ngập xác pháo hồng, những thùng rác để ngùn ngang tràn đầy, tiếng nói từ đài phát thanh, lệnh thiết quân luật 24 trên 24 được ban bố, cộng sản quấy phá tại đô thành và nhiều tỉnh, kêu gọi dân chúng bình tĩnh ở lại trong nhà, một vài mẫu tin không rõ ràng: cộng sản tấn công dinh Độc lập qua ngã công đường Nguyễn Du, bắn hai phát 57 ly, một xe cam nhông chất nổ, mười tên bị chết tại bộ tư lệnh hải quân, hai tên bị bắt sống, mười bốn tên chết tại đài phát thanh, đài phát thanh hư hại không sử dụng được, tiếng nói nhiều lúc tắt nghẽn, tiếng kêu gọi dân chúng dời khỏi vùng Bà Quẹo trước mười tám giờ, một số người nóng ruột, hiếu kỳ túa ra đường, những tin truyền miệng không rõ ràng: một người làm cảnh sát trong xóm chết tại ngã tư Yên Đỗ - Trương Minh Giảng, một người nói người ta chạy từ những Phú Thọ, Bà Quẹo vào Sài Gòn. Một bà nói: họ đông quá trời, họ ủa vào nhà tôi đòi nấu cơm cho ăn, giọng nói nghe

không được. Một thanh niên nói: họ đi ngang qua cửa
hỏi đường vào khám Chí Hòa phần lớn họ đi chân
không, có mang ở tay hoặc ở cổ một miếng vải đỏ...
Một người ở Công-xe-lửa số 10 chạy xuống nói: giữa
đêm có ba người gõ cửa vào nhà, bắt trong nhà ở im,
nấu cơm cho ăn... Lệnh cấm đốt pháo được loan
truyền, nhưng sau đó một nhà chường như còn tiếc
bánh pháo còn lại mang đốt, tiếng nổ khiến mọi
người giật mình chửi lớn... Những lời bàn tán, những
dự đoán... Nhưng tất cả đều không biết gì, máy thu
thanh tại tất cả mọi nhà đều mở thường trực, tiếng hát
có những mấp lại, những tin tức về những vùng đang
đánh nhau: trường nữ quân nhân, Ngã tư Xa lộ -
Hàng Xanh Việt cộng bị thương chạy ra khu chợ Bến
Thành bị bắt, tại khắp các thị trấn đều có cuộc tấn
công, đài phát thanh Hà Nội loan báo về sự thừa
thắng... Tôi cố gắng phát họa trong đầu về cuộc tấn
công với hai mặt chính: một từ phía Quang Trung, Bà
Queo xâm nhập xuống Ngã tư Bảy Hiền, Phú Thọ:
một từ mạn Thủ Đức xâm nhập vào Xa lộ, vào Phú
Nhuận, Đa Kao... Tôi cũng chỉ nghĩ tới một số
những toán cảm tử, vào để chết, xâm nhập nhân dịp
hưu chiến, lợi dụng giới nghiêm được hủy bỏ, chắc
họ đã vào từ đêm giao thừa giữa lúc Sài Gòn ngập
tiếng pháo... Chúng ta có dự liệu những trường hợp
này không, chúng ta có nghĩ tới những người không
lúc nào ngủ, lúc nào cũng cầm chắc súng trong tay
không?

Buổi sáng tan dần, buổi trưa nắng lên nhàn nhạt,
nền trời nhiều mây thấp u ám. Máy bay lượn trên bầu
trời, máy thu thanh vẫn những đĩa nhạc cũ chạy rề rề
thỉnh thoảng một vài lời nói về tin tức, nhắc nhở,
thông điệp thứ hai đầu năm của Tổng thống, buổi
trưa trôi qua, buổi chiều âm u thêm, những chiếc máy

bay chúc xuống mạn Gò Vấp, Bà Quẹo, những tiếng nổ lớn vang động, đêm xuống, hỏa châu sáng cả một vùng trời, cột khói bốc cao mạn Xa lộ, một vài tiếng nhỏ lẻ tẻ... Đài phát thanh liên tiếp những nguồn tin không rõ ràng, đêm trôi qua nặng nhọc... Những bản tin trên các đài phát thanh nói về những trận đánh ở Nha Trang, Qui Nhơn, Kontum, Đà Nẵng, Huế bị tràn ngập và đang chiến đấu gay go. Tôi nghĩ tới những người bạn mới chia tay nhau hôm ba mươi tết, người bạn hỏi tôi: chúng ta phải làm gì? Tôi nói tôi không bao giờ chấp nhận cộng sản, người bạn đưa cho tôi một lời kêu gọi in ronéo với tiếng Việt và tiếng Anh, đó là lời kêu gọi của các phe tham chiến kéo dài hưu chiến vô hạn định, tiến tới hòa đàm, dưới đó ký tên những giáo sư khoa bảng, một số có những tiếng tăm nào đó, một số đã từng được ưu đãi và thường tự nhận như những phần tử tiến bộ trong giới giáo sư khoa bảng. Người bạn hỏi: nghĩ sao, tôi cười nói ai có việc của người đó, nhưng đừng mặc cảm, tôi lựa chọn sự minh bạch, đừng ai quên bài học liên hiệp trước đây của cha chú mình, tôi không bao giờ tin cộng sản có nhân đạo, họ chỉ có cứu cánh, chỉ có một sự thật, chúng ta có nhiều sự thật, chúng ta yếu trên một phương diện nào đó, yếu vì nắm giữ nhiều sự thật nhưng đó là mối hy vọng để chúng ta thoát ra, sống sót và phục hưng.

*

Sáng mùng ba, những tin tức vẫn mù mờ. Tôi ra đường đi ngược lên phố, mọi con đường vào trung tâm đều bị phong tỏa, hai bên đường còn treo trong dịp tết vẫn pháp phới, trời âm u không có nắng, những người mang theo bị, va ly đi hót hải trên đường phố,

những chiếc xe nhà binh, binh sĩ cầm súng ngang chạy qua vun vút, những xe cứu thương còi réo hồi hả, người ta tụ lại những góc đường, cửa nhà hỏi thăm tin tức. Ông bà ở đâu tới – Dạ trên Phú Nhuận – Tôi ở trên Cây Thị - Nghe nói chúng vào trong bệnh viện Cộng Hòa lấy hết máu, thuốc men và bắt đi những bác sĩ và y tá trực... Gặp một người bạn đi tìm tin tức của vợ chưa cưới, anh nói: nhà phía trong đường Ngô Tùng Châu, Gia Định, bây giờ chỉ có người chạy ra, không ai được vào nghe nói bọn nó kéo vào đó sau khi bị dồn từ khu Tổng tham mưu sang. Có người còn nói chúng đang đào hầm ở trong khu đó nữa, có lẽ chúng tìm đường chạy về phía Gò Vấp cũng như cánh quân ở khu Hàng Xanh, Cầu Sơn đang chạy về phía Thủ Đức. Tôi không biết gia đình cô ấy chạy đi đâu hay vẫn còn mắc kẹt trong đó, đi hỏi thăm những người quen nhưng vẫn không tin tức gì. Trông anh bạn phờ phạc lo âu. Tôi nói sau đây mấy ngày chắc một số người phải chịu tang những người thân, một cái tết người ta sẽ không quên được.

Buổi chiều một ông bạn của cha tôi ghé lại chơi, ông đi chúc tết, ông nói: ở nhà buồn quá không có ai tới chơi, mà mình cũng không dám đi đâu, loanh quanh tôi đi liêu, ra ngõ thì gặp một người bị chết ở đó, người ta nói đừng đi nhưng tôi cứ đi, ông mừng tuổi cho mấy đứa nhỏ, ông ăn mặt cẩn thận như ngày tết mà sao trông lạc lõng, đó cũng là hình ảnh tôi gặp ngoài đường, nhiều người vẫn như tiếc rẻ về bộ đồ tết của mình chưa được dùng đến, ông nói vùng Ngã Bảy người ta chạy lên nhiều quá, bọn họ giữ cả một khu lớn từ Ngã Bảy xuống tận Phú Thọ, bọn nó chết đầy trên đường Nguyễn Tri Phương, nhiều nhà bị

đốt... Những nhân viên chính phủ không chạy kịp bị bắt và bị giết, chúng dùng từng đoàn trẻ con làm bia đỡ đạn để di chuyển, bởi vậy nhiều đàn bà và trẻ con chết một cách oan uổng... Thằng con tôi đi xuống mạn Nguyễn Văn Thoại về nói trông những xác chết cháy còn lại một chút, những xác chết không toàn thây ở dọc đường... Ngồi nói chuyện một lúc ông nói: bây giờ nghĩ tới đường về tôi thấy lo. Nhà ông ở mãi dưới Phan Thanh Giản.

Mới chiều xuống những con đường đã vắng ngắt, người ta rút vào trong nhà đóng kín cửa. Tôi ngồi im nghe hết đài phát thanh này tới đài phát thanh khác. Trận chiến vẫn tiếp diễn nặng tại nhiều nơi như Huế, Đà Lạt, Bến Tre...

*

Bây giờ Huế ra sao trong cơn lửa đạn này. Tôi nghĩ tới những người bạn, đêm nào Sơn hát một bài còn dở dang, *Nhân danh ai anh bắn vào người đồng loại...* bài hát viết cho một người đã bị bắn vào bụng, người đó là Ngô Vương Toại, trong buổi Sơn hát cho các sinh viên nghe tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Bây giờ Sơn ra sao? Căn nhà vườn cây xanh trong Thành nội, vợ chồng Cường, đứa con nhỏ, cô bé Trang ra sao? Quân có còn cơn say không bao giờ dứt, tài thiện xạ của anh có được dùng đến? Những cô gái Huế mái tóc dài, đôi mắt đen lánh quyến rũ sớm mai thức dậy có còn ngồi trước bàn phấn? *Bề bàng soi sắc gương tư Mã. Ai điểm trang mà em phấn son...* Kha có còn nhớ lời tôi vặn hỏi: tôi mong cho tới khi Kha có một đứa con, đứa con đó một tuổi mà vẫn không thay đổi, khi đó tôi sẽ đợi thêm hai mươi năm để... Những cậu con trai mang một Sài

Gòn về đi bát trên con đường Trần Hưng Đạo bây giờ làm gì... Những khoang thuyền trống bây giờ chờ đợi ai?... Kha có còn nhớ tôi nói về một bài thơ của Nguyễn Văn Phụng, những hình ảnh không thể quên, những điều phải nhớ như: *tình yêu thì bị gặm mòn như đôi guốc mộc, em kéo trên con đường...; và phi lý vô cùng, phi lý không chịu nổi, khi những bạn bè thân tôi vì chủ nghĩa*. Nhưng không bao giờ đồng ý hay chịu được những điều khác, *quê hương ta thì nghèo, điều đó đúng, nhưng nhất định không bao giờ người dân ngu dốt, người ngoại quốc có thể nhảm để nói như thế, dân ta không ngu, mà dân ta không được học*. Nhưng Phụng đã nhận thấy đúng, đúng một cách chua chát khi nghĩ và viết:

Này các anh,

khi các anh bàn với tôi về quê hương đất nước

bàn với tôi về vai trò trí thức

tôi thấy các anh hút thuốc lá Mỹ khi ăn những

chiếc bánh Tàu-chợ-lớn thứ chính cống

Này các anh,

khi các anh nói với tôi về chiến tranh

bàn với tôi về bốn phận

và yêu cầu tôi đọc thơ giữa đám đông

tôi thấy các anh mặc veston thắt cravate

leo lên một ngôi nhà ba tầng làm trường học

đổ thơ ra trên những bánh ngọt

đổ thơ ra trên những ly cá phé thủy tinh

tôi đã thấy các anh xưng tụng những bài thơ phản

chiến nhất

với những đứa con gái đánh phấn và để móng tay dài

với những đứa con gái thích dự bai và yêu nhạc kịch

động (1)

Mười ba năm xa cách trở lại Huế, tôi thấy thành phố vẫn như xưa, có chăng một vài thay đổi nhỏ trên

những khu thương mại, và tôi nhớ những điều khi xưa viết về Huế. Sao lại chọn đất này để làm vua? Tôi muốn một ông vua nào đó của nhà Nguyễn thức dậy nơi những lăng tẩm nguy nga cổ kính trả lời cho mình: sao lại chọn đất này để làm vua? Vẫn những con đường năm xưa, những ngôi nhà năm xưa, khác chẳng nhiều con đường đã được mang tên mới như Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Huệ, Mai Thúc Loan, Tăng Bạt Hổ, Đoàn Thị Điểm thay cho những Hộ Thành, Âm Hồn, Đông Ba, Mã Khái, Hiền Nhơn... Không còn muốn cho Huế sống với lịch sử của nó sao? Hãy để cho những thị trấn, những làng mạc giữ lại lịch sử của mình, chính lịch sử nó làm nên tinh thần yêu nước. Những danh nhân chẳng bao giờ muốn mình xóa đi những gì mà người dân sống đã quen thuộc với nó... Tôi nghĩ thế. Bây giờ Huế ra sao? Những cảnh mai vàng, những chầu cúc, thực được, những bông hải đường vẫn tro bông đón chào một mùa xuân không đến với người?

*

Buổi sáng, những con thiếp ngủ chập chờn trong đêm khiến người mệt mỏi, tôi vòng lên phía Tân Sơn Nhất, đường vắng tanh, chỉ có những binh sĩ vác súng đứng nơi dọc đường hoặc di chuyển, loáng thoáng một vài người qua lại. Những hàng rào kẽm gai giăng ngang đường, gần các cơ sở, bót cảnh sát, nơi những ngõ vào Sài Gòn, nơi những đầu cầu từng đám người tụ lại vì không được qua, nhiều những phát súng chỉ thiên bắn lên khiến những người tụ lại tản ra. Những xe cứu thương, xe tuần tiễu chạy không ngừng. Những lời nói qua lại về những cuộc lùng kiếm, bắn nhau tại vùng Ngã Năm Bình Hòa, Phú

Nhuận, Nguyễn Tri Phương, Sư Vạn Hạnh, Chuông Bò, Ngã Bảy. Buổi trưa những cột khói cao trên bầu trời xám. Mặt trời úa đỏ. Cháy ở Cầu Sơn, Hành Xanh, Ngã Bảy. Những khuôn mặt hốc hác trên đường phố...

*

Đài phát thanh liên tiếp những thông cáo, kêu gọi và những bản nhạc đủ loại lộn xộn. Theo những lời khuyên tôi không trở về nhà, ngủ trên một chiếc bàn. Tin cho thấy trận chiến đã lắng xuống, cộng quân hoặc tìm cách bám sát vào những khu đông dân chúng, luôn sâu vào trung tâm, tìm cách lần ra ngoài hoặc đầu hàng, trái sáng thả đầy trên nền trời cùng những chiếc máy bay đủ loại, tiếng súng nổ ngoài Xa Lộ, khu Cầu Sơn, những con phố vắng hoe không một bóng người. Tin Huế vẫn hoàn toàn đen tối: hai bên vẫn đánh, những cánh quân tìm cách bám lấy những cứ điểm then chốt nơi hai đầu những cây cầu, trong khu Thành nội. Những hòng súng nào đang hờm ở Tây Lộc, Kim Long, An Cựu, Bến Ngự... Tới Huế trong những ngày cuối năm, Huế không phải nơi tôi muốn dừng chân lâu, tôi muốn đến một vài nơi khác như Quảng Trị, La Vang, Bến Hải... nhưng tôi không tới được những nơi dự định đó, cuộc chiến đang diễn ra ác liệt ở Đồng Hà, Khe Sanh... Dự đám tang ông thân một người bạn cũ, người bạn mắt đỏ hoe, giọng nghẹn ngào: về tới nơi thì ba em đã mê đi rồi, không nói được nữa, như khi tới nơi ông biết, mở mắt nhìn, miệng mấp máy và ôm lấy đầu... chừng như ba em chờ các con trở về... Nhưng chỉ có người con gái có mặt bên người cha khi hấp hối, còn con trai đi lính trình diện nhập ngũ không trở về kịp, cùng

những đứa cháu. Cuộc chiến ở nhiều khuôn mặt tỉnh về đau đớn nhiều hơn, một người cha, người mẹ chết không có một người con ở bên vuốt mắt, chúng đang học ở xa, đang chiến đấu ở mặt trận, ở một tiền đồn nào. Người bạn nói về cái chết của một giáo sư có nhiều con, ông chết ngồi trên ghế một mình... Phần mộ nằm trên một sườn núi cao ngó ra phía cửa biển Thuận An, những viên đá xám tím, đám tang đi trên một con đường gập ghềnh bánh xe tăng, trên sườn đồi không lâu còn là chiến trường, một người kêu đám trẻ không được lên cao, trên đó có đồn binh, một trái mìn nào đó còn quanh đây, chiếc quan tài mệt nhọc trên tay những phu đám leo lên theo những con đường mòn nhỏ một cách khó khăn. Chiếc quan tài trong lòng huyết, những nắm đất ném xuống, giọng hò nện buồn buồn vang lên trong không khí tịch mịch: *còn vài ba bữa nữa, sao đã vội ra đi, bỏ lại con thơ vợ dại, sao không ở lại vui cùng các bạn thân quen, bây giờ chia tay đôi ngả, cách biệt nghìn trùng...* Những tiếng khóc nghẹn ngào... Sao không vui cho người đã chết, quên đi cuộc sống này, chết yên lành và được nằm xuống một nắm mồ riêng? Bao nhiêu người chết phơi thây trong những khu rừng hoang vu, bao nhiêu người chết tan xác trong lửa đạn... bây giờ chiến tranh đã ở Sài Gòn, Huế, những thị trấn, chiến tranh một cách thực sự, nhưng không có nghĩa trước đó chiến tranh không có mặt ở Huế. Chiến tranh có mặt ở Huế với tiếng súng vọng vào mỗi đêm, là những bao cát chất trên những cỗ ngựa láng bóng trong những ngôi nhà cổ kính, là những thùng dầu hôi cất giấu trong những hốc tối cùng với những gạo Mỹ. Và trên đường phố đông đặc những người lam lũ không sinh trưởng ở Huế và những khuôn mặt bánh bao làm lạ với Huế, bên đó là những

người hành khất chen nhau nơi các quán ăn. Tôi đã rùng mình khi thấy một bàn tay đen bần từ phía sau đưa tới cầm lấy miếng thịt chân giò trong tô bún tôi vừa để xuống bàn. Tôi lánh mình ra bên, một đứa nhỏ và một bà già... Chiến tranh vẽ ra trên khuôn mặt Huế những nét đó, những nét xưa kia không có, có thể ngày nay còn nhiều khía cạnh khác...

Nhưng rồi sau biến cố này Huế có thay đổi gì không? Chắc là không trên những con đường, những căn nhà, những nếp sống như lắng tằm cổ thành, nhưng chắc sẽ có những biến đổi nơi hành động, những bàn tay lật đi lật lại, những đôi trắng thay đen, những giao động, những lựa chọn? phải thế không? Người ta sẽ không sống được như gỗ đá. Chắc Sơn hiểu, điều tôi đã nói: vì sao mình lại viết? dù nhiều khi cũng trông thấy những bất lực ngay trong những hành động. Nhưng không bao giờ tôi chấp nhận một thái độ hư vô, tôi cố gắng trong phạm vi nào mà tôi có thể cố gắng được, cố gắng từ cái nhỏ nhất, trong công việc, trong đời sống, bởi tôi nghĩ những cái không đáng gì (hay rất thiết thân) đó đang là những mầm mống chính nếu như chúng ta còn muốn thoát ra, muốn mưu đồ, gây dựng lại một cái gì, tôi nói với các anh về một cách phục hưng phẩm cách, một làm lại, mà đầu tiên khởi từ trong mỗi chúng ta. Chỉ có thể bắt đầu từ đó...

*

Những tin tức mơ hồ, những lời truyền miệng không rõ ràng khiến tôi lo âu hơn, tôi muốn trở về nhà, hôm nay là mùng bốn tết, công chức vẫn được lệnh ở lại nhà, giờ giới nghiêm vẫn như cũ nhưng người ta vẫn tìm cách ra đường được tới mức có thể

đi, những tiếng súng vẫn nổ ở khu Gò Vấp, Gia Định, Hành Xanh, và mạn dưới là Ngã Bảy, Sư Vạn Hạnh, Minh Mạng, Phú Thọ, Phú Lâm...Người ta nói về những toán cộng quân tìm cách chạy theo những toán người tị nạn, trước đó chúng đã xé nhiều sổ gia đình, căn cước của dân chúng, chúng đột nhập nhà thương Nhi Đồng, một vài toán nhỏ xâm nhập khu Bàn Cờ tuyên truyền, với những lời nhắc đi nhắc lại giống nhau khoảng mười dòng được học thuộc, đó là những cán bộ khoảng mười bốn, mười lăm tuổi gồm cả phụ nữ. Tin về một vài cán bộ tại Bàn Cờ, Cầu Ông Lãnh bị dân chúng bắt sống đánh chết. Buổi trưa nắng đục, những ngọn khói cao phía Ngã Bảy, Gò Vấp khiến nóng ruột lo âu, nhà mình, nhà những người thân có thoát ngọn lửa hung tàn không. Nhiều vùng ngoại ô vẫn hoàn toàn mất liên lạc. Buổi chiều tôi trở về nhà theo đường Đakao, nơi cầu Bông từng đoàn người từ phía Gia Định chạy sang, nơi cửa một tiệm bánh mì người ta bu quanh tranh nhau mua. Một vài cửa tiệm hủ tiếu mở cửa, giá cắt cổ với tô hủ tiếu lỏng bỏng những nước trong veo. Đường Trần Quang Khải bị cô lập nơi bót cảnh sát, trên các cửa rạp chớp bóng vẫn còn những quảng cáo cho các phim đầu năm với những dòng chữ chúc tết. Tôi quay trở lại đường Hiền Vương, rẽ xuống Hai Bà Trưng, Cầu Kiệu bị chặn lại, tôi rẽ Yên Đỗ, không có lối sang, tôi rẽ Công Lý trở về Trương Minh Giảng, những con đường vắng hoe, những chuyến xe tuần tiễu, xe cứu thương và xe nhặt xác chạy trên những con đường không người, trên lề đường nơi nào cũng còn vương đầy xác pháo hồng, cùng đó những đồng rác cao nghệu hôi thối, trước những cửa nhà, bên những đồng rác nhiều khóm hoa cúc vàng, thược dược héo rũ. Đó là những tặng vật của ngày tết để lại trên đường phố

hoang vu. Thất lạc, chết chóc, nhà cháy, đói... những người từ ngoại ô trở vào hỏi nơi tạm trú và trạm tiếp tế. Một người đàn ông đứng tuổi nói tới cảnh trở về khu nhà mình ở gần Cầu Sơn: thú vị quá, cách xa tôi đã thấy thú vị, không về được, người vật chết trong những căn nhà đổ, cháy... Một người nói, ở Phú Nhuận dọc theo đường rầy xác chết ngổ ngang, đường rầy bật tung... Một người nói, ở dưới nghĩa trang Đô Thành người ta đào những hố lớn lấp nhiều người xuống bằng xe ủi đất. Xóm tôi ở đêm trước chúng về tuyên truyền dân chúng khua thùng sắt tây, bắn bị thương một tên, chúng rút chạy xuống phía lạch bỏ lại hai chiếc xuống, nhiều con ngõ được rào bít lại. Nhiều nhà đông nghịt vì những người ở những vùng lửa đạn chạy về tá túc. Những bà nội trợ kiếm điếm lại, gạo, dầu, nước mắm... Trong hơn hai mươi năm trời nay lúc nào người dân Việt cũng sống trong thối thòm, lo âu, sửa soạn... những biến cố ròn rập trong một tình cảnh kinh hoàng, ghê tởm cho nên chừng như ai cũng phòng bị, sống như trong những truyện trinh thám ghê tởm có lẽ vì vậy những người Việt không còn thích đọc truyện trinh thám nữa vì đã sống hơn cả trinh thám: tình, tiền, máu, nước mắt, đàn bà những cái đó làm thành những chất liệu trinh thám. Ngoài cái đó người Việt còn phải sống với những chất liệu khác nữa: tham vọng, quyền lực, những chất liệu cao độ ghê tởm, chết chóc... Trong lúc tôi cũng như bao nhiêu người khác với những lo âu chồng chất, nhìn đứa trẻ tha thui hất chân trong những đồng xác pháo tìm kiếm, chắc nó muốn tìm những chiếc pháo xẹt, tôi thấy như mình đã mất đi một cái gì, những đứa trẻ ấy rồi đây nó có quên đi được nó đã lớn lên trong một tình cảnh như thế nào không? Và đến khi nó lớn cuộc chiến này đã hết chưa? Tôi mong cho tới lúc nó lớn

sẽ còn đi tìm những chiếc pháo như hiện nay thay vì phải chơi với súng đạn, nghe những tiếng nổ chát chúa...

Nước Việt ta rồi đây phải xây dựng như thế nào? Sơn nhắc tôi ở Huế khi về hãy viết về quê hương ngày mai đó: nhà ở, vườn cây, lối đi, y phục trong một nước Việt tương lai phải như thế nào? Một đền thờ Việt Nam phải sao? Có phải chúng ta muốn mang đến một hy vọng trong tình cảnh đen tối hiện tại? có phải chúng ta tự tìm cách an ủi chúng ta không? Còn thực tại thì sao? Đó là điều tôi muốn được hỏi những người anh em. Cho tới khi tôi viết những dòng này vẫn còn những người đang chết, súng vẫn nổ...

K. thân mến, khi tôi viết cho anh những dòng này thì trên tờ lịch ghi ngày mùng mười Tết, chúng ta chia tay vừa đúng 11 ngày, sáng sớm tinh mơ, sương muối lạnh buốt, trời chạng vạng ở Huế chúng đã uống những cà phê sữa trong sân ga chia tay nhau, mới đây mà tưởng như đã xa lắm, có lẽ vì chúng ta cũng như mọi người đã phải sống những giờ phút dài nhất trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, bao nhiêu biến cố đã xảy ra, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu viên đạn đã nổ thay cho những tiếng pháo đầu xuân, và tôi đang cố hình dung, tự hỏi: Huế bây giờ ra sao, các bạn hữu mình ra sao? Những trận chiến đã diễn ra trên đường Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, cầu Trường Tiền, cửa Thượng Tứ, Đông Ba... những nơi mà mấy ngày trước chúng ta đã từng đi dạo, từng ngồi uống cà phê nói những chuyện nghiêm trọng và nhiều chuyện tầm phào khác? Trận chiến cũng đã tới con đường Hòa Bình có căn nhà êm ấm của gia đình Cường, lan tới quán cà

phê Cô Dung, quán cà phê Mợ Tôn, quán bún bò mà nhiều người biết tiếng dưới hầm nhà xệch? Những gói thuốc nổ đã làm sập cầu Trường Tiền những nhịp cong trắng soi mình xuống dòng Hương giang, làm gục cầu Bạch Hổ trên đó có con đường sắt xuyên Việt? Tôi cố nhớ, cố hình dung xem với trận chiến đang diễn ra đó đã làm khuôn mặt Huế hôm nay như thế nào nhưng quả thật tôi không thể hình dung ra được. Có điều chắc chắn trong vòng mười ngày qua lửa đạn đã trở lại Huế...

*

K. còn nhớ không, trong những ngày cuối năm ngắn ngủi, ngồi giữa những bạn bè tôi đã nói với anh tất cả những gì tôi nghĩ một cách thiết tha. Tôi cũng xác nhận với K. rằng: tôi không chấp nhận cộng sản, tôi cũng không có một ảo tưởng gì về nó. Tôi phải nói trước như vậy với K. để sau đó chúng ta có thể nói với nhau một cách rõ ràng. Điều này K. cũng xác nhận với tôi. Con người cộng sản cho tới nay đã trở thành một con người lạc hậu, nó không còn là giai đoạn của những Gorki, Lỗ Tấn... của những ngày khởi đầu cách mạng, chúng ta cũng xác nhận kinh nghiệm mà cách mạng vô sản đã mang đến cho chúng ta. Chúng ta bằng năng lực và sáng suốt của tuổi trẻ đã nhìn thấy những khuyết điểm, những tệ trạng ở phần đất và xã hội chúng ta đang sống, chính trong môi trường đó chúng ta tin rằng chúng ta có thể làm được một cái gì. Có thể tôi là một người lạc quan, như K. đã thấy, nhất là khi tôi nói với K.: những người quốc gia ở miền Nam, chúng ta là hy vọng của thế giới này, chúng ta đang phải chịu những thử thách, hy sinh lớn lao nhất, chúng ta kinh nghiệm

qua cả con đường hư hỏng , chúng ta, mỗi người đều cầm nắm nhiều sự thật trong tay, chính điều đó khiến chúng ta yếu, nhưng cũng chính điều đó khiến chúng ta giữ được chúng ta không lao vào vực thẳm để sau đó có thể phục hưng, sống lại... những anh em miền Bắc của chúng ta cùng những người cộng sản khác tại miền Nam chỉ có trong tay một sự thật, chỉ nhìn thấy một con đường, bởi vậy lúc này họ khỏe hơn chúng ta, nhưng chính con đường độc nhất đó, sự thật độc nhất đó đang đưa họ tới vực thẳm vì đó là sức khỏe của cuồng tín... Tôi thành thật tin như vậy. Anh đã đọc cho tôi nghe những bài thơ phản chiến, tôi cùng K. đã nghe những bài hát phản chiến, tôi và K. đã cùng đọc những lời kêu gọi của những giáo sư khoa bảng về việc kéo dài hưu chiến vô hạn định... Chúng ta đã nói về cảnh huống dân tộc ta trong cuộc chiến tàn khốc này. Tôi cũng đã nói với K. hãy giữ những ý kiến riêng của mình nếu tin đó là đúng, nhưng không được ngụy biện, không bao giờ đòi người khác phải chấp nhận ý kiến của mình... Những điều đó liên hệ với nhau nói lên một sự thật. Nhưng để được sống chúng ta buộc phải chấp nhận, như K. đã chấp nhận bốn năm hơn trong quân ngũ, chấp nhận cuộc chiến, chiến đấu và phấn đấu trong bao dung, với con tim và khối óc của một người.

*

K. thân mến, cuộc chiến đã không chỉ diễn ra trong những đồng ruộng núi đồi, cuộc chiến đã diễn ra ngay trên những đường phố quen thuộc, sự thật nói lên đây là một cuộc chiến không có trận tuyến, bao nhiêu bết tắc, bao nhiêu mâu thuẫn, bao nhiêu quyền lợi, bao nhiêu tranh chấp đang dòn chứa trên quê

hương này. Sức chúng ta có hạn, trong tầm sức có được chúng ta làm việc. Nếu mỗi người chúng ta đều như thế chúng ta sẽ làm thành một sức mạnh lớn. Điều đó chắc K. đồng ý với tôi. Tôi mong mỗi cho tới khi những dòng chữ này đến được với K. cuộc chiến đã đến những giai đoạn khác, K. vẫn không thay đổi, K. vẫn còn là những người sống sót cùng với những bạn hữu khác. Chúng ta phải sống, sống cho tới lúc chúng ta có thể vừa làm việc, vừa có thời giờ nghỉ ngơi dẫn người vợ hiền, đàn con nhỏ đi dạo trên những bến sông và nhìn thấy cuộc chiến này như một dĩ vãng không bao giờ muốn nhắc lại, đó là niềm mong ước của tôi và chắc cũng là niềm mong ước của K. và những người Việt khác...

(2-68)

1. 10 năm Giáo Dục Đại Học Huế - đặc san 1968

(Trích Tạp chí Văn số 100 + 101 ngày 1-3-1968)

Sơ lược tiểu sử: Dương Nghiễm Mậu tên thật là Phí Ích Nghiễm sinh ngày 19/11/1936 tại làng Mậu Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây). Năm 1954 vào Nam. Trước 1975, ông là một phóng viên quân đội. Ông cộng tác với hầu hết những tạp chí thời danh và đã xuất bản khoảng 17 tác phẩm gồm đủ thể loại: truyện ngắn, truyện dài và bút ký.

Sau 1975 ông không còn viết nữa. Hiện ông ở Saigon.



LÂM ANH

Đường

Xe trên đường – bụi trên đường
Vội nhau đâu có lạ thường gì nhau
Đâu ngờ một khúc ca dao
Tách xe, vạch bụi bay vào mắt em

Giấc chim

Anh ra buồn – em vô buồn
Đổi phiên những cánh chuồn chuồn cho nhau
Đâu hay vài tiếng mèo ngao
Tưởng chừng chắn chiếu đang nhàu giấc chim

Bờ đêm

Bờ đêm... con đóm lập lòe
Em dường mắt hút trong que diêm tàn
Sáng ra vệt nắng đi ngang

Tôi dành đội nón cho tàn giấc mơ

Nón mù trưa

Bên lề chiếc nón mù trưa
Mơ hồ có một hạt mưa đội giùm
Và rồi như đến ở chung
Vội lẽ ngẩn nhạc đang chùng âm xa

NGUYỄN NHƯ MÂY

*Ta tìm gì trong núi
Khói sương hay lòng mình ?*

*Sương khói thì bồng bềnh
Tìm chẳng bao giờ gặp !*

*Lòng mình thì phơ phất
Như lau trắng đầy rừng*

(trích Núi và thơ không đề)



Chu-Thụy-Nguyên

Vô đề

Hết lòng với bạn
*Gọi khan giọng tình **
Chưa cạn cùng đêm
Sáng về lộn dép. . .

(Sáng sớm 19/04/09)

* tên thi phẩm của Trần Phù Thế

CAO MỸ NHÂN

Trong Mưa Sài Gòn

Tàn dư một cuộc tình, say
Xếp vô hành lý đã đầy phần em
Sao không đón giấc êm đêm
Mà như xóa vội nỗi niềm dở dang

Ta về đứng giữa tan hoang
Ưu tư vừa cạn lại mang nặng buồn
Đêm qua đã tưởng trong hồn

Không còn sót mảnh trăng tròn ngày xưa

Sáng ra vuốt tóc nàng thơ
Bụi hoàng kim đọng bơ thờ tình riêng
Thâm mong một chút thần tiên
Cho ta có lại lòng tin thươ nào

Trời mưa ơi hỡi, nguồn đau
Bỗng tan thành lũ dạt vào tâm tư
Mai sau chỗ đợi, nơi chờ
Sẽ phai từng dấu hẹn hò hôm nay

Saigon 18-12-2008

LÊ UYÊN TỰ

Vượt Rocky nhớ dòng sông Lũy

Tháng tư vượt đèo mây dưới thấp
Lưng trời chớp giạt phía phương Nam
Không dung lòng bỗng mênh mông nhớ
Quê xa sông có đợi mưa nguồn ?

Nhánh sông xưa vòng qua bến Đá
về xóm Tầm, vai triu gánh nước xa
má em hồng, thơm da mặt chín
cháy bỏng trong ta nỗi nhớ nhà

bến tắm chờ mưa, sông nước cạn
áo bà ba ướt khoả ngực đầy

vòng tay cuồng quít che không hết
thẹn thùng, ánh mắt gởi theo mây

nước về chưa cho đầy sông Luỹ
mưa về chưa xanh mấy lá me non
để em đạp xe qua cầu xóm Lụa
mưa ướt áo dài ôm sát eo thon

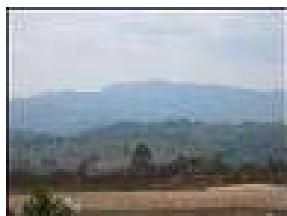
ngày đó, biết gì đâu hò hẹn
cách một dòng sông, lát phát mưa
ta đứng bên cầu, vờ soi bóng nước
đợi chờ một chút mắt đong đưa

đã xa, xa lắm, xa biên biệt
lau trắng bờ sông hiu hắt bay
áo trắng thơ ngây thời tuổi nhỏ
mưa nắng phơi pha những tháng ngày

vượt Rocky sương mù ngang núi
mây nhòa mây đèo chập chùng đèo
quê xa hắt quên người lữ thứ
chớp bề, mưa nguồn, nổi nhớ bay theo.

TRANG LUÂN

Ngọn đồi tử chiến



Lục trải rộng tấm bản đồ xuống chiếc bàn gỗ sơ sài, thô kệch bằng ván ép. Trước mắt anh mở ra những vòng cao độ chằng chịt cùng màu xanh của lá cây, chen lẫn với màu đỏ thẫm in hằn ở trên đây. Tấm bản đồ cả vùng đồi núi chập chùng, ngút ngàn biên giới. Tấm bản đồ quen thuộc với anh cả hằng bao nhiêu năm trời. Bao nhiêu năm dẫm chân xuôi ngược, vào sinh ra tử ở trong đây. Bao nhiêu năm mồ hôi anh vã ra, nhỏ xuống từng các sườn đồi rồi chảy dài xuống các thung lũng sâu thẳm. Máu của bạn bè anh cùng đồng đội đổ ra liên tục, loang đầy trên những ngọn cỏ, đặc quánh, bám cứng vào mạch đất. Bất giác Lục cất nhẹ lên tiếng thở dài. Sự nhớ đến hiện tại, anh liếc mắt nhìn sang hai bên như sợ có người nào nghe thấy. Anh thầm tự trách mình: Mình không nên lộ ra bất cứ nỗi lo lắng nào trong lúc này. Phải tận dụng, tập trung trí óc để đối phó với mọi tình huống ngặt nghèo, khó khăn sắp xảy ra và anh tiên đoán rằng, nó sẽ ập đến thật khốc liệt trong đêm nay.

Lục nhìn xuống vị trí mà đơn vị anh đương đồn trú hiện giờ. Căn cứ hỏa lực số 5. Căn cứ được khoanh tròn trên ngọn đồi 1314 và được thiết lập cả hằng bao nhiêu năm trời, kể từ ngày quân đội Mỹ còn

hiện diện ở nơi đây. Nhìn về hướng tây bắc độ chừng vài cây số, chạy dọc theo đường chim bay là căn cứ hỏa lực số 6. Căn cứ này tọa lạc trên ngọn đồi 1001, thoải thoải và thấp hơn. Ngọn đồi ấy vừa mới bị tràn ngập cách đây không đầy nửa tiếng đồng hồ, và trên đó, tiểu đoàn anh bị xóa sổ, đánh tan bởi lực lượng hùng hậu, đông gấp bội. Trên hệ thống vô tuyến, anh chỉ còn nghe loáng thoáng được câu nói cuối cùng của ông tiểu đoàn trưởng:

“Bây giờ trên đồi chỉ còn có tôi cùng người mang máy mà thôi. Tất cả đều chạy tán loạn hết cả rồi.”

Vòn vẹn chỉ có thể rồi lịm ngấm, tắt lụi. Anh uất nghẹn, trợn tròn đôi mắt. Căn cứ bị thất thủ sau một ngày quần thảo ác liệt. Định mở cuộc tấn công bất thần vào lúc năm giờ sáng, giữa không khí tĩnh lặng của khu rừng còn dày đặc hơi sương. Tiếng súng địch nổ ran khiến cho anh giật mình choàng tỉnh giấc. Anh ra lệnh báo động rồi mở máy truyền tin ra theo dõi. Định tận dụng vũ khí B.40 cùng các loại vũ khí nặng khác để áp đảo tinh thần. Theo tin tình báo cho biết thì đây là sư đoàn 320 của Bắc Việt. Sư đoàn tinh nhuệ mang danh Điện Biên Phủ. Còn một sư đoàn nữa! Anh cố nhớ! Hình như 321B thì phải. Hai sư đoàn này luôn luôn túc trực, án ngữ tận bên kia vùng ngã ba biên giới. Hai đơn vị nói trên được trang bị các loại vũ khí tối tân và có khả năng tác chiến thần tốc, đồng thời thường xuyên tràn sang mở các cuộc tấn công vào mùa mưa. Mùa mưa là mùa mà trận địa mở màn, khai diễn. Mùa của tiền đưa. Mùa của ly biệt. Mùa mà người lính vùng biên trấn phải đối phó với mọi nghịch cảnh khát khe, bí đất. Mùa mà người lính phải hứng chịu những trận mưa pháo kinh hoàng, khủng khiếp. Mùa mà các chuyến trực thăng chở đầy những tang tóc trĩu nặng ở trên

đây.

Xuyên qua hệ thống hành quân, địch tận lực, ra sức mở những đợt tấn công ồ ạt, liên tục, quyết tâm san bằng cái mục tiêu gai góc, chiến thuật này. Địch nhắm vào bốn khẩu pháo binh đầu bạc được phối trí ở trên đây. Anh lo ngại cho số quân tham chiến của tiểu đoàn. Một lực lượng thiếu hụt, không tương xứng chút nào. Tiểu đoàn bị xé lẻ, chia ba. Đơn vị anh nằm bám trụ ở bên đây. Còn đại đội 2 thì có nhiệm vụ giữ an ninh cho phi trường Phụng Hoàng. Anh lo lắng cho số phận những người lính đương ghìm súng chiến đấu ở bên ấy, lo cho chính bản thân mình cùng đồng đội hiện đương có mặt trên ngọn đồi đơn độc, lẻ loi này. Lực đưa tay bóp nhẹ lên trán, ra chiều suy nghĩ. Điều thuốc còn cháy dở trên tay anh. Tiếng người hiệu thính viên hoảng hốt báo điều chẳng lành. Địch đã bỏ đồi được quả cam và hiện đương gia tăng hỏa lực để chiếm trọn phần đất còn lại. Anh thắng thốt nghe tim mình đập mạnh. Bất chợt, anh dơ tay lên xem đồng hồ. Chiếc kim vừa chỉ đúng mười hai giờ. Mặt trời vừa đúng Ngọ. Tin tức sơ khởi cho biết: Sĩ quan hành quân bị tử thương. Tiểu đoàn phó được ghi nhận là mất tích. Lực lạng người tê điếng. Anh cố giữ giọng bình tĩnh, nói với người lính thuộc hạ:

“Cậu chỉnh sang hệ thống nội bộ để tôi nói chuyện với tiểu đoàn.”

Gã hiệu thính viên còn rất trẻ cúi xuống, loay hoay vặn chiếc nút điều chỉnh rồi đưa chiếc ống liên hợp cho anh. Lực cất giọng rung rung, lạc hẳn đi:

“Trường Sơn! Trường Sơn. Đây Đồng Đa gọi.”

“Trường Sơn tôi nghe. Có gì nói đi.”

“Sao tôi nghe giọng đại bàng nhỏ quá.”

“Ráng nghe đi Lê Lai. Tình hình bên đây bị đất lắm.”

“Tôi hiểu! Đại bàng! Đại bàng đề nghị với Lam Sơn cho râu nào lên thế tôi, bóc tôi sang đánh phụ với đại bàng, chứ không đến chiều thì...”

Lục bỏ dở câu nói tại đây. Anh không dám nói hết câu. Hình như ông ta đang suy nghĩ. Mãi sau ông ta mới cất lên:

“Lê Lai chờ đi. Để tôi đề nghị với Lam Sơn xem sao!”

Lục cúi đầu chờ đợi. Thời gian nặng nề đi qua, kéo theo biết bao nhiêu nỗi lo lắng đương dồn dập đổ về bủa vây nơi tâm tư anh. Tiếng súng vẫn đi đùng, sôi động ở bên đây. Tiếng trực thăng vỗ trang bay phành phạch ở trên trời. Tiếng rocket phóng xuống nghe rồn óc rồi nổ tung ra vẫn không chặn đứng được những đợt xung phong điên dại của Bắc quân. Bao nhiêu người lính đương chiến đấu trong nỗi tuyệt vọng, mong manh. Lục nghĩ thầm: Rồi đây lần lượt cũng sẽ tới phiên mình. Chỉ nội trong đêm nay thôi. Địch sẽ thanh toán cái mũi gai nhọn trước mắt để dọn đường tiến chiếm phi trường Phượng Hoàng. Phi trường này là cửa ngõ đi vào hậu cứ của trung đoàn 42 Bộ Binh. Một đơn vị đã gánh chịu trọng trách nặng nề tại vùng ngã ba biên giới này từ lâu lắm rồi. Từ đó xuống thị trấn Tân Cảnh chỉ cách nhau chưa đầy gang tấc. Địch hình như đang có ý định mở chiến dịch qui mô, nhằm mục đích muốn nuốt chửng Tân Cảnh và quận lỵ DakTo hẻo lánh. Bỗng tiếng người hiệu thính viên hét lên trong máy, kéo anh về với thực tại:

“Đại bàng chờ một chút. Có thẩm quyền em tiếp chuyện với đại bàng ngay bây giờ.”

Nói xong, hắn đưa chiếc ống liên hợp sang cho Lục:

“Đại bàng muốn gặp thẩm quyền.”

Lực áp sát chiếc ống vào tai điềm tĩnh:
“Tôi nghe đại bàng.”

Giọng người chỉ huy trùng xuống đầy vẻ chán nản:

“Lam Sơn không chấp nhận. Minh đành phải chịu vậy thôi.”

Lực tức giận, buông mạnh chiếc ống lên hợp xuống mặt bàn. Tự nhiên anh thấy mất thiện cảm đối với vị trung đoàn trưởng mới về. Ông ta mới thuyên chuyển về trung đoàn này được hơn một tuần lễ nay. Anh không biết ông xuất xứ từ đâu đến! Nhưng với cung cách chỉ huy luộm thuộm, anh có thể suy đoán rằng, ông ta là cấp chỉ huy thiếu khả năng trong lãnh vực tác chiến. Đứng trước tình trạng hấp hối, nguy ngập của tiểu đoàn mà ông vẫn chẳng đưa ra hành động nào cấp thời để cứu nguy cho đơn vị của thuộc cấp. Thái độ ù lì chẳng khác nào dòn con cái đi vào ngõ cụt của cõi chết. Chán nản, anh buông người xuống chiếc xập ọp ẹp, thờ thần dán mắt vào chiếc máy truyền tin PRC25 với nỗi buồn quặn xót, tê buốt, ngồn ngàng ở bên trong.

“Có mặt trời muốn gặp thâm quyền.”

Lực cất giọng bình tĩnh:

“Tôi nghe mặt trời.”

Giọng vị tư lệnh trở nên nghiêm trọng:

“Bây giờ chỉ còn mình anh là tiền đồn cuối cùng của Tân Cảnh.”

“Tôi hiểu điều đó, mặt trời.”

“Vì thế, bằng mọi giá anh phải cố thủ lấy ngọn đồi ấy. Tôi không muốn rơi vào trường hợp giống như căn cứ hỏa lực số 6. Căn cứ hỏa lực 5 phải đứng vững. Tôi sẽ thỏa mãn tối đa về hỏa lực cho anh.”

“Tôi sẽ cố gắng, mặt trời.”

“Kê từ giờ phút này, anh đặt trong hệ thống chỉ huy của trung tâm hành quân. Tôi đặt mọi sự tin tưởng ở nơi anh. Chúc anh luôn luôn giữ vững tinh thần và đạt được mọi thắng lợi vẻ vang. Cho tôi gửi lời hỏi thăm tất cả anh em ở trên đó.”

“Cảm ơn mặt trời.”

Quay sang người truyền tin, Lục điềm đạm:

“Ngay từ giờ phút này mình đặt trực thuộc dưới quyền điều động của bộ tư lệnh tiền phương sư đoàn. Nhớ phải thuộc lòng mấy tần số để liên lạc. Dẫn mấy trung đội cũng thế. Đặt trường hợp bị địch tấn công, mình phải đổi tần số liên miên. Nếu không thuộc lòng, tới lúc đó, chúng ta không có thì giờ để chờ đặc lệnh truyền tin ra xem. Hơn nữa ban đêm mình đâu có thể dùng hộp quẹt hay đèn pin.”

“Thầm quyền cứ yên tâm. Chuyện đó em có dặn mấy trung đội kỹ lắm rồi.”

Trầm ngâm giây lát, anh buông tiếng:

“Cậu ra mời thiếu úy đại đội phó cùng mấy ông trung đội trưởng lên họp. Nhớ mời cả bên pháo binh nữa.”

Người lính tất tưởi đi ra. Còn lại một mình, Lục bắt đầu đi vào công việc. Với cây bút chì mờ đỏ trên tay, anh cầm cúi chấm mấy tọa độ nghi ngờ cho pháo binh khuấy rối ban đêm. Những hỏa tập cận phòng để xử dụng cho trường hợp nguy ngập, khẩn cấp, đồng thời đóng khung các vùng nguy hiểm cho phi cơ oanh kích tự do. Nhìn vào thực lực hiện giờ, với số lượng đạn dược dồi dào sẵn có, cộng với sự yểm trợ hỏa lực tối đa của sư đoàn, Lục hy vọng đơn vị anh có thể cầm cự được qua đêm nay. Chỉ cần đêm nay thôi thì tình hình ngày mai sẽ thay đổi. Anh tin chắc như vậy. Dù sao thì sư đoàn cũng phải có kế hoạch giải tỏa áp lực địch cho anh mà còn phải chiếm lại phần đất vừa mới mất vào tay địch. Anh tiên

đoán, địch sẽ dồn mọi nỗ lực để san bằng cái mục tiêu này trong đêm nay. Đêm nay sẽ là đêm khốc liệt, gay go nhất. Một đêm mà đơn vị anh phải đương đầu với từng đợt tấn công ồ ạt, phủ đầu. Nó chẳng khác nào canh bạc xì phé mà tương quan lực lượng đôi bên quá chênh lệch. Nghĩ đến đây, tự nhiên Lực đâm ra nao núng, lo lắng. Bao nhiêu sinh mạng đều giao trọn trong bàn tay anh. Chưa khi nào anh cảm thấy hai chữ trách nhiệm nặng nề như lần này. Có lẽ, tới một lúc mà mình phải xử dụng đến canh bạc xả láng cuối cùng. Đánh giặc cũng giống như đánh bạc. Nó đòi hỏi người chỉ huy phải biết tính toán và hành động kịp thời đúng lúc. Người chỉ huy lúc nào cũng phải tỏ ra bình tĩnh, sáng suốt để đối phó với mọi tình huống khó khăn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Bình tĩnh, sáng suốt là hai yếu tố quan trọng đối với bất cứ người chỉ huy nào ngoài mặt trận. Cương quyết, can đảm và tự thắng để chỉ huy. Nó chẳng khác nào câu châm ngôn mà anh phải thuộc lòng như cháo chảy. Chính vì thế mà người ta gọi đó là nghệ thuật lãnh đạo và chỉ huy. Lực biết điều đó.



Bao nhiêu năm dẫm chân xuôi ngược trên vùng rừng núi bạt ngàn, xôi động này, Lực đã rút tĩa ra được nhiều bài học quý giá. Những bài học được đánh đổi bằng mồ hôi, xương máu và nước mắt mà

anh không bao giờ quên. Thoáng chột, anh nhếch mép nở ra nụ cười ngạo nghễ. Có tiếng gió lao xao nổi lên trên các tầng cây ngoài hàng rào. Tiếng xầm xì phân công tác vọng lại từ tuyến phòng thủ. Tự nhiên Lực thấy tâm tư mình tỉnh táo trở lại.

Lực dơ tay chỉ mấy thùng đạn đại liên nằm ngổn ngang dưới nền đất, ôn tồn nói với mấy người trung đội trưởng:

“Anh em ngồi tạm xuống mấy thùng đạn ít phút. Chúng ta cần gặp nhau để thống nhất ý chí, ngõ hầu đối phó với mọi tình huống ngặt nghèo, khó khăn sẽ xảy ra trong đêm nay.”

Ngừng lại vài giây, anh cố giữ vẻ bình tĩnh:

“Như anh em cũng biết: Tình hình diễn biến khốc liệt trong suốt ngày hôm nay bên căn cứ hỏa lực số 6. Cuối cùng cho đến giờ phút này thì căn cứ hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của địch quân. Theo tin tức cho biết thì sĩ quan ban 3 bị tử thương. Tiểu đoàn phó được ghi nhận là mất tích. Còn số phận của tiểu đoàn trưởng cùng bộ chỉ huy không biết thất lạc nơi nào! Căn cứ 6 bị thất thủ là mối đe dọa trầm trọng cho Tân Cảnh. Ở trên chỉ còn biết trông cậy, đặt hết sự tin tưởng nơi chúng ta! Bởi vì điều dễ hiểu, chỉ còn có mỗi ngọn đồi 1314 này là tiền đồn cuối cùng của Tân Cảnh. Nếu chúng ta mất thì Tân Cảnh tất nhiên sẽ lâm nguy. Vì thế, bằng mọi giá phải duy trì lấy ngọn đồi trọng yếu này. Tôi biết, giờ đây ở dưới đó họ đang lo cuống lên. Rất may cho chúng ta là có sự hiện diện của bộ tư lệnh tiền phương vừa mới dọn lên từ KonTum. Có sư đoàn thì vấn đề yểm trợ sẽ thỏa mãn tối đa. Theo mặt trời cho biết, thì chúng ta đang nằm trong bảng ưu tiên hàng đầu. Nói như thế có nghĩa là bao nhiêu hỏa lực, phương tiện đều đổ

dồn cho chúng ta. Chúng ta chỉ còn có mỗi con đường duy nhất là cố thủ ở tại nơi đây. Sống hay chết cũng tại nơi đây. Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho kế hoạch yểm trợ hỏa lực thật tỉ mỉ đầu vào đây cả rồi. Có điều tôi muốn biết tinh thần anh em binh sĩ bây giờ ra sao? Đồng ý, sự thất bại bên căn cứ hỏa lực 6 đã gây nên sự giao động không nhỏ đối với đơn vị của chúng ta. Vì thế, các anh phải có nhiệm vụ hun đúc tinh thần binh sĩ. Bởi vì, như chúng ta cũng biết: Tinh thần là yếu tố then chốt để quyết định sự thành bại trên chiến trường.”

Hướng sang người sĩ quan trẻ có nước da ngăm đen:

“Theo anh Hiền thì anh nhận thấy thế nào?”

Hiền nhỏ nhẹ:

“Thú thật với thẩm quyền ngay đến chúng tôi cũng hoảng hốt, chứ đừng nói đến binh sĩ. Nhưng cho tới giờ phút này thì mọi người đều tỏ ra sẵn sàng chiến đấu.”

“Còn về vấn đề mìn bẫy thì ra sao anh Thọ?”

Người thiếu úy đại đội phó có dáng dấp mảnh khảnh chậm rãi:

“Từ sáng đến giờ chúng ta gài gần 500 quả lựu đạn ra bên ngoài. Đây là chúng ta chưa tính đến mìn claymore. Phương pháp gài lựu đạn chỉ có thằng Tốt mới trị nổi cái bọn đặc công này mà thôi.”

Lực gật đầu đắc ý:

“Thằng đó gài thì khỏi chê. Nó trước kia nguyên từ đơn vị đặc công mà ra. Vì thế tôi chỉ giao cho nó có mỗi nhiệm vụ duy nhất là gài lựu đạn trong khi đi hành quân.”

Quay sang người sĩ quan pháo binh, Lực dịu giọng:

“Riêng hai khẩu pháo binh thì đêm nay anh hạ càn

dùng tôi. Anh chuẩn bị đạn dược sẵn sàng và chỉ tác xạ khi nào đơn vị rơi vào tình trạng nguy ngập, khẩn cấp.”

Đảo mắt một vòng, Lục kết luận:

“Đêm nay chúng ta đều ra giao thông hào, thức trắng năm chờ địch. Mọi đạn dược, nỏ sắt cùng vũ khí cá nhân đều phải sẵn sàng tại chỗ. Dấu hiệu nhận nhau ban đêm là hai tay áo đều phải sấn cao lên khỏi khuỷu tay. Anh Thọ nằm với trung đội 1 và 2. Còn tôi sẽ nằm với 3 và chỉ huy. Tóm lại, căn hầm chỉ huy sẽ bỏ trống trong đêm nay. Ra ngoài, chúng ta có nhiều điểm lợi hơn. Thứ nhất, chúng ta có thể theo dõi được trận đánh rõ ràng. Thứ hai, sự có mặt của chúng ta ngoài phòng tuyến càng gây thêm niềm tin tưởng cho anh em binh sĩ. Lưu ý, trung đội chỉ huy cho kiểm soát lại mũi tên lửa để ban đêm mình còn sử dụng.”

Ngẫm nghĩ giây lát, Lục đôi giọng trầm xuống:

“Tất cả anh em có ý kiến gì không? Nếu không, chúng ta sẽ giải tán để về lo công việc.”

Mọi người đều lục tục đứng dậy, bước ra khỏi căn hầm. Còn lại mình anh với hai người âm thoại viên, Lục nói vừa đủ nghe:

“Thôi! Mình cũng chuẩn bị dọn ra ngoài tuyến là vừa. Bấy giờ tối rồi còn gì nữa!”

Thẩm quyền có nghe thấy gì không!”

Lục quay sang người lính đứng bên cạnh, khẽ lắc đầu. Gã dơ tay chỉ vào bóng đêm:

“Chính tai em nghe thấy rõ ràng, một tiếng tách rất nhẹ, giống như tiếng thìa lự đạn bị ai dẫm phải rồi văng ra.”

Lục hướng tầm mắt về phía cuối triền dốc. Có ánh lửa chột lóe lên, kéo theo tiếng nổ chát chúa, lạc

lồng như muốn xé tan cái không khí tĩnh mịch, nặng nề của núi rừng. Lực nói thầm với chính mình: Cuối cùng rồi giờ quyết liệt cũng đã diễn. Anh dơ tay lên xem đồng hồ. Chiếc kim vừa chỉ đúng mười giờ tối. Lực kéo tay người lính thuộc hạ nói nhỏ:

“Nói chuyện với anh em chuẩn bị. Địch sắp sửa tấn công. Nhớ nói với anh em phải bình tĩnh và phải nhắm cho chính xác.”

“Em hiểu ý thẩm quyền.”

Tiếng súng địch bắt đầu nổ. Địch khai hỏa bằng một tràng thượng liên ròn rã cùng những trái 75 ly không giạt được bắn sang từ ngọn đồi trước mặt. Địch quyết tâm phá xập mọi lô cốt và muốn làm tê liệt hai khẩu pháo binh nòng ngắn đang hiện diện ở nơi đây. Chiếc pháo đài chỉ huy bị trúng đạn, ngã quỵ xuống và nghiêng hẳn sang một bên, giống như gã phế binh tàn tật, khập khiễng loại 3.

Sau loạt đạn mở màn, địch xử dụng đến vũ khí B40 để chuẩn bị tấn công. Từng trái đạn tới tấp bay đến nổ tung tóe, cây cối ở chung quanh. Có tiếng la xung phong dậy lên ở bên ngoài, hòa trộn với tiếng súng đi đùng nổ liên tục như muốn khuynh đảo tinh thần người lính đang lằm lằm, ghi chặt tay súng để chiến đấu.

“Địch xung phong lên nhiều quá thẩm quyền.”
Người hiệu chỉnh viên hoảng hốt.

Lực dịu giọng:

“Cứ yên tâm. Bình tĩnh. Đừng lo cuống lên. Nói mấy trung đội cho xử dụng M72 để chặn đứng tụi nó lại và luôn luôn giữ vững tinh thần để chiến đấu.”

Giọng người truyền tin oang oang trong máy:

“31, 32, 33, đây Đồng Đa gọi. Nói 54 cho em út xử dụng M72 để đập lại tụi nó.”

Địch tập trung hỏa lực, thọc mạng mũi dùi vào hai

cạnh sườn của căn cứ. Có lẽ địch muốn lợi dụng địa thế rậm rạp, hầu chế ngự bãi đáp trực thăng, để từ đó làm bàn đạp chiếm trọn lấy ngọn đồi.

“Thiếu úy Thọ nói địch tấn công mạnh quá, thâm quyền.”

Lục đưa tay. Người hiệu thính viên hiểu ý, chuyển ống liên hợp cho anh.

“31, đây Đồng Đa gọi.”

“31 tôi nghe thâm quyền.”

“Anh cho tập trung M72, M79 và lựu đạn để đánh trả lại bọn chúng.”

Giọng người đại đội phó rung rung:

“Đáp nhận. Tôi sẽ cho thi hành ngay thâm quyền.”

“33, đây Đồng Đa.”

“33 tôi nghe. Có gì cho, thâm quyền.”

“Dẫn em út tận dụng tối đa để trấn áp bọn nó. Sao tôi chẳng nghe thấy tiếng lựu đạn gài nào nổ cả!”

“Có chứ! Nổ nhiều lắm thâm quyền. Chắc lu bu quá nên thâm quyền không nghe thấy thôi.”

“Nói anh em cứ vững tâm. Tôi sẽ xin phở nấu tối đa.”

“Đáp nhận, thâm quyền.”

Tiếng súng địch đột nhiên nổ già hơn. Vài người lính bị thương chạy dạt xuống hoảng hốt:

“Anh em bị thương khá nhiều. Hình như có hai ba người bị chết nữa! Chuẩn úy Hiền cũng bị thương rồi. Nặng lắm! Thâm quyền cho người lên trám ngay chỗ đó lại. Nếu không thì nguy lắm. Tội nó đông quá! Mình bắn chết bao nhiêu, thì chúng nó vẫn cứ xông lên bấy nhiêu giống như bầy đĩa đối.”

Lục quát:

“Bị thương thì nằm tại chỗ, sẽ có y tá lại băng bó, chứ không được chạy lộn xộn hoặc la lối gì cả.”

Ngoái cổ lại sau lưng, Lục nói khẽ:

“Gọi tiểu đội trinh sát mau theo tôi lại trung đội 1 gấp.”

Nói xong, Lục hồi hải bước thoăn thoắt tiến lên phía trước.

“Khom người xuống thăm quyền. Tụi nó cận kề với mình lắm rồi.” Người lính nào đó lên tiếng.

Lục cúi xuống hỏi nhỏ:

“Chuẩn úy Hiền đâu rồi?”

Người lính chỉ tay về hướng trước mặt:

“Ông ấy đang ngồi cho y tá băng bó đầy thăm quyền.”

Lục tiến lại, đứng sát ngay bên cạnh. Thấy anh, Hiền mệt mỏi:

“Thăm quyền cho trám ngay chỗ ấy lại, chứ không thì nguy đó thăm quyền.”

Anh an ủi:

“Anh cứ an tâm ngồi đây cho y tá chăm sóc. Chuyện đó cứ để đây tôi lo.”

Toán trinh sát cũng vừa mới đến. Lục hỏi thúc:

“Mau lên gấp thiếu úy đại đội phó. Ông ấy sẽ chỉ chỗ cho mà trám ngay lại.”

“Vâng! Thăm quyền.”

“Trung tâm hành quân hỏi mình có chuyện gì vậy!”

“Sao không báo, mình đang bị địch tấn công.”

“Em có nói! Nhưng họ muốn gấp thăm quyền.”

“Ai! Mặt trời hay nhân viên trực!”

“Không phải giọng mặt trời. Hình như Thái Sơn thì phải.”

Lục gắt:

“Đưa đây.”

Lục nắm chặt ống liên hợp:

“Báo cáo, địch bắt đầu hỏi thăm sức khỏe chúng tôi kể từ giờ phút này.”

“Anh có thể ước lượng cho tôi biết: Địch vào khoảng

độ bao nhiêu không?”

Lực cúi lên:

“Giờ này mà còn ước lượng cái gì nữa? Thảm quyền cứ trình với mặt trời là địch đang tấn công phủ đầu chúng tôi bằng chiến thuật biển người.”

“Lệnh của mặt trời cho anh là phải chiến đấu tới cùng.”

“Tôi biết! Thảm quyền thỏa mãn phở gấp vào tọa độ anh dừng dùm tôi.”

“Anh cần bao nhiêu tràng?”

“ Bao nhiêu cũng được. Càng nhiều càng tốt. Bắn gấp ngay đi thảm quyền.”

“Tọa độ đó gần lắm. Bắn rất nguy hiểm. Tôi sẽ gọi cho anh trái khỏi đầu tiên để điều chỉnh.”

“Khỏi cần. Thảm quyền cứ cho bắn đi. Bây giờ không phải là lúc để nói tới hai chữ điều chỉnh.”

Bên ngoài, tiếng súng địch mỗi lúc một rất hơn. Lực liếc dọc theo tuyến giao thông hào. Những người lính đang mải mê, say sưa ghi chặt tay súng về phía trước. Tiếng đạn réo vun vút ở trên đầu, pha lẫn với tiếng la vọng lại từ hướng trung đội 1:

“Coi chừng cái sườn bên trái. Bọn nó đang xông lên đây. Đừng để tụi nó tiến gần vào. Đại liên đâu rồi. Mau chặn ngay tụi nó lại.”

Lực đứng thẳng người, ngoái cổ lại sau lưng. Cát bụi bay mù mịt, phủ kín cả ngọn đồi. Thoang thoảng, anh nghe như có tiếng pháo binh bắn lên từ hướng Tân Cảnh. Lực nói vừa đủ nghe:

“Gọi mấy trung đội cho em út đội nón sắt lại cẩn thận. Phở bắt đầu nấu rồi đấy.”

Tiếng đạn rít xoáy trong không gian nghe như tiếng hú kinh hồn, ghê rợn nào đó. Rồi cứ thế, ùn ùn, lũ lượt, hung hãn kéo tới, chúi cuống nổ tung tóe, cày xới xuống hàng rào kẽm gai ở bên ngoài. Những

tiếng nổ rùng rợn, choáng váng làm rung chuyển cả mặt đất khiến anh cảm thấy như lồng ngực mình muốn vỡ tung ra. Kể ra thì mình cũng liều lĩnh thật. Đôi khi mình phải quyết định táo bạo thì mới mong vẫn hồi được tình thế. Có tiếng la thất thanh của địch bị trúng đạn. Tiếng cây gãy đổ ào xuống. Tiếng miếng đạn bay vùn vụt trong cõi đêm, hòa trộn với tiếng đốc thúc của những người trung đội trưởng vọng lại từ bốn phía, khiến cho anh cảm thấy bình tĩnh và tin tưởng lạ thường.

“Các trung đội nói pháo binh bắn gần quá. Thảm quyền làm ơn kéo ra xa thêm chút nữa.”

“Nói mấy trung đội ráng chịu khó đi. Bắn như vậy thì mới chặn đứng tụi nó lại được.”

Ngập ngừng giây lát, Lực lấy chiếc địa bàn ra đo về hướng trung đội 1. Anh từ từ nhắc ống liên hợp:

“Quang Trung, đây Đồng Đa gọi.”

“Quang Trung tôi nghe.”

“Phương giác quan sát 1200. Thảm quyền kéo phở sang trái 200 mét và ra xa 100 dùm tôi. Đồng thời cho thêm trái sáng để quan sát.”

“Đáp nhận! Tôi sẽ thỏa mãn theo lời anh yêu cầu. Tôi đang điều động con Hải Âu để vào vùng soi sáng cho anh. Anh cứ an tâm.”

Tiếng súng địch thưa dần rồi lịm ngấm, tắt hẳn. Có lẽ hàng ngũ địch bị rối loạn mà không chừng còn thiệt hại nặng nề nữa là đằng khác. Dù sao đi chăng nữa thì đây mới chỉ là bữa ăn điểm tâm. Một bữa ăn thăm dò, để mở đường cho bữa ăn chính thần tốc và khốc liệt hơn. Còn nữa! Lực nghĩ thảm như thế. Anh tựa lưng vào thành đất, ngửa cổ nhìn lên vòm trời đầy sao. Những vì sao long lanh, dửng dưng, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Mệt mỏi,

anh lim dim đôi mắt. Có tiếng gió xào xạc nổi lên ở quanh đây, và xa xa, loáng thoáng, mơ hồ anh nghe như có tiếng chim hải âu đang chuẩn bị vào vùng để soi sáng./.

Cali. 10/05

LTS: Bài văn này lấy từ chất liệu những năm tháng tác giả chỉ huy cấp trung đội, đại đội thuộc sư đoàn 22 BB, đơn vị mà những người lính chúng tôi vẫn nói đùa với nhau là sư đoàn tròng giới, do bởi đa số những người bị đổi về sư đoàn này mang thân phận của kẻ bị lưu đây.

Vậy mà họ đã sống và chiến đấu như thế !.

NGUYỄN MINH

Trung phong



Những người cầu thủ của đội bóng ba tôi đã lần lượt qua đời. Bây giờ chỉ còn lại độc nhất người trung phong. Người ấy không lạ gì với tôi, ông là anh ruột của tôi, và là con cưng của ba mẹ tôi. Đó là anh Thương. Tình cờ ba tôi khám phá ra tài năng đá bóng của anh. Trong những trận tranh cúp toàn quốc anh đã làm say mê các khán giả, ba tôi lại càng cưng chiều anh hơn. Các cầu thủ trong đội tôn trọng và mến phục anh. Còn riêng tôi, thằng bé sáu tuổi, xem anh như một thần tượng một thời gian dài của tuổi trẻ.

Hiện tại anh cũng như tôi đã thành những ông già. Tóc đã bạc phơ. Lưng đã còng. Mắt đã mờ. Răng đã rụng. Anh vẫn thức khuya, nằm trên ghế dựa, say mê theo dõi những trận bóng đá. Anh quên cả sức khỏe kém cỏi của tuổi già.

Tôi vẫn thường lên thăm anh. Điều làm chúng tôi gần nhau là khi chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm thời xa xưa về những người thân yêu nhất của đời mình đã khuất bóng. Cha mẹ đã chết. Chị em đã bỏ

nước ra đi tạm cư ở nước ngoài hơn 30 năm vẫn chưa về để anh em chúng tôi đoàn tụ. Những người cầu thủ trong đội bóng của ba tôi cũng được anh em chúng tôi nhắc tới. Nhờ anh tôi hiểu được nhiều về họ.

Anh cười móm mém rồi chậm rãi kể lể:

- Nếu không có cái chết của anh Mai - người trung phong tuyệt vời trong đội banh của ba - thì chẳng bao giờ anh thành người cầu thủ. Anh Mai là một thanh niên cao to. Anh gốc người Nghệ An, sau khi Việt Minh vỡ mặt trận, anh chạy vào thị xã này. Anh từng là một cầu thủ của đội bóng nổi danh ở Hà Nội. Chính anh ấy đã truyền đạt lại cho anh những cú sút banh bằng chân trái. Quả bóng bay xa và xoáy tròn làm thủ môn phía bạn phải chói với. Mỗi buổi sáng hai anh em dậy thật sớm, chạy bộ vài cây số, kéo ra tận bờ sông. Ở đó, anh Mai huấn luyện cho anh cách lộn nhào, cách ngã mình, cách phóng người đứng dậy thật nhanh. Rồi bất ngờ, vào một buổi sáng bọn Tây đổ ập vào nhà bắt anh Mai trước sự ngỡ ngàng của mọi người. Bọn Tây bảo anh ấy là một trong những người lãnh đạo Việt Minh từ Bắc chạy vào. Vài ngày sau, bọn Tây mang anh Mai ra bờ sông. Một loạt súng bắn vào người anh. Để tỏ lòng mến mộ tài năng đá bóng tuyệt vời của anh họ đặc ân cho Ba được đem xác anh Mai về chôn cất.

Như trong buổi diễn tuồng ở một gánh hát, cô đào chính thỉnh linh ngã bệnh, không thể hủy buổi diễn, ông bầu luống cuống phải tìm người thay thế. Ở đội bóng cũng vậy. Ba tôi vừa thương tiếc anh Vĩnh, anh Mai, vừa lo tìm người thế chân. Anh Ty biết được nỗi lo lắng ấy. Anh cười nói với ba tôi:

- Người chú cần tìm ở quanh đây thôi. Sáng mai chú ra sân dự buổi tập dượt giữa hai đội A và B chú sẽ thấy.

Sáng hôm đó, ba tôi phải ẩn mình ở bụi chuối để theo dõi từng bước chân của anh Thương và ông lấy làm lạ tuy vóc dáng của anh nhỏ nhắn nhưng lanh lẹ, dẻo dai, đầy phong độ. Ba tôi thắc mắc sao anh Thương lại có cách sút bóng tuyệt vời như anh Mai. Anh Thương mới thổ lộ tất cả.

Từ đó Ba tôi càng thương và chăm sóc anh Thương nhiều hơn. Một kỷ niệm làm anh Thương nhớ suốt đời. Như một vở kịch. Trong một chuyến lên Đà Lạt để tranh giải cúp vô địch toàn miền, trước giờ ra quân lại vắng anh Thương, ông hỏi ai trong đoàn cũng không biết anh ở đâu. Chị Chi thấy vẻ mặt cau có và luống cuống của ba tôi nên mới nói:

- Chắc anh Thương trên đường về. Anh ấy biết giờ này chuẩn bị trận đấu mà.

Thật vậy anh hồi hã trở về khách sạn sau khi từ giả chị Hằng trong lần đến thăm chị. Anh tìm đến nhà chị, lên dốc, xuống dốc, quẹo phải, quẹo trái, trèo lên ngọn đồi thông, tuột xuống dưới thung lũng đầy hoa dã quỳ. Thấy mặt anh, chị Hằng tỏ vẻ giận dữ vì anh ít viết thư. Anh phân trần, năn nỉ. Chị mới thông cảm. Anh chị làm lành, cùng nhau đi dạo dưới rừng thông và anh quên hết mọi việc. Đến lúc chị Hằng hỏi:

- Mấy giờ tập trung cầu thủ?

Anh hoảng hốt. Chị chỉ đường đi tắt. Anh chạy hỏn hển mới về kịp. Ba tôi hỏi:

- Đi đâu về. Sao lại thở hỏn hển và toát mồ hôi vậy?

Chị Chi buột miệng:

- Đến thăm người yêu mà.

Ba tôi la hoảng lên:

- Thôi! Hồng rồi. Hồng rồi.

Sấn cảm trong tay khúc gỗ nhỏ, ông quăng xuống thềm nhà, đụng cạnh bàn vắng ngang chân anh

Thương. Anh Thương giả vờ trúng phải chân mình. Ăn vạ. Anh quy xuống, ôm lấy chân suýt xoa làm ba tôi thêm quỳnh quáng. Sắp ra trận thi đấu mà cầu thủ què chân thì còn làm ăn gì được. Ông vội vàng chạy đến, tay chỉ vào ai đó bảo lấy dầu thoa. Nhìn vẻ mặt tiu ngiu, lo âu của ông, anh Thương không nỡ làm ba mình buồn lòng nên anh cười làm lành. Anh nói nhỏ như chỉ đủ cho ba tôi nghe:

- Suýt trúng thôi mà.

Ông mới hoàn hồn, mắng yêu:

- Tổ cha mày làm tao hết hồn.

Sau này tôi mới hiểu vì sao nghe anh Thương đến thăm người yêu mà ba tôi tỏ thái độ như vậy. Qui định ba tôi đặt ra cho các cầu thủ bóng đá là để giữ gìn phong độ và tâm tư thoải mái, thì trước khi ra trận một ngày các cầu thủ không được gặp người yêu hoặc ngủ chung với vợ mình. Gần vợ thì mất sức. Gặp người yêu thì hao tâm. Cả sức lực và tinh thần phải hòa hợp với nhau mới tạo chiến thắng.

Ba tôi nâng niu anh Thương vì anh là con trai đầu lòng mà còn là một cầu thủ xuất sắc đã mang về vinh quang cho đội bóng của ông.

Còn mẹ tôi, bà không thiết tha gì những chiếc cúp đoạt giải anh Thương mang về chung nơi phòng khách nhưng bao nhiêu tình thương bà đều dành hết cho anh. Bà mong muốn anh sớm lập gia đình để bà có cháu nội bông bế tưng tiu. Chính bà gợi ý anh Thương phải gặp chị Hằng ngay khi mới bước chân lên Đà Lạt. Mẹ chị Hằng là bạn thân của bà. Mỗi lần bà lên Đà Lạt cùng anh Thương bà đều ghé lại. Thấy anh Thương và chị Hằng thân thiết nhau hai bà bạn già vui sướng lắm. Chị Hằng học trường Tây nên cách ăn mặc hợp thời trang. Anh Thương cũng không thua gì. Ra đường lúc nào cũng quần tây trắng nẹp,

áo sơ mi bỏ vào trong và nịt hần hoi. Đôi giày anh mang lúc nào bóng láng. Anh hào hoa, phong nhã. Ngoài bóng đá anh còn chơi cả quần vợt. Chị Hằng cũng thích môn thể thao này. Chị và anh Thương hay ra sân đánh đôi thành một cặp. Cả nhà tôi ai cũng nghĩ chị Hằng sớm muộn gì cũng làm dâu ba mẹ tôi. Chị Miên, chị Giỏi, chị Chi đều thương mến chị Hằng. Ngược lại chị Hằng đối với các chị ấy rất hồn nhiên và gần gũi. Với mẹ tôi, chị xem như mẹ của mình, nên chị hay nũng nịu. Mẹ tôi cứ khen chị mãi. Con bé cười có duyên. Hiền lành. Dễ thương. Nết na. Mẹ tôi mong ngày chị ra trường sẽ cậy người làm mai lên Đà Lạt dạm hỏi chị cho anh Thương. Mọi người trong gia đình tôi ai cũng tin như vậy nếu như không có sự việc xảy ra quá đột ngột.

Từ đâu, những tai ương dồn dập đổ lên đầu gia đình chúng tôi. Chị Giỏi chết. Anh Ty bỏ đi. Anh Chín bị tù đầy. Anh Thành vào chiến khu. Ba tôi bị giam cầm, bị tra tấn dã man. Đội banh sau năm năm lừng lẩy bốn phương giờ rã đám. Các anh cầu thủ lại lưu lạc phương trời nào xa xăm. Anh Thương cũng bỏ nhà ra đi.

Thuở nhỏ, tôi ngủ trên tấm phản gỗ láng bóng đặt ở một góc phòng của gian nhà giữa cùng với anh Thương. Anh Thương huýt gió rất hay. Âm thanh êm ái này đã ru tôi vào giấc ngủ, thế câu hò ngày trước mẹ tôi thường hát ru đưa võng cho tôi. Một buổi sáng, như thường lệ, gà vừa gáy tôi giật mình thức giấc quay người qua ôm lấy anh nhưng trống không. Anh Thương bật tắt từ lúc ấy. Sau này nhớ lại lời anh nói nhỏ bên tai tôi: “*Anh đi rồi, Bui ngủ với ai?*” Tôi chưa kịp trả lời anh đã cất tiếng hát một bản nhạc buồn.

Văng anh, mẹ tôi khóc mãi. Nước mắt bà rơi

xuống như từng mũi kim châm vào da thịt tôi. Bà tự trách mình, xem như bà là nguyên nhân gây ra sự ra đi của anh Thương. Mẹ tôi kể lể: *“Sao con lại giận hờn mẹ như thế. Mẹ chỉ mong con làm một người tình chung thủy. Mẹ rất ghét kẻ bạc tình.”* Mẹ tôi nói như có anh Thương đứng trước mắt bà. Mẹ tôi ân hận. Chị Miên cũng nhận mình có một phần lỗi.

Thì ra chỉ là một lầm lẫn. Chính chị kéo mẹ tôi từ trong buồng ra xem anh Thương đang đi với một cô gái về hướng bờ sông. Họ đi sát bên nhau. Chỉ có tình nhân mới như vậy. Các chị khác lại đổ thêm dầu vào lửa. Mẹ tôi giận anh Thương. Nếu chị Hằng biết được chị ấy sẽ đau khổ biết bao. Mẹ tôi nghĩ như vậy. Mẹ tôi la rầy anh Thương như trút đổ nước lên đầu anh. Anh chưa kịp phản ứng, phân trần. Mẹ tôi la lớn:

- Tao không muốn có thằng con tệ bạc như mày!

Chưa bao giờ tôi thấy Mẹ tôi giận hờn, la mắng anh Thương như thế. Lúc đó, thằng bé tám tuổi như tôi, thấy đó làm ngạc nhiên và xem như anh Thương có tội quá lớn làm Mẹ tôi đau lòng.

Trước đó, tôi thấy Mẹ tôi lúc nào cũng chịu đựng anh Thương. Anh muốn gì mẹ tôi cũng gật đầu ưng thuận. Ngay những lúc nghỉ trưa, mọi người trong nhà đều im tiếng để mẹ tôi chìm đắm trong giấc ngủ dù ngắn ngủi, thế mà nhiều khi hứng khởi anh Thương kéo tôi ra cái sân nhỏ lát gạch trước phòng mẹ tôi cùng anh chơi banh. Anh lừa banh và tôi nhào vô chụp lấy, trái banh nơi chân anh đảo qua đảo lại, chạy tới chạy lui. Tôi đã thấm mệt, mồ hôi nhễ nhại mà cũng chẳng lấy được banh. Tôi muốn khóc anh mới bảo tôi làm thủ môn, và anh sút nhẹ trái banh vào người tôi. Tôi chụp lấy nhưng bị ngã ngửa xuống sân vì sức mạnh đường đi trái banh còn tôi thì quá yếu ớt. Tiếng chân người. Tiếng nện thỉnh thỉnh của

trái banh lên nền nhà, vào cánh cửa gỗ của phòng mẹ tôi âm âm. Anh em tôi quên trong đó Mẹ tôi đang ngủ. Chị Miên lên tiếng nhắc nhở:

- Bộ anh hết chỗ tập dượt và thiếu người hay sao?
Đề Mẹ ngủ chứ

Tiếng Mẹ tôi vọng ra:

- Cứ để anh Thương mày chơi thoải mái.

Chị Miên nguyền dài, anh em tôi mới ngừng cuộc chơi.

Lúc ấy, tôi nghĩ anh Thương đâu phạm lỗi làm gì khi đi chơi với bạn gái khác đến nỗi Mẹ tôi phải giận anh đến như thế. Và sao anh Thương vì lời mắng mỏ của mẹ mình mà phải bỏ nhà ra đi.

Mấy ngày sau, chính người con gái xa lạ kia đến tìm mẹ tôi. Họ nói nhỏ với nhau điều gì ở trong phòng riêng của Mẹ. Khi ra về, mẹ tôi cầm lấy tay cô gái, nói khê câu xin lỗi. Lớn lên tôi mới biết đó là người giao liên, móc nối dẫn đường cho anh Thương vào chiến khu chống Pháp. Mẹ tôi không còn dằn vặt khi biết sự ra đi của anh Thương đã được tính toán từ lâu. Bà chỉ lo lắng liệu anh Thương có chịu nổi sự khổ cực thiếu thốn nơi rừng rú âm u kia không. Sự an toàn tính mạng của anh treo như sợi tóc mong manh. Bà chỉ biết hằng đêm niệm Phật.

Từ đó, gia đình tôi thường bị chính quyền hạch sách liên tục. Mẹ tôi phải tìm tòi những hình ảnh thư từ của anh Thương để lại cất giấu đi.

*

Đề gánh vác nuôi nấng chị em tôi cũng như cháu bên nội bên ngoại mà ba mẹ tôi đã đem về, mẹ tôi phải cật lực tháo vác trong việc làm ăn buôn bán.

Những chuyến hàng ra Trung bằng đường thủy. Những kiện hàng nhập về từ Sài Gòn bằng xe tải. Nhà trước nhà sau chật đầy hàng hóa. Mẹ tôi càng ngày càng làm ăn khấm khá rồi giàu có nhất nhì trong thị xã.

Tiền bạc sổ sách bà giao cho chị Miên trông coi cho đến lúc chị lấy chồng đi xa. Đến phiên chị Muội thì tôi cũng đến tuổi biết nhìn gái đẹp. Còn chị vừa đến tuổi cập kê. Tất cả của cải vàng bạc vật quý đều cất vào tủ két bằng sắt.

Nhớ ngày đầu mới mang cái tủ két bằng sắt này từ Sài Gòn về, chị em tôi đã nhìn nó với vẻ ngỡ ngàng và xa lạ. Lần đầu tiên tôi mới thấy một cái tủ không phải bằng gỗ xinh xắn nhỏ nhắn như chiếc tủ đặt ở góc tường. Cái két sắt cũng nhỏ như thế nhưng sao nó nặng nề vô cùng. Phải đến sáu người lớn kê vai mới nhấc nổi và còng lưng hạ nó xuống đặt vào vị trí mẹ tôi đã định sẵn. Tôi đưa đôi bàn tay nhỏ nhắn sờ mó lên mặt cái két. Lạnh ngắt. Tôi lấy hết sức lực bình sinh đẩy mạnh, nó vẫn trơ trơ. Cả cái khối sắt màu xanh đen lù lù ở một góc phòng như một khối đá nằm trơ vơ dưới chân một ngọn đồi trên đường xuống biển ở quê tôi.

Mở những chiếc tủ gỗ trong nhà đơn giản chỉ cần nắm cái tay cầm kéo ra hoặc tra chìa khóa vào ổ khóa xoay qua xoay lại là xong. Còn cánh cửa cái két sắt này gắn thêm bốn cái núm tròn nhỏ như những đồng xu chồng chất lên nhau, xung quanh nó là những con số và những ký tự la tinh.

Mẹ tôi phải nhiều lần kêu chị Muội vào phòng để chỉ chị cách xử dụng. Chị phải lấy một cuốn vở ghi chép. Mẹ bảo như thế không bao mật. Phải ghi vào trí nhớ. Chị không tin vào đó vì chị thường quên. Chị

nói cho mẹ yên lòng. Con ghi chép theo cách của con.

Thời gian qua đi, chúng tôi cũng lìa xa ngôi nhà thân yêu đó, xa cái thị trấn bé nhỏ ấy đến sinh sống ở một thành phố khác. Mỗi lần nhớ đến cái kết sắt này tôi lại xót xa.

Mọi vật dụng trong nhà tôi lúc bấy giờ chỉ do mẹ tôi mua sắm. Từ chiếc bàn, chiếc ghế, cái tủ thờ, bộ ghế sa lông bằng gỗ gỗ láng bóng. Riêng ba tôi, một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, một chiếc xe ba gác chở về nhà một chiếc tủ gỗ to lớn, cồng kềnh. Ba tôi bảo quà tặng của một nhà mạnh thường quân giàu có cho ông bầu đội bóng.

Chiếc tủ này đặt ở căn nhà giữa. Bao nhiêu quần áo đã ủi thẳng nếp đều được sắp xếp trong ngăn tủ lớn. Bên cạnh là ngăn tủ ngắn hơn, và trên đó có cái hộc nhỏ gắn liền với tấm gương soi mặt. Chiếc hộc này đã khóa kỹ. Tôi nghi chắc ba tôi dùng để cất những vật quý giá, nên tôi không dám rờ vào.

Khi ba tôi chết đi sau những tháng năm vật lộn với cơn bệnh lao phổi. Những vật dụng của ba tôi trong chiếc tủ này được lấy ra để thiêu hủy. Riêng cái hộc nhỏ này tôi không mở được vì không tìm ra chiếc chìa khóa. Mãi sau này chị Muội nhắc lại Mẹ tôi đã từng dặn dò trước khi bà chết, lúc nào anh Thương trở về mới giao chiếc chìa khóa bà để trong ngăn nhỏ của cái kết sắt cũng được khóa kín. Chính cái chìa khóa đó mới mở được cái hộc tủ gỗ.

Chúng tôi đợi chờ ngày anh Thương trở về, như ba mẹ tôi đều tưởng rằng chỉ vài năm sau theo hiệp định Geneve đất nước sẽ thống nhất. Đâu ngờ lịch sử đã đổi thay. Cuộc chiến đôi miền càng ngày càng khốc liệt. Ba mẹ tôi phải điêu đứng, tù tội chỉ đơn giản là có con theo Việt Minh và đã tập kết ra Bắc.

Mòn mòn.

Từ ngày mẹ tôi mất đã hơn mười năm, chúng tôi mới trưởng thành và tản mác khắp nơi. Đi đâu rồi cũng trở về lại nơi mình đã được sinh ra. Ngôi nhà mang số 11 lại được chỉnh trang để thành một quán cà phê văn nghệ. Chị Muội và tôi đã bán những vật dụng công kênh để trống chỗ. Trước khi chiếc tủ gỗ đó được đổi chủ chị em tôi mới tìm cách mở cái hộc nhỏ để lấy ra những gì mà mẹ tôi đã cất dấu.

Bấy giờ tôi mới sức nhớ đến chiếc chìa khóa nhỏ để trong cái két sắt. Hai chị em tôi bàn bạc sẽ dời vật quý giá đó vào một nơi khác, như vừa qua chúng tôi đã dời những ngôi mộ của ba mẹ cùng người thân trong dòng họ từ một nghĩa trang trong thị xã ra đến một vùng đồi núi khác.

Cầm chiếc chìa khóa nhỏ tra vào ổ hộc tủ tôi bỗng run tay, lòng hồi hộp. Vặn mãi mới mở được. Kéo cái hộc tủ từ từ ra. Mắt tôi chăm chăm nhìn vào. Như một người vừa tìm ra kho báu mong thấy vàng bạc, ngọc ngà, để cất tiếng reo mừng. Mẹ tôi đã cất dấu vật gì quý giá đến thế. Trước mắt tôi, trong chiếc hộc tủ nhỏ này, chỉ là một tập vở học trò. Tôi nghi chắc đó là di chúc mẹ tôi để lại cho anh Thương. Tôi tò mò lấy ra, mở từng trang một. Những dòng chữ viết rất đẹp và bay bướm về những bản nhạc của Đặng Thế Phong, Văn Cao, Đoàn Chuẩn, Hoàng Quý... Dưới mỗi bài có ký tên người chép: Thương. Ngoài ra không có một dòng chữ nào của mẹ tôi. Rủ tập vở, rơi ra một tấm hình. Người con gái trong đó có đôi mắt trầm buồn. Chị Hằng. Phía sau có hàng chữ viết tặng anh Thương cùng những lời hẹn hò. Một lá thư viết dở dang của anh Thương chưa kịp gởi cho chị, nhấn nhủ chị đợi ngày anh về.

Lúc đó trong tôi có một sự ganh tỵ với anh

Thương. Những gì anh Thương bỏ sót lại, một tập vở chép nhạc mà Mẹ tôi cũng cất giữ cho anh như một vật quý giá ngàn vàng. Tấm hình của chị Hằng đã hoen ố theo thời gian. Trong tâm khảm của Mẹ tôi chị Hằng trẻ đẹp, hiền từ, mẹ tôi vẫn nghĩ đó là người con dâu yêu quý của bà.

Tôi đóng mạnh chiếc hộp tủ vào. Tôi muốn vất tập vở chép nhạc đó xuống đất, nhưng không hiểu sao như có bàn tay ai níu lại, ngăn cản tôi. Có tiếng ai đó rất mơ hồ từ một cõi xa xăm nào đó gọi tên tôi, như nhắc nhở tôi tránh phải một sai lầm. Tôi nhận ra tiếng gọi của Mẹ tôi ngày nào mình còn thơ ấu khi bà muốn can ngăn những lỗi lầm tôi sắp phạm tới. Tiếng gọi ấy làm tôi nghĩ không phải tôi đang cầm trong tay một tập vở chép nhạc của anh Thương mà tôi đang giữ cái hồn của Mẹ tôi. Tôi tìm một tờ giấy trắng gói cẩn thận tập vở lại bỏ vào ngăn kéo bàn giấy thường ngày tôi làm việc. Như tôi vừa mới nhận lời sẽ thực hiện lời trời trăng của Mẹ tôi.

Thời gian trôi qua. Tôi cũng quên tập vở chép nhạc ấy. Những bản nhạc mà anh Thương chép lại để tặng chị Hằng, suốt cả khoảng thời gian của tuổi thanh xuân tôi cũng đã từng đắm hồn mình vào từng lời ca ý nhạc đó. Cho đến tuổi già, héo hon, tôi vẫn còn rung động.

Người đầu tiên làm cho tôi cảm nhận được cái hồn của bản nhạc là Mẹ tôi.

Có những buổi chiều, trời rắng nắng, những đám mây màu vàng, mảnh như dòng sông kéo dài, vắt qua mặt trời ửng đỏ. Tôi từ bờ sông Dinh trở về nhà. Giọng hát réo rắt hòa lẫn tiếng đàn du dương từ phòng Mẹ tôi vọng lên, vun vút dội vào hồn tôi. *Tiếng còi trong sương đêm.* Tôi bước từng bước chân

nhẹ nhàng. Đến phòng Mẹ, nhìn qua khung cửa sổ, hình ảnh một người đàn bà tuổi trung niên đang ngồi dựa ngửa vào chiếc ghế mây, mắt nhắm lại và môi mấp máy, hát theo tiếng hát phát ra từ cái máy quay đĩa mà Mẹ tôi đã mua về từ mấy ngày trước. Tôi không dám lên tiếng, lẳng lặng ngồi trên cái phản gỗ gian nhà giữa, mà hồn mình bay lơ lửng, đến tận những chân trời nào đó. *“Nhà em bên chiếc cầu soi nước. Tôi đến thăm một lần...” “Đêm nay thu sang cùng heo mây.”* Tiếng hát đã ngừng mà bên tai tôi, mơ hồ, hình như sao có tiếng rơi rất khẽ giọt nước mắt của ai đó. Tiếng nấc bật lên. Nghẹn ngào. Rồi chìm lìm vào không gian bất tận.

Cũng từ đó, Mẹ tôi mỗi lần về sau chuyến đi buôn ở Sài Gòn bà thường mang về những chiếc đĩa hát, với giọng hát cao vút và truyền cảm của các ca sĩ danh tiếng đã làm rung động tâm hồn tôi. Mẹ tôi, mua những đĩa hát thu hầu hết những bài ca anh Thương chép lại trong cuốn vở. Và cả Mẹ tôi và tôi cứ mỗi buổi tối trước khi đi ngủ đều thả hồn mình theo tiếng hát. Những nỗi buồn không tên, những niềm mong nhớ mông lung của tuổi mới lớn làm lòng tôi xao xuyến. Còn Mẹ tôi, bà gởi tâm sự mình vào đó cho ai? Nỗi ray rức. Chờ đợi. Nhớ thương. Đến cuối đời, nằm trên giường bệnh, Mẹ tôi bảo tôi để cho bà nghe những bản nhạc ấy. Bà thiếp đi. Trong cơn hôn mê Mẹ tôi cứ lẩm bẩm: *“Sao chưa thấy thằng Thương trở về?” – “Mà mày nhớ dẫn con Hằng về nữa nhé, con dâu của Mẹ!”*. Có lúc Mẹ tôi nắm lấy tay tôi, thần thốt: *“Thương, con đừng đi nữa nhé!”* Mẹ tôi cười méo mào: *“Mẹ phải nhốt cả hai đứa mày trong căn phòng nhỏ xíu. Chật chội lắm phải không? Nhưng ăm cũng, con ạ! Cái học tử.”*

Lúc tỉnh táo, Mẹ tôi nhắn nhủ: *“Một mai khi hòa*

bình anh Thương trở về con mở cái hộp tử ra.”

Sau ngày 30 tháng tư năm 1975, anh Thương mới trở về. Gia đình chúng tôi đã tản mác. Các chị và em tôi đều di tản ra nước ngoài. Ba Mẹ tôi không còn nữa. Anh Thương cứ đinh ninh ngày mình trở về, mọi người còn sống đầy đủ, gia đình đều đoàn tụ trong ngôi nhà số 11 này. Anh sửng sốt mới biết tin mẹ tôi đã qua đời trong cơn bệnh nan y. Tôi mang ra tập vở chép nhạc đã được gói kín giao lại cho anh với giọng nói run run tràn đầy cảm xúc:

- Của mẹ bảo em giao lại cho anh?

Anh ngạc nhiên trở mắt nhìn tôi, hỏi:

- Cái gì thế?

- Anh cứ mở ra xem thì biết.

Anh Thương xé vội phong bì, tập vở chép nhạc rơi ra. Tôi đưa mắt nhìn anh theo dõi. Tôi cứ nghĩ là anh sẽ cảm động khi nhận ra tập vở này. Anh lật từng trang giấy, mặt lạnh lùng, vẽ bức bối hiện lên trong đôi mắt đỏ bừng. Anh hỏi lại tôi với giọng nói cay cú:

- Của ai vậy, chép toàn những bản nhạc lãng mạn không ra gì?

Tôi như bị ai cầm dao đâm vào tim mình, đau nhói, tôi cố lấy bình tĩnh trả lời anh:

- Chẳng lẽ anh không nhận ra chữ viết của mình sao?

Anh cau mày, thú nhận bằng cách gật đầu. Anh lại hỏi tôi:

- Mà mẹ giữ nó lại làm gì? Sao không hủy đi những thứ nhạc vớ vẩn này.

Lúc này tôi giận anh vô cùng. Tay chân tôi run lên.

Máu trong cơ thể tôi chạy rân rân. Anh Thương vắt tập vở chép nhạc đó xuống đất. Tôi, hình như nghe ra tiếng kêu, từ một cõi xa xôi nào đó, vọng vào tìm mình. Thảng thốt. Rên rỉ. Đau đớn. Khuôn mặt buồn phiền, thất vọng. Đôi mắt ngấn ngời. Rớm lệ. Từng giọt nước mắt rơi xuống. Của Mẹ tôi. Theo từng trang giấy lật tung lên. Những tiếng hát du dương từ những lời chép tay trong tập vở đó như những làn sóng từ ngoài khơi biển cả mênh mông cuộn cuộn vỗ vào bờ cát trắng. Ầm ầm. Sóng bỗng lên cao, cao vút, đập vào bờ phá tan tát cả những hàng dương đã từng vi vút reo lên như tiếng sáo hòa cùng âm điệu rì rào muôn đời của biển cả. Mẹ tôi bước đi, xiêu vẹo, khập khễnh. Mẹ tôi vấp ngã. Cả thân hình tiều tụy ập lên tập vở đó. Tôi chạy đến nâng Mẹ lên. Tôi cầm tập vở, như tôi cầm lấy tay Mẹ. Lạnh ngắt. Bóng tối từ bên ngoài tràn vào. Mẹ tôi tan biến, hòa nhập vào tập vở chép nhạc.

Đến lúc này tôi không muốn kể cho anh Thương biết vì sao cả chị Miên, em Ngân và tôi đều thích nghe những bài ca mà hầu hết anh Thương đã chép lại trong tập vở này. Những giọng chữ nghiêng nghiêng và bay bướm của anh đã làm Mẹ tôi rơi nước mắt nhỏ xuống làm hoen ố một vài con chữ. Mẹ tôi tập hát. Giọng bà run run. *Thu đi cho lá vàng rơi... Ai lướt đi ngoài sương gió...* Ngân hát hay. Giọng ca thánh thót, truyền cảm cũng nhờ nghe từ máy quay đĩa mà Mẹ tôi mua về đặt trên chiếc bàn nhỏ nơi đầu giường. Thường, vào buổi chiều tôi cùng Mẹ đều ngồi trầm ngâm lắng nghe tiếng hát của nữ ca sĩ Minh Trang, giọng hát ngọt ngào đưa tôi vào những miền đất hoang vu.

Lớn lên khi tôi biết yêu, tôi cũng nắn nót kể từng giọng nhạc những bản tình ca. *Dư âm. Em đến thăm*

anh một chiều mưa. Buồn tàn thu... Không phải vào tập vở như anh Thương, mà vào phía sau tấm ảnh thiệp xuân, chữ nhỏ xiu, cả đêm bỏ học bài, ngồi cong lưng, cố gắng kẻ những nốt nhạc từng bản một, để sáng mai đem tặng cho Tuyên. Sau này, hơn ba mươi năm gặp nhau lại Tuyên cho biết nàng vẫn còn giữ để kỷ niệm cho mối tình đầu đời.

Trong những tháng năm đầu, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 bao nhiêu tai ương, khổ đau đập xuống đầu chúng tôi, anh Thương như một cái phao để chúng tôi níu lấy. Những buổi tối anh tụ họp mọi người trong gia đình ngồi quanh trên tấm phản gỗ để nghe anh phổ biến những tin tức quan trọng trong nước và phê bình những điều mà anh cho là chúng tôi phạm sai lầm.

Anh bảo tôi phải lột xác, đồ tiểu tư sản. Phải lao động sản xuất. Phải đốt hết các loại sách báo của miền Nam. Toàn văn hóa phản động! Vứt đi những đĩa nhạc ủy mị. Xóa hết những tàn tích của chế độ Mỹ nguy hại lại trước khi chiến dịch chống văn hóa đồi trụy sắp diễn ra. Anh muốn gia đình tôi là một gia đình gương mẫu vì có người thân là quân giải phóng đang ở trong nhà.

Trong thời gian anh chờ đợi lệnh chuyển chuyên về Nam anh đã thu xếp trước cho vợ mình từ Bắc vào công tác ở thị xã nhỏ bé này. Lúc đầu tôi gặp mặt chị, tôi xót xa vì đôi mắt chị hoăn sâu, thân hình chị tiêu tụy, nước da xanh mét. Chị luộm thuộm trong bộ đồ cũ mềm, chiếc áo thun trắng đã ngả màu, hoen ố. Tôi không thể nghĩ chị tuổi ở đôi mươi. Anh Thương nói nhỏ với tôi: *"Ngoài nó nghèo lắm."* Từ từ rồi chị cũng thay da đổi thịt. Cách ăn mặc đã khác đi. Trông chị xinh xắn hơn xưa rất nhiều. Chị đã lột xác.

Ngược lại chúng tôi như con tàu đang tuột dốc, xác xơ. Cuộc sống khó khăn dồn chúng tôi vào ngõ cụt. Để giữ tinh thần sau những giờ phút lao động, để kiếm sống tôi vẫn thường thức dậy sớm pha cho mình một cốc cà phê đậm, hút một điếu thuốc thơm, nghe lén vài bản nhạc từ cái cassette cũ mềm.

Tưởng không ai biết. Nào ngờ, trong buổi họp mặt gia đình, anh Thương chỉ trích tôi và cho biết quần chúng đã phản ánh là tôi còn mang tư tưởng của giai cấp “tiểu tư sản”. Thật tình tôi không hình dung nổi tiểu tư sản là gì? Trong tôi không có phân biệt giai cấp gì cả. Người giàu, kẻ nghèo. Chỉ có người tốt, người xấu. Mà tốt hay xấu đều do nơi hoàn cảnh sinh ra. Thế thôi. Tôi thắc mắc hỏi anh: “Quần chúng là ai?” Anh chỉ tay vợ anh đang đứng bên cạnh. Đến lúc này thì tôi giật mình. Một cơn gió mạnh như vũ bão thổi vào tim tôi. Lạnh buốt và xô tôi ngã xuống vực sâu.

Mấy ngày sau đó, tôi dẫn vợ con rời ngôi nhà thân yêu đến một vùng quê xa lạ. Ở đây chúng tôi cũng đã sống gần mười lăm năm như những người nông dân. Sau này chúng tôi mới kéo nhau vào sinh sống ở Sài Gòn. Anh Thương đổi vào đây trước tôi vài năm. Đời sống của gia đình anh đã trở nên giàu sang.

Cuối đời anh Thương mang chứng bệnh nan y, như mẹ tôi ngày trước. Ung thư. Tôi vẫn thường vào thăm anh ở bệnh viện. Chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa. Khi tôi hỏi sao khi ra ngoài Bắc anh không còn chơi bóng đá. Anh thều thào: Tiếc là những tháng năm ở liên khu 5 anh bị bệnh sốt rét, mất sức. Bỏ cuộc. Tôi kể cho anh nghe: “Mẹ tôi suýt đi tù lý do viện có qua Campuchia để gặp mặt anh.

Bà nghe tin từ đâu là anh có chân trong đội bóng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tranh giải Bóng đá Đông Dương. Chính quyền không cấp giấy thông hành. Họ nghi ngờ anh Thương là cầu thủ lừng danh ngoài Bắc.” Thực ra, thời gian đó anh Thương được vào đại học xây dựng. Anh chỉ là khán giả đi xem bóng đá mà thôi. Ngoài Bắc không ai biết anh đã từng là một cầu thủ lừng danh của miền Nam. Ở Sài Gòn, những tờ báo thể thao khi nói đến bóng đá người ta nhắc nhiều về anh. Vang bóng một thời.

Ngồi ở chiếc ghế đá trước hành lang bệnh viện, dưới gốc cây cổ thụ, lác đác vài chiếc lá vàng rơi xuống sân cỏ công viên. Hai ông già nhắc lại những kỷ niệm về người Mẹ đã khuất. Những lần trước thì tôi mang cảm giác mình nhỏ lại như hồi còn ấu thơ đang bơ vơ ngơ ngác lạc loài giữa phố chợ, đến tuổi trưởng thành, ngày cưới vợ mình dâng trầu cho người đã sinh ra vợ mình, còn tôi ngẩn ngơ cảm khay trầu rệu như muốn tìm ai đó.

Lần này, linh cảm như sắp xảy đến một mất mát đến với anh em chúng tôi. Nhắc đến người Mẹ tôi không thấy mình nhỏ lại mà nhận ra anh em chúng tôi là hai ông cụ già cháu chắt đầy đàn ông vẫn là những kẻ mồ côi Mẹ. Còn người Mẹ đã khuất lại là người thiếu phụ tuổi chỉ 50.

Bỗng dưng, anh Thương đưa bàn tay gân guốc chỉ còn bọc da, lạnh ngắt, hỏi tôi:

- Cái đó đâu rồi?

Tôi ngơ ngác. Tôi nhìn anh sững sờ. Tiếng hát từ đâu vọng lại. *Nhà em bên chiếc cầu soi bóng. Anh đến thăm một lần...* Tôi vừa nhận ra ý anh nhưng tôi vẫn giả vờ không hiểu, hỏi lại:

- Cái gì?

Đêm nay thu sang cùng heo may... Tiếng hát trầm

âm, khàn khàn của Khánh Ly như đang dẫn dắt anh
Thương trở về một nơi mộng mơ xa xôi nào đó.

Một giọt nước mắt nóng hổi của anh rơi xuống vai
tôi. Rồi tiếng nấc nghẹn ngào từng hồi tuông ra.

Cuối cùng môi anh mấp mấp:

- Tập vở chép nhạc...

Đầu năm 2009

TRẦN YÊN HÒA

Nhớ em khi qua cầu Cỏ May

Cỏ may dính chân em một dạo
Xót đôi chân, anh nói với em rằng
Từ thuở khai sinh anh xin làm gió
Thổi cho bay đi những dấu cỏ hồng

Anh chở em qua cầu Cỏ May
Cái tên cầu làm anh sùng sốt
Cỏ ở ngoài đồng xa lơ xa lắc
Mà sao lọt vào thành... cầu cỏ may

Anh với em mười năm nơi cổ quận
Bước qua cầu bao nhiêu bận, nhớ hay quên.
Nơi xóm lá dòng sông nước đục
Chảy qua cầu thành nổi nhớ mong mênh

Bây giờ mười lăm năm nơi xa xứ
Sầu lưu vong lan chảy mãi trong hồn
Tự nhiên sao nhớ cầu cỏ may quá xá
Em bây giờ còn đứng đó hay không?

Ơi phượng hồng của một thời nhỏ dại
Tuổi thơ anh gắn ở tận đầu sông
Khi qua đó cỏ may dăng khắp lối
Để bây giờ còn mãi băng khuâng.

VĂN SỬ VIỆT NAM

HỒ BẠCH THẢO

Hà Tông Quyền: một thiên tài thiếu may mắn

Hà Tông Quyền [1789-1839] quê tại làng Cát Động, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa, Sơn Nam; nay thuộc xã Kim An, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Lúc 4 tuổi văn chương diễm lệ, được ca tụng là thần đồng. Quốc Sử Di Biên (1) chép về thuở học trò của ông như sau:

“ Dùng Hà Tông Quyền làm quan Nội Các. Quyền người Cát Động, Thanh Oai, đậu Tiến sĩ năm Nhâm Ngọ [1822]; cha đậu Hương tiến thời cựu Lê, mẹ là vợ thứ. Quyền người thấp lùn, tục truyền do thần ếch [蛙, oa] giáng sinh; mới 4 tuổi chăm học, văn chương diễm lệ, thiên hạ cho là thần đồng; rồi được kén chọn vào đại khoa và sung hạnh.”

Ông đậu Tiến sĩ kỳ thi Hội đầu tiên dưới thời nhà Nguyễn, vào năm Minh Mệnh thứ 3 [1822]. Khoa thi rất gay, có 174 thí sinh, nhưng quan trường chỉ chọn được 3 quyền, trong đó có tên ông. Chánh chủ khảo xin duyệt lại lấy thêm được 2 quyền; vua Minh Mệnh chê ít, ra chỉ dụ cho các quan duyệt thêm được 3 quyền. Tổng cộng 8, gồm 5 Tiến Sĩ trúng cách, 3 Tiến sĩ gia ân:

“ Ngày 28 khởi đầu mệnh thi Hội Cống sĩ. Vào ngày 8 tháng giêng, chiếu ban tân cựu Cống sĩ chưa bổ nhiệm , mỗi người đến quan địa phương lãnh bằng cấp đến kinh

đô; đã bỏ nhiệm thì không được thi Hội. Đến nay thi Hội tại cửa điện Thái Hòa, gồm 174 thí sinh (Hương cống thời cự Lê 1 người, Hành tẩu 16 người, các khóa 130 người, Cống sinh 27 người). Dùng Lưu Công Đạo, Phan Huy Diệu, Lưu Bảo Tam, Nguyễn Mậu Bách, Trần Bá, Trần Công Tuấn làm Giám khảo; các kỳ tam trường trở về trước vua ra đề, kỳ thứ tư quan ngoài ra đề. Nội trường duyệt được 3 quyển sau đây trúng cách: Hà Tông Quyền tại Cát Động, Lê Trần Hiệu tại Phú Lý, Nguyễn Ý tại Văn Bãi; Chánh khảo quan xin duyệt lại được hai quyển: Lê Tông Nguyên tại Bình Vọng, Phan Hữu Tĩnh tại Hoàn Hậu. Lập danh sách xếp loại dâng lên, Thiên tử cho là quá ít, dụ các quan nội ngoại trường duyệt thêm được 3 quyển: Đinh văn Phác tại Kim Hán, Vũ Bá Khuê tại Hoa Đường, Phan Bá Đạt tại Việt An. Chiếu chỉ chấp nhận, lấy trúng cách 5 quyển, gia ân thêm 3 quyển, cộng 8 quyển. Số còn lại hứa cho vào Quốc Tử Giám tu nghiệp, hoặc làm hành tẩu; hoặc tình nguyện trở về quê học cũng được chấp thuận.”(2)

Tông Quyền không phải là loại kẻ sĩ chỉ để lại văn chương suông trên đời, óc thông minh và tài phán đoán của ông đã cứu vua Minh Mệnh hai lần. Lúc bấy giờ do chính sách cứng rắn của nhà vua, khiến các nước Tây phương giận dữ. Lợi dụng kỹ thuật cao, họ đã chế hỏa pháo bí mật cài vào áo và đèn cầy để làm quà, một lần vào năm Minh Mệnh thứ 11 [1830] nhân ghé tàu vào bến cảng, cho gửi quà dâng hiến vua. Nhất cử lưỡng tiện, chắc mục đích họ vừa muốn cảnh cáo lại âm mưu ám sát nhà vua, những đã được Hà Tông Quyền phát giác trước. Công của Hà Tông Quyền rất lớn, khiến nhà vua không chỉ ban ơn riêng, mà lại còn cho vời mẹ Quyền vào kinh đô, để tìm tìm cách ưu đãi:

“ Lúc bấy giờ thương gia Tây Dương tiến áo cẩm bào, giá ngàn vàng; Quyền dâng lời:

-Đồ lạ của nước ngoài, không nên nhẹ dạ tin; xin cho tử tù mặc thử.

Khi gài nút thì lửa cháy, tù nhân bị lửa đốt chết. Nhà vua kinh hãi than phiền. Sau đó nước Hoa Lang? [花郎國]

郎國] tiến một cặp 4 cây sáp linh cỡ lớn [tứ linh cự lập nhất song]; Quyền xin bẻ 1 cây làm hai, thì ở trong chứa hỏa pháo và thuốc khói mù, nhà vua lấy làm kỳ dị về tài năng, thường nói rằng:

“Triều đình không thể một ngày thiếu Quyền!”

Lại bảo rằng:

“ Tông Quyền về chính sự, Té Mỹ về văn học, Nguyễn [Công] Trứ về thao lược; thật không thẹn với danh tiếng khoa bảng.”

Vua ngồi trên thuyền, cho Quyền tháp tùng, Cẩm Y vệ cầm tay đưa lên thuyền; mẹ Quyền và Thái hậu cùng tuổi, nhà vua thường hỏi thăm. Nhân triệu mẹ và em gái đến kinh đô, ban tiền gạo cấp dưỡng. Người mẹ tuổi 70, sai lính cận vệ đưa về quê thượng thọ; sau đó ban chiếu phủ huyện mỗi tháng đến vãn an một lần, đáng vinh hiển trên đời! (3)

Ở đời có tài thường có tật, Hà Tông Quyền vương cảnh đam mê nữ sắc, lấy một người con gái thương gia giàu tại kinh đô làm thiếp. Thời xưa “ Trai năm thê bảy thiếp” là thường, nhưng chẳng may bà vợ cả của ông quá ghen, nên tai họa mới xảy đến. Trong một trận đánh ghen, bà không dẫn được con tam bành, đồ com của mẹ chồng và nói những lời xâm phạm đến triều đình. Nhân một quan trong triều thấy được, đem sự việc trình lên, bà vợ bị giải đến quan, chịu sự tra xét như một phạm nhân, rồi bị xử lưu đày, riêng Quyền phải đi hiệu lực (4) Tây Dương (5):

Hà Tông Quyền bị giáng chức, hiệu lực đi Tây

Dương. Quyền sống tại kinh đô, lấy con gái một thương gia giàu làm thiếp, ngày đêm đam mê nữ sắc; người vợ cả tranh ghen, mang gia đồng đến bắt được Quyền, nhân đó xảy ra sự xỉ mạ, mẹ già can gián, người vợ giận đổ cơm của mẹ. Nhân quan tại kinh đến nhà thấy được, người vợ nói những lời xâm phạm đến quan tại kinh; nên kinh quan đem việc này đề đạt lên. Chiếu ban nghiêm khắc thăm vấn người vợ, người vợ thú, bị xử giảo nhưng lưu đầy đến trại Tân Lang. Quyền bị hiệu lực đi Tây Dương. (6)

Cũng cần nói thêm, sở dĩ nhà vua xử nặng tay như vậy, cũng còn do Tông Quyền mang tính tự cao. Một hôm nhà vua hỏi chữ “quảng xuyên”, Quyền đáp do chữ “quảng châu” viết sai, rồi tự ý thêm 3 nét chấm vào, nên bị quan Khởi cư trú (7) đàn hạch. Tuy nhiên sau 3 tháng trừng phạt, nhà vua thấy không thể thiếu Hà Tông Quyền bên cạnh để hỏi han, nên lại được triệu vào nội các:

Tham bổ: vua thường xem sử Tàu, hỏi Quyền chữ “quảng xuyên 廣川 ” Quyền đáp chữ đó là “Quảng Châu 廣州 ”; rồi tự biết là sai bèn lấy bút tăng các dấu chấm thành chữ châu [州]. Quan Khởi cư trú đàn hạch lời tấu đối lừa vua nên bị biếm trích. Sau đó mấy tháng Quyền lại được triệu vào nội các, nhà vua nói:

“Khanh đi 3 tháng, Trẫm ăn không ngon; Trẫm sở dĩ thông ngự được bốn phương, khu trục động loạn, không có khanh không thể được (8)

Năm Minh Mệnh thứ 13 [1832] lại ban chiếu đưa Hà Tông Quyền vào Nội Các lần nữa. Lúc bấy giờ đất nước loạn lạc, nhà vua lắm việc phải lo; để khuyến khích vua, ông dâng tác phẩm Tiều Phu Từ, trong đó

có câu:

Lộ hiểm lộ di tâm tự bình.

(Đường gian hiểm hoặc bằng phẳng thì tâm vẫn bình thản)

Câu văn này rất được nhà vua thích:

Lại ban chiếu cho Hà Tông Quyền vào Nội Các. Quyền giỏi về thủ tiếp vâng mệnh, thuật Tiểu Phu Tử cho vua, dùng thể cách Hồi Đầu Văn của Trần Kế Minh, có câu “Lộ hiểm lộ di tâm tự bình” được nhà vua khen không ngớt. Lại cùng với bọn Thân văn Quyền, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Quốc Cầm, Trần Danh Phi, Nguyễn Tấn, Nguyễn Bá Thân vào Nội Các.(9)

Rồi một tai họa xảy ra cho đời ông. Lúc bấy giờ vua Minh Mệnh định chọn người kế vị, nên họp các quan trọng thần và Hoàng thân quốc thích đến bàn. Vì được tín nhiệm, nên trong buổi họp nhà vua đích thân hỏi ý kiến Hà Tông Quyền. Ông bắt buộc phải trả lời: *-Xin Bệ hạ chọn Hoàng hậu trước; một khi Hoàng hậu được đặt, tức người kế vị đã có.*

Tướng cần nói thêm, triều nhà Nguyễn theo chính sách triệt để độc tài: trong triều không đặt Tể tướng, kỳ thi Đình không lấy Trạng Nguyên, trong cung chưa lập Hoàng hậu. Vì những chức vị Tể tướng, Trạng Nguyên, Hoàng hậu quá cao, có khả năng lấn át vua. Nên khi đã chọn một bà phi làm Hoàng hậu, thì con bà đương nhiên được làm vua.

Câu nói chung chung của Hà Tông Quyền tưởng đã thoát được sự hận thù của các Hoàng tử đang có ý dành ngôi báu; nhưng không ngờ lại gây sự giận dữ bởi một ông Hoàng em vua, vì một khi đã chọn Hoàng hậu, thì em vua hết đường hy vọng. Ông Hoàng này là Kiến an công Đãi, con út của Hoàng

Thái hậu, mẹ đẻ vua Minh Mệnh, nên rất được cung chiều. Đang ôm niềm hy vọng được anh ruột nhường ngôi, thì trong buổi họp nghe Hà Tôn Quyền nói như vậy, chẳng khác gì bị dội gáo nước lạnh vào mặt. Tan họp, vị Hoàng thân này mời Hà Tông Quyền đến nhà, mời uống rượu, rồi lấy chùy đánh vỡ đầu, vứt xác trôi sông. Khi vua biết thì mọi sự đã rồi, vì nể mẹ đành phải khoan thứ cho em, và thu xếp đưa quan tài Hà Tông Quyền về quê an táng trọng thể. Nhưng sự việc 7 năm sau, khi gia nhân làm lễ cải táng cho Hà Tông Quyền, phát giác trong hòm không có xác người:

Hà Tông Quyền mất. Lúc bấy giờ nhà vua bàn về việc chọn người kế vị, nên họp đại triều, các thân thích và bậc huân nghiệp đều dự. Nhà vua hỏi Hà Tông Quyền, Quyền tâu rằng:

- Bệ hạ nên lập Hoàng hậu trước, Hoàng hậu đặt, tức người kế vị đã có.

Lúc bấy giờ Kiến an công Đài là con út của Hoàng thái hậu, nên được sủng ái, không vui với câu nói đó. Lúc bãi triều mời Quyền đến phủ cùng uống rượu, Quyền vâng dạ tuân theo. Lúc Quyền đến ban cho rượu uống say, rồi lấy chùy đánh nát đầu, ném thây xuống sông. Sau đó Kiến an công vào triều chịu tội và nói:

- Tông Quyền rất nịnh, thần đã giết và chôn rồi.

Nhà vua khóc lớn, cho lụa bạch áo quan khâm liệm, ban cho nhiều tiền; mệnh quan dùng thuyền đi biển chở về quê an táng. Năm sau đến Hà Nội, các quan tỉnh tể cùng. Quyền không có nhà thờ, vua cho tiền xây cất. Đến năm Ất Tỵ [1845], con cháu làm lễ cải táng, mở hòm ra chỉ thấy quan tài không, bèn đến kinh đô tâu; có chiếu chỉ rằng:

“Do tử thi mau tiêu hủy, nên như vậy.” (10)

Ông tuy mất lúc 40 tuổi, nhưng đã để lại một công trình sáng tác khá đồ sộ:

- Chữ Hán

1.Tồn Phủ thi tập

2.Tồn Phủ văn tập

3.Mông dương tập

- Chữ Nôm có 3 tập vịnh Truyện Kiều:

1.15 bài thất ngôn tứ tuyệt,

2.30 bài (mỗi bài 4 câu lục bát)

3.những bài tập Kiều (11)

Chú thích

1.Quốc Sử Di Biên, Thám hoa Phan Thúc Trực, Southeast Asia Studies Section, Hong Kong, 1965, trang 297.

2.Quốc Sử Di Biên, s.đ.d., trang 224.

3.Quốc Sử Di Biên,s.đ.d., trang 297.

4. Hiệu lực: thời nhà Nguyễn các quan có tội bị giáng chức, rồi bắt phân đầu làm các công việc nặng nề, như ra mặt trận, đi thuyền ra nước ngoài; công việc đó được gọi là “hiệu lực”.

5.Tây Dương:dùng chỉ chung các nước Âu Tây, và các nước có người Tây phương đến lập nghiệp như Phi Luật Tân, Singapore, Nam Dương vv...Có sách nói Hà Tông Quyền đi hiệu lực tại Nam Dương.

6.Quốc Sử Di Biên, s. đ.d., trang 206.

7. Khởi cư trú:chức quan bên cạnh vua để ghi chép việc vua làm; thời xưa có Tả sử chép lời, Hữu sử chép việc.

8.Quốc Sử Di Biên, s.đ.d., trang 206.

9.Quốc Sử Di Biên, S.đ.d., trang 224.

10.Quốc Sử Di Biên, S.đ.d., trang 282-283.

11.Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia.

TUỞNG NHỚ

Trần Kiều Bạt (1945-2005)

Qua các bài viết/hoài niệm của Lâm Hảo Khôi, Trần Phù Thế, Trần Văn Sơn, Thương Tử Tâm, Phù Sa Lộc, Lý Thừa Nghiệp, Lương Thu Trung...



Tên thật: Lê Tấn Nhút

sinh năm 1945

Mất năm 2005 tại Hoa Kỳ vì một tai nạn xe cộ.

Trước năm 1975: Quân nhân binh chủng Quân Cảnh, phục vụ tại Phú Quốc và Cần Thơ.

Được xem là một trong số nhà thơ trẻ thuộc thế hệ chiến tranh của miền đồng bằng Cửu Long được nhiều người mến chuộng và bạn bè thương mến vì tính rất hào sảng của anh.

Lâm Hảo Khôi

Rót Hồn Kiều Bạt Chén Lưu Linh

*Tiệc thương nhà thơ Trần Kiều Bạt
vừa qua đời tại Hoa Kỳ*

Đi chưa thấy đêm trăng nào đẹp
Đêm Bến Ninh Kiều trăng mới lên
Uống chưa thấy rượu nào say đã
Bên má hồng em thơm nếp than

Gói chuyện Cần Thơ qua đất Mỹ
Rót hồn kiều bạt chén lưu linh
Bạn bè, cơm áo, mưa hàng xóm...
Lá rụng, người đi, lạnh bên mình

Tưởng rằng gặp lại bao năm trước
Uống rượu Cần thơ ở xứ người
Điểm danh bè bạn trong ngoài nước
Đáy chén vàng trăng Mỹ mỉm cười.

Đi nhớ Cần thơ về nhớ bạn
Chén nào cưa đứt *lộ hai mươi*
Chén nào lên dốc *cầu Tham tướng*
Cháy đỏ vai ai khét nắng trời

Vắng đâu giọng nói xa ngàn dặm
Không người đối ẩm, mưa vườn sau
Cuối tuần lòng vắng như thiền định
Sóng gọi thuyền đi nhỏ ngọn sào...

Muốn hỏi con đường phai ánh điện
Tóc người phai sắc buổi chiều nay

Vàng trắng xưa cũ thêm đôi mắt
Sương khói hồ nghi men rượu say.

TRẦN PHÙ THẾ

Trần Kiều Bạt: Bạn bè thơ và rượu

Trước năm 1975, tôi chỉ biết Trần kiều Bạt là một người làm thơ nhà ở Tp Cần thơ. Khi ra khỏi trại tù Gia Trung đầu năm 1982, tôi trở về tạm trú tại Tp Cần Thơ ở nhà Ba Má, làm đủ mọi nghề linh tinh để sinh sống. Một hôm, khoảng 3 giờ chiều, lúc tôi đang bán quần áo cũ tại chợ trời Bến Ninh Kiều thì một chiếc xe đạp từ đâu bỗng chạy sà đến rồi ngừng lại. Tên lái xe là một gã đàn ông khoảng ngoài ba mươi, cao lớn, dễ chừng cao cỡ thước bảy, ăn mặc như một công nhân, áo quần kaki xanh nước biển đậm. Sau lưng hắn đeo thêm một tên còng cở. Áo sơ mi màu cháo lòng ngắn tay, quần nâu chân đi dép. Tên này nhỏ con nên bị che khuất bởi thân hình đồ sộ của tên lái xe đạp.

Tên lái xe đạp chân chỏi xuống mặt đường, chân kia đặt trên pèdal neho mắt hắt hàm hỏi. Ông bạn có phải Trần Phù Thế? Tôi chưa kịp trả lời. Bỗng tên ngồi sau lưng hắn lên tiếng. Nó không phải TPT mà là Trần Phù Thủng. Nói xong, hắn cười ha hả. Nhìn kỹ

thì ra Phù sa Lộc vốn là một tay làm thơ thuộc nhóm "Hồn Trẻ Hai Mươi" (1) cuối thập niên 60. Tôi nhìn TKB. Bạt nhìn tôi. Hai thằng ôm nhau thật lâu. Bạt nói giọng xúc động, mấy năm nay không nghe tin tức về ông, bạn bè tưởng ông đã đi tàu suốt. Giờ được gặp, hôm nay phải nhậu một trận cho đã đời. Này, ông đẹp quách mấy bộ đồ, đi với tôi và thằng Lộc (ở đây cần phải nói thêm một chút về tình bạn của những tay trẻ làm văn nghệ văn gùng thập niên 60-70. Không cần quen, không cần biết. Chưa gặp mặt bao giờ. chỉ cần đọc một bài thơ, một đoạn văn trên các tạp chí văn học là coi như cùng hệ, coi nhau như anh em, bạn bè thân thiết). Đêm đó TKT và PSL đưa tôi tới quán thịt chó (quên tên) tại ngã ba góc đường Lý tự Trọng (Tự Đức cũ) và Trần Hưng Đạo. Uống tới 12 giờ đêm quán đóng cửa ba thằng say khướt.

Thành phố về khuya vắng hoe. Con đường Trần Hưng Đạo như rộng ra. TKB dắt chiếc xe đạp cà tàng. PSL và tôi đi hai bên song song. Khi đi ngang qua công viên Lưu hữu Phước đường Lý tự Trọng. Bỗng

TKB quăng chiếc xe đạp xuống lề đường. Ba thằng đứng hàng ngang đếm một hai ba, vạch quần. Đếm một hai ba rồi bắn súng nước vào chân cột trụ cổng vào công viên, phía trên có tấm bảng màu đá chữ vàng "KHÔNG GÌ QUÍ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO"

Qua trận nhậu đầu tiên với TKB và PSL, tôi được biết, sau ngày ba mươi tháng tư, gia đình TKB có mấy chiếc xe bồn (xe chở xăng dầu) bị tịch thu và Trần kiều Bạt được ưu ái làm công nhân (tài xế) một chiếc xe bồn mà trước kia Ba của Bạt làm chủ. Từ đó, thỉnh thoảng khi nào TKB chôm được dầu cần bán lậu cho con buôn lẻ kiếm chút cháo thì ghé lại túm thuốc lá của tôi. Dù trưa hay chiều, khi Bạt đến là tôi

đẹp đồ nghề đi nhậu. TKB to con nên rất khỏe rượu . Một đế đối với Bạt là đồ bỏ. Bạt càng uống càng tỉnh. Khi đã ngà ngà say Bạt bắt đầu ngâm thơ. Mở đầu y như rằng là bài thơ "Hồ Trường" của Dương Bá Trạc. Bạt ngâm thơ rất hay, giọng trầm âm, luyện láy tài tình. Nhớ có lần, Bạt và tôi đến nhà Thương tử Tâm. Tâm và gia đình gồm một vợ, một con. Vợ Tâm làm công nhân viên nên được cơ quan chia cho một phòng trên lầu ba của tòa nhà cũ kỹ ở sân heo đường Nguyễn an Ninh. lúc đó vào khoảng 4 giờ chiều. Vợ đi làm chưa về, Tâm ở nhà với thằng con 4 tuổi. Trước khi lên phòng Tâm. Bạt và tôi ghé chợ (tại sân heo đường Hai Bà Trưng) mua đồ nhắm làm sẵn. Tâm trải báo trên sàn nhà và bày đồ nhắm. Tâm xuống lầu , qua quán cóc đầu hẻm mua một can rượu để hai lít xách lên . Trộn rượu bắt đầu. Vừa nhậu, ba thằng nhắc tên những thằng bạn văn nghệ cũ. Đứa chết trong tù, đứa vượt biên mất tích, nhiều đứa lang bạt thất tung và những đứa đi cải tạo mút mùa. Tôi đưa tay cầm can rượu rót vào ly thấy nhẹ hững. TTT bắt đầu ngâm bài thơ "Hồ Trường" mà Tâm và Bạt đều thích. Tiếp theo Bạt tự ngâm thơ của mình.

*nên hiểu dùm cho buổi tối nay
rượu tàn chưa đủ kéo cơn say
quán bên hàng xóm đang yên giấc
mua chịu thôi đành phải bỏ tay
(xin hiểu dùm)*

Lại ngâm tiếp

*nhà nhỏ như miếu lớn
ủ một hồn tan hoang
đền lu hồ rượu cạn
thơ đau ý mưa tràn*

(kiếp người)

Ba Má Trần kiều Bạt rất thương con nên nhà Bạt là nơi dừng chân của những tay văn nghệ tứ xứ. Nào Vũ hữu Đình, Lâm hảo Dũng, Lưu Vân, Nguyễn bạch Dương, Ngô nguyên nghiêm, Lưu nhữ Thụy,Phù sa Lộc, Kiều tâm Khánh, Nguyễn lệ Tuân, Trịnh bửu Hoài, Hạc thành Hoa , Hà thúc Sinh....

Trần kiều Bạt nổi tiếng là một tay hào phóng. Đối xử với bạn bè lúc nào cũng hết mình.Trần kiều Bạt lại là anh hai trong gia đình với một đàn em mười đứa. Đứa nào cũng ngoan. Nhất là ba cô em gái. Cô Tư Nguyệt ngậm thơ tuyệt vời, cô Năm và cô Sáu rất thương anh Hai Nhút(TKB). TKB rất thường tổ chức tiệc tiếp đãi bạn . Nhiều khi các em Bạt phải thu dọn tàn cuộc nhậu xong thì đêm đã tàn, gà hàng xóm gáy vang:

em tôi nhiều lúc buồn không nói
thương anh nên chẳng ngại đêm tàn
rượu trà dọn dẹp xong thì đã
gà bên hàng xóm gáy rền vang

(Em tôi)

Vào khoảng năm1988. gia đình Trần kiều Bạt định cư tại Hoa Kỳ. Từ đó tôi mất liên lạc. Tháng 9/1992 ,tôi đi diện HO và định cư tại thành phố Greenville thuộc tiểu bang South Carolina miền đông nam Hoa kỳ. Khoảng ba năm sau ,tôi nhận được cú phôn từ Cali của Trần kiều Bạt vào một buổi tối cuối tuần của mùa đông Giáng sinh lạnh buốt. Giọng nói của Bạt vẫn to và mạnh như thuở nào. Hấn cho biết đang nhậu với Trần văn Sơn và Hà thúc Sinh. Tôi hỏi Bạt .Làm sao biết số phôn của tao. Hấn cười thật lớn-ông thấy tôi giỏi không? Ông khoan biết vội. Bây giờ

tôi cụng ly với ông, chúc mừng ông và gia đình khỏe mạnh. Chúc Giáng sinh vui vẻ.

Từ đó , thỉnh thoảng tôi nhận được điện thoại của Bạt cũng trong cuộc nhậu có ba tên: TKB,TVS,HTS .

Sau đó gần hai năm không thấy TKB gọi phon nữa.Tôi gọi Trần văn Sơn hỏi, hẳn cho biết , vì sinh kế TKB và gia đình đã dọn nhà sang tiểu bang ARIZONA.

Năm 2003, tôi xuất bản tập thơ "GIỖN BÓNG CHIÊM BAO" và gởi tặng TKB. Tuần sau Bạt gọi tôi. Bạt nói, đọc thơ ông thật cảm khái và xúc động.Nhớ thuở giầy saut áo trận, thuở cầm súng đầy gian khổ chết chóc nhưng rất đẹp. Bạt tâm sự, tôi cũng đang gom góp những bài thơ cũ và mới. Năm tới tôi sẽ in. Tôi bảo Bạt, tụi mình đã có tuổi cũng nên để lại chút kỷ niệm cho con cháu làm quà. Bạt đồng ý, .

Nửa đêm 1-8-2005.Tôi được báo tin. Trần kiều Bạt đã từ trần bởi tai nạn xe. Tôi bàng hoàng, người tề đại. Năm phút sau, tôi gọi phon báo cho bằng hữu của tôi và Bạt đang sống trên đất Mỹ và gọi Lâm hảo Dũng(Canada) báo dùm Lâm hảo Khôi và Lý thừa Nghiệp (UC).Suốt đêm đó tôi thức trắng.

Tôi làm bài thơ tiễn Trần kiều Bạt với tâm trạng của một người mộng du.

Tiễn TRẦN KIỀU BẠT

mây đi về chốn vô thường
nắng mưa là chuyện âm dương của trời
tử sinh là lẽ con người
Bạt ơi, số mạng một đời như không

đọc dòng thơ rượu khơi trong
ta nghe tiếng dứt, mệnh mông mênh chìm
hỏi mây nằm đó lặng im
bao quanh nhang khói đi tìm hồn xưa

một đời quang quắn gió mưa
khăn xô đắp mặt sao thừa rượu cay
một đời hào phóng vung tay
lòng muôn thiên hạ tình say bạn bè

lạnh hồn một bữa cơn mê
một nơi miên viễn đi về rong chơi
đêm nay tiễn bạn ngậm ngùi
không rơi nước mắt nhưng đời trống không

(1) nhóm Hồn Trẻ Hai Mươi, một tập hợp gồm nhiều tên tuổi : Phù Sa Lộc, Hà Thúc Sinh, Võ Minh Đường, Trầm Mặc Nghệ Thế (tức Trần Phù Thế), Trần Thanh Tâm, Trần Kiều Bạt,, Thương Tử Tâm, Trương Thanh Thùy...
(tòa soạn chú thích)



TRẦN VĂN SƠN

CÔI RIÊNG TRẦN KIỀU BẠT [1945-2005]

Trước năm 1975 tôi chưa hề gặp Trần Kiều Bạt, chỉ biết tên nhau qua thơ văn đăng rải rác trên các tạp chí văn nghệ tại Sài Gòn. Bạn quân cảnh Cần Thơ, tôi lính trận đóng quân ở tiền đồn heo hút quận Tánh Linh,

Bình Tuy, giáp ranh tỉnh Lâm Đồng. Năm 1972, nhà xuất bản Khai Phá của nhà thơ Ngô Nguyên Nghiễm ấn hành tập thơ Vườn Dĩ Vãng của tôi, có giới thiệu in thơ của Trần Kiều Bạt. Chờ mãi không thấy, có lẽ bạn tôi đang bận coi tù ở Côn Đảo, cách xa đất liền nên không tiện liên lạc để xúc tiến công việc như dự định.

Cuối tháng 10 năm 1993 gia đình tôi qua Mỹ theo diện H.O. Hà Thúc Sinh đưa TKB đến thăm tôi. Đó lần đầu tiên tôi và Bạt gặp mặt nhau. Nhà hai bạn gần nhau, cách một con đường ở thành phố Alhambra, nhà tôi thì ở El Monte thuộc quận Los Angeles cách nhau 15 phút lái xe. Từ đó cứ mỗi cuối tuần, nửa tháng hoặc có tiệc vui 3 gia đình bọn tôi họp mặt, bạn bè con cái vui vẻ càng ngày càng thắt chặt thêm tình thân. Khề khà bên ly rượu 3 đứa tôi bàn chuyện thế sự, nhắc chuyện quê nhà, chuyện bạn bè người mất người còn, kẻ lưu lạc xứ người. Những lúc như vậy Phạm Nhã Dự, Trần Phù Thế ở các tiểu bang khác xa tận miền Đông Hoa Kỳ cũng thường gọi điện thoại góp chuyện.

Trần Kiều Bạt ngâm thơ rất hay, giọng sang sảng cuốn hút người nghe. Khi ngà ngà say yêu cầu mãi anh mới ngâm vài bài thơ đắc ý của bạn. Hành Phương Nam, một tuyệt tác của nhà thơ Nguyễn Bình được bạn ngâm nhiều nhất:

*...Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trái mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khấn trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay*

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư mã
Mà áo khinh cừ không ai may...*

“Mà ta với người buồn vậy thay”. Bạn vừa ngâm vừa nghẹn ngào rơi nước mắt, ngâm xong uống cạn ly bia, ôm đầu gục mặt khóc. Nỗi lòng của bạn, của tôi, của những người tị nạn sống trên đất tạm dung này đều như nhau. Nỗi buồn mất nước. Niềm đau của cả một dân tộc. “Vui là vui gượng kéo mà”. Vui chỉ thoáng qua còn buồn thì vạn cổ. “Lời thề buổi ấy cầu Tư mã” Biết đâu...sẽ có một ngày...

TKB tính bộc trực, hào sảng, phóng khoáng, dám sống chết với bạn bè. Hà Thúc Sinh thì bệnh hoạn triền miên vì hậu quả của những trận đòn thù trong các trại tù cộng sản. hai khớp xương háng mục rệu được thắp lại bằng hai thanh inox. Anh em văn nghệ tặng anh biệt hiệu là “trung tâm y tế toàn khoa”. Mỗi lần trái gió trở trời, bệnh nặng hay nhẹ, HTS ới lên một tiếng là TKB đến cạo gió, đâm lưng, bóp tay chân... Vợ tôi vốn ốm yếu, nhỏ con, cân nặng chưa đầy 80 pound, qua Mỹ mấy ngày đã lao vào may vá, làm mỗi ngày trên 14 giờ, có khi còn thức trắng đêm. Một vài lần bị xỉu ngay trên bàn máy may. Nhà không có ai, các con đi học, tôi lo sợ cuống cuống gần như tuyệt vọng, chính TKB đã chạy đến chở vợ tôi đi nhà thương cấp cứu.

Không những chỉ với gia đình tôi, gia đình HTS mà với tất cả mọi người, quen thân hay sơ, nếu cần bạn tôi có mặt ngay, giúp đỡ tận tình, kể cả tiền bạc. Bạn thường tâm sự với tôi: “mình qua Mỹ trắng tay, nay

thêm một lần trắng tay nữa thì có sao đâu”. Con người của TKB là như thế. Tấm lòng nhân hậu của bạn tôi thể hiện qua sự chí thành, chí tình với tha nhân. Cung cách sống ấy khó có ai bì được.

HTS thường giục chúng tôi in thơ. TKB ậm ừ cho qua chuyện. Làm sao in thơ được hử bạn hiền? Tôi tù cộng sản 9 năm, ra tù trốn trình diện, sống chui rúc bữa đói bữa no, tìm đường vượt biên. Thân tàn sức kiệt, lo chuyện cơm áo chưa xong thì đầu óc đâu nghĩ đến văn chương chữ nghĩa.. Tôi có làm một số bài thơ, học thuộc và dấu trong đầu. Thơ Tủ. Thơ Đời. Thơ cho vợ con, bè bạn. Thơ cho tôi nhìn lại tôi, nghiền ngẫm về người, về đời, về một thời khôn nhục đã qua:

Đã lâu rồi ba không làm thơ nữa
bởi vì ba không nhìn thấy ba đâu
là chiếc bóng bên trời hiu quạnh
ba dật dờ như xác lá nổi trôi

Trong cuộc sống ba không là gì cả
trong gia đình ba là kẻ mộng du
nhìn bốn phía thấy mặt trời mọc khắp
nhưng mặt trời đâu phải của riêng ba

Con đừng hỏi tại sao ba im lặng
có điều gì đáng để nói đâu con
ba đã uống đắng cay trong men rượu
giết đời ba và giết cả đời con

Tình thân, sự gắn bó giữa 3 gia đình tưởng không thể rời xa. Vậy mà sau đó HTS bỏ Cali qua Charlotte với Vũ Uyên Giang, TKB sang Arizona. Mỗi lần ra đi

đều có tiệc tiền đưa. Tỉu lượng TKB vào hạng cừ khôi, bạn chấp tôi một bạn hai chai bia, HTS thì nháp nháp cầm chừng. Tivi mới mua. Tủ lạnh mới mua. Sopha mới mua...hai bạn năn nỉ giao cho tôi giữ dùm gọi là để nhớ nhau. Làm sao tôi có thể nhận được? Gần 40 năm thân nhau như anh em ruột thịt, vừa là bạn văn nghệ vừa là tình chiến hữu, tôi nghèo, bạn nghèo, song chúng ta bao giờ cũng bảo vệ cho đến hơi thở cuối cùng danh dự của người lính, khí tiết của kẻ sĩ; dù bị hành hạ, tra tấn trong ngục tù CS hoặc bị nhận chìm dưới đáy địa ngục CS.

Xa nhau chúng tôi vẫn thường xuyên nhận được tin nhau. Một hôm, vào khoảng 4 giờ sáng điện thoại reo vang, bên kia đầu giây Phạm Nhã Dự báo tin động trời:”Trần Kiêu Bạt chết rồi mày biết không, mày có biết không?”. Tôi không tin ở tai mình, hỏi gặng: ”mày nói gì, nói lớn lên, TKB làm sao, làm sao?”. Đúng rồi, bạn tôi, nhà thơ tốt bụng ấy đã chết năm 2005 trong một tai nạn xe cộ vào lúc nửa đêm. Tôi chết điếng người, tự nhiên một muốn tắt thở.

HTS lúc đó bệnh nặng, tôi xe cộ không có, lại quá gấp rút nên không có mặt tiễn bạn đến nơi an nghỉ cuối cùng, đành phải gởi vòng hoa phúng điếu.

Năm sau, vợ chồng tôi đi Arizona mang chút quà mừng 2 cháu Đường Thi, Đường Vân ra trường, thấp nén hương, đọc bài thơ khóc TKB và đặt bài thơ trên bàn thờ bạn cùng bài thơ của Trần Phù Thế.

Hơn 3 năm nay, kể từ ngày bạn xa người đời, hình ảnh bạn vẫn còn ẩn hiện trong tâm trí tôi và sẽ còn mãi mãi... Tấm lòng nhân hậu của bạn. Cách thể sống của bạn. Tôi không tin là bạn đã vĩnh viễn ra đi mà

bạn đang rong chơi một nơi nào đó an nhiên và thơ
mộng hơn: Cõi Riêng Trần Kiều Bạt.

Trần Văn Sơn – CA. cuối tháng 12/2008

Khóc Trần Kiều Bạt

Tin dữ đến bất ngờ
lòng ta đau như cắt
ba năm không gặp mặt
khoảnh khắc bạn xa đời
ba năm không gặp mặt
giờ đã thành thiên thu

Xưa đóng quân Võ Đất
bạn quân cảnh Cần Thơ
lính tiền đồn đánh giặc
biết nhau qua văn thơ
trai giữa thời loạn lạc
sống chết có ai ngờ

Quê người bạn phát phơ
mười năm còn ngơ ngác
việc đến cứ bảo chờ
lần khân đầu đã bạc
*cánh buồm xưa rách nát
không ủ gió tương lai**

Khóc bạn giọt lệ khô
nghẹn ngào câu tử biệt
con dại, vợ bơ vơ
Có. Không. Bạn trở về
cõi riêng Trần Kiều Bạt

TVS – El Monte, CA. 2005

* thơ Trần Kiều Bạt.

PHÙ SA LỘC

Nhà Nhút

Đó là căn nhà mái ngói âm dương nằm cuối con hẻm đi vào hăng nước mắm Mỹ Hương – con hẻm xéo đầu Lộ 20 (Cần Thơ). Nhà Nhút đối diện hăng nước mắm này. Những khi nước mắm trở, bốc mùi khó chịu. Nhưng khi nước mắm “chín”, tỏa mùi thơm đến cồn cào bụng dạ. Cái mùi thơm ấy giống y tấm lòng chú thím Ba đối với tụi bạn con chú thím – Nhút - là chúng tôi.

Những năm 1965, tại căn nhà này, ngoài một số bạn trong nhóm thơ Hồn Trẻ Hai Mươi (Sóc Trăng) như Vũ Ngọc Đức, Thương Tử Tâm, Hà Thúc Sinh, Trần Tử Lan (Lâm Hảo Khôi),... mà Nhút là một thành viên, còn có Trần Biên Thùy, Mây Viễn Xứ (Lâm Hảo Dũng), Mặc Huyền Thương (Trần Phù Thế),... của mấy nhóm thơ bạn thường xuyên “đóng đô”. Chúng tôi tụ tập nói chuyện thơ văn có khi từ sáng cho tới khuya. Và luôn được thím Ba ân cần dọn cơm cho ăn. Phải công nhận cơm nhà Nhút lúc nào cũng ngon. Những ngày, những đêm vui đó, tại ngôi nhà đầy tình thân này chấm dứt khi Nhút đi Phú Quốc, Cam Ranh, rồi Sài Gòn.

Sau 1975, cứ tưởng nhà Nhút chỉ còn là kỷ

niệm của thời tuổi trẻ chúng tôi xưa. Nhưng không, nó vẫn là ngôi nhà ấm cúng với anh em văn nghệ tỉnh lẻ trước đây. “Ngôi nhà văn nghệ” hiem hoi trên đất nước Việt Nam này chấm dứt “sự nghiệp” tiếp đón anh em văn nghệ cũ khắp nơi khi Nhứt lên đường đi Mỹ.

Nhà Nhứt là nhà của nhà thơ Trần Kiều Bạt, bạn tôi.



LƯƠNG THU TRUNG

Trần Kiều Bạt qua vài câu thơ bất gặp

Thơ Trần Kiều Bạt dường như không nhiều, nếu người đọc nào muốn tìm đọc thơ ông, chắc cũng khó mà biết tìm ở đâu ra trong rừng sách vở ngày nay. Nhưng may sao, tôi lại được nhà văn Trần Hoài Thư gởi cho vài bài thơ của Trần Kiều Bạt và sau khi đọc xong tôi xin ghi ra vài cảm nhận này.

Trước hết, thơ Trần Kiều Bạt rất có hồn . Sở dĩ tôi nói vậy vì nhiều tác giả ngày nay làm thơ dường như không cần có hồn, mà cứ viết những chữ những câu khơi khơi như một người mộng du không cần biết mình muốn viết gì, nói gì, để rồi được xếp vào loại thơ mới, hoặc thơ cách tân và gì gì nữa..., vân vân...

và vân vân...Trong một bài thơ Trần Kiều Bạt làm vào tháng 2 năm 1975, “Đêm ở Gia Định thành”, tác giả đã nói lên được cái tâm cảm của người trai trẻ giữa thời loạn, dù nó không phải là một thứ kiếm cung ngang tàn oai phong ra giúp nước cứu đời nhưng tác giả can đảm tự nhận ra mình còn thua xa người xưa nhiều điều trong buổi loạn ly. Chính cái nét bộc trực đầy can đảm ấy của Trần Kiều Bạt trong một đêm cận Tết Ất Mão, khi ngồi ngẫm nghĩ lại kiếp làm trai của mình và cuộc chinh chiến đang bùng bùng khói lửa, làm người đọc cảm được nỗi niềm của chinh nhân mà bồi hồi, cảm thông cho tuổi trẻ giữa buổi đất nước đang trong buổi nhiễu nhương. Và tác giả đã mang cái hồn của mình qua những ý thơ và len lén thấm nhập vào trái tim người đọc:

*“gác vắng đêm nay trời trở lạnh
chiếu chẵn không ấm được lòng trai
đàn ai trong gió nghe buồn quá
nghe tựa hồ như tiếng thở dài*

*bạn hiền muốn gọi không đành gọi
độc ẩm như người chiến quốc xưa
cờ đời đang dờ däu nghìn kiếp
mộng lớn tan rồi chuyện gió mưa*

*người xưa sống giữa thời dâu bể
chỉ lớn hai tay muốn vớ trời
hỡi ơi, ta cũng đời dâu bể
sao lòng những tưởng chuyện rong chơi”*

Với ý tưởng cuộc đời dù dâu bể nhưng “lòng những tưởng chuyện rong chơi” cũng là một nhân sinh quan mới của tác giả mà cũng là của nhiều chàng trai thời

ly loạn những năm 1960- 1970 ấy. Không phải vì họ không ý thức được trách nhiệm thanh niên thời loạn; trái lại họ còn mang trên vai nhiều gánh nặng hơn nhiều người khác kể cả cái chết trong lửa đạn chiến tranh mà họ là người đứng mũi chịu sào. Nhưng ở đây, Trần Kiều Bạt có cái nghĩ suy rất thoáng về cuộc đời, để rồi một mình một bóng dưới trăng khuya mà nhận ra cái bất lực của mình giữa cảnh loạn ly này. Âu đó cũng là một ý tưởng không yếm thế chút nào; trái lại tự trách mình cũng chính là cách vào đời rất sôi nổi và hăng hái.

*“tự do hề - ngày nay có khác
người xưa đất rộng dưới chân đi
ta nay hề đi không hết bước
quần quanh quanh quần một góc hề*

*người xưa hề, giận đi làm loạn
kiếm chém cho tan cái bất bằng (*)
ta nay hề, giận ngồi bó gối
ngó ngày ngó tháng ngó năm tan*

*cất giọng ngâm tràn câu khí khái
mềm môi không dứt, ý hoang mang
nghìn khuya rồi chỉ mình ta thức
đối ánh đêm trường một bóng trăng”*

() ý thơ cổ*

(Đêm ở Gia định thành

đêm cận Tết Ất Mão trên Nghinh Phong Các của Hà Thúc Sinh: 2/75)

Làm thơ muốn hay, thi sĩ phải rung cảm thật thì thơ mới hay. Muốn rung cảm thật, không thi sĩ nào mà

không có tâm hồn lãng mạn. Lãng mạn trong tình yêu và cả trong cuộc sống . Bởi nguồn hứng khởi từ những câu thơ hay thường phát xuất từ những tình cảm của con người. Anh ưa lý luận, không cách gì anh làm thơ hay nổi. Đời sống vào thời nào cũng phải có mơ mộng và trong các thứ mơ mộng ấy, theo J. Guyau, “có thơ là tao nhã hơn hết”(Et parmi les rêves, le plus beau est la poésie). Đời sống không có mộng tưởng, đời sống sẽ khô cằn; làm thơ mà không ưa mộng tưởng, thơ sẽ chết khi chưa in lên trang giấy. Trong bài thơ “Phải người là mộng tình tôi”, Trần Kiều Bạt, không ra ngoài những mộng tưởng ấy :

*“gặp người trong buổi tà dương
áo bay loáng thoáng mùi hương đã gần
giọng tôi thưa rất ngập ngừng
hỏi rằng có phải mùa xuân đang về*

*gặp người như thể cơn mê
xuống tôi hồn quạnh bốn bề tịch liêu
lần trong sắc chút yêu kiều
ngoài khoe dáng nữ trong chiều thanh tân*

*gặp người chẳng ngại làm thân
nhìn trong đôi mắt ngờ gần từ lâu
hồn tôi lâu lắm còn sầu
có thương xin gởi chút màu nhớ nhau.”
(Phải người là mộng tình tôi)*

“Có thương xin gởi chút màu nhớ nhau...”, quả là tuyệt diệu, nhất là nhóm chữ “*chút màu nhớ nhau*”, ít ai dùng nổi. Ở bài thơ khác, tác giả cũng dùng chữ “*một chút gởi mời*” rất dễ thương và trữ tình:

*“đường như trong bóng chiều rơi
có bay một chút gọi mời từ lâu
chân vui những bước rạt rào
nhà em đã hiện dưới màu tà huy”
(Trên đường về nhà Đỗ Kim Hương)*

Ở bài thơ “Người đi là chết cả hồn tôi”, Trần Kiều Bạt cũng dùng chữ “chút” rất điệu nghệ như vậy:

*“gởi theo chút gió làm thương nhớ
người về đầu bãi cuối sông kia
vai nghiêng cho rớt vành trăng lạnh
là chết hồn tôi buổi cách chia”
(Người đi là chết cả hồn tôi)*

Cái chất lãng mạn trong bốn câu thơ vừa trích là mở đầu cho bài thơ gồm năm đoạn man mác nỗi buồn khi người yêu chia xa. Cái lãng mạn đó nó làm cho những người trong cuộc buồn đã đành, mà nó còn làm ray rứt con tim người đọc nữa khi họ chợt nhớ về một lần nào lâu lắm rồi mình cũng chia tay cuộc tình để rồi “mỗi người nay đã mỗi đời riêng”

*“buồn cứ gượng vui mà muốn khóc
mỗi người nay đã mỗi đời riêng
còn đây, yêu dấu bao nhiêu đó
cũng đủ đời tôi đến lặng chìm*

*ra đi cảm chắc là tan hết
tháng ngày chất chứa tháng ngày đau
quanh đây hương phấn xưa nhiều lắm
mà thấy dường như đã nhạt màu*

*không đành như thế là vô vọng
lòng người đâu biết được buồn vui
tình yêu sót lại đời tôi đó
dẫu đến tàn hơi cũng ngậm ngùi*

*dẫu cho mai mốt hay hơn nữa
thuyền về xin đậu bến đồ quen
hồn tôi áo trắng kia còn mới
là để chờ mang kích thước em.”
(Người đi là chết cả hồn tôi)*

Thêm một bài biệt ly nữa, miên man nỗi buồn rất dễ thương của thi sĩ :

*“anh cũng muốn tình ta là nước sông
chảy phương nào cũng đổ bến đời nhau
để sớm hôm chia sẻ nỗi lòng đau
để ấm lạnh để giận hờn yêu dẫu*

*anh cũng muốn chọn em làm bến đậu
xếp buồm xưa từ giữa gió giang hồ
sáng cúc vàng hiên trước mấy câu thơ
chiều huệ trắng mái sau vài chung rượu*

*và cũng biết có em là có đủ
từ lòng riêng cho đến những tình chung
lúc biệt ly hay cả phút tương phùng
nỗi cay đắng hay trong niềm hoan lạc*

*nhưng số mệnh đã đem lòng tệ bạc
cho những điều xé nát cuộc tình sâu
chuyện tương lai phải được sống dài lâu
đâu là gió mà tới lui quanh quẩn*

*yêu nhau chi mà đôi hồn lặn đặng
những đắng cay phiền muộn của cuộc đời
anh biết em nước mắt đã trũng khơi
vây bủa hết những mộng vàng năm cũ*

*hãy hiểu giùm anh một lời cũng đủ
ước mơ xưa xin giữ lại trong lòng
hãy thả bùa như gió một cơn giông
để em có chút niềm vui mà sống.”
(Bài biệt ly thư 2)*

Trần Kiều Bạt còn có những vần thơ chan chứa nỗi niềm về một bóng hình người cũ qua những bài như “Ngày giã từ Cần Thơ”, “Mưa”, “Tình thâm”, “Lời buồn xuân”... nhưng có lẽ bài thơ ông viết về Mẹ, “Dáng mẹ hoàng hôn”, dù ngắn nhưng vô cùng cảm động:

*“Khi về thấy trước hàng ba
Mẹ tôi hiu hắt ngồi pha nổi sầu
Tấm lòng năm cũ còn đau
Nhìn qua mái tóc mẹ, màu phai đi
Con như tờ lịch còn ghi
Mấy năm lang bạt ra gì tương lai
Lần về như gió nào hay
Trong hoàng hôn chợt nghe vài tiếng chim.”*

(Dáng mẹ hoàng hôn, ngày 18/9/1974)

Làm thơ viết văn, xưa nay, thật ra, không cần làm cho nhiều, miễn sao thơ văn ấy mang đến cho người đọc cái cảm khi đọc, cái hay khi thưởng lãm và muốn được vậy thơ văn phải có thần hồn. Thơ Trần Kiều

Bạt có được cái thần sắc ấy. Và lại, đối với Trần Kiều Bạt, ngày nay và cả sau này, dù có bao nhiêu lời khen, hoặc tiếng chê, tất thấy đều vô nghĩa đối với ông; bởi lẽ ông không còn cần những lời khen chê ấy nữa. Thế nhưng, phải công bằng mà nhận ra rằng nếu ai muốn lược ghi về những người làm thơ viết văn nơi cái đất phù sa vùng sông nước Cửu Long mà không nhớ ghi tên nhà thơ Trần Kiều Bạt quả là một thiếu sót lớn vô cùng !

Lấp Vò, ngày 19-02-2009

Lý Thừa Nghiệp

Ta Vẫn Làm Thơ Đó Chớ Em (*)

- *Nhớ bạn thân Trần Kiều Bạt*

Ta vẫn làm thơ đó chớ em
Rượu trắng, tàn đêm chưa đã thèm
Bạn hữu ta hề! như cật ruột
Gỗ chén, ngâm vang, tiếng rượu khàn.
*

Ta vẫn làm thơ đó chớ em
Lục bát miền Tây rót êm đêm
Hậu Giang, con nước đùa song thất
Tứ tuyệt, trầm tư khúc cổ kim.
*

Ta vẫn làm thơ đó chớ em
Thiên địa mang mang nghĩa đá vàng
Ly khách, ngày đi không về nữa
Mẹ già, ngồi khóc đã ngàn đêm.

(*) thơ Trần Kiều Bạt

THƯƠNG TỬ TÂM

VĨNH BIỆT TRẦN KIÊU BẠT

bĩ ngạn về đâu về đâu, Nhứt
mây qua đó sớm hãy đợi chờ
trần gian cõi tạm dù mau chậm
thế nào rồi cũng sẽ gặp nhau

nhớ không Nhứt một thời bè bạn
thơ túi rượu bầu tuổi thanh xuân
phải chi những dòng sông là rượu
suốt đời ta xuôi ngược trường giang

nhớ không Nhứt căn nhà ở trọ
ngoại ô xưa của thành phố Cần Thơ
say gỏi đầu nhau bàn mộng lớn
rớt Tú Tài đi lính binh Nhì

nhớ không Nhứt mấy năm ở Mỹ
bạn bè sao chẳng được gặp nhau
(hỡi ơi ! khanh tướng trong trời đất)
mồ chôn đâu đó cũng quê người.

(02/2009)

THƠ TRẦN KIỀU BẠT (trích)

Đêm ở Gia định thành

*đêm cận Tết Ất Mão trên Nghinh Phong Các của Hà Thúc
Sinh: 2/75*

*gác vắng đêm nay trời trở lạnh
chiếu chắn không ấm được lòng trai
đàn ai trong gió nghe buồn quá
nghe tựa hô như tiếng thở dài*

*bạn hiền muốn gọi không đành gọi
độc ảm như người chiến quốc xưa
cờ đời dang dở đau nghìn kiếp
mộng lớn tan rồi chuyện gió mưa*

*người xưa sống giữa thời dâu bể
chỉ lớn hai tay muốn vãi trời
hỡi ơi, ta cũng đời dâu bể
sao lòng những tưởng chuyện rong chơi*

*tự do hề - ngày nay có khác
người xưa đất rộng dưới chân đi
ta nay hề đi không hết bước
quần quanh quanh quần một góc hề*

*người xưa hề, giận đi làm loạn
kiếm chém cho tan cái bất bằng (*)
ta nay hề, giận ngồi bó gối
ngó ngày ngó tháng ngó năm tan*

*cát giọng ngâm tràn câu khí khái
mềm môi không dứt, ý hoang mang
nghìn khuya rồi chỉ mình ta thức
đối ánh đêm trường một bóng trắng*

() ý thơ cổ*

***Những hồn tan nát kia ơi
hãy nhớ rằng ta vẫn sống***

*có phải đêm nay đông đủ cả
bạn ta những kẻ biết làm thơ
sống thời cô quạnh như đêm tối
mỗi ngày lụn chết một cơn mơ*

*có phải đêm nay không hẹn trước
vô tình sương gió dạt về đây
những cánh bướm xưa giờ đã rách
không còn giữ được gió tương lai*

*có phải lỡ rồi bao mong ước
bạn ta hồn lạnh bấy lâu nay
bạn ta tan nát vì chinh chiến
sống chết cảm như chuyện rủi may*

*có phải thương thân mà muốn khóc
hỡi ơi đầu bạc tuổi ba mươi
ngày bụi điểm mờ hôi chí lớn
đêm nghe máu nhỏ lịm đời vui*

*thì hãy cùng nhau mà uống rượu
tưởng người thất chí mùa thu xưa*

dù sao hãy nhớ ta còn sống
sá gì dẫu bể nắng cùng mưa

giang hồ như lá trong giòng lũ
thì hãy vui lên buổi gặp này
nhớ chẳng hão hán ngàn năm trước
tung chén cười run hơi rượu cay

sương xuống ngoài kia dù có lạnh
bạn ta hãy uống tàn canh thôi
tửu phá thành sầu ai đó nhỉ
hắn giết bao nhiêu nỗi ngâm ngùi

2/75

Phải người là mộng tình tôi

gặp người trong buổi tà dương
áo bay loáng thoáng mùi hương đã gần
giọng tôi thưa rất ngập ngừng
hỏi rằng có phải mùa xuân đang về

gặp người như thể cơn mê
xuống tôi hồn quạnh bốn bề tịch liêu
lẫn trong sắc chút yêu kiều
ngoài khoe dáng nữ trong chiều thanh tân

gặp người chẳng ngại làm thân
nhìn trong đôi mắt ngỡ gần từ lâu
hồn tôi lâu lắm còn sầu
có thương xin gởi chút màu nhớ nhau.

Trên đường về nhà Đỗ Kim Hương

*dường như trong bóng chiều rơi
có bay một chút gọi mời từ lâu
chân vui những bước rạt rào
nhà em đã hiện dưới màu tà huy*

Tàn cuộc

*Chưa tới ba mươi mà đã chín
cả hồn lẫn xác tự hôm nao
khuya nay chút gió về run lá
lá rụng âm thầm một kiếp đau*
15/1/75

Người đi là chết cả hồn tôi

*gởi theo chút gió làm thương nhớ
người về đầu bãi cuối sông kia
vai nghiêng cho rớt vành trăng lạnh
là chết hồn tôi buổi cách chia*

*buồn cứ gượng vui mà muốn khóc
mỗi người nay đã mỗi đời riêng
còn đây, yêu dấu bao nhiêu đó
cũng đủ đời tôi đến lặng chìm*

*ra đi cảm chắc là tan hết
tháng ngày chất chứa tháng ngày đau
quanh đây hương phấn xưa nhiều lắm
mà thấy dường như đã nhạt màu*

không đành như thế là vô vọng

*lòng người đâu biết được buồn vui
tình yêu sót lại đời tôi đó
dẫu đến tàn hơi cũng ngậm ngùi*

*dẫu cho mai một hay hơn nữa
thuyền về xin đậu bến đồ quen
hồn tôi áo trắng kia còn mới
là để chờ mang kích thước em.*

ngày giã từ Cần Thơ

*hôm đi, không gặp được người
ở nơi đưa tiễn mình tôi rất buồn
khi người về tới bến sông
thuyền tôi đã lướt trên giòng viễn du
hồn khuya phơi ướm sương mù
chờ người đau lắm kể từ hoàng hôn*

*thôi người ở lại sớm hôm
đường xưa ngọn cỏ như là đáng tôi.*

ĐỌC SÁCH

Phạm Văn Nhân

**Cảm nhận khi đọc
Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa
Của Trần văn Sơn**

Nhận được tập thơ “Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa” (1) của nhà thơ Trần Văn Sơn gửi qua tặng. Cảm tập thơ trên tay, mỏng, đủ cho tôi đọc trong chốc lát là xong. Nhưng không phải vậy, đọc đi rồi đọc lại, mới thấy thơ của Sơn không là của anh, mà là của những người sinh vào thời buổi tự mình không chọn lịch sử mà lịch sử chọn. Chiến tranh!

Tuổi trẻ chúng tôi lớn lên chẳng được tự mình chọn cho mình có một cuộc sống riêng tư theo ý muốn, mà chúng tôi giống như những viên bi nhỏ nhoi bị lực hút của một quả cầu lửa nam châm làm thiêu rụi. Quả cầu lửa đó là thế lực xanh đỏ chụp xuống trên quê hương chúng tôi từ lâu. Nhà thơ Trần văn Sơn cũng như tôi không làm sao thoát khỏi. Phải lặn vào, lặn vào nó như con thiêu thân. Và, cuộc sống trước mặt sẽ ra sao, mặc cho thế sự. Chấp nhận nó ngay cả cuộc sống trước mặt, cho dù lắm bề bàng. Người bạn chiến đấu nằm xuống hôm nay và, biết đâu ngày mai là tôi, là anh, là những người sẽ nối tiếp. Những câu thơ trong bài: Nói Với Bạn Bè của Sơn đã nói lên cái tâm trạng của những người sinh cùng một thế hệ ấy. *Thế hệ chiến tranh* (chữ của Trần Hoài Thu):

“ Tao vẽ một vòng tròn trong nghĩa trang này

Dành riêng tụi mày vài vuông đất mới

Đứa nào chết sớm vào mộ nghĩa ngời

Đứa nào sống lâu thấp nhang cầu nguyện. ”

Như thế đấy, giản dị vô cùng. Cho nên, trong thơ Sơn nói thật lòng, không ngại: *“ thằng Trung chết sớm là nó có phước/Được người thấp nhang được người vái thắm ”* Đời lính chúng tôi quan niệm như thế đấy, nhẹ như mây trời.

Với *Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa*, Sơn làm nhiều thể loại thơ. Nhưng khi đọc lên, tôi thấy dù là loại thơ nào cũng đã gói ghém lên cả một trời tâm sự của anh và cũng là của tôi. Đọc, thấy nó gần gũi trong quá khứ, hiện tại và cả một tương lai không biết có tươi sáng hơn không trên cái xứ tạm dung này. Tuy nhiên có tươi sáng hay không cũng mặc, cứ nhìn vào thẳng cuộc đời, cực khổ ư? Sung sướng ư? Thì vẫn chung quanh Sơn ...thấp thoáng vài nụ hoa.

Sao mà đẹp thế? Tôi muốn nói đến *“Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa”* của Sơn. Có lẽ bài này anh làm sau những ngày anh ra khỏi trại cải tạo (không thấy ghi năm tháng). Nhưng khi đọc lên, tôi đoán như thế, Phải không Sơn? Nhưng đây cũng là bài thơ mà Sơn đã chọn làm nhan đề cho cả một tập thơ, đủ nói lên cái tính bao dung của một người lính cũ miền nam. Dù biết rằng, sau những năm tháng gian khổ, đọa đầy. Cho nên dẫu:

“ Dẫu không cửa không nhà

Vẫn an nhiên mà sống...

Dẫu:

“ Một ngày, một ngày qua

Khốn khó vây quanh ta

Cháo rau ngày hai bữa

Chưa đủ ấm thịt da”

Dẫu:

“Mộng có khi là thực

Nhưng thực phải thế nào

Ngày. Ngày qua- còn đó

Tia nắng chưa rọi vào”

Thế mà, với Sơn nhìn đâu anh vẫn thấy:

Sáng nay trời thật đẹp

Hoa ngào ngạt quanh nhà

Vườn ai vừa mới nở

Thấp thoáng vài nụ hoa.”

Tuyệt vời quá, đủ thấy được tâm hồn của anh. Tâm hồn của một nhà thơ khoác áo lính. Có lẽ người lính năm xưa đã ngộ được rồi chăng? khi mà: *Mai kia ở động ngòi thiền/ tụng kinh gõ mõ điền viên một đời”*. Để rồi, đọc thơ Sơn, ngẫm lại mình, tôi chưa thấy được thấp thoáng ở đâu đó có vài nụ hoa mới nở trong vườn nhà ai, như Sơn. Khi mà cuộc sống của chính bản thân còn quá khổ khi ở trại tù ra. Nhưng với Sơn thì khác. Tôi khoái bốn câu thơ cuối của bài thơ: *“Sáng nay trời thật đẹp/Hoa ngào ngạt quanh nhà/ Vườn ai vừa mới nở/ Thấp thoáng vài nụ hoa.”*

Tôi nghĩ, với Sơn, những câu thơ anh làm , có lẽ khi lên thăm chùa trên núi Tà Cú mà ngộ chăng? Trong cuộc sống khổ như thế mà anh vẫn thấy vườn nhà ai có hoa mới nở, để nhà thơ thấy thấp thoáng vài nụ hoa. Đọc bài thơ: Nghĩ Quần Khi Ngủ Đêm Tại Pho Tượng Phật Nằm Trên Đỉnh Núi Tà Cú mà nhớ những ngày tháng cũ, tuổi thơ tôi khi lên thăm chùa. Cảnh u tịch của ngôi chùa cổ. Một ông sư. Một hồi tiếng chuông chiều ngân lên. Đủ để thấy : *Chống gậy trúc qua sông đón thuyền* . Núi còn đó, chùa xưa còn đó, đã bao năm không lên. Chắc có nhiều đổi thay?

Đề đến nỗi nhà thơ đã lên núi viếng chùa xưa, anh
thốt lên:

“ Mở mắt

Thấy tường trắng

Nhắm mắt

Thấy tường đen

Có cái không ai thấy

Cái ta

Ta biết.

Bây giờ chùa như thế sao? Có lẽ một ngày nào đó về
thăm, lòng ta cũng “diện bích” như nhà thơ?

Trong “Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa” những bài thơ
Sơn làm đã gọi lại trong tôi cuộc đời của người lính
cũ, như anh. Sau 1975, buông súng, vào tù, rồi ra tù,
rồi qua Mỹ. Cuộc đời cứ trải dài ra sau bao năm
tháng trắng trẻo trong cuộc sống. Trắng trẻo trong
đời lính không nói làm gì, vì có ai tránh khỏi trong
thời chiến. Nhưng, có lẽ, nhà thơ đã khơi lại một chút
dư âm, dù một chút thôi, cũng đủ làm cho những con
sóng đã một lần ngủ yên trong lòng tôi trỗi dậy. Một
kỷ niệm khó quên, dù biết rằng, thời đánh giặc năm
xưa của chúng tôi thật lòng nói ra buồn nhiều khi
nhìn thấy nếp sống của người dân phố thị. Nhưng sao
đọc lại, nhớ vô cùng trong bài “ Kịch Đêm” mà Sơn
đã làm khi còn trong quân ngũ:

“ Gió lòn qua kẽ lá

Cuốn tròn trong poncho

Rét từng cơn một lá

Đòi tiếp đòi bao la

....

Đêm rơi sương ướt đầm

Quả tim vết đạn hằn

*Bao năm ôm súng đạn
Không một lần về thăm”*

Đề rồi hôm nay, sống trên đất người, nắng mưa là chuyện của trời đất. Nhưng sao, đọc những vần thơ lục bát về mưa của Sơn viết về quê nhà, tôi thấy như gần gũi quá. Mưa quê nhà có khác mưa trên xứ người không? Tôi đang mong những cơn mưa vội đến rồi đi như ngày nào *Sài Gòn đang nắng chột mưa/ Dừng chân đợi vội mưa vừa dứt cơn*. Chỉ cần cơn mưa chột đến như thế, một chút thôi để thấy cái mùi đất ẩm ở quê nhà khi cơn mưa vừa dứt giọt. Cái mùi đất ẩm ngậy ngậy, nhưng lại ngất ngây lòng người ít gặp được nơi tôi đang sống. Những cơn mưa quê nhà, đề: *thương quá người ơi/ Giọt mưa và giọt hồn tôi rơi đều*.

Đọc thơ Sơn thấy đầy ắp những hình ảnh kỷ niệm của đời anh đã trải qua, nơi chốn, bạn bè, tù tội. Đề rồi những nơi ấy đã gọi lên cho tôi những hình ảnh, địa danh mà tôi cũng đã đến. Những nỗi khổ trong trại cải tạo, miền Bắc hay miền Trung. Những người bạn tù thiếu ăn, thiếu thuốc khi ngã bệnh thì chết. Chiếc hòm không đáy lại được đem đến. Manh chiếu bó lại đem ra nghĩa địa tù để chôn. Bạn tù đi ngang qua, cúi đầu tưởng nhớ. Trại tù nào cũng giống nhau. Đói. Lạnh. Và khổ. Anh trải qua những trại tù miền bắc. Tôi trải qua những trại tù miền rừng núi Trung phần . Đọc những câu thơ anh ghi lại trong tù, sao nghe buồn quá đỗi.

Thơ Sơn gần gũi với tôi đến thế. Ngôi miếu cổ Bảy Đầu Rồng, nhà thơ ngồi uống rượu với Nguyễn Bắc Sơn bên cạnh ngôi miếu cổ đó. Nơi đó, gần 20 năm qua, tôi không về lại thăm, người bạn khốn khổ của

tôi với Nguyễn Bắc Sơn không biết ra sao? Anh Huỳnh Tấn Ngọc mà NBS đưa anh về tá túc trong ngôi cổ miếu ấy sau những năm sống ở kinh tế mới. Bây giờ đọc thơ Sơn, chẳng lẽ ngôi cổ miếu ấy, hôm nay:

Ngón ngang gạch đá lạnh hương trầm

để nhà thơ ngồi buồn mà:

chợt thoáng trong ly bóng nguyệt rằm?

Rồi quê hương anh. Nơi chốn anh sinh ra và lớn lên; mà ngày ngày tôi với những người “đồng khổ” đẩy chiếc xe *ba gát* chở theo nào những nồi niêu, thùng bọng, cát và xi măng ra núi Cốc để trùng tu ngôi mộ cụ Nguyễn Thông. Con dốc đá cao cao mà người dân quê tôi gọi là dốc *lầu Ông Hoàng*, nơi sinh trưởng của nhà thơ. Với tôi, đẩy chiếc xe ba gát lên dốc cực vô cùng, thế mà nghe người lính cũ cũng làm nghề thợ hồ như tôi, đẩy xe lên dốc mà miệng vẫn hát nghêu ngao: *đường lên dốc đá, nhớ xưa hai người đã một lần đến. Lầu Ông Hoàng đó...* trong bài nhạc của Trần Thiện Thanh. Mệt, nhưng lại thấy vui vui và khỏe khi gió biển thật nhiều, thật đầy thổi lên từ bờ biển Phú Hải, quê anh. Cái mệt như tan vào bọt biển mát hút trên những đồi cát ngút ngàn bất tận, mà sau này trên những đồi cát ấy nhà thơ Từ Thế Mộng đã an giấc ngàn thu.. Để hôm nay, đọc bài thơ: *Chiều Trên Lầu Ông Hoàng* bỗng dung những kỷ niệm xưa như sống lại. Nhưng khác với Sơn, tôi không thể:

...

“Chiều ngồi bên em

Bay bay tà áo mỏng

Tháp Chàm vẫn trăm năm

Chờ ai mùa biển động.

*Đá mòn bước chân người
Tường xám xịt khắc đầy tên kỷ niệm
Thời gian! Thời gian ơi
Thăm mơ vàng trắng Hàn Mặc Tử*

*Em về hoa mắc cỡ
Phủ đầy mộ Nguyễn Thông
Lầu Ông Hoàng- núi Cỏ
Giữa biển trời mênh mông.*

Cũng cùng khổ như tôi sau cái ngày tan hàng rã đám ấy, nhà thơ cũng: *Cồng con dắt vợ leo đồi/ Phá rừng làm rẫy cắt chòi tịnh tâm/ Vợ con tắm vũng trâu nằm/ Lưng gùi tay rửa quanh năm cuốc cày/ Đầu trần chân đất hôm nay/ Mai sau rồi cũng bóng mây lưng đeo. Hay nhà thơ đã ngộ được ra chăng? khi biết: Từ sinh bóng ngã bên bờ nhân gian.*

Có lẽ thế, đời là vô thường mà, có phải thế không Sơn? Cho nên anh mới nhìn thấy được quanh cuộc sống của anh, nơi nào cũng : thấp thoáng vài nụ hoa. Mà, tôi nghĩ ít có ai như nhà thơ Trần Văn Sơn khi mà cuộc sống đời thường còn có quá nhiều vất vả (tinh thần lẫn vật chất).

Ngay cả khi Sơn đến định cư ở Mỹ trong tuổi đời quá mệt mỏi, chẳng có thời gian để hưởng thụ để bù lại những năm tháng khổ ải trong tù, những năm tháng cồng con dắt vợ lên lên rừng để dựng chòi làm nương , làm rẫy. Ngày qua ngày, sống trên đất tạm dung anh đã viết: *Chín năm hít toàn bụi vãi/ Nhìn quanh bốn bức tường tron.* Những câu thơ trong bài thơ; Thơ Viết Trên Bàn Máy May nghe thật não lòng của một người lính cũ. Để rồi hằng ngày trên vùng Đất Mới, anh phải:

*Mình nhỉ! Dậy đi trời sắp sáng
Ngủ hoài nuôi mộng cũng bằng không
Quê nhà xa lắc con hồng thủy
Cuồn cuộn muôn phương vẫn một lòng*

*Mình nhỉ! Dậy đi trời sắp sáng
Ngủ hoài nuôi mộng cũng bằng không
Bao đêm thao thức nghe mình khóc
Hận muốn quay về thuở kiếm cung*

*Mình nhỉ! Dậy đi trời sắp sáng
Chiều chẵn không dịu nỗi đau đời
Mười năm lưu lạc hồn u uẩn
Thương mái nhà xưa vắng tiếng người*

*Mình nhỉ! Dậy đi trời sắp sáng
Chiều chẵn không dịu nỗi đau đời
Quê người có phải là cố xứ
Đất mới ươm mầm hạt thóc rơm*

Cái nặng lòng của nhà thơ cứ âm ập trong người anh một cõi trời cố xứ. Dù nơi ấy, đã một lần làm anh khổ nhục. Nhưng, với anh, quê hương vẫn là *Phố quanh* vài ba quán cóc Hay : *Phố quanh* hieu vài ba xóm nhỏ/Đường quanh co ngõ hẹp tối tăm. Thế mà, khi rời xa nó, anh nhớ vô cùng:

*Dặm lòng không khóc
Sao giọt lệ rơi
Quê hương
Chìm trong mây.*

Bốn câu thơ ngắn ngủi ấy của Sơn mới hiểu tâm lòng của nhà thơ xa xứ hôm nay.

(1) Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa. Tập thơ của nhà thơ Trần Văn Sơn . Do nhà xuất bản Little Sài Gòn, xuất bản năm 2008 . Ấn hành Phan Bá Thùy Dương. Trình bày bìa : họa sĩ Rừng. Và gồm những phụ bản của họa sĩ Bé Ký, Hồ Thành Đức, Lương Trường Thọ, Rừng. Không thấy ghi giá bán.

Địa chỉ liên lạc: qua nhà thơ Phan Bá Thùy Dương:

Phan Bá Thùy Dương.

phanbathuyduong@yahoo.com

(Muốn biết thêm chi tiết, xin đọc TQBT 36, phần giới thiệu sách)

NGƯỜI NỮ TRONG NHẠC TRỊNH CÔNG SƠN

Tuỳ bút của Khuất Đẩu



Tranh Đinh Cường

Sau khi anh *đi bỏ lại con đường*, nhiều người đã nói tới những người nữ mà theo họ là người tình của anh. Một cô con gái yêu của người thầy dạy tiếng Pháp. Một nữ giáo sinh ở sư phạm Qui Nhơn. Một ca sĩ thời danh mà anh viết tặng Ướt Mi. Một người đã có chồng hai con ở Blao. Sau này còn có cả một nữ doanh nhân thành đạt. Đó là chưa kể đã hai lần, để làm vui lòng mẹ, anh suýt nữa đã lên xe hoa. Có người còn ồn ào tự cho mình là người tình cuối! Nói chung, ai cũng muốn tìm ra một Mộng Cầm hay T.T.KH, những người nữ đã để lại bóng hình khá lộng lẫy trong văn chương Việt,

Nhưng, nhà văn Sâm Thương bạn thân anh lại bảo chẳng có người phụ nữ nào in đậm bóng hình lên cuộc đời anh. Tôi cũng tin như vậy mặc dù ai cũng bảo còn Diễm đó. Diễm là ai mà anh gọi thiết tha đến thế trong những cơn *mưa trên tầng tháp cổ* hay trong những *căn gác đầu hiu chiều chủ nhật buồn*? Theo tôi Diễm không là ai cả. Diễm là Đẹp, là Nhan Sắc như Nguyên Sa đã từng gọi.

Đã là nghệ sĩ, đương nhiên anh yêu cái Đẹp. (Yêu cái Đẹp chứ không phải *gái đẹp*). Một người nữ chân

dài với ba vòng có số đo tuyệt hảo chưa chắc đã là người Đẹp dưới mắt nhìn của anh.

Người nữ của anh trước hết phải là một *người con gái Việt Nam da vàng yêu quê hương như yêu đồng lúa chín*. Anh yêu *tóc em từng sợi nhỏ* nhưng không phải tóc vàng như Cung Trầm Tưởng. Lại càng không phải là gái Phù Tang dù có người đã từng lặn lội sang tìm anh, học tiếng Việt, làm luận án về anh và được trao bằng tiến sĩ.

Nàng *đứng bên trời tự do, yêu đời thiết tha, luôn cười đâu đó trong phố xá đông vui*. Nàng đi lễ chùa, lễ nhà thờ, qua công viên, với tà áo rộng, với hài nhung gấm, thanh thoát đài trang nhưng không quá kiêu kỳ. Nàng chỉ cười mà không nói, chỉ ngồi hát khi mây bay ngang trời. Nàng *muoi sáu tuổi với môi hồng đào, tay măng trôi trên vùng tóc dài*. Nàng rất gần mà cũng rất xa, rất thực mà cũng rất kỳ ảo. Nàng rất bình thường nhưng không tầm thường. Một người như thế sẽ được Bùi Giáng thốt lên:

Em ơi em đẹp vô cùng

Vì em có cái lạ lùng bên trong.

Cái lạ lùng bên trong là cái Đẹp chỉ có những nghệ sĩ sâu sắc như anh hay thi sĩ họ Bùi mới cảm nhận được. Cái Đẹp của *hồn thơm cây trái của môi hôn lần đầu, của một chiều kia có em buồn buồn*. Cái đẹp thay màu rất chậm, đến nỗi

Một ngàn năm trước môi em hồng nhạt

Một ngàn năm sau môi em hồng vừa.

Cái Đẹp gần như ngừng lại, hay anh muốn chậm lại. Vì sao? Vì *tôi cần thấy em yêu đời, yêu hoài*. Hãy nghe anh nói:

Tôi xin làm chút gió

Mát thêm những bờ vai

Tôi xin làm hôm nay

Cho đời em trẻ mãi.
Tôi xin làm mây êm
Trôi vào trang nhật ký
Tôi xin làm mực hồng
Chờ em giữa trang thư.

Như thế, anh mãi mãi là người tình của tuổi học trò, của Tuổi Trẻ, không chỉ một thời mà của nhiều thời, không chỉ hôm nay mà của cả ngàn sau. Môi em cho ta một chút hồng

Lựa là phút ấy chưa quên.

Một cuộc tình nhỏ bé, bên đôi môi hồng đào thì không có chi là ồn ào, không có chi là đón đau dù có hơi xót xa, dù có hôn nhau lần đầu cũng là hôn nhau lần cuối. Cho dù anh bảo

Em phụ tôi một thời bé dại

Thơ dại ra đi không nhớ gì tôi

Phụ, là cách nói để tiếc thương cho tuổi trẻ đã qua hay đã mất. *Mười năm xưa nàng đứng bên bờ dậu khiến lòng anh như khăn mới thêu.* Nhưng chỉ mười năm sau, nhìn nhau cũng như mọi người, nên lòng anh buồn như nắng qua đèo.

Những người tình bỏ ta đi như những giòng sông nhỏ. Buồn nhưng không thể không để sông về với biển, không thể không để các nàng đi về nơi bé bỏng. Họ không thể không lớn lên, không thể không lấy chồng, đẻ con.

Thuyền nào đã chở mất thuyền quyền

Với những thuyền buồn lớp lớp ra sông

Xin có lời mừng giữa chén rượu nồng

Phải vậy thôi. Phải rất đàn ông, từ bi, độ lượng. *Xin có lời mừng.* Không đau đón tiếc thương đến nỗi phải gào lên như Vũ Hoàng Chương” Tổ của Hoàng nay Tổ của ai!”. Hay như Phạm Duy đắm đuối quần

quai “ ngày nhà em pháo nổ, anh cuộn mình trong chăn, như con sâu làm tổ trong trái vải cô đơn, tâm hồn anh nhuốm máu, ôi nháp chén hư vô”

Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ

Rất bình yên tự tại, bởi vì còn rất nhiều em bên đời, tuổi mười sáu như mưa vẫn tiếp nối làm đầy nhiều con sông nhỏ khác. Và đời anh *vẫn bốn mùa thay lá*, vẫn nhớ em và *nằm mộng suốt đêm trong thiên đường*.

ĐÓA HOA VÔ THƯỜNG

Đây là bản nhạc lạ thường nhất của anh. Ai cũng bảo anh yêu một nữ tu. Có một video, người ta dàn dựng người nhạc sĩ vội vã chở chiếc chuông đi như chạy trốn một cách phản cảm.

Theo tôi đây là một bản tụng ca Đức Phật, có thể là Phật Quan Âm.

Người nữ ở đây không mười sáu tuổi, không một chiều kia có em buồn buồn, không cười đầu đó trong phố xá đông vui. Một người mà anh đã đi tìm *trong xa gần trời đất rộn ràng, trong sương hồng trong chiều mệnh bạc, tìm trong đàn chim ngậm hạt sương bay*. Tìm ngày tìm đêm, bền bỉ một cách lạ thường không bao giờ tuyệt vọng.

Và anh đã gặp một người mình hạc xương mai, với nụ cười mong manh. Nàng tinh khiết như cội nguồn nguyên thủy, nàng ngát hương giữa đôi giòng kinh.

Nàng là Đạo, hay Đạo được anh hoá thân thành Nàng cho gần với Đời. Và nàng *tắm gội dưới mưa bốn bề toả ngát hương trầm*. Nàng dạy dỗ anh, tan chảy trong anh.

Đạo thấm vào anh, gần gũi đến nỗi có *tôi trong dáng em ngồi trước sân*. Từ đó *hoa là em, một sớm*

kia rất hồng, nở hết trong bình minh. Nhờ có kinh đắp bồi, nên từ đó anh là đêm nở đóa hoa vô thường.

Khi cái Đẹp lên ngôi (lời kinh là những cái Đẹp) thì sự phụng thờ của anh, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm và tôn thờ cái Đẹp, cuộc trùng phùng chỉ là một tất yếu.

NGƯỜI NỮ ĐẦU TIÊN VÀ NGƯỜI NỮ CUỐI CÙNG

Đó là người đã mang anh đầy bụng. Người đã ru anh từ tiếng khóc ban đầu, ru anh qua cả cuộc đời, và ru anh cho đến lúc bạc đầu.

Người ấy đã ru anh với *tiếng hát trên trời để anh được ngủ trên mây.*

Người nữ đó không ai khác hơn là Mẹ.

Người anh chịu ơn đầu tiên và chịu ơn cuối cùng. Người dù đã đi về nơi cuối trời vẫn chờ anh để ru anh hoài *ru mãi ngàn năm.*

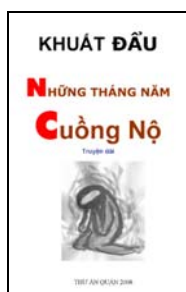
NGƯỜI NỮ CAO CẢ VÀ VĨ ĐẠI

Đó là mẹ của những *em bé loã lồ khóc tuổi thơ ngây.* Mẹ của *những đứa con hai mươi năm đã lớn ra ngoài chiến trường, những đứa con cùng cha vẫn không quên hận thù.* Đó còn là người đàn bà hoá điên khi *vỗ tay reo mừng xác con, chảy dài giọt lệ ăn năn trong những đêm ngồi nghe đại bác vọng về thành phố.*

Đó là Mẹ của một *nước Việt buồn.*

Có thể kết một lời, trong văn học Việt Nam chưa có một tác giả nào yêu người nữ sâu sắc, tinh tế, từ ái và trân quý đến mức phụng thờ như Trịnh Công Sơn.

02 tháng 4 năm 2009



KHUẤT ĐẦU

Những tháng năm cuồng nộ

truyện dài (tiếp theo)

15.

Tôi được đưa lên Pleiku. Thành phố nhỏ như một tổ chim. Không đường ngang phố dọc. Không nhà cửa nhiều tầng. Con phố chính không quá 100 mét. Chỉ có một vài hiệu buôn, một vài quán ăn và quán cà phê. Nhưng ngoại ô là cả một vùng đất đỏ mênh mông với những con đường vàng rực hoa quỳ. Những buổi sớm sương trắng bồng bồng và những cô gái Thượng xinh xắn mang gùi trên lưng đi từng hàng dài. Không bị pháo kích, không bị đặt mìn. Chỉ có cái lạnh hiu hiu và bầu trời như xuống thấp hơn ở đồng bằng. Mặc dù chiến sự đang đến hồi ác liệt nhưng nơi đây thật thanh thoát và bình yên.

Đơn vị của tôi đóng cách thành phố hơn 10 cây số. Nếu không có những bao cát, những hàng rào dây kẽm gai và nhất là không phải leo lên cái tháp

canh mỗi tuần vài bận thì tôi đã tưởng mình được đi chơi sau những ngày ngột ngạt ở trong bar thẳng Hậu.

Trung đội tôi có một lao công đào binh. Anh ta tên Hiền, lớn hơn tôi vài tuổi. Anh sống lặng lẽ ít nói nên chẳng ai biết nhiều về anh. Chỉ biết anh đã đào ngũ đến lần thứ ba! Tha mãi không xong người ta đưa anh vào quân lao rồi đưa lên đây. Không cấp bậc, không súng, không lương. Anh phải làm những công việc nặng nhọc như tù khổ sai. Rất may, trung uý trung đội trưởng không vì thế mà hành hạ anh. Ông bảo chết nhiều quá, ai không sợ. Thỉnh thoảng ông có cho anh chút tiền tiêu vặt và chúng tôi thường san sẻ thuốc lá cho anh, Anh bị phạt một năm, chịu đựng được hơn năm tháng.

Bỗng một hôm điểm danh không có anh. Mọi người ai cũng nghĩ là anh lại trốn. Không ngờ anh treo cổ trong nhà tắm!

Cái chết của anh làm cho tôi ngẩn ngơ. Thà bị bắn gục ở ngoài mặt trận, chứ dứt đầu vào thùng lọng sao nó cay đắng quá. Đâu phải anh không muốn sống. Nhưng cuộc chiến tranh này kéo dài quá lâu. Nó cay nát biết bao phận người. Những người vô tội như cô Sáu tôi, cả những người không ai ưa như ông Khứ, thằng Mậu hay ngơ ngáo như thằng thủ ngữ Đức.... Tất cả ngã xuống và rồi sẽ ngã xuống cho đến bao giờ? Cái Hiệp định Paris ồn ào kia chỉ làm lợi duy nhất cho những nhà buôn sơn. Khắp nơi người ta đua nhau vẽ cờ trên mái nhà, trên các bức tường mặt phố. Người ta chuẩn bị một cuộc giành dân lấn đất. Chỉ có vậy thôi. Đã ai nhường nhịn ai đâu. Cái bào thai hoà bình chắc cũng phải đẻ non thôi, làm sao mà sống được!

Ngoài cổng lúc ấy lao nhao có người đàn bà hỏi thăm ai đó. Ai cũng tưởng là vợ anh ta đến tìm.

Sao mà anh ta linh thiêng đến thế! Biết ăn nói làm sao với người đàn bà tội nghiệp này! Tôi định đi ra gặp chị, nếu cần san sẻ một ít tiền dành dụm để giúp chị. Nhưng không phải là vợ anh ta. Tôi quay vào, bỗng nghe kêu giật ngược:

- Được oi, phải em Được đó không?

Tôi sững sờ quay lại. Thì ra chị Thảo. Tôi cũng kêu lên:

- Dạ, chính em là Được đây.

Nếu không có nhiều người chắc là tôi đã chạy ra ôm chầm lấy chị.

- Thực không ngờ là em ở đây!

- Em cũng không ngờ là được gặp chị. Em trai của chị ở đơn vị nào?

- Pháo binh, ở đâu dưới Pleiku.

Tôi xin phép trung úy đưa chị đi. Chúng tôi tìm đến đơn vị cậu ta thì được biết pháo đội đã được điều đi nơi khác. Ngày mai chị mới đến chỗ của cậu em. Chị đành phải nghỉ lại ở Pleiku.

Tôi đưa chị loanh quanh đi dạo phố. Chị nói, con phố gì mà nhỏ quá. Cứ như đi dạo ở làng An Định. Chị hỏi thăm tôi cái làng quê bé xíu mà chị đã từng sống ở đó đến hơn chín năm. Cái cầu tre mỏng mảnh gần trường học mà chúng tôi thường run rẩy bỏ qua, lớp học đầy cóc nhái và rắn rít giữa hàng tre. Và những con người đã từng cay nghiệt hành hạ nhau ở làng An Định. Những ông tổng Bá, ông Khứ, cô Thanh... Khi biết những người một thời rất đáng sợ với trẻ con ấy, kẻ đã chết, người bị bắt...chị thở dài nói:

- Thật tội nghiệp! Chẳng biết sao họ thù nhau đến thế? Rồi họ được gì? Cho đến giờ chị vẫn còn run khi nhớ lại tiếng nói the thé của cô Thanh!

Con phố không đủ dài cho những hồi ức của

chúng tôi. Đi mãi cũng chán, chúng tôi ghé vào quán ăn uống qua loa rồi đi tìm nhà nghỉ. Đó là một khách sạn nhỏ ở một con phố cũng nhỏ chỉ vừa đúng năm căn nhà. Chủ là một người đàn bà kiêm luôn bồi phòng. Bà không hỏi gì chỉ lặng lẽ đưa cho tôi một chìa khoá, chỉ tay lên gác. Tôi đưa hai ngón tay. Bà hơi nghi ngờ nhưng cũng đưa thêm một chiếc nữa.

Nhận phòng xong chị đi tắm. Tôi ngồi hút thuốc ở ban công. Mới hơn 8 giờ tối mà phố xá đã im lìm. Một vài chiếc xe jeep chạy vụt qua. Đâu đây tiếng máy điện nổ rì rầm. Mới ngày nào mà đã hai mươi năm. Quả thực, nếu chị không kêu đúng tên thì dù có gặp ở ngoài đường tôi cũng không thể nhận ra. Tôi không nói chị đẹp hơn hay già hơn, nhưng so với người con gái đã có lần ngủ quên trong lòng tôi thật khác xa. Ngày ấy chị như chị ruột tôi, còn bây giờ qua cái vẻ hồ đồ của người chủ khách sạn, tôi lúng túng hiểu ra rằng chúng tôi chỉ là hai người đàn ông và đàn bà.

Tôi định đi xuống phố một lát. Nhưng cửa phòng chị xịch mở và chị tươi tắn đến bên cạnh tôi. Rất tự nhiên, chị đặt tay lên vai tôi, hơi ngửa mặt ra một chút để nhìn cho rõ. Chị nói:

- Em không khác trước là mấy. Em có biết tại sao chị nhận ra em không?

- Dạ không.

- Tại vì em quá bé và có một cặp mắt rất sáng.

- Như mắt chó!

- Đừng nói bậy. Để chị nghĩ coi. Mắt bò câu thì là mắt con gái. À, phải rồi, như mắt con chồn đèn ấy. Rất tinh khôn mà cũng rất buồn. Không thể nào quên được!

Hai chị em cùng cười. Thấy tôi cứ mãi đót

thuốc, chị nói:

- Em hút thuốc hơi nhiều đấy!
- Dạ em cũng định bỏ mà chưa bỏ được. Đời lính buồn quá chị à.
- Ô, chị quên chưa hỏi em. Vợ con ra sao rồi?
- Em chưa có gì hết.
- Thật à?
- Dạ thật.
- Thế cũng có một cô em nào nhớ tới em chứ?
- Cũng không.
- Em giấu chị.
- Không thật mà. Chỉ có một người em nhớ tới, luôn luôn nhớ tới nhưng ở rất xa.
- Ở đâu mà xa?
- Ở trong chuyện ngày xưa.
- Thôi đừng đùa nữa!

Lẽ ra tôi cũng hỏi chuyện chồng con của chị nhưng không hỏi. Thực ra là không dám hỏi. Không hiểu tại sao tôi lại sợ. Có lẽ tại tôi không muốn hình ảnh năm xưa bỗng chốc nhòa đi khi biết về chồng con của chị. Nhưng nếu cứ đứng mãi ở ban công, cứ hỏi nói vắn vớ thế nào cũng có lúc chị tự nói ra, nên tôi khuyên chị đi ngủ sớm để sáng mai đủ sức đi xe. Chị nghe lời vào phòng. Tôi chúc chị ngủ ngon, nhưng chị nói:

- Chắc chưa ngủ được đâu. Lại phòng chị hơi sợ. Vào nói chuyện chút nữa đã. Em còn phải kể cho chị nghe trong bao nhiêu năm qua em đã sống ra sao, phải vậy không?

- Dạ.

Tôi vào phòng chị. Cũng một căn phòng nhỏ như phòng tôi. Một chiếc giường nhỏ, một cái bàn, một cái ghế. Chúng tôi phải ngồi trên sàn, tựa lưng vào vách. Y như hồi nào chúng tôi ngồi co ro trong

lớp vì đi học quá sớm. Chỉ khác lúc này trời không mưa, đèn sáng và hai người đã trải qua những năm tháng giông bão của cuộc chiến tranh.

Chúng tôi lại nói tiếp về những ngày còn bé, về cái lớp học chập chờn ma quái trong đêm, những con đường trơn như thoa mỡ, những con đom đóm lập loè, những cọng cam thảo tằm mật ong.... Đêm cao nguyên mát lạnh. Về khuya sương giăng trắng. Tiếng máy điện rì rầm nghe rõ hơn và xa xa vọng lại tiếng pháo 155 ly.

Có một lúc gần như hết chuyện để nói cho nhau nghe. Chúng tôi ngồi lặng ngắt những con thạch sùng đuổi nhau trên trần nhà. Chúng bò ngược mà vẫn nhanh nhẹn như những đứa trẻ chạy chơi trên đất. Thế rồi tôi mơ hồ nghe có tiếng gọi:

- Được à.

- Dạ.

Một bàn tay, đúng là bàn tay của chị chứ đâu phải ai khác nhưng rất lạ bất chợt nắm lấy tay tôi. Nếu bảo một cái cây bị gió thổi rạp cũng chưa chắc đã nhanh bằng. Phải nói là một trái chín đang rụng. Tôi ngã vào lòng chị.

Phải như tôi ngủ thiếp đi như ngày trước chị ngủ thiếp trong lòng tôi. Phải như một trái quả châu rơi ngoài cửa sổ. Ừ, phải như vậy thì mọi sự đã không xảy ra. Đàng này chúng tôi như hai thỏi nước đá trong một cái cốc. Chúng tôi đã tan ra và hoà trộn vào nhau...

Cho đến khi bừng tỉnh và nhận ra đã làm cái điều không nên làm thì trời đã sáng. Chị giục tôi nhanh chóng trả phòng.

Chúng tôi ngồi uống cà phê ở một quán cóc. Chị tránh không nhìn tôi. Tôi cũng không dám nhìn chị. Nhưng tôi vẫn thấy đôi mắt long lanh ấy, đôi môi

nóng bỏng ấy, làn da tươi mát ấy.... Chị đã hào sảng ban cho không một chút dè sẻn. Từ dưới đáy cuộc đời, tôi bỗng được chị nâng lên và cả hai trong một phút giây đã cùng bay lượn trên đỉnh trời cao nguyên lồng lộng.

Uống cả phê xong chị đón một chiếc xe ôm ra bến xe. Tôi rất muốn đưa chị đi nhưng chị bảo đừng. Chị nói thế nào về trại em cũng bị phạt. Chị bảo anh xe ôm siết ga lao nhanh. Tôi đứng trông theo, băng khuâng mãi không biết là mộng hay thực.

Về đến đơn vị, chúng tôi được lệnh hành quân ngay. Có tin quân miền Bắc tập trung một lực lượng lớn ở Ngã ba biên giới. B.52 không còn ném bom rải thảm nữa nên chẳng việc gì phải sợ. Tổng thống Mỹ Nixon phải rời Nhà Trắng vì nghe lén. Tổng thống Ford đang nằn nì xin quốc hội chi thêm 700 triệu đô. Trong khi đó, tổng thống Thiệu thì không cho cộng sản về Sài Gòn ăn phở!

Dường như lịch sử đang lao vào một khúc quanh nghiệt ngã. Không biết bọn chúng tôi có phải rơi tòm xuống vực?

16.

Sau bao nhiêu đồn đoán, rốt cuộc quân miền Bắc tấn công Buôn Ma Thuột. Dưới con mắt của các nhà chiến lược thì đây là một cuộc tấn công có phần mạo hiểm nếu không muốn nói là tự sát. Bởi vì quân đoàn II từ Pleiku đánh thốc xuống, quân đoàn dù và thủy quân lục chiến từ Nha Trang đánh lên. Có là con voi chín ngà cũng không thoát khỏi vòng vây. Nhưng không hiểu sao người ta vẫn bảo cộng sản chỉ dương đông kích tây để đánh Pleiku! Đến khi cái buôn làng

giàu có nhất Tây nguyên bị đánh chiếm hoàn toàn thì mọi quyết đưa ra đều đã quá muộn!

Buôn Ma Thuật bây giờ giống như thiên linh cái đã bị điểm trúng huyết. Chẳng những các quyết định đưa ra đã quá muộn mà còn quá sai tưởng chừng như u mê lú lẫn. Thay vì phải giành lại cho bằng được dù phải ném vào đó cả sư đoàn như ở cổ thành Quảng Trị trong mùa hè đỏ lửa, thì người ta lại quyết định *di tản chiến thuật*! Nghĩa là tạm thời bỏ cao nguyên để lui về giữ vùng duyên hải. Năm sau bầu cử tổng thống Mỹ đánh chiếm lại cũng chưa muộn! Thế là một cuộc di tản quân sự ồ ạt chưa từng có đã diễn ra!

Để tránh bị truy kích và phục kích, người ta không đi đường quốc lộ 19 xuống Quy Nhơn mà đi đường tỉnh lộ 14 xuống Tuy Hòa. Người ta cho rằng như thế là đã đánh lừa được cộng sản.

Cả một quân đoàn với bao nhiêu xe pháo lính tráng vợ con, cùng cả vạn dân tứ xứ lên lập nghiệp ở cao nguyên, đùn đẩy chen chúc nhau trên tỉnh lộ có từ hồi Pháp thuộc, đã từ lâu không dùng đến, đầy ổ gà ổ voi, nhiều chỗ đứt đoạn. Lúc đầu có công binh đi mở đường, thiết giáp đi đoạn hậu, trên cao trực thăng quần đảo. Nhưng khi ra khỏi thành phố chừng vài mươi cây số, bắt đầu xuyên qua rừng thì bị đánh thọc sườn. B.40 lao thẳng vào xe. Rồi lựu đạn ném như vãi cát. A.K nổ công cộc từng tràng. Lửa và khói mù trời. Tiếng súng nổ. Tiếng thét gào. Tiếng rên xiết kêu la tuyệt vọng. Một cảnh hoảng loạn chưa từng thấy. Dân hốt hoảng giẫm đạp lên nhau. Lính vứt súng đi tìm vợ con. Cả một quân đoàn thiện chiến giờ như một con rồng bị thương đang cố trườn mình ra biển!

Trước đó, cuộc hành quân của chúng tôi chưa được mấy ngày đã được lệnh khẩn cấp phải quay về. Chúng tôi không kịp về trại mà phải xuống Pleiku để

đi tản ngay. Lúc đầu còn đi theo từng trung đội, sau mạnh ai nấy đi. Chẳng mấy chốc chúng tôi lọt giữa một rừng người hốt hoảng. Người ta tranh nhau leo lên xe, chẳng cần biết là lính hay dân. Rồi người ta cướp xe, cán cả lên người bị thương mà đi. Phía trước có cầu bị sập. Phía sau không cần biết cứ đùn đẩy tới. Cả một đám người lúc nhúc loi nhoi, tới không được, lui cũng không xong. Pháo địch lại rót tới không thương tiếc! Máu và thịt tung lên đỏ thắm như xác pháo.

Mình đầy máu me, tôi bị hất tung lên cao rồi rơi xuống bìa rừng. Bị choáng một lúc. Khi tỉnh lại tôi nhận ra rằng, nếu cứ nhập vào đoàn người vừa đói khát vừa điên dại đó, trước sau gì tôi cũng bị xéo nát. Tôi tìm tới một gốc cây nghỉ mệt, mặc cho đoàn người xe pháo tuyệt vọng vẫn cứ bò qua.

Tôi chập chờn trong cái đêm kinh hoàng nhất của đời mình. Hơn cả lúc cô Sáu tôi chết. Cái khủng khiếp không hẳn do đạn bom chết chóc mà là một nỗi tuyệt vọng to lớn làm cho cả đầu óc và chân tay tưởng chừng rũ liệt.

Sáng ra, đoàn người đã đi suốt đêm bỏ lại con đường đầy những súng ống giày mũ và những xác chết không còn nhận ra mặt người. Đau xót làm sao là hãy còn những đứa bé xao xác đi tìm cha mẹ. Tôi định gom chúng lại dẫn đi. Nhưng lúc ấy có nhiều toán du kích xuất hiện. Bọn họ đi thu nhặt súng. Tôi lại phải nằm xuống giả vờ chết. Mặc cho những đứa bé dấy dựa khóc la, họ vẫn buộc chúng đi theo họ vào tận rừng sâu. Tôi cố nghĩ là họ không nỡ đem chúng đi bán để khỏi phải gào lên!

Thật may là tôi không bị thương tích gì. Tôi nhặt một bidông tìm chút nước. Tôi uống một ngụm rồi cứ phía trước mà đi đại chẳng cần biết đây là nơi

nào. Vượt qua những vũng máu, những xác xe tăng đang còn cháy dở, tôi đến gần một con suối. Lúc ấy tôi nghe một tiếng rên. Tôi tìm tới, chắc là có người đang bị thương. Nhưng thật bất ngờ, đó là một người đàn bà với cái bụng to kèn đang quằn quại vì sắp sinh. Tôi ngồi xuống bên cạnh, dù tôi không biết sẽ phải giúp đỡ chị ta bằng cách nào.

Tôi chưa dám hỏi gì chị. Trông chị mệt lả. Mồ hôi chảy ướt cả tóc. Bên cạnh chị, một xác chết nằm sấp, chiếc mũ sắt che kín mặt anh ta. Tôi thấy đau nhói ngang ngực. Chắc chắn cái xác ấy là cha của đứa trẻ chưa biết sẽ được sinh ra bằng cách nào!

Dường như cảm nhận có người ngồi bên cạnh, mắt chị vẫn nhắm, nhưng miệng chị run rẩy thều thào: “Xin đừng bỏ đi! Hãy làm phước giúp tôi!”. Tôi vội lên tiếng để chị yên lòng: Ồ, có tôi ở lại đây, chị đừng sợ. Chị mở choàng mắt, ngạc nhiên khi thấy tôi là một người đàn ông. Chị nói như khóc: Xin anh giúp giùm mẹ con tôi. Tôi gật đầu. Liên sau đó, chị cong người lên vì đau. Tôi vội ra sau đỡ lấy người chị. Chị cắn môi đến bật máu để nén tiếng kêu. Tôi chưa thấy một người đàn bà nào trở dạ trong cảnh đau thương tuyệt vọng như chị. Tôi rùng mình nghĩ tới mẹ tôi. Cái đêm mà mẹ sinh tôi ra ở bờ sông chắc cũng tro tro, đón đau và tuyệt vọng như thế này. Tôi thấy thương mẹ tôi quá. Bao nhiêu giận hờn, ầm ức, giận mẹ giận đời, như cục đá to suốt bao nhiêu năm chẹn ngang ngực, bỗng chốc tan ra như nước.

Bỗng chị quờ quạng nắm chặt tay tôi. Chặt đến nỗi tôi tưởng chừng chị sắp bóp nát nó ra. Hai gót chân chị cạy trên đất để tìm chỗ tựa. Người chị như một cánh cung. Chị nín thở rồi bật ra một tiếng “ôi”. Chị ngã vật ra. Tôi cũng ngã theo. Ổn trời, chị sinh được một cháu bé. Khi tôi đỡ đứa bé trên tay, một

thằng cu, nó khóc thật lạnh lói. Tôi mừng đến chảy nước mắt. Cũng là tiếng khóc, nhưng không phải là tiếng khóc của những con người khốn khổ vừa đi qua, mà tiếng khóc mới, ấm và vui quá chừng. Không hiểu tiếng khóc đầu tiên của tôi có ấm và vui như vậy không?

Mẹ của cháu tuy mệt, nhưng nụ cười đã làm cho khuôn mặt chị trở lại bình thường, không còn méo mó nhăn nhúm nữa. Chị đỡ lấy con, nhờ tôi đi xuống suối lấy nước. Sau đó, chị chỉ cho tôi một số việc mà các bà mẹ phải làm. Tuy lúng túng vụng về nhưng tôi đã làm những công việc kỳ lạ đó không một chút ngượng ngập xấu hổ.

Sau đó, để yên cho chị rủ rỉ nựng con, tôi lặng lẽ đem cái xác của người chồng đến một gốc cây gần đó. Tôi bẻ lá cây rừng phủ lên người anh, như tôi đã từng lót lá để chôn cô Sáu. Tôi khiêng đá chặn lên để thú rừng không moi xác anh. Tôi cũng dùng đá khắc tên họ anh lên cây để may ra sau này chị biết chỗ mà tìm.

Khi mọi việc xong xuôi, ngày cũng sắp tàn. Tôi đến gần chị và nhân ra khuôn mặt chị đầm đìa nước mắt. Chị nhìn tôi, nói gần như nấc lên từng tiếng:

- Anh gì ơi! Mẹ con tôi biết lấy gì đền ơn anh!

- Trông chị hãy còn mệt lắm. Chị ngủ đi!

- Anh ấy là chồng tôi.

- Tôi cũng đoán vậy.

- Anh ấy bị trúng đạn.

- Anh chị về đâu?

- Về Nha Trang. Chắc còn xa lắm phải không?

- Tôi cũng không biết nữa, nhưng sẽ cố đưa

chị về ít ra là tới Tuy Hòa.

- Anh khổ với chúng tôi quá. Chắc là Trời Phật đưa anh tới giúp chúng tôi.

- Chị đừng nghĩ ngợi lung tung. Tôi với anh ấy cùng là lính mà.

Rất may là anh chị đã chuẩn bị cho đứa con đầu lòng rất chu đáo. Những tả lót và quần áo của cháu bé vẫn còn sạch sẽ thơm tho. Anh là trung uý và chị là giáo viên tiểu học. Thật tiếc là anh không còn sống để được thấy đứa con xinh đẹp của mình chào đời.

Đêm hôm đó, tôi đốt một đồng lửa bên cạnh nắm mồ bằng lá của anh. Gần đó vợ con anh đang nằm ngủ. Xa xa vọng lại tiếng máy bay trinh sát và khu rừng đôi lúc sáng lên dưới ánh hoả châu buồn bã.

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường. Một cuộc hành trình vất vả mà có lẽ suốt đời chị không bao giờ quên được. Cuộc hành trình giữa những xác chết đã bắt đầu hôi thối. Dù can đảm và chịu đựng đến mấy cũng có lúc chị phải bật khóc. Chân chị phồng rộp. Nhiều đoạn tôi phải ghé lưng công chị đi. Đứa bé trên lưng chị ngật ngù vì bị sốt.

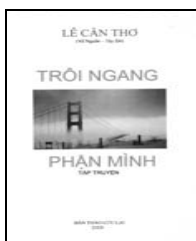
Năm ngày sau, chúng tôi cũng bò được ra khỏi rừng và đến được những xóm làng nghèo nàn thưa thớt. Dù vậy, những người ở đây cũng đã giúp chúng tôi thoát chết.

Khi tôi đưa được chị đến Tuy Hoà thì cờ MTGPMN đã tung bay. Tôi tìm cách đón xe cho chị về Nha Trang. Đứa bé đã biết hấp háy nhìn tôi khi tôi đặt một ngón tay lên trán bé để từ biệt. Chị không nói lên lời, nước mắt lặng lẽ nhỏ xuống mặt con. Tôi chúc chị lên đường bình yên. Còn tôi, con đường trước mặt chắc chắn là không bình yên một chút nào!

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phạm văn Nhân phụ trách

LTS: Tác giả muốn giới thiệu tác phẩm trên mục này xin gửi về:
Phạm văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street
Amarillo, TX 79107



Trôi Ngang Phạm Minh.: Tập Truyện của nhà văn Lê cần Thơ. Sách dày 326 trang gồm phần phụ lục. Ảnh bìa, đăng máy sửa bài: Sông Lê. Trình bày: Trần Hoài Thư. Do Thư Quán Hoa Kỳ xuất bản 2009. Không thấy ghi giá bán.

Được biết nhà văn Lê Cần Thơ là cựu học sinh Phan Thanh Giản/ cần Thơ. Khóa 5/68 trường bộ binh Thủ Đức. Ông là một trong những thành viên sáng lập văn đoàn Về Nguồn Tây Đô Cần Thơ vào năm 1964. Ông cũng là người thực hiện chương trình Tiếng Nói Nhân Dân Tự Vệ tỉnh Phong Dinh từ năm 1971 đến 1975.

Viết văn trước năm 1975 với nhiều bút hiệu: Lê Cần Thơ, Huyền Vân Thanh, Viễn Duy, Châu Lê, Sông Lê...

Chủ bút tạp chí Văn Hóa Việt Nam tại Hoston.

Hiện ông đang sống tại Houston.

Sách đã in: Quê Hương Xa Mãi Ngút Ngàn (bút ký-2000). Vùng Xanh Kỷ Niệm (thơ in chung với Diễm Phượng- 1971). Những Chặng Đường Thơ (Thơ- 2008). Trôi Ngang Phạm Minh (tập truyện- 2009).

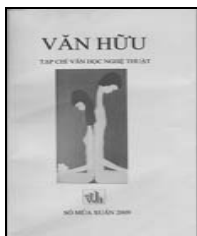
Với 326 trang, Trôi Ngang Phạm Minh gồm có tất cả 24 truyện ngắn. Hầu hết tác giả ghi lại những gì đã trải qua trong cuộc

sống của chính ông dưới hình thức những truyện ngắn. Những truyện ngắn đó như một tấm gương phản ánh lại xuyên suốt cuộc đời của ông mà ông đã trải qua, từ lúc còn thơ ấu cho đến khi vào đời.

Với 326 trang, ông đã dẫn dắt người đọc nhìn thấy được những địa danh nam bộ, nơi ông đã lớn lên và trưởng thành. Những con người hiền hậu từ miền sông nước Hậu Giang mà điển hình là tỉnh Phong Dinh nơi ông đã sống và chiến đấu cùng với đồng đội của ông.

Trời Ngang Phận Minh với lối viết rất “nam bộ” của ông đã gây cho người đọc một thích thú khi đọc .

Thấy ghi trên sách: sách dành tặng cho gia đình và bạn hữu. Đọc giả nào muốn có sách của tác giả. Liên lạc qua địa chỉ : e.mail: vienhoangle@swbell.net.



Văn Hữu: Tập Chí Văn học Nghệ Thuật. Số 4. Mùa xuân 2009. dày 244 trang. Khổ 5”x8”. Do nhà văn nữ Thu Hương chủ trương. Đây là tạp chí góp mặt trong cộng đồng người Việt Hải ngoại từ miền Tây Bắc Hoa Kỳ.

Với một tạp chí hoàn toàn văn học, tìm một chỗ đứng trong cộng đồng phải nói là khá vất vả. Nhất là thời buổi kinh tế nước Mỹ đang “tuột dốc”. Trong khi đó báo mạng thì rất nhiều, chỉ cần “nhấp chuột” một cái là trên màn hình hiện ra không biết bao nhiêu là báo mạng (miễn phí hoàn toàn). Nhưng theo lời của nhà văn Thu Hương tâm sự thì có gì chẳng nữa Văn Hữu cũng sẽ hiện diện để gọi đến đọc giả và bạn bè cầm bút. Dù rất khó khăn trong “vấn đề” tài chánh. Chúng tôi rất cảm thông với nhà văn nữ Thu Hương. Và đây cũng là cái khổ chung của những người làm văn học, nhất là những tạp chí hoàn toàn văn học đang còn “sống” nơi hải ngoại này.

Trong số 4 này gồm nhiều cây viết nổi tiếng: Trần Thị Lai Hồng, Võ Công Liem, Việt Bàng, Du Tử Lê, Lê Bích Liên,

Nguyễn Đặng Bắc Ninh, Trần Thế Phong, Thanh Tao, Nguyễn Lệ Uyên, Nhật Tuấn, Nguyễn Thị Thảo An, Hồ Tuấn Nhã, Đào Anh Dũng, Mũi Quý Đông, Lưu Nguyễn Đạt, KKK, Trần Quang Triệu, Hoàng Hà, Nguyễn Ngọc Hạnh, Minh Nguyệt, Linh Vang, Lưu Nguyễn Đạt, VDT, Chu Vương Miện, Trúc Ngọc, Lê Thị Nhị, Vương Hồng Ngọc, Chu Vũ, Song Xuyên, Vũ Thị Diễm Đàm, Nguyễn Đức Cung, Vương Đức Lệ.

Độc giả TQBT cần Văn Hữu liên lạc:

Địa chỉ Văn Hữu: vanhuu08@yahoo.com

Hay: Lê Thị Thu Hương

1526 Alki ave. SW#406

Seattle, WA98116

CD Ngủ Đi Em. Tình ca Khê Kinh Kha gồm 12 ca khúc do KKK soạn. Và một Tình Yêu (thơ KKK) do Quỳnh Lan đọc như một lời mở cho 12 ca khúc

Với 12 ca khúc gồm: Tình Thu, Tình Sầu, Tình Còn Mưa Bay, Nụ Quỳnh Lan, Yêu Em Đi Anh, Có Lẽ Anh Yêu Em, Trung Vương Tình Sầu, Vì Em Hà Nội Yêu, Nụ Tình, Ngủ Đi Em, Nụ Hôn Ngày Xưa, Tan Vỡ Sao Đàn.

Đây 12 tình khúc êm dịu. Lời rất thơ và nhạc rất hay.

Được biết anh còn là một nhà thơ đã có thơ đi trên nhiều tạp chí trước 1975 ở Sài Gòn. Và các tạp chí văn học ở hải ngoại, trong đó có TQBT. Là du Học trước 1975. Ngoài làm thơ ra anh còn là một nhạc sỹ.

TQBT xin giới thiệu với độc giả yêu thích nhạc hãy liên lạc với anh Khê Kinh Kha để có một CD nhạc .

Địa chỉ liên lạc: e.mail: khekinhkha@yahoo.com

DIU KHÚC – thi phẩm của Mừng Mán, nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2008. Tập thơ ghi dấu 45 năm cầm bút, 30 năm ngày cưới của tác giả...

Nguy Ngữ viết lời mở, phụ lục đăng toàn bộ bài thơ Qua Mấy Ngõ Hoa, bài thơ tình đầu đã một thời gây xôn xao bạn đọc trước 1975.

Nói như Nguy Ngữ:

Thơ Mừng Mán đã là một phần của tuổi thanh xuân cần được nâng niu gìn giữ.

Độc tập thơ, chúng tôi nhận thấy Thơ MM trước và sau vẫn cùng một chung thủy. Không bắt người đọc phải suy nghĩ nhiều,

mà trái lại, đưa người đọc như bơi trên một giòng sông êm, thật êm như một đoạn sau đây:

người về ngã bóng bên sông
thoáng nghe mưa bụi ngang lòng chợt bay
tay đong năm nhánh sông đầy
tưởng nâng nhẹ một nét mày ai cong
(Về nhánh sông xưa).

Giá bán VN 30.000đ, liên lạc QUÁN RUỐC 38/6P Nguyễn văn Trỗi, P.15. Q.Phú Nhuận, Saigon.



Chúng tôi thành thật cảm ơn những tác giả đã gởi sách và tạp chí đến TQBT. Dù sớm hay muộn, chúng tôi cũng lần lượt giới thiệu sách của quý bạn trên TQBT.

GIỮA CHÚNG TÔI VÀ THÂN HỮU/BẠN ĐỌC



Nhà thơ Trần Bá Lang (Houston, TX)

Vô cùng cảm kích trước việc anh mang về từ VN tác phẩm "Một Nơi nào để nhớ" mà tôi đã thất lạc từ lâu, cũng như thi phẩm Dịu Khúc của Mừng Mán trong khi anh cần nhiều thứ cần thiết khác để mang hơn.

Tình thân (THT)

Nhà văn Nguyễn Lệ Uyên (Tuy hòa, Phú Yên). *Cám ơn anh đã tặng lại tác phẩm "Một Nơi nào để nhớ" cho chủ của nó. Tôi ngỡ đã mất thật rồi.*

Tình thân (THT)

Ô. Nguyễn Hải Thành (Hà Nội).

Xin được cảm ơn ông về lá thư gửi từ Hà Nội. Tuy nhiên tạp chí Thư Quán Bản Thảo là một tạp chí văn học nghệ thuật, không phải là tạp chí y tế, sức khỏe, cho dù chúng tôi rất thân phục trước sự tìm tòi nghiên cứu của ông về phương pháp "cải lão hoàn đồng" có một không hai, mà qua hình ảnh ông chụp, thấy 78 tuổi còn trẻ hơn cả chúng tôi nữa, nên rất tiếc không thể giới thiệu được. Mong ông thông cảm. Kính.

Dịch giả/nhà báo Trà Nguyễn (Charlotte, North Carolina).

Cám ơn anh chị đã có lòng ưu ái với bọn này trong buổi ra mắt sách của Trần Phù Thế. Ra về mà lòng để lại, bịn rịn không sao kể xiết.

Chúc anh chị và các cháu mọi điều tốt đẹp.

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp. (TX):

Cám ơn anh đã có nhã ý tặng bài thơ đẹp trình bày thật đẹp. Chúng tôi mạn phép đăng lại, để chia sẻ cùng bạn đọc.

Chúng tôi cũng sẵn sàng thực hiện điều anh ngõ ý. Đang chờ tác phẩm của anh. Tình thân. THT

Nhà thơ Chu Thụy Nguyên (MA)

Cám ơn về những bộ hình ảnh gửi. Và nhất là tấm hình Tấm Cám. Rất thích bốn câu thơ cảm tác. Xin được đi trong số này. Tình thân

Nhà văn Trần Yên Hòa (CA)

Vì số chủ đề đòi hỏi nhiều trang nên truyện ngắn xin được dời vào số đến. Tòa soạn cảm ơn tấm lòng của anh dành cho tạp chí TQBT và nhà xuất bản Thư Án Quán. Tình thân.